

Ralph Leighton

Tuva or Bust!  
Richard Feynman's last Journey

Cuộc phiêu lưu  
cuối cùng của  
**Feynman**



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



Cuộc phiêu lưu  
cuối cùng của  
**Feynman**



**Chủ biên**  
PHẠM VĂN THIỀU  
VŨ CÔNG LẬP  
NGUYỄN VĂN LIÊN

TUVA OR BUST!: RICHARD FEYNMAN'S LAST JOURNEY.

Copyright © 2000, 1991 by Ralph Leighton

All rights reserved.

Bản tiếng Việt © NXB Trẻ, 2014

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THU VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN

General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

**Leighton, Ralph**

Cuộc phiêu lưu cuối cùng của Feynman / Ralph Leighton; Nguyễn Trần Hương Ly,  
Nguyễn Văn Liễn dịch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014.

277 tr ; 21 cm.

Nguyễn bản : Tuva or bust! : Richard Feynman's last journey.

1. Feynman, Richard P., Richard Phillips, 1918-1988 -- Du hành -- Liên Bang Nga --  
Tuva 2. Nhà vật lý -- Hoa Kỳ -- Tiểu sử. 3. Tuva (Nga) -- Mô tả và du lịch. I. Nguyễn Trần  
Hương Ly. II. Nguyễn Văn Liễn. III. Ts: Tuva or bust! : Richard Feynman's last journey.

**915.75 -- dc 23**

**L529**

Nguyễn Văn Liễn - Nguyễn Trần Hương Ly *dịch*

**Tuva or Bust!**  
**Richard Feynman's last Journey**

# **Cuộc phiêu lưu cuối cùng của Feynman**



**N HÀ XUẤT BẢN TRẺ**



## Mở đầu

Richard Feynman (1918-1988) là giáo sư vật lý nổi tiếng của Viện công nghệ California (California Institute of technology – Caltech) từ những năm đầu thập kỷ năm mươi tới cuối thập kỷ tám mươi. Sau khi nhận bằng tiến sĩ ở Princeton, ông được mời tham gia Dự án Manhattan (Manhattan Project) ở Los Alamos. Để tiêu khiển, ông đã rèn luyện kỹ năng mở khóa két – để rồi một lần ông đã mở cả một bộ khóa hiểm lưu giữ toàn bộ bí mật về bom nguyên tử – rồi để lại mấy chữ nguêch ngoạc bằng mực đỏ, chỉ ra sự lỏng lẻo trong công tác an ninh ở dự án tối mật nhất của chính phủ<sup>1</sup>.

Gần cuối đời, Feynman lại được chính phủ nhờ cậy, lần này là tham gia vào Ủy ban Rogers, điều tra vụ thảm họa tàu vũ trụ con thoi *Challenger*. Một lần nữa, ông tự tiêu khiển theo cái cách gây sốc cho toàn giới quyền uy: trước công chúng ông đã dùng kẹp gấp một vòng đệm cao su bỏ vào cốc nước đá. “Thí nghiệm nhỏ” này của ông cho thấy cao su mất tính đàn hồi ở nhiệt độ thấp, qua đó bóc trần âm mưu tung hỏa mù của NASA và chỉ ra nguyên nhân chính dẫn đến thảm họa<sup>2</sup>.

- 
1. Kỳ tích này và các kỳ tích khác được kể trong “Feynman, Chuyện thật như đùa”, NXB Trẻ 2012
  2. Các trải nghiệm của Feynman ở Washington được kể lại trong “What Do You Care What Other People Think? (Quan tâm làm gì những điều người khác nghĩ?)”, W.W.Norton 1988

Vì Feynman là đồng nghiệp của cha tôi, người đã biên tập bộ sách *Các bài giảng về Vật lý của Feynman*,<sup>1</sup> nên thi thoảng ông ghé thăm nhà chúng tôi. Khi tôi còn học trung học, anh bạn nhạc Thomas Rutishauser của tôi tình cờ cũng có mặt trong một lần ghé thăm của ông. Nghe nói Feynman là một tay trống điệu nghệ, chúng tôi đã mời ông cùng chơi.

“Tôi không mang theo trống”, ông ấy nói.

“Không sao”, tôi nói. “Ông có thể dùng một trong mấy cái bàn nhỏ ở đây”.

Thích thú với âm thanh của mấy cái bàn, và cũng có thể bị thu hút bởi giai điệu mà tôi và Tom đang chơi, vị giáo sư đã kéo một cái bàn về phía mình và cùng chơi. Và thế là bắt đầu những quãng thời gian hạnh phúc nhất trong đời tôi: ba chúng tôi thường gặp nhau hàng tuần để chơi trống – trên bàn, trống bongo và trống conga – xen giữa là những phút giải lao và Feynman thường kể về một trong những cuộc phiêu lưu kỳ thú của mình<sup>2</sup>.

Khoảng mươi năm về trước, chính tôi đã tham gia một trong những cuộc phiêu lưu ấy. Mặc dù không luôn đồng hành với “nhân vật mờ” (như Feynman thích tự mô tả mình), tôi cũng dần dần bị nhiễm tính đam mê cuộc sống ở mọi cung bậc của ông ấy – nhất là niềm đam mê những điều bất ngờ. Thực ra, hầu hết những gì xảy ra trong cuộc tìm kiếm đã không giúp chúng tôi tiến gần hơn tới mục tiêu của mình. Nhưng, nếu chúng tôi không khởi phát chuyến đi thì chúng tôi sẽ bỏ lỡ tất cả.

---

1. Xuất bản bởi Addison-Wesley 1964 và tái bản 1969

2. Băng cassette và đĩa CD tái hiện các buổi chơi trống và kể chuyện như vậy đã được sản xuất trong một dự án từ thiện của tác giả và kỹ sư Tohru Ohnuki

Feynman ví các cuộc phiêu lưu của mình như trò câu cá: ta phải kiên nhẫn chờ đợi một khoảng thời gian dài trước khi một điều kỳ thú nào đó xảy ra. Tôi chưa bao giờ nghe nói Feynman đã từng đi câu. Nếu như ông đã từng cầm cần câu ra hồ, tôi tin là ông sẽ khẳng định điều mà nhiều dân câu đều biết: bạn sẽ thất vọng nếu như quyết định trước rằng bạn đi câu là để bắt được cá.

Cũng như cuộc đời, tôi nghĩ rằng câu chuyện này sẽ hấp dẫn hơn nếu độc giả không định đoạt trước nội dung của nó.

Pasadena, California  
*Shagaa, 1991.*





## Làm gì có nước nào như vậy

Bát đĩa đang được dọn khỏi bàn ăn, và tôi cũng sắp kết thúc món salad – một phần những điều đã trở thành nghi thức hàng tuần ở nhà Feynman. Richard, luôn ngồi ở đầu phía bắc của chiếc bàn lớn, buôn mày chuyện dí dỏm với cậu con trai Carl. Cậu ấy ngồi cùng với khách ở cạnh phía đông dài hơn của chiếc bàn. Ở cạnh phía nam là Gweneth, bà luôn đảm bảo thức ăn được luân chuyển nhẹ nhàng quanh bàn. Còn cô con gái Michelle thì chiếm lĩnh cạnh phía tây.

Dịp ấy là cuối hè năm 1977. Michelle sắp vào lớp hai ở một trường tiểu học địa phương; Carl thì sắp bắt đầu năm thứ nhất tại một trường trung học ở Pasadena nơi tôi sẽ dạy toán và huấn luyện môn bóng nước.

“Toán cũng được”, tôi nói, “nhưng thực ra địa lý mới là môn tôi thích. Nếu như tôi dạy địa lý, tôi sẽ

mang đến lớp cái radio sóng ngắn và bật BBC hoặc đài Hà Lan. Chúng tôi sẽ chơi những trò chơi địa lý kiểu như tôi đã chơi với anh trai của mình: anh ấy và tôi sẽ điểm danh tất cả các quốc gia độc lập trên thế giới. Các vị biết đấy, kiểu như chữ cái cuối cùng của Liechtenstein sẽ lấy làm chữ cái đầu tiên của tên nước tiếp theo – Nepal, chẳng hạn”.

“Hoặc là Nigeria, Niger, hay Nicaragua”, Carl nói, hơi pha chút giọng Yorkshire của mẹ.

“Và sau khi đã duyệt hết các quốc gia độc lập”, tôi tiếp tục, “Chúng tôi chuyển sang tên các tỉnh. Theo quý vị, có chăng ba nước khác nhau đều có một tỉnh tên là ‘Amazonas’ không?”

“Xem nào”, Carl nói. “Có phải là Brazil, Colombia và Peru?”

“Không tôi”, tôi trả lời. “Nước thứ ba là Venezuela, cho dù phần Amazon nằm ở Peru nhiều hơn ở Venezuela”.

“Vậy cậu cho rằng cậu biết tất cả các nước trên thế giới?” Richard xen vào với giọng nói tinh quái quen thuộc, thường báo hiệu nỗi bất hạnh cận kề cho cái tấm bia mà nó nhắm tới.

“À, chắc là vậy”, tôi nói, nhảm thêm một miếng salad, chuẩn bị đổi mặt với rắc rối chắc chắn sắp xảy ra.

“Được, vậy chuyện gì đã xảy ra với Tannu Tuva?”

“Tannu nào cơ?” Tôi hỏi. “Tôi chưa bao giờ nghe thấy cái tên này”

“Khi còn nhỏ”, Richard nói, “Tôi thường sưu tập tem. Có mấy con tem hình tam giác và hình thoi rất đẹp, được gửi đến từ một nơi có tên là ‘Tannu Tuva’”.

Tôi nghi hoặc. Anh trai Alan của tôi, một cây sưu tầm tem, đã hàng tá lần biến tôi thành thằng ngốc khi chúng tôi chơi trò “Các hòn đảo trên thế giới”. Anh ấy liền lầu một cái tên lạ tai nào đó, như

“Aitutaki”, và nếu tôi lục vấn anh về cái tên ấy, thì anh sẽ lôi bộ sưu tập tem của mình ra và chỉ cho tôi mấy cái tem gửi đến từ nơi đó. Bởi vậy, tôi thôi không thách đố anh nữa, và sau khi thắng hết ván này đến ván khác, anh ấy ngày càng táo bạo hơn. Cuối cùng tôi cũng bắt lỗi được anh với từ “Aknaki”, vốn được xem là một phần của vỉa san hô nho nhỏ ở Nam Thái Bình Dương, sau khi láng máng nhớ lại rằng, tuần trước anh ấy đã bảo nó là một dòng sông ở Mauritania. Thế là, tôi hơi rướn người trên ghế và nói, “Thưa ngài, không có nước nào như vậy”.

“Có chứ”, Richard đáp. “Vào những năm 1930, đó là một mảng nhỏ màu tía trên bản đồ sát gần Mông Cổ, nhưng từ đó đến nay tôi không còn nghe nói gì về vùng đất này nữa”.

Giá như tôi dừng lại và suy nghĩ một lát thì tôi đã nhận ra rằng, mèo ưa thích của Richard là nói một điều gì đó không tưởng mà cuối cùng lại hóa ra là sự thật. Nhưng thay vì vậy, tôi lại thắt chặt thêm cái thòng lọng đã cuốn quanh cổ mình: “Chỉ có duy nhất hai nước giáp ranh với Mông Cổ là Trung Quốc và Liên Xô”. Tôi nói một cách tự tin. “Tôi có thể chỉ cho ông trên bản đồ”.

Tôi nhắm nốt miếng salad cuối cùng, tất cả đứng dậy và đi vào phòng khách, tôi chỗ cuốn sách yêu thích của Richard, cuốn *Bách khoa toàn thư Britannica*. Ở tập cuối có một atlas. Chúng tôi mở phần bản đồ châu Á.

“Xem này”, tôi nói. “Ở đây chẳng có nước nào ngoài Liên Xô, Mông Cổ và Trung Quốc. Cái ‘Tannu Tuva’ ấy chắc phải ở nơi nào đó khác”.

“Ồ, nhìn đây!” Carl nói. “Tuvinskaya ASSR. Vùng này được bao bọc phía nam bởi dãy núi Tannu-Ola”.

Đúng rồi, vùng lãnh thổ nho nhỏ nằm ở phía tây bắc của Mông Cổ có thể đã từng có tên Tannu Tuva. Tôi nghĩ, một lần nữa tôi lại thua một nhà sưu tập tem.

“Hãy nhìn này”, Richard lưu ý. “Thủ đô được đánh vần là K-Y-Z-Y-L”.

“Kỳ thật”, tôi nói. “Chẳng có một nguyên âm chính thống nào cả!”

“Chúng ta phải tới đó”, Gweneth nói.

“Đúng vậy!” Richard hưởng ứng. “Một nơi mà được đánh vần K-Y-Z-Y-L thì hẳn phải thú vị lắm đây!”

Richard và tôi toe toét cười và bắt tay nhau.

Mọi người quay lại phòng ăn để dùng trà và món tráng miệng. Trong khi tiếp tục câu chuyện, tôi nghĩ về câu hỏi kinh điển, “Tại sao bạn lại leo ngọn núi đó?” “Ngọn núi” của chúng tôi không phải là một thách thức đặc biệt về thể chất, nhưng đến được cái nơi do Liên Xô kiểm soát nằm trong vùng sâu nhất của châu Á hẳn là một việc khó khăn. Và nguyên do để chúng tôi chấp nhận thử thách này cũng thực sự sâu sắc ví bằng câu trả lời kinh điển: “Bởi vì nó được đánh vần là K-Y-Z-Y-L”!

Chúng tôi đã thảo luận làm thế nào có thể đạt được mục tiêu của mình. Tất nhiên, Richard có thể đọc một loạt bài giảng về vật lý ở Moscow và sau đó tất cả chúng tôi sẽ đi đến Kyzyl. (Thực ra, bất kỳ ai làm một chuyến đi trong hoàn cảnh như vậy cũng nhất định nên đi Tuva *trước*, phòng khi “khó khăn” nảy sinh sau bài giảng.) Nhưng tới Tuva bằng cách ấy thì có khác nào dùng máy bay lên thẳng để đến đỉnh núi.

Richard đã từng đến các ngóc ngách xa xôi trên thế giới. Gweneth kể lại, vài năm trước, họ đã cùng một người bạn và một sinh viên sau

đại học người Mexico đi bộ thâm nhập vào một vùng núi phía tây bắc Mexico trong hai tuần lễ như thế nào. Họ xuống một hẻm núi, hẻm Barranca de Cobre – nghe nói còn dài hơn và sâu hơn cả Grand Canyon – và gặp những người da đỏ vùng Tarahumara, những người rất ít tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Richard đã mượn một cuốn từ điển Tarahumara-Tây Ban Nha ở UCLA<sup>1</sup> và học được mấy cụm từ, nhưng khi ông nói với những người da đỏ này bằng tiếng của họ thì họ nghi rằng ông là người của chính phủ Mexico! Sau khi thuyết phục được họ rằng không phải như vậy, họ đã mời Richard uống một loại rượu tự cất như một cử chỉ tôn trọng. (Richard thường không chạm đến bia rượu, nhưng lần này là một ngoại lệ.) Gweneth và Richard rất thích chuyến đi ấy, đến nỗi ngay năm sau họ đã quay lại vùng đất đó.

Sau bữa tối, Richard và tôi tiếp tục nghỉ thức hằng tuần, đó là xuống “studio” của ông để chơi trống. Mặc dù đến lúc ấy có lẽ chúng tôi đã chơi trống với nhau cả chục năm, cái trò chơi “nguyên thủy” này vẫn giữ nguyên nội lực ban đầu của nó.

Lúc giải lao, Richard đi tới giá sách, chật cứng tới trần những cuốn sách, tài liệu chuyên môn, các nhạc cụ lạ mắt và những bức phác họa. Ông lôi ra ngay một cuốn sách cũ, mỏng và mở nó ra. Đó là tập bản đồ từ năm 1943. Và đây rồi, trên bản đồ châu Á, sát cạnh Mông Cổ, có một vệt màu tía mang tên Tannu Tuva.

---

1. University of California, Los Angeles – ND





## Bốn mươi lăm tuyết rơi Tôi

2

Với tôi, năm học đã trôi đi như cái máy, chỉ còn chút thời gian để thở: một ngày bình thường bắt đầu bằng việc huấn luyện đội bóng nước lúc 6 giờ sáng, tiếp đó là năm lớp số học cho học sinh chậm hiểu và đại số nhập môn, rồi lại quay về huấn luyện bóng nước. Hầu hết các ngày cuối tuần đều tăng cường thêm huấn luyện, trừ hai ngoại lệ mong đợi vào tháng Mười một, khi Richard và tôi đến San Francisco chơi trống cho một đoàn ba lê nhỏ, có địa chỉ tại Elks Logde gần quảng trường Union.

Năm trước, chúng tôi đã sáng tác và biểu diễn nhạc cho *Những vòng xoay mê tín*, một vở ba lê của chính đoàn ấy. “Nhạc” của chúng tôi chỉ đơn thuần là trống, mà với Feynman thì trống là đủ lắm rồi. Ông xem âm nhạc truyền thống với hợp âm và giai điệu như “choi trống với các nốt” – một rắc rối không cần thiết.

*Những vòng xoay mê tín* đã thành công lớn: một khán phòng khoảng ba mươi người vỗ tay nhiệt liệt. Vở diễn năm nay có tên là *Người buôn ngà voi*. Nhiệm vụ của chúng tôi là thể hiện tương tác của các nền văn hóa thuộc địa và bản xứ ở châu Phi, cũng lại chỉ hoàn toàn bằng trống.

Các buổi diễn thử vào tối thứ Sáu và tối thứ Bảy, còn các buổi diễn chính thức sẽ vào dịp cuối tuần tiếp sau. Vào lúc rỗi rãi của ngày thứ Bảy, chúng tôi đi dạo quanh phố phường San Francisco. Câu chuyện giữa chúng tôi lại quay về với Tuva. “Ta đến thư viện San Francisco đi”, Richard đề xuất. “Chắc là thư viện này cũng được đấy”.

Nửa tiếng sau chúng tôi đã tới khu Trung tâm hành chính, một tổ hợp các tòa nhà kiểu Âu chau bao quanh một quảng trường rộng, viên bằng những cây *hạt dẻ* thường thấy ở Pháp, được cắt tỉa thật đẹp. Thư viện đối diện với Tòa thị chính, nơi đã diễn ra cuộc họp đầu tiên của Liên Hợp Quốc vào năm 1945. Khi chúng tôi bước lên những bậc thềm rộng bằng đá, Richard đặt ra một nhiệm vụ khó khăn: tìm một bức ảnh về Tuva trong thư viện này.

Khi xem hết danh mục sách, chúng tôi hiểu ra rằng khó mà tìm được điều gì đó về Tuva ở đây. Tuyệt nhiên không có tựa đề nào về “Tannu Tuva”, “Tuva”, hay “Tuvinskaya ASSR”. Có một ô về Trung Á, nhưng chỉ là về những nơi như Tashkent và Samarkand.

Richard đi về phía những cái giá đầy sách để tìm mấy cuốn về “Siberia – cảnh quan và du lịch”, còn tôi thì loanh quanh ô tài liệu tham khảo. Cuối cùng, tôi chạm đúng bản in năm 1953 của cuốn Đại Bách khoa toàn thư Xô Viết và tìm thấy một bài viết về Kyzyl. Ở giữa trang giấy có bức ảnh đen trắng – một bức ảnh về Tuva! – bức ảnh chụp “Dom Sovietov” – trụ sở hành chính mới của Tuva. Kiến trúc của tòa nhà này cũng có gì đó giống giống Tòa nhà thị chính

ngoài quảng trường. Một cái ô tô đơn độc đỗ lồ lộ ở phía trước, nhưng không có bóng – cứ như là nó được vẽ thêm vào tấm ảnh vậy.

Rất háo hức, tôi tìm Richard.

Ông ấy vẫn đang bận với “Siberia – cảnh quan và du lịch”, ngồi bệt trên sàn, đọc một cuốn có tên là *Con đường tới lãng quên* (*Road to Oblivion*). Một tựa sách hứa hẹn đấy. Tác giả là Vladimir Zenzinov, người đã bị Nga hoàng bắt đi đày – không phải một, hai, mà là ba lần. Hai lần đầu ông đã trốn được, cho nên lần thứ ba, chính quyền đã quyết định tống ông đến một nơi thật biệt lập để không bao giờ trốn thoát được nữa. Cho dù nơi đó hóa ra không phải là Tuva, nhưng Richard đã bị câu chuyện cuốn hút.

Cuối tuần tiếp theo chúng tôi biểu diễn *Người buôn ngà voi* cho một khán phòng với khoảng 15 người – khó mà nói là đông khán giả nếu tính đến người thân và bạn bè của các diễn viên. Buôn vì có quá nhiều ghê trống, tôi nói, “Tình cảnh này làm tôi thấy giống như ăn ở một nhà hàng không có khách”.

“Nếu món ăn ngon thì phỏng có vấn đề gì?” Richard đáp lại. “Hãy cứ chơi hết mình. Anh bạn, hãy nhớ là chúng ta đang làm gì: chúng ta sáng tác và biểu diễn âm nhạc cho một vở ba lê!”

Đây là công việc không bình thường đối với một giáo sư vật lý và một giáo viên toán phổ thông trung học, nhưng chúng tôi đang làm và Richard rất yêu thích công việc đó. Tuy nhiên, ông rất không ưa cái nhận xét của Samuel Johnson<sup>1</sup> về một chú chó bước đi bằng hai chân sau – “Nó đi không được tốt lắm, nhưng việc nó đi được như vậy đã đủ để làm bạn phải ngạc nhiên” – do vậy trong

---

1. Samuel Johnson (18/9/1709 – 13/12/1784) – nhà văn, nhà thơ, nhà sử học và từ điển học người Anh - ND

chương trình không hề nhắc đến chuyện các tay trống là những người ngoại nghệ.

Một tháng sau, vào Giáng Sinh, cái thông lệ tặng nhau đĩa hát có thể đoán trước của gia đình tôi đã bị Alan phá vỡ, anh tặng tôi mấy con tem hình tam giác và hình thoi tuyệt đẹp của những năm 1930 mà Richard đã kể. Tem in những cảnh thật ấn tượng: những kỹ sĩ đang phi nước đại, những cung thủ đang quỳ gối nhắm bắn, những đồ vật đang xoắn vào nhau trong cuộc đấu, những thợ săn đang bắn con mồi ở tầm gần (dù gì, chúng vẫn là tem bưu điện!), và rất nhiều loài gia súc cũng như thú hoang từ cáo, chồn đến bò Tây Tạng, lạc đà và tuần lộc. Thật khó tin được là, một sự phong phú đa dạng đến nhường ấy lại có thể tìm thấy ở một đất nước nhỏ như vậy. Những cảnh in trên tem này là thật hay hư? Ở viền ngoài của một số con tem là những hình vẽ rất lạ – kiểu như những cái mặt nạ trong vũ hội – và các chữ “Posta Touva”, được đánh vần giống như vùng lãnh thổ này đã từng là thuộc địa của Pháp.

Trong kỳ nghỉ Giáng Sinh, tôi tới thư viện của UCLA và tìm thấy cuốn *Mông Cổ bí ẩn* (*Unknown Mongolia*) (London, 1913) của nhà thám hiểm người Anh Douglas Carruthers (trong đó, Tuva được nhắc tới như là “vùng lưu vực sông Yenisei Thuỵ” và dân cư ở đó được gọi là “người Uriankhai”) cùng nửa tá đầu sách khác về Tuva. Tôi mượn toàn bộ số sách này. Trừ *Mông Cổ bí ẩn*, tất cả các cuốn khác đều bằng tiếng Nga, thứ ngôn ngữ được cho là khó gấp đôi tiếng Đức. Tuy nhiên, các công thức toán học dùng các chữ cái Hy Lạp, còn hệ chữ cái Hy Lạp lại là cơ sở của hệ chữ cái Nga, nên Richard đã phiên dịch được một số đầu đề. Tôi mua một cuốn từ điển Nga-Anh bỏ túi để có thể lần từng từ một.

Một trong những cuốn sách của thư viện UCLA có ảnh tòa nhà chính phủ đầu tiên của Tuva – một ngôi nhà ghép bằng các cây gỗ – bên cạnh có một căn lều tròn màu trắng tuyệt đẹp. Có những câu chuyện tếu thường được kể về việc tổng thống Tuva ngủ trong “căn lều trắng” ấy.

Một cuốn khác có mấy bức ảnh về Kyzyl. Tòa nhà chính phủ mới thì đã quen thuộc với chúng tôi rồi. Các bức ảnh khác là trụ sở Đảng của khu vực, bưu điện và một khách sạn. Bởi vì các bức ảnh được chụp từ nhiều địa điểm khác nhau với nhiều tòa nhà, nên chúng tôi đã có thể ghép nối lại để có được một phác thảo bản đồ vùng nội đô Kyzyl. Trong các bức ảnh mà chúng tôi đã thấy không bức nào có nhiều hơn một chiếc ô tô.

Một bức ảnh mãi sau mới làm tôi chú ý: Shkola số 2. Sau khi suy luận rằng có ít nhất hai trường phổ thông ở Kyzyl, tôi hiểu ra rằng đây chính là một địa chỉ xác định mà tôi có thể gửi thư đến: tôi là một giáo viên, vậy sao không viết cho một giáo viên ở Tuva và hỏi xem làm thế nào có thể đến thăm nơi đó? Việc hiểu biết thêm nhiều về Tuva là rất thú vị, nhưng mục tiêu đích thực của chúng tôi là đến Kyzyl, mà tới giờ chúng tôi vẫn chưa làm được gì cho mục tiêu đó.

Tôi liên lạc với Mary Fleming Zirin, một phụ nữ mà tôi hay đi nhờ xe khi còn là một sinh viên ở UCLA. Khi ấy cô đang làm luận án tiến sĩ về tiếng Nga ở trường này. Mary vẫn nhớ tôi và đồng ý dịch giúp một bức thư ngắn cho một “Giáo viên” của Shkola số 2 ở Kyzyl. Phụ thêm, tôi cũng gửi một bức thư tương tự đến Shkola số 1, Kyzyl, Tuva, Liên bang Xô Viết.

Sang mùa xuân, sau khi mùa bơi lội của trường trung học cùng với trách nhiệm huấn luyện bơi đã kết thúc, tôi đến thư viện của

Trường Đại học Nam California (University of Southern California – USC) và lần hết toàn bộ tư liệu nhập cư những năm 1900 – 1950 để xem liệu có ai từ Tuva đến Mỹ hay không. Tuy không có một danh mục riêng cho Tuva, nhưng có một số người Mông Cổ và “các nước khác” đã đến Mỹ trong những năm ấy.

Chính một trong những người “các nước khác” ấy là từ Tuva và đã đến Los Angeles. Tôi đã tìm được một tấm biển xe hợp lệ và đã đặt nó vào một cái khung tự tạo. Trên biển có các chữ “Mongol Motors” và “Kyzyl” kèm thêm ở trên và dưới chữ “Touva”. Ít ra, một người chơi tem có thể nhận ra các ký tự này và sẽ nhấn còi nếu anh ta thích tem của Tuva.

Cũng ở thư viện của USC, tôi đã tìm thấy một bài báo nói rằng, Kyzyl là “thành phố nguyên tử” của Liên Xô – trung tâm phát triển vũ khí nguyên tử Xô Viết – vì Tuva là một vùng đất biệt lập, bao bọc bởi các dãy núi giàu uranium. Một bài báo khác, đăng trên *Christian Science Monitor* (15 tháng Chín, 1966) đã viết:

Theo văn bản chính thức, Tannu Tuva... đã đề nghị được sát nhập vào Liên bang Xô Viết. “Lời đề nghị này đã được chấp nhận”, giống như bốn năm trước đề nghị của ba nước cộng hòa vùng Baltic đã được chấp nhận.

Còn trong trường hợp của Tannu Tuva, việc phát hiện trữ lượng lớn uranium, lần đầu tiên được tìm thấy ở Liên Xô trước ngưỡng cửa thời đại nguyên tử, có lẽ đã làm thay đổi vị thế của vùng đất này.

Tôi nghĩ nếu Kyzyl là Los Alamos của Liên Xô thì KGB sẽ chẳng bao giờ tin rằng Richard Feynman muốn đến thăm địa danh này bởi vì tên gọi của nó phát âm thật lạ!

Mùa hè năm 1978, sau khi thi đấu ở Giải vô địch Lặn giải trí Nam California hằng năm lần thứ nhất tại Los Angeles, tôi bay tới châu Âu để tham gia vào một chuyến cắm trại ở vùng Balkans. Trong khi đó, Richard đến gặp bác sĩ, than phiền về đau nhức ở vùng bụng. Và chẳng bao lâu sau, ông phải trải qua phẫu thuật. Bác sĩ đã lấy ra một khối u ung thư nặng 6,35kg, kích cỡ như một trái bóng bầu dục, nó ép mạnh thận và lá lách của ông. Richard đã cần toàn bộ phần còn lại của mùa hè năm đó để hồi phục sức khỏe.

Khi tôi quay về từ châu Âu, vẫn chưa có tin tức gì từ các đồng nghiệp của tôi ở Shkola số 2 cũng như Shkola số 1.

Sang thu, một năm học mới bắt đầu, lần này tôi không phải làm huấn luyện viên nữa. Một thay đổi nữa: cùng với bốn lớp toán, tôi được phép dạy một lớp về địa lý thế giới. Tất nhiên là, cuối cùng thì học sinh của tôi cũng được học về một đất nước nhỏ đã bị lãng quên, tên là Tannu Tuva, nhưng còn có những chuyện quan trọng hơn cần được bàn tới: sự tàn độc khủng khiếp của chế độ Khmer đỏ ở Campuchia đã bắt đầu được thế giới bên ngoài biết đến; Iran rối loạn, ở đó chính thể Shah đang bị uy hiếp bởi thủ lĩnh Hồi giáo lưu vong Ayatollah Khomeini; giáo hoàng John Paul I đã qua đời chỉ sau 33 ngày tại vị và được thay thế bằng Hồng y Giáo chủ Karol Wojtyla từ Ba Lan, giáo hoàng đầu tiên không phải người Italy sau 400 năm. Ở Trung Đông, Moammar Kadafi đang tức giận với Anwar Sadat vì đã ký thỏa ước Trại David với Menachem Begin. (Vì thế, tôi phải giải thích vì sao, sách giáo khoa địa lý viết những năm 1960 lại nói rằng Libya và Ai Cập cùng liên minh chống lại Israel).

Mặc dù không phải làm nhạc cho vở ba lê nào vào năm 1978, Richard và tôi vẫn tiếp tục chơi trống cùng nhau. Khi chúng tôi nói chuyện về Tuva, câu chuyện thường liên quan tới những lá thư

mà tôi đã viết cho một trường học hoặc một thư viện ở Mỹ hoặc ở Anh. Nhưng một lần, Richard là người có chuyện để kể: Ông cho tôi xem một bài ngắn mà ông tìm thấy trên báo *Los Angeles Times* – một bài loại chèn thêm cho đây cột báo, chiếm chỉ khoảng 3 đến 5 cm – kể về một bức tượng vàng của người Scythia được tìm thấy ở Tuva ASSR, bức tượng mô tả một thợ săn, con chó của ông ta và một con lợn hoang.

“Tôi có ý định viết cho đài truyền thanh Moscow”, tôi nói. “Họ có một chương trình gọi là ‘Hộp thư Moscow’. Tôi sẽ hỏi họ về bức tượng vàng của người Scythia này – rất có thể họ có một bức ảnh của nó”.

Vào dịp nghỉ Giáng sinh, tôi đã tới Washington, D.C. để gặp một người bạn cũ thời phổ thông trung học. Trong thời gian ở đó tôi đã tới thư viện quốc hội. Ô thư mục hé lộ một mỏ vàng những sách về Tuva. Bởi vì người ngoài không được phép vào kho sách nên tôi đã phải đưa cho người thư ký cả tá giấy tờ có ghi các số điện thoại. Khoảng nửa tiếng sau, chỉ có sáu cuốn sách được đưa đến cho tôi – sáu cuốn khác thì hiện chưa tìm thấy. Liệu còn có ai khác cũng đang quan tâm đến Tuva?

Một thủ thư đứng tuổi bảo với tôi rằng, sách thường bị để không đúng chỗ nên việc chỉ tìm thấy sáu trong mười hai cuốn cũng là chuyện thường.

Vé thất vọng của tôi tan biến khi tôi xem những cuốn đã được tìm thấy. Trong số chúng có ba cuốn thực sự là những viên ngọc quý. Thứ nhất là cuốn từ điển Cụm từ và thành ngữ Tuva-Mông Cổ-Nga, kích cỡ bốn túi. Viên ngọc thứ hai lớn hơn – cuốn của Otto Mänen-Helfen, có tựa đề *Reise ins asiatische Tuwa (Hành trình đến Tuva, châu Á)*. Những bức ảnh trong cuốn sách này trông giống như

ở các con tem bưu điện nổi tiếng của Tuva thời những năm 1930. Vì cuốn sách được xuất bản năm 1931 nên điều này là có thể hiểu được. (Thực ra, sau này khi nhìn lại những con tem của mình, tôi nhận thấy là, bức ảnh trên con tem hình thoi giá 3 kopek của năm 1936 giống như đã được lấy thẳng ra từ cuốn sách của Mänchen-Helfen, chỉ có điều là nó đã được quay ngược lại.)



Các bức ảnh trong cuốn sách của Otto Mänchen-Helfen *Hành trình đến Tuva, châu Á* (Berlin, 1931) làm chúng tôi nhớ về những con tem bưu điện nổi tiếng

của Tuva thời những năm 1930. Trong một trường hợp, mối liên quan là trực tiếp hơn thoát tưởng (Được sự cho phép của TS. Anna Maenchens)

Khi nhìn vào đoạn đầu tiên của *Hành trình đến Tuva, châu Á*, những năm tháng khổ sở với môn tiếng Đức thời phổ thông trung học của tôi cuối cùng cũng được đền đáp: tôi đã có thể theo sát để hiểu được nội dung cơ bản (Lời dịch dưới đây là của anh trai tôi, Alan.)

Một người đàn ông Anh lập dị kiểu như Jules Verne, được yêu quý như một vị anh hùng, đã đi tới khắp thế giới với mục đích duy nhất là đặt một tảng đá kỷ niệm ở điểm giữa của mỗi châu lục: “Tôi đã ở đây, tại điểm chính giữa của châu lục vào ngày này” – và ngày tháng. Khi châu Phi, Bắc và Nam Mỹ đều đã có tảng đá như vậy, ông ta lên kế hoạch đặt tiếp hòn đá kỷ niệm ở trái tim của châu Á. Theo tính toán của ông thì điểm cần đến nằm trên bờ sông Yenisei thượng thuộc vùng Urianghai của Trung Quốc. Là một người chơi thể thao giàu có, rắn chắc (như nhiều kẻ ngốc nghếch), ông đã dũng cảm vượt qua mọi khó khăn và đạt được mục đích của mình. Tôi nhìn thấy tảng đá ấy vào mùa hè 1929. Nó nằm ở Saldam, thuộc Tuva (trước kia gọi là Urianghai), một nước cộng hòa của những người chăn gia súc, nằm giữa Siberia, dãy núi Altai và sa mạc Gobi: vùng đất châu Á khó tới nhất đối với những người châu Âu.

Vậy là đã có ai đó cũng từng tìm kiếm Tuva – chúng tôi có một người bạn tâm giao từ thế kỷ 19!

Viên ngọc thứ ba ở Thư viện Quốc hội là một cuốn nhỏ và mỏng, kiểu như sách hướng dẫn du lịch bằng tiếng Nga. Từ những biểu đồ và các con số, tôi có thể nhận ra cuốn sách nói nhiều về tăng sản lượng của cái này và cái kia – kiểu “tiến bộ xã hội chủ nghĩa” thường thấy.

Còn có cả một bản đồ Kyzyl với hình vẽ của nhiều tòa nhà. Ngay lập tức tôi nhận ra tòa nhà chính phủ mới, trụ sở Đảng khu vực, bưu điện và khách sạn; có cả một nhà hát kịch. Một đường xe điện bánh hơi chạy thẳng từ sân bay về trung tâm thành phố. Tôi sao chụp lại tấm bản đồ để Richard có thể xem khi tôi quay lại California.

Trong cuốn sách nhỏ còn có một tấm bản đồ phác thảo cả đất nước, trên có hình của rất nhiều loài động vật: ở phía đông bắc có cáo và tuần lộc; phía nam có lạc đà và phía tây là bò Tây Tạng – tất cả trong phạm vi 150 dặm quanh Kyzyl. Tôi nghĩ, hệ động vật ở đây thật đa dạng. Có lẽ, Tuva hiện hữu trên những con tem của năm 1936 và trong cuốn sách của Mänenchen Helfen vẫn còn có thể tìm thấy ở đâu đó gần Kyzyl ngày nay.

Là một khách thăm, tôi không được mượn sách của thư viện Quốc hội; rồi tôi sẽ phải đặt mượn chúng qua thư viện của địa phương mình. Với tâm trạng bất an, tôi đành trả chúng lại cho thủ thư, rất có thể không bao giờ tìm lại được nữa.

Khi tôi quay lại California và xem qua thư từ, thì thấy có thư phản hồi của đài phát thanh Moscow: tuy họ không có thông tin gì về bức tượng bằng vàng của người Scythia tìm thấy ở Tuva, họ đã cho biết là, Tuva sẽ được đề cập đến trong chương trình hàng tuần “Vòng quanh Liên Xô” vào ngày 17 tháng Giêng, nghĩa là chỉ vài tuần nữa. Tôi nghĩ, thật may là chúng tôi đã viết cho họ đúng lúc – tôi không hay nghe đài Moscow nên nếu không biết trước thì chắc chắn là sẽ bỏ lỡ chương trình ấy.

Ngày 3 tháng Giêng, hai tuần trước khi có chương trình về Tuva, tôi dò tìm xem ở tần số nào thì nghe được “Vòng quanh Liên Xô” rõ nhất. Phát thanh viên nói, “Chương trình tuần này giới thiệu về Kamchatka...”.

Tuần sau tôi lại vào chương trình đó. Lần này phát thanh viên nói: “Chương trình tuần này giới thiệu về Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô Viết Moldavi...”

Vào ngày 17 tháng Giêng, sau bữa tối, Richard đến. Chúng tôi chơi trống một lúc. *Reng!* đồng hồ hẹn giờ của tôi kêu lên – 9 giờ tối, mười lăm phút nữa chương trình sẽ bắt đầu. Tôi bật radio sóng ngắn và chỉnh về tần số của đài phát thanh Moscow. Tín hiệu rất mạnh.

Trong lúc phát thanh viên đọc bản tin, tôi mở bản đồ nội đô Kyzyl mà tôi đã sao chụp được ở Thư viện Quốc hội. Trên sàn nhà, chúng tôi trải món quà Giáng Sinh mà Alan đã tặng tôi – một tấm bản đồ lớn chi tiết của Tuva (Bản đồ không lưu tác chiến E-7) do Cục Bản đồ quốc phòng Mỹ (U.S Defense Maping Agency) ấn hành, trên đó có các đường bình độ, các mẫu thực vật, hồ, sông, đập và – bởi vì bản đồ này chủ yếu dành cho phi công – cả độ chênh lệch giữa phương bắc la bàn và phía bắc thực sự, độ dài và hướng của các đường băng sân bay, vị trí và độ cao của các tháp phát thanh.

Đã đến giờ bắt đầu chương trình nên tôi bật máy ghi âm. Phát thanh viên nói, “Chủ đề của chương trình tuần này do thính giả Ralph Leighton ở Altadena, California đề xuất. Hôm nay chúng ta sẽ tới thăm Tuva, nằm ở trái tim của châu Á...”

“Tuyệt vời! Họ làm cả một chương trình cho chúng ta!” Richard thốt lên.

Đa phần chương trình là những gì tôi đã tìm thấy trong cuốn *Đại Bách khoa toàn thư Liên Xô* ở thư viện San Francisco – nhưng tên của một số tỉnh đã bị đọc sai, và một số chỉ dẫn chưa chính xác. Nhưng rồi có một câu chuyện mà chúng tôi chưa từng nghe: trước đây, người dân địa phương đã từng làm áo khoác và ủng bằng một loại vật liệu có tên *asbestos* (mà như sau này tôi được biết thì theo

tiếng Tuva có nghĩa là “sợi len núi”), nó cho phép họ nhảy múa trên than nóng – qua đó biểu hiện quyền năng phi thường của mình.

Rồi đến đường lối của Đảng về việc Tuva đã gia nhập Liên Xô năm 1944 như thế nào, cũng như mọi sự đều tốt đẹp dưới thời xã hội chủ nghĩa ra sao. Cuối cùng, người dẫn chuyện nói, “Mặc dù trong quá khứ Tuva đã từng bị cô lập với thế giới bên ngoài, ngày nay con đường đến với vùng đất này không còn khó khăn gì nữa: Bạn có thể dễ dàng bay thẳng từ Moscow đến Kyzyl”.

Phát thanh viên một lần nữa nhắc đến tên tôi trong nhạc hiệu kết thúc chương trình. Chúng tôi sướng mê đi.

“Đến Tuva rất dễ!” Richard nói. “Chính họ đã nói thế!”

Chúng tôi ngay lập tức bàn thảo một lá thư gửi đài truyền thanh Moscow, tôi đề xuất rằng Altadena và Kyzyl kết nghĩa thành phố chị em, nhưng Richard can ngay và nhắc tôi về mục đích của chúng tôi: “Tất cả những gì chúng ta nên làm là cảm ơn đài truyền thanh Moscow về chương trình này, nhắc lại việc họ nói rằng đến Tuva rất dễ, rồi nhờ họ giúp ta đi đến đó”.

Tôi đã phấn khích đến nỗi hôm sau mở cả băng ghi âm cho lớp địa lý của mình nghe mà không hề nghĩ đến việc liệu có học sinh nào báo với hiệu trưởng rằng “Thầy Leighton mở đài phát thanh Moscow ở lớp của mình”. (Đó là năm 1979: Chiến tranh Lạnh vẫn còn đang rất căng thẳng, những gì thuộc về Nga đều không được đón nhận, và giáo viên vẫn còn phải ký vào bản tuyên thệ trung thành.) Thậm chí tôi còn mở băng ghi âm ở cả các lớp toán của mình. Trong số học sinh của tôi có hai em người Armeni đến từ Yerevan, có biết chút ít tiếng Nga. Nay giờ, khi Tuva đã là “dễ dàng đến thăm”, tôi nhờ hai học sinh này dịch giúp một bức thư gửi đến “Khách sạn Kyzyl, Tuva ASSR”, hỏi về giá phòng.

Vài ngày sau tôi viết xong lá thư gửi Đài phát thanh Moscow. Ngoài việc cảm ơn họ vì đã làm hẳn một chương trình dành cho mình, tôi đã khuếch trương sự thật rằng tôi là một giáo viên địa lý, và bây giờ thì tất cả học sinh của tôi đều đã biết về Tuva. Sau đó tôi gọi lại với Đài phát thanh Moscow rằng theo chương trình của họ thì Tuva “rất dễ đến thăm”, rồi dặm hỏi: “Liệu tôi có thể đến thăm Tuva được không?” (Cho là, một khi thầy giáo địa lý đã được phép thì có thể bổ sung một giáo sư vật lý sau).

Tôi hiểu vấn đề mà chúng tôi sẽ gặp phải: sau chuyến thăm Tuva của chúng tôi, Đài phát thanh Moscow sẽ phỏng vấn chúng tôi, chỉnh sửa lại những gì chúng tôi nói sao cho chỉ còn lại những điều có lợi cho họ, dù thế tôi cho rằng đó là cái giá mà chúng tôi có thể trả được. Không ai nghe Đài Moscow cả, tôi viện lý do. Nếu không thì các chương trình về Kamchatka và Moldavia hẳn đã được bắt đầu bằng một cái tên của thính giả nào đó, như ở chương trình dành cho chúng tôi.

Trong khi chờ đợi thư trả lời của Đài phát thanh Moscow – khoảng thời gian được đánh dấu bằng vụ rò rỉ phóng xạ ở Three Mile Island và cuộc bầu cử của Margaret Thatcher – Alan cho tôi một trang copy từ cuốn *Sổ tay Phát thanh và Truyền hình quốc tế*, thánh thư của những người nghe phát thanh sóng ngắn. Hai đài Yuzhno-Sakhalinsk (trên đảo Sakhalinsk) và Kyzyl nằm ở tần số 3995 kHz. Bởi vì đang là mùa đông, các sóng tần số thấp hơn sẽ truyền đi dễ hơn ở bán cầu Bắc, nên trong mấy đêm tôi đã đặt đồng hồ báo thức lúc 3 giờ 55 phút sáng và bật đài ở tần số 3995 kHz, hy vọng sẽ bắt được tín hiệu của Đài phát thanh Tuva và trạm ID vào lúc 4 giờ sáng.

Thường thì tôi bắt được một tín hiệu thời gian – chắc là của Yuzhno-Sakhalinsk, bởi vì nơi này cách Los Angeles 5000 dặm, nghĩa là 1200 dặm gần hơn so với khoảng cách từ Kyzyl. (Tuy nhiên, tôi

cũng không dám chắc, vì các tín hiệu sóng ngắn thường nhảy khỏi tầng điện ly một cách không bình thường.) Nhưng có một đêm tôi bắt được hai tín hiệu, một yếu và một khá mạnh. Tín hiệu yếu hơn nói gì đó giống như “Rabeet Tivah” trước khi nó bị cái mạnh hơn lấn át.

Tôi bật băng ghi âm có “Rabeet Tivah” cho Mary Zirin nghe, cô ấy cho rằng các từ này có thể là “Govorit Tuva” (“Đây là đài tiếng nói Tuva”), lời mở đầu của các đài phát thanh bằng tiếng Nga. Điều này thôi thúc tôi gửi một báo cáo thu nhận tín hiệu tới Kyzyl.

Trong lúc tôi đang cẩn thảng chờ đợi cái phiếu QSL từ Đài truyền thanh Tuva<sup>1</sup> thì nhận được ba cuốn sách, gửi đến từ thư viện quốc hội – các viên ngọc đã không bị biến mất. Tôi ngay lập tức copy từng cuốn bằng máy copy tốt nhất mà tôi có thể tìm thấy, và nhanh chóng gửi trả chúng về Washington. Nhờ sự giúp đỡ hào hiệp của Mary Zirin, cuốn Cụm từ và thành ngữ Tuva-Mông Cổ-Nga đã trở thành Cụm từ và Thành ngữ Tuva-Mông Cổ-Nga-Anh.

Đó là một cuốn sách nhỏ hữu ích, với các mệnh đề như: “Tôi là giáo viên”, và những câu hỏi như “Bạn có từ điển tiếng Nga-Mông Cổ không?” Nó còn cho biết nhiều điều, như “Làm thế nào để mang được những thứ cần thiết đến cho những người chăn cừu?” – cho thấy là những người chăn cừu ở Tuva vẫn còn sống khá biệt lập vào năm 1972, khi cuốn sách được xuất bản. Có những cụm từ riêng dành cho “trại xuân”, “trại hè”, “trại thu”, và “trại đông”, cho ta mường tượng là những người Tuva vẫn di chuyển cùng với gia súc của mình từ đồng cỏ này sang đồng cỏ khác theo mùa. Cũng có cả băng chứng

---

1. “QSL” là biệt từ với nghĩa “Tôi thông báo đã nhận được”. Đài phát thanh gửi phiếu QSL báo là đã nhận được thư của thính giả

của sự hiện đại hóa: “Bạn gây giống bò bằng cách nào?” – “Chúng tôi tiến hành thụ tinh nhân tạo bằng tay”.

Về cuộc sống đô thị, câu hỏi: “Có bao nhiêu phòng trong căn hộ của bạn?” được trả lời là “Tôi có một căn hộ ấm cúng”. (Rõ ràng đây là một chủ đề nhạy cảm, có lẽ ở Kyzyl còn thiếu nhà ở.)

Trong phần có tên là “Các cơ quan chính phủ và tổ chức xã hội” có những cụm từ khá thú vị như: “Các đồng chí, tôi tuyên bố cuộc họp bắt đầu!” – “Chủ tọa cuộc họp” – “Chương trình nghị sự của cuộc họp hôm nay” – “Lấy biểu quyết” – “Hãy giơ tay” – “Ai không đồng ý?” – “Ai bỏ phiếu trắng?” – “Nhất trí thông qua”.

Có hẳn những từ riêng về “vật dân tộc” và “vật tự do”, về “đua ngựa” và “đua ngựa bắn cung”. Có không ít hơn 13 từ và cụm từ mô tả về ngựa – về ngoại hình, tuổi, chức năng và hành vi. Theo tiếng Tuva thì sự thanh lịch bậc nhất được mô tả là “đây đặn như đuôi cừu”. Cũng có các cụm từ hữu dụng khác, “Liệu có thể nhận được một bộ sưu tập các tác phẩm dân gian không?”

Cuốn cụm từ và thành ngữ nhỏ này có hẳn một phần về chào hỏi, nó gợi ý cho chúng tôi về việc viết một lá thư bằng tiếng Tuva. Khi chúng tôi viết đến phần thân của lá thư – chỗ “Tôi mong muốn được đến thăm Tuva” – thì chúng tôi bắt đầu trộn ghép: câu này đã được biến cải từ câu “Tôi mong muốn được hội kiến với đồng chí S” kết hợp với “Họ muốn đến thăm nhà hát”, thay “nhà hát” bằng “Tuva”. Tuy nhiên, việc đó phải khéo léo. Dần dần chúng tôi hiểu ra rằng tiếng Anh được viết ngược lại so với tiếng Tuva: từng từ một thì các câu trên trong tiếng Tuva sẽ là: “Tôi đồng chí S-với hội kiến-mong muốn tôi” và “Họ nhà hát-thăm đến-muốn họ”. (Tiếng Tuva dường như có tình trạng thừa đại từ nhân xưng.)

Nếu chúng tôi cần một từ đặc biệt nào đó, không có trong cuốn từ điển cụm từ và thành ngữ này, chúng tôi sẽ dùng cuốn từ điển Anh-Nga bỏ túi để chuyển nó sang tiếng Nga, rồi dùng cuốn từ điển Nga-Tuva (mượn từ UCLA) để chuyển tiếp từ đó sang tiếng Tuva. Sau đó chúng tôi dùng các cuốn từ điển ngược lại, Tuva-Nga và Nga-Anh để kiểm tra lại việc chọn từ ngữ của mình. Việc kiểm tra như vậy thường dẫn đến một từ khác, và thế là lại phải làm một lựa chọn mới ở khâu tiếng Nga và/hoặc tiếng Tuva.

Khi viết xong, chúng tôi đã gom góp lại, tất cả khoảng mươi câu. Kèm với “Tôi Tuva-thăm đến-mong muốn tôi”, tôi đã hỏi xem liệu có cuốn từ điển Anh-Tuva hay Tuva-Anh nào không, liệu có cuốn sách giáo khoa hay băng ghi âm băng tiếng Tuva nào không.

Cuối cùng thì chúng tôi đã sẵn sàng để gửi kiệt tác của mình đi – nhưng gửi tới ai? Richard đã để ý thấy một dòng chữ nhỏ in ở phía sau của cuốn cụm từ và thành ngữ: sách được biên soạn bởi Viện Nghiên cứu Khoa học về Ngôn ngữ, Văn học và Lịch sử của Tuva (tên viết tắt trong tiếng Nga là TNIIYaLI), ở số 4 phố Kochetova, 667000, Kyzyl, Tuva ASSR – một địa chỉ chính xác, đầy đủ với cả ZIP code.

Khoảng một tháng sau, tôi nhận được một lá thư từ Liên Xô – không phải chiếc bưu thiếp QSL tôi mong đợi từ Đài phát thanh Tuva, mà là thư trả lời của Đài phát thanh Moscow. Cô Eugenia Stepanova viết rằng, “Tôi đã gọi điện hỏi công ty du lịch và họ nói rằng, vì ở Tuva không có văn phòng, nên không có tuyến nào cho du khách nước ngoài đến vùng đó”. Tuva có lẽ là điểm đến dễ dàng đối với một Muscovite (một người Moscow), nhưng không phải đối với người Mỹ chúng tôi. (Đáng lẽ chúng tôi không nên tin tất cả những gì nghe được từ Đài phát thanh Moscow!)

Tôi không chần bước. “Nếu không có văn phòng du lịch ở Tuva”, tôi biện luận, “thì sao không làm cho họ phải mở một cái ở đó?” Tôi nghĩ ra một kế hoạch:

1. Tôi viết một bài báo du lịch về vùng đất Tuva với những con tem bưu điện tuyệt đẹp, làm như tôi đã đến đó (tôi sẽ viết dưới dạng “khi người ta đến đây” và “khi người ta đến đó”) và gửi bài viết cho nhiều tạp chí du lịch.
2. Một tạp chí du lịch sẽ in bài viết này, và sẽ chỉ cho độc giả cách thu xếp một chuyến đi đến Tuva: “Liên hệ với công ty du lịch Xô Viết”. (Cung cấp một địa chỉ.)
3. Chúng tôi sẽ nhờ tất cả những người quen biết trên khắp nước Mỹ viết thư cho công ty du lịch đó nói rằng, họ đã đọc về Tuva trong tạp chí du lịch này và muốn có thêm thông tin.
4. Thể theo “yêu cầu của đông đảo khách du lịch”, công ty du lịch sẽ mở một văn phòng ở Kyzyl. (Cũng không sao nếu thực ra chỉ có hai người sẽ đến Tuva, và văn phòng này sẽ đóng cửa một tháng sau đó.)

Richard lắc đầu vì choáng, nhưng ông không thể thuyết phục tôi từ bỏ việc này. Tôi viết một bài báo có tựa đề “Chuyến đi tới góc thứ năm của thế giới”, và gửi nó tới nửa tá tạp chí du lịch.

Kế hoạch chưa bao giờ vượt qua được bước 1.

Vẫn không lùi bước, tôi nghĩ: Nếu chúng tôi không thể làm cho công ty du lịch mở một văn phòng ở Tuva, vậy thì nơi gần nhất đã có sẵn văn phòng là ở đâu? Câu trả lời: Abakan, 262 dặm về phía tây bắc của Kyzyl, theo như bản đồ dành cho lái xe của Liên Xô mà tôi lấy được ở Bulgaria trong chuyến đi cắm trại ở Balkans. Công ty du lịch có xe cho thuê ở Abakan. Chúng tôi có thể lái xe từ đó tới

Shushenskoye, một ngôi làng – nay đã được tôn sùng – nơi Lenin đã bị đày dưới thời Nga Hoàng; một lối rẽ khoảng 40 dặm dọc theo đường đến Tuva. Chúng tôi có thể dễ dàng bị lỡ chỗ rẽ và chạy xe hết ga khoảng hơn 222 dặm. Ngay cả nếu chúng tôi bị vướng với dòng xe tải, thì vẫn có thể đến được Kyzyl trước lúc trời tối – nhất là vào mùa hè, khi mặt trời lặn vào khoảng 10 giờ tối. Từ Kyzyl chúng tôi có thể gọi điện về Akaban và nói rằng chúng tôi đã bị lạc đường.

Richard cực lực phản đối cái kế hoạch này, bởi nó là một sự gian dối. Hành động dưới một chiêu bài gian dối là sai lầm lớn nhất như đã viết trong cuốn sách của ông.

Vào mùa hè năm 1979, Jimmy Carter và Leonid Brezhnev ký hiệp ước SALT II. Trong thời gian đó tôi viết thêm các lá thư bằng tiếng Tuva, lần này gửi tới *Bashky* (giáo viên) của *Shkola* (hình như trong tiếng Tuva không có từ nào mang nghĩa “trường học”), ở các thị trấn xa xôi có tên gọi theo tiếng Tuva, ở đó (theo tấm bản đồ Các dân tộc Xô Viết mà tôi tìm thấy ở UCLA) phần đông người Tuva đang sinh sống.

Tôi cũng tiếp tục công việc tìm kiếm ở các thư viện quanh Nam California. Tôi đã tìm thấy một bài trên Thời báo London (*Times of London*, ngày 23 tháng Mười một năm 1970). Tác giả là Owen Lattimore, một người đã từng đến Tuva trên đường đi tới Mông Cổ. Anh ta hẳn là người phương tây đầu tiên đến Tuva kể từ chuyến thăm của Otto Mänen Helfen, hơn bốn mươi năm về trước. Bài viết của Lattimore kết thúc bằng đoạn dưới đây:

Và cuối cùng, chính những người Tuva. Họ là những người quyến rũ nhất trong những dân tộc thiểu số mà tôi đã từng gặp ở Liên Xô. Hầu hết với chiêu cao trung bình, họ thường có khuôn mặt trái xoan,

mũi hơi nhô lên khá đẹp và thanh tú, và thường có mắt hơi nghiêng. Họ tao nhã, vui vẻ và tự tin. Họ thích đồ ăn và đồ uống ngon, thích giao lưu cởi mở với một phong cách nhẹ nhàng; nhưng kiểu thức học vấn của họ, ở những lĩnh vực mà tôi đã được làm quen, là chính xác và nghiêm túc. Tôi đã để lại trái tim mình cho Tuva và con người ở đây.

Tất nhiên, tôi đã lần tìm được địa chỉ của Lattimore ở Anh và hỏi bằng cách nào mà anh ấy đã đến được Tuva. Lattimore trả lời trong một bức thư viết tay rằng anh đã đến đó với tư cách là khách của Trung tâm Siberia của Viện Hàn lâm Khoa học Xô Viết, và chuyến đi ấy đã được thu xếp ở Novosibirsk. Phải vài năm sau tôi mới nhận ra rằng, lời đáp ấy cho câu hỏi ngày thơ của tôi đã được gửi đến từ chính “Chúa trời” – chủ nhiệm khoa Trung Á học.<sup>1</sup>

Ngay sau đấy, tôi bắt đầu nhận được ấn phẩm có tên là *Bản tin Trung Á* (*Central Asia Newsletter*), gửi từ nước Anh. Hóa ra, trong quá trình tìm hiểu của tôi ở các trường đại học và cao đẳng, ai đó đã điền tên tôi như một chuyên gia trong danh sách những người thường xuyên được nhận tài liệu. Sự hứng khởi của tôi lại được bồi thêm bằng một bức thư của TS. Thomas E. Ewing ở Đại học Leeds, bức thư được bắt đầu bằng, “Thật vinh dự được chào đón ông đến với Tuva học – chỉ mình sự hiện diện của ông đã nhân đôi số người trong lĩnh vực này”.

Mùa thu năm 1979, một năm học mới lại bắt đầu. Một lần nữa, những sự kiện quốc tế nghiêm trọng đã được thảo luận trong lớp địa lý của tôi; Việt Nam tấn công Campuchia và đuổi tên độc tài

---

1. Owen Lattimore (1900-1989) là một học giả và tác giả người Mỹ, đã sống ở Anh từ 1963. Nét đặc biệt của ông là có quan hệ tốt với Liên Xô, Mông Cổ và Trung Quốc (cả Bắc Kinh lẫn Đài Bắc).

diệt chủng Pol Pot đi biệt xứ; Tổng thống Park Chung Hee của Hàn Quốc bị ám sát; và vào tháng Mười một, quân lính Iran đã xâm nhập đại sứ quán Mỹ tại Tehran và bắt giữ hơn 50 con tin.

Sau đó, qua mùa Giáng Sinh, Hồng quân Liên Xô xâm chiếm Afghanistan. Andrei Sakharov, nhà vật lý Xô Viết nổi tiếng, người đã thành lập một ủy ban ở Moscow để giám sát việc thực hiện Hiệp ước Helsinki về Quyền con người của Liên Xô, đã công khai lên án cuộc xâm lược này. Leonid Brezhnev đã đày ông về Gorky, một thành phố không có chỗ cho người nước ngoài. Trong một bức thư được bí mật tuồn sang phương Tây, Sakharov đã kêu gọi các nước trên thế giới tẩy chay Thế vận hội Olympic, sẽ diễn ra tại Moscow vào mùa hè năm đó. Tổng thống Carter, người xem quyền con người là tâm điểm của chính sách đối ngoại, đã tuyên bố rằng nước Mỹ sẽ đi đầu trong cuộc tẩy chay này.

Bước sang năm 1980, Richard và tôi nhận ra rằng chúng tôi vẫn giậm chân tại chỗ. Với mối quan hệ Mỹ-Xô xấu đi từng ngày, chúng tôi hiểu là cơ hội tới thăm Kyzyl của mình đã trôi tuột từ mong manh tới không tồn tại.

Dù vậy, tôi vẫn tiếp tục tìm kiếm sách về Tuva ở các thư viện khu vực khác nhau. Ở một trong những cuốn sách đó, tôi đã bắt gặp một tấm ảnh chụp ở Kyzyl, nó làm trái tim tôi đập rộn ràng: một cột tháp cao với một quả cầu ở phía dưới, đặt trên một cái bệ có dòng chữ TSENTR AZII, AZIANYNG TOVU, và THE CENTRE OF ASIA – rõ ràng là được lấy cảm hứng từ người bạn tinh thần của chúng tôi, nhà du lịch Anh lập dị đã được mô tả trong cuốn sách của Mänchen-Helfen. Tôi đưa cho Richard xem bức ảnh. Và cột mốc kỷ niệm “Trung tâm châu Á” này đã trở thành chiếc Chén Thánh của chúng tôi.

Ở một thư viện khác tôi cũng tìm được nhiều thứ: một cuốn sách mới ra, có tên là *Cẩm nang Tuva*, của John R.Krueger, một giáo sư ở

Đại học Indiana. Cuốn sách đầy thông tin – hơn 75 trang về địa lý, lịch sử, kinh tế và văn hóa Tuva – cùng với mô tả chi tiết về ngôn ngữ Tuva.

Trong mục có tiêu đề “Nghệ thuật truyền thống”, chúng tôi bắt gặp những dòng thú vị này:

Một nét đặc trưng và đặc thù của âm nhạc Tuva là kiểu đơn ca hai giọng hay hát “họng” thường thấy ở những người Tuva bản địa và ít thấy ở nơi nào khác. Ca sĩ hát bằng hai giọng. Anh ta hát nền bằng một giọng trầm nhưng đồng thời kèm một âm cao trong trẻo đến bất ngờ giống như tiếng sáo.

Kiểu hát bằng họng duy nhất mà tôi được biết là sự bắt chước kỳ lạ tiếng các loài động vật kêu của những người phụ nữ Inuit ở phía bắc Quebec, mà tôi đã nghe được vài năm về trước trên đài phát thanh Canada. Nhưng, một người đơn ca mà có thể hát đồng thời hai nốt thì không chỉ kỳ lạ, mà là dường như không thể! Chúng tôi phải tự nhìn thấy – và tự nghe thấy điều đó.

Một nhận xét thú vị khác trong *Cẩm nang Tuva* là về cách phát âm: “Cho dù chấp nhận thuật ngữ ‘những nguyên âm thanh hẫu’ trong cuốn sách này, vẫn không thể nắm bắt được một cách chính xác bản chất ngữ âm cũng như cách phát âm của những âm thanh ấy”. Nói cách khác, tiếng Tuva là một ngôn ngữ bí hiểm đến mức mà tác giả chưa bao giờ nghe thấy.

Cuốn sách của giáo sư Krueger có nêu một vài ví dụ về chữ viết Tuva, một bảng chú giải thuật ngữ Tuva-Anh, và một danh mục tham khảo 16 trang, bao gồm bảng liệt kê các cuốn sách viết bằng tiếng Tuva hiện có ở Đại học Columbia. *Cẩm nang Tuva* đã trở thành cuốn Kinh Thánh của chúng tôi.

Vào cuối tháng Giêng, tôi thấy một bức thư lạ trong hộp thư của mình: thư gửi tới “Ralph Leighton, 248 N. Page Dr., Altadena, California USA 91001”. Tôi nhìn dấu bưu điện với các ký tự Nga; kiểu như K, 61, 3, 61, chữ U ngược. Nhưng tôi đã hiểu, đó là K – Y – Z – Y – L. Một bức thư từ Kyzyl!

Tôi không vội mở thư, mà muốn đợi đến khi Richard về nhà.

Tối hôm đó, tôi sang nhà Feynman, cầm thư trong tay. Richard đã rất bất ngờ và hứng khởi. Chúng tôi cùng mở lá thư.

Thư đề ngày 7.1.1980, mà chúng tôi hiểu là ngày 7 tháng Giêng vì ngày 1 tháng Bảy thì chưa tới. Nó đến từ TNIIYaLI, Viện nghiên cứu Khoa học về Ngôn ngữ, Văn học và Lịch sử Tuva, một địa chỉ được ghi trong cuốn Cụm từ và thành ngữ Tuva-Mông Cổ-Nga.

Tất cả những gì tôi có thể hiểu chỉ là tên mình, được viết ở ngay câu đầu tiên. Vì thế tôi và Richard đi sang chỗ tôi để tra cứu cuốn Cụm từ và thành ngữ Tuva-Mông Cổ-Nga. Từ đầu tiên của lá thư, “Ekii”, là ở cụm từ thứ ba trong cuốn sách: nó có nghĩa là “Xin chào”. Vậy nên câu đầu tiên là “Xin chào, Ralph Leighton!” Nhưng tiếp theo thì cuốn cụm từ và thành ngữ trở nên vô dụng: các cụm từ được sắp xếp theo chủ đề, không phải theo vẫn chữ cái.

“Dù sao thì chúng ta không thể hy vọng là mọi thứ sẽ được viết ra giống y như trong cuốn cụm từ và thành ngữ”, Richard nói. “Lá thư này được viết bằng ngôn ngữ Tuva đích thực – chứ không phải cái thứ Tuva rởm, như của chúng ta”.

Richard lấy ra bản copy cuốn từ điển Tuva-Nga, còn tôi lấy ra cuốn từ điển bỏ túi Nga-Anh, cùng với cuốn *Cẩm nang Tuva*. Từng từ một, chúng tôi giải mã câu thứ hai: “Năm mới với!” Vậy, câu thứ hai có nghĩa là “Chúc Mừng Năm Mới!”

Câu thứ ba hiện ra như thế này “Tôi Daryma Ondar được gọi, bốn mươi lăm tuyết rơi Tôi”.

Chúng tôi không tài nào hiểu được “bốn mươi lăm tuyết rơi Tôi”.

“Hãy tưởng tượng anh là một người Navajo sống trong một khu bảo tồn ở New Mexico”, Richard nói, bắt đầu cười lớn. “Và một hôm, chẳng biết từ đâu ra, anh nhận được một lá thư của một tay người Nga viết bằng thứ tiếng Navajo quá tệ, tay này dùng cuốn cụm từ và thành ngữ Navajo-Tây Ban Nha-Anh mà bạn của anh ta đã dịch giúp sang tiếng Nga. Thế là anh viết lại cho tay người Nga ấy bằng tiếng Navajo đích thực...”

“Chẳng khác gì, việc đọc tiếng Tuva đích thực thật khó”, tôi nói.

Rồi đột nhiên Richard nói, “Rồi! Tôi hiểu rồi: anh chàng này bốn mươi lăm tuổi”.

Rất hợp nghĩa. Nó cũng giống như nói, “Tôi đã sống qua bốn mươi lăm mùa đông” – một lối nói thích hợp với Tuva, miền đất kẹp giữa Siberia và Mông Cổ.

Chúng tôi tra cứu lại các từ điển. Có một nghĩa thứ hai cho từ “snowy” này, nó có nghĩa *letnii* trong tiếng Nga – “mùa hè” trong tiếng Anh.

“Mùa đông, mùa hè, thì có quan trọng gì?” Richard nói. “Nó vẫn có thể ngụ ý là anh ta đã sống bốn mươi lăm năm”.

Rồi tôi xem lại cẩn thận cuốn cụm từ và thành ngữ. Ở cuối trang 32 có câu hỏi “Bạn bao nhiêu tuổi?” Và ở đầu trang 33 là câu trả lời: “*dörten besh kharlyg men*” – “bốn mươi lăm tuyết rơi Tôi”.



## Những giải điệu bí ẩn

Chúng tôi vui vẻ vật lộn suốt một tuần mới dịch xong được lá thư của Ondar Daryma, từng từ một. Cuối cùng, nó là như thế này:

3

Của bạn viết lá thư - của bạn đọc làm quen tôi. [Tôi đã thấy lá thư của bạn và đọc nó.] Bằng tiếng Tuva viết - của bạn vui vẻ đầy-là-tôi. [Tôi rất vui là bạn đã viết bằng tiếng Tuva.] Tiếng Tuva của chúng tôi tiếng Thổ Nhĩ Kỳ có liên quan. [Tiếng Tuva có họ hàng với tiếng Thổ Nhĩ Kỳ.] Bạn lá thư đến? [Bạn đã nhận được lá thư này chưa? – Một câu hỏi hơi lạ, chúng tôi nghĩ, vì có duy nhất một lời đáp.] Ai từ lá thư nhận bạn? [Bạn đang trao đổi thư với ai?] Viện chúng tôi từ lá thư lấy bạn? [Bạn đang trao đổi thư với ai đó ở viện chúng tôi?]

Lá thư của Daryma tiếp tục:

Kyzyl thành phố - trong sách các cửa hàng là. Các từ điển Nga-Tuva và Tuva-Nga sách có. Trung tâm của Tuva Kyzyl thành phố. Trung tâm châu Á nơi thành phố chúng tôi đẹp, sạch. Ở đây vài ngày môi trường của nó - do người ta dứt bỏ không. [dịch nghĩa tốt nhất mà chúng tôi có thể làm là: Khi đã ở lại trong môi trường Kyzyl vài ngày, người ta sẽ không thể dứt đi được.] Chúng tôi - bằng Tuva-Anh từ điển sách không. Ghi lại viết bài hát, giai điệu. Bạn quan tâm đến điều gì? Chúng tôi tới thư từ viết bạn.

Đoạn cuối cùng như sau:

Tôi này viện ở Tuva văn học truyền miệng dân gian sưu tập viết tôi [Câu này gợi nhớ - cụm từ, “Liệu có khả năng nhận được một tuyển tập các công trình về văn hóa dân gian không?” Chính người sưu tầm viết cho chúng tôi!] Mười lăm năm đang làm việc vẫn-tôi. Theo lá thư viết của bạn đợi đang tôi. Sung túc-lớn cho-bạn-với bạn muốn-tôi. Lớn-với đây-là-tôi. [Cụm từ đó ở phần được ghi là “cám ơn”: nó có nghĩa là “Tôi cảm ơn rất nhiều.”]

Chúng tôi đã rất hứng thú với việc giải mã lá thư của Ondar đến nỗi trong vài tuần không nhận ra là, trong thư ông ấy không hề nhắc đến việc làm thế nào có thể đến thăm Tuva.

Khi tôi bắt đầu thu thập câu chữ để đưa vào lá thư trả lời thì Richard lật qua cuốn *Cẩm nang Tuva*. Bỗng nhiên ông bảo, “Này Ralph, nhìn đây: có một cuốn sách ở thư viện Đại học Columbia, tên là *Tyva Tooldar*, do O.K Daryma và K.X Orgu biên tập”.

Tôi nhìn vào thư của Ondar: tên đầy đủ của ông là Ondar Kish-Chalaevich Daryma.

*Tyva Tooldar (Truyền Tuva)*, cuốn cuối cùng trong danh mục tham khảo, được miêu tả như một dạng “sưu tập văn hóa dân gian

khác”. Nhưng với chúng tôi, tác giả của nó, O.K. Daryma, không chỉ là một nhà sưu tầm văn hóa dân gian khác.

Một vài tuần sau, lá thư trả lời của chúng tôi đã được hoàn tất. Tôi giới thiệu Richard với Ondar; chúng tôi kể ra *Cuốn cụm từ* và thành ngữ *Tuva-Mông Cổ-Nga* như là cội nguồn tiếng Tuva của chúng tôi, và nói rằng chúng tôi rất quan tâm đến địa lý và văn hóa dân gian, viện dẫn những con tem năm 1936 với những căn lều, gia súc, tuần lộc, lạc đà, bò Tây Tạng, đấu vật, đua ngựa và bắn cung. Chúng tôi hỏi, “Tuva-ở những thứ này vẫn ngày nay còn?”

Rồi chúng tôi nhắc đến cách hát “họng” kỳ bí bằng cái tên riêng Tuva của nó, *höömei*, và hỏi liệu có chăng các băng thu âm. Lá thư của Ondar có viết “Ghi lại viết bài hát, giai điệu” nên chúng tôi nghĩ là mình có thể nhận được câu phản hồi tích cực cho câu hỏi này.

Richard viết phân bổ sung của riêng ông vào lá thư của chúng tôi, kể rằng ông đã thấy cuốn sách của Daryma trong danh mục của thư viện Đại học Columbia ở New York. Dưới tên mình, Richard vẽ cái hoa văn mà ông đã thấy ở một cuốn sách về Tuva.

Chúng tôi gửi lá thư đi vào giữa tháng Hai, hy vọng là sẽ nhận được thư hồi âm sớm hơn lần trước: lá thư đầu của chúng tôi mất gần một năm mới có trả lời!

“Tôi không hiểu do đâu mà chậm trễ thế”, tôi nói “Thư của Ondar đến ta chỉ mất ba tuần; chăng lẽ thư của ta đến chỗ ông ấy lại mất tới chín tháng?”

“Có lẽ Ondar đã mất đến chín tháng để hiểu chúng ta đang muốn nói gì”, Richard nói.

Tôi mỉm cười, rồi nghĩ về chuyện gì đó. “Này, tôi biết rồi: đó là FBI. Đây, cái phong bì này được gửi tới Kyzyl, ‘thành phố nguyên tử’ của Liên Xô, nên FBI đã mở nó ra. Chữ bên trong được viết bằng

chữ cái Nga, nhưng không phải tiếng Nga – nó hẳn phải là một loại mật mã nào đó. Mất chín tháng để FBI hiểu ra rằng lá thư được viết bằng cái thứ tiếng Tuva chắp vá”.

Khi mùa xuân nhường chỗ cho mùa hè năm 1980, việc Mỹ tẩy chay Olympic Moscow nhắc nhở chúng tôi một cách bất nhã rằng giấc mơ thăm Tuva của chúng tôi sẽ không sớm trở thành hiện thực.

Vào mùa thu tôi bắt đầu một hợp đồng giảng dạy mới ở một ngôi trường khác của Pasadena (lần này không có lớp địa lý). Những buổi chơi trống hằng tuần xen giữa bằng những câu chuyện khôi hài của Richard tiếp tục mang lại cảm giác thật dễ chịu. Mặt trận Tuva hoàn toàn tĩnh lặng.

Tháng Chín năm 1980, Ronald Reagan được bầu làm Tổng thống. Chiến dịch vận động của ông đầy những tuyên bố cứng rắn, chủ yếu là chống Liên Xô. Dịp lễ Tạ ơn, tôi đột nhiên có ý tưởng là cơ hội thăm Tuva của chúng tôi không nhất thiết liên quan *trực tiếp* với sự ám lên của quan hệ Mỹ-Xô; cơ hội của chúng tôi rất có thể liên quan *ngược lại*: nếu mối quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô xấu thế, thì sao không góp phần cải thiện nó bằng chính chuyến đi Tuva!

Tôi viết thư cho Đài phát thanh Moscow, TASS (hãng thông tấn của Liên Xô) và Intourist (hãng du lịch của Liên Xô) nói rằng, Tuva là một nơi vô cùng hấp dẫn và đề xuất rằng, tôi sẽ viết một bài về vùng đất này cho *National Geographic* hoặc *Geo*. Và, tất nhiên, Richard sẽ đi cùng tôi như một nhiếp ảnh gia.

Intourist đã trả lời ngay: “Cảm ơn ông về lá thư lịch lâm và rất thú vị. Chúng tôi rất lấy làm tiếc phải thông báo với ông rằng, nơi mà ông quan tâm nằm ngoài các tuyến du lịch của Intourist; vì vậy chúng tôi không thể sắp xếp một chuyến đi như thế”. Đài phát thanh

Moscow trả lời muộn hơn và khuyên tôi nên liên lạc với Intourist. Còn, TASS thì không hề phản hồi.

Khi năm 1980 khép lại, John Lennon bị giết ở New York. Năm mươi hai con tin Mỹ vẫn còn ở Iran, đã hơn một năm kể từ ngày họ bị bắt giữ. Quân đội Liên Xô kỷ niệm năm đầu tiên của họ ở Afghanistan. Mặc cho các quan hệ quốc tế ảm đạm, Richard và tôi tiếp tục cố gắng duy trì mối liên hệ với Tuva. Chúng tôi đã gửi cho Ondar một tập ảnh về California và chúc ông ấy một năm mới hạnh phúc.

Tháng Giêng năm 1981 đã chính thức mang Ronald Reagan vào văn phòng Tổng thống ở Nhà trắng, nhưng nó lại chẳng mang đến cho tôi bức thư nào từ Kyzyl như năm trước. Nghĩ về Ondar Daryma, Richard và tôi nhớ tới cuốn sách của ông ấy, *Tyva Tooldar*. Một hai ngày sau, thư viện Caltech gửi tới Đại học Columbia yêu cầu được mượn một cuốn sách cụ thể bằng tiếng Tuva.

Vài tuần sau, nhận được cuốn *Tyva Tooldar*, chúng tôi ngay lập tức copy nó, và chọn trong đó một truyện phù hợp để dịch. Trong mươi tám câu chuyện có thể lựa chọn; chúng tôi bắt đầu với câu chuyện ngắn nhất – một trang – có tiêu đề “*Tarbagan bile Koshkar*” (“Con mac-mot và chú cừu đực”). Chúng tôi thậm chí không thể làm rõ ngay câu đầu tiên. Sau đoạn đầu, dường như có một đoạn hội thoại giữa hai con vật về “sự tồn tại” và “lấy các thú” từ khu rừng. Chúng tôi đầu hàng.

Câu chuyện ngắn nhất tiếp theo – một trang rưỡi – có tên là ‘*Kuskun bile Ügü*’ (“Con Quạ và con Cú đại”). Cái tên này tác động mạnh lên bộ nhớ của tôi; tôi đã từng nhìn thấy một con cú đại Siberi ở vườn thú Los Angeles.

Câu chuyện bắt đầu bằng cụm từ “*Shyian am*”, dịch ngang là “Vậy là bây giờ”.

“Nghe vô nghĩa lăm”, tôi nói.

Richard nhìn vào cụm từ khởi đầu của các câu chuyện Tuva khác. Một nửa chúng bắt đầu bằng cụm từ “Shyian am” hoặc “Shyian”. Ông bảo, “Có lẽ đây là một cách mào đầu câu chuyện phổ biến ở Tuva. Giả như ta tra cụm ‘ngày xưa ngày xưa’, từng chữ một – thì nó sẽ trở thành ‘ngày xưa’, ‘ngày’, ‘xưa’ và ‘một quãng thời gian bất định’ khi đó mọi chuyện diễn ra.” Vậy là bây giờ cũng có nghĩa y như thế.

Chúng tôi chuyển sang câu tiếp sau. Nó là “Xa về trước rất lạnh lâu lăm rồi mọi thứ cách này”.

Câu chuyện về con quạ và con cú đại có vẻ dễ giải mã hơn (ít nhất là chúng tôi nghĩ vậy); chúng tôi chỉ mất đâu khoảng hai mươi giờ, trải ra trong vài tuần. Hình như là, một hôm con quạ và con cú đại gặp nhau trong rừng và tranh biện nhau xem ai biết nhiều “ngôn ngữ” hơn. Cú đại tuyên bố mình biết chín ngôn ngữ, và thử bắt chước tiếng kêu của một đứa bé và của một con cáo. Quạ tuyên bố sở hữu bảy mươi mốt ngôn ngữ, nó bắt chước mọi vật từ gà và kền kền đến gia súc, ngựa và chuột túi. (Chuột túi ở Tuva gây ra tiếng động?)

Dù thế nào đi nữa, hai con chim này đã gọi nhau bằng đủ loại tên xấu xa cho đến khi chúng chẳng còn gì để mà cãi nhau nữa. Và đó là lý do vì sao mà quạ chỉ xuất hiện vào ban ngày, còn cú thì chỉ vào ban đêm.

Thành công trong việc giải mã câu chuyện Tuva này đã khích lệ chúng tôi viết một lá thư nữa cho Ondar Daryma. Với những từ được chuyển thể từ cuốn *Cụm từ và thành ngữ* và từ lá thư trước của ông ấy, chúng tôi đã hỏi, liệu ông ấy có thể đọc thành tiếng “Con quạ và con cú đại” và thu âm để chúng tôi có thể nghe xem tiếng Tuva nó như thế nào. (Nhờ đó chúng tôi cũng có thể đóng góp phần nào cho Tuva học bằng cách gửi băng thu âm cho Giáo

sư Krueger, tác giả của *Cẩm nang Tuva*, rõ ràng là ông chưa từng nghe thấy ngôn ngữ này.)

Chúng tôi cũng tự tin hơn để bày tỏ mong muốn đến thăm Kyzyl của mình: chúng tôi đã viết một câu như thế này, “Điểm Trung tâm châu Á những ngày-vào môi trường của nó-trong ở lại thích-chúng tôi. Ông-tới thỏa mãn lớn-với gặp chúng tôi!”

Chúng tôi đã gửi lá thư đi vào tháng Ba.

Vài ngày sau, Richard gọi tôi lại. “Này, anh bạn”, ông nói, “Kinh độ và vĩ độ của Tuva là bao nhiêu nhỉ?”

“Khoảng 52° Bắc và 95° Đông. Có chuyện gì vậy?”

“Tôi sắp tham gia một dạ hội trang phục. Năm nay quy định chỉ dùng các trang phục truyền thống thuộc vùng lãnh thổ nằm giữa các vĩ độ 40° Bắc và 10° Nam, và giữa các kinh độ 30° và 150° Đông. Tôi định chọn một bộ cà sa Tuva”.

Tôi với vội cuốn atlas. “Tệ quá, họ không cho ông thêm 10° nữa”, tôi nói. “Có một phần rất nhỏ của Tuva nằm dưới 50° Bắc”.

“Đúng vậy. Tôi nghĩ, lựa chọn tốt nhất có lẽ là Tây Tạng”.

“Đó là một lựa chọn không tồi; áo cà sa của các nhà sư Tuva và của các nhà sư Tây Tạng chắc là rất giống nhau”.

Gweneth là một thợ may giỏi – bà ấy đã may những bộ y phục rất cầu kỳ cho Carl và Michelle vào mỗi dịp Halloween – thế là bà tra cứu các tạp chí địa lý quốc gia để tìm một bài về Tây Tạng. Bà đã tìm thấy ngay một bài về Ladakh, một vùng Himalaya hẻo lánh thăm đâm truyền thống Lạt ma. Trang phục Ladakh rất độc đáo, với hai cánh tai nhô dài ra ở hai bên mũi. Ladakh, được đấy.

Richard đến một cửa hàng bán quân trang phế loại và mua một vòng bi nhỏ. Ông lồng vòng bi quanh một chân ghế sofa gỗ mà ông

đã mua ở một cửa hàng dụng cụ gia đình, buộc quanh vòng bi một cái hộp bằng thiếc, nối tiếp với một dây xích mảnh. Ở đầu dây ông treo một vật nặng (một hộp Coca-Cola tí xíu lấy từ vòng chìa khóa), và thế là có một cái bánh xe cầu nguyện của thầy tu. (Vật nặng ở đầu dây xích giúp thầy tu quay bánh xe cầu nguyện của mình – thực ra là một hình trụ – bằng cách lắc lư cổ tay.) Một vòng quay của bánh xe tương ứng với một lời cầu nguyện bên trong – một cách rất hiệu quả để hoàn thành nghĩa vụ tâm linh của mình trong khi chăn dắt bò.

Richard muốn bánh xe cầu nguyện của mình trông phải như thật. “Tìm đâu được mấy chữ viết Tây Tạng nhỉ?” ông hỏi.

“Tôi có bản copy cuốn *Trung Quốc qua tranh* bằng tiếng Tây Tạng”, tôi nói. (Tôi đã mua nó ở phố Tàu cùng với các bản tiếng Anh, Trung, Mông Cổ, và Uighur.) Bị áp lực về thời gian, Richard đã chép ra một câu trái ngược hẳn với lời cầu nguyện, nó ngụ ý đại loại như, “Mong cho bó đuốc dẫn đường của Mao Chủ tịch chiếu sáng muôn đời!”

Bộ trang phục là một thành công lớn. Richard kể rằng, khi ông và Gweneth xuất hiện ở bữa tiệc, một phụ nữ đã thốt lên không kịp thở, “Ladakh! Ông đến từ Ladakh! Ông đào đâu ra bộ trang phục này thế?”<sup>1</sup>

Vào cùng khoảng thời gian ấy, tôi cũng đã mở rộng tầm mắt của mình đôi chút. Một vài người bạn Nhật Bản đã đưa tôi đi xem *Dersu Uzala*, một bộ phim hợp tác Xô-Nhật của đạo diễn Akira Kurosawa. Bộ phim này đánh dấu một sự thay đổi lớn so với những phim trước của Kurosawa: thứ nhất, nó là phim màu, và thứ hai, câu chuyện

---

1. Một họa sĩ của Pasadena, Sylvia Posner, đã vẽ truyền thần bức ảnh của Richard trong bộ trang phục ấy. Ảnh đen-trắng bức tranh của Posner được trình bày ở trang 274



Richard trong trang phục cà sa Ladakh với bánh xe cầu nguyện.

không xảy ra ở Nhật mà ở miền đông Siberia. Thêm nữa, không có sự tham gia của ngôi sao Toshiro Mifune, thay vào đó là các diễn viên Xô Viết. *Dersu Uzala* đã đoạt giải thưởng của Viện Hàn lâm điện ảnh cho phim nước ngoài xuất sắc nhất năm 1975.

Bộ phim kể về một nhóm khảo sát, vẽ bản đồ biên giới Nga-Trung vào khoảng thời gian trước thềm thế kỷ 20. Mấy chàng lính Nga lực lượng và hoạt bát bắt gặp Dersu, một thợ săn nhỏ thó, người đã quở trách mấy anh lính này về hành vi phóng đãng của họ. Trong một tình cảnh rất đau buồn, Dersu đã cứu mạng sống của người đội trưởng khi một cơn bão khủng khiếp càn quét suốt đêm trên một cái hồ đóng băng.

Với cái đầu suy nghĩ đơn chiều, tôi tưởng tượng rằng Dersu là một người Tuva, mặc dù bộ phim đã cho biết, anh ta đến từ bộ tộc “Goldi”.<sup>1</sup>

Ngay sau buổi xem phim hoành tráng ấy, Mary Zirin đã gửi cho tôi tên một cuốn sách mà cô đã nhìn thấy trong một tập quảng cáo sách của nhà xuất bản Đại học Cambridge: cuốn *Những người du mục Nam Siberia*. Cô ấy biết rằng cuốn sách viết về Tuva vì tên tiếng Nga của nó là: Istoricheskaya etnografiya tuvinstev (Dân tộc học lịch sử của người Tuva). Tác giả là Sevyan Vainshtein. Chúng tôi ngay lập tức đặt mua cuốn sách đó.

Bìa trước của cuốn sách trình bày ảnh của một người đàn ông khoác áo thụng dài, đứng cạnh một con ngựa nhỏ đốm trắng. Ở bìa sau là ảnh của tác giả đứng cùng ba người Tuva bên ngoài một cái

---

1. Trong khi âm thầm lục hết các giá của thư viện công cộng San Francisco bị sập do động đất để tìm cuốn sách mà Richard thích (*Con đường tới Lãng quên* của Vladimir Zeninov) tôi đã bắt gặp ở cùng dây cuốn *Dersu the Trapper* của Vladimir K. Arsenev (New York, 1941). Phim của Kurosawa dựa trên cuốn sách này.

lều tròn. Một trong mấy người Tuva này đội mũ lông và mặc một cái áo choàng bằng da cộc tay, treo lủng lẳng hàng tá dây thừng dây chão. Một tay ông ta (hoặc cũng có thể là bà ta – khuôn mặt chỉ mờ mờ hiện ra sau bức màn của các sợi dây ngắn hơn) nắm một cái trống to 12 cạnh, trên có vẽ các đốm màu trang trí; tay kia cầm dùi trống. Mặc dù phần chú giải không nói gì, chúng tôi biết đó là ai: một shaman (pháp sư) – một shaman Tuva đích thực. Bức ảnh được chụp năm 1959.

Cuốn sách có lời giới thiệu khái quát của nhà nhân chủng học người Anh, tiến sĩ Caroline Humphrey. Lời giới thiệu bắt đầu như sau:

Có rất ít (nếu chưa nói là không có) những tư liệu mắt thấy tai nghe chi tiết về đời sống thôn dã của những người chăn nuôi ở vùng sâu nhất châu Á để độc giả phương Tây có thể dễ tiếp cận.... Cuốn sách của Vainstein do đó là độc nhất vô nhị trong lĩnh vực này...

Trên thực tế, Tuva là một hình mẫu về kinh tế chăn nuôi Trung và Bắc Á. Gồm một nhóm các thung lũng cao ở thượng nguồn sông Yenisei, bốn bề bao bọc bởi các dãy núi, ngăn cách với những vùng xung quanh của Siberia và Tây Bắc Mông Cổ - Tuva thật biệt lập, điều đó giữ cho con người ở miền đất này tránh được sự soi mói từ bên ngoài cho đến tận thời gian gần đây. Nhưng, một loạt các nghiên cứu thực địa của những nhà nhân chủng học Xô Viết làm việc tương đối độc lập với nhau, đã làm sáng tỏ một điều lý thú rằng, Tuva là nơi giao tụ của ba hệ kinh tế truyền thống quan trọng nhất của Trung Á.

Miền đất tương đối nhỏ của lưu vực Yenisei thượng này có hệ sinh thái rất khác biệt, nó hỗ trợ (a) nền kinh tế săn bắn và chăn nuôi tuần lộc ở những vùng rừng núi, (b) nền kinh tế săn bắn, chăn nuôi ngựa và chăn nuôi gia súc quy mô nhỏ ở vùng rừng trên cao và

Bìa rời sau  
của cuốn  
sách *Những  
người du mục*  
*Nam Siberia*  
của Sevyan  
Vainshtein  
(Cambridge,  
1980) cho thấy  
vào năm 1959  
ở Tuva vẫn  
còn ít nhất  
một Shaman  
(Được sự  
cho phép của  
Vainshtein).





đồng cỏ, và (c) nền chăn nuôi thảo nguyên phức hợp phát triển đầy đủ với năm hoặc nhiều loại vật nuôi hơn trên các thảo nguyên cao và khô ở phía Nam và phía Đông. Điều đáng nói ở đây là, mỗi hình thái kinh tế này đã được ghi nhận ở những cộng đồng Trung Á khác với ngôn ngữ, văn hóa và hình thái chính trị đa dạng và khác biệt.

Cuốn sách của Vainshein là một bức tranh chi tiết hơn của những con tem Tuva – Tuva mà Mänenchen-Helfen đã đến thăm. Nó dựa trên tư liệu của cuộc điều tra dân số năm 1931 do Nước Cộng hòa Nhân dân Tuva thực hiện nhân kỷ niệm mươi năm ngày độc lập. Cuộc điều tra bao gồm rất nhiều lĩnh vực, như số hộ gia đình, số nhân khẩu trong mỗi hộ, loại nhà ở của mỗi gia đình, nhà ở cố định hay di động, và vân vân. Nội dung điều tra còn có cả các hoạt động kinh tế như chăn nuôi, săn bắn, trồng trọt, rèn, làm đồ trang sức, hay tạc đá và gỗ.

Theo tiến sĩ Humphrey, cuộc điều tra dân số năm 1931 đã làm cho Tuva thành nơi duy nhất của châu Á có được tư liệu chi tiết như vậy về đời sống trước thời Xô Viết. Vì thế sự độc lập của Tuva không chỉ có lợi cho những người sưu tập tem (chưa nói đến bản thân những người Tuva), mà còn cho cả những nhà nhân chủng học nữa.

Dường như còn có một lý do nữa để cuốn sách của Vainshtein tập trung mô tả Tuva vào những năm 1930 – đó là năm 1944 Tuva đã trở thành một phần của Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô Viết “anh em”, và do đó – theo quy định – không còn cách sống truyền thống nữa. “Tuva Xô Viết là một nước cộng hòa của nền nông nghiệp tập thể hóa quy mô lớn và công nghiệp hiện đại”, Vainshtein viết ở trang cuối của cuốn sách. “Nền kinh tế và văn hóa xã hội chủ nghĩa phát triển nhanh chóng”.

Thật buồn, chúng tôi nghĩ. Nhưng có thể vẫn còn hy vọng: shaman ở bìa sau cuốn sách của Vainshtein có thể vẫn còn sống?

Đoạn cuối cùng trong cuốn sách của Vainshtein là một điểm gở:

Tóm lại, tôi phải nhấn mạnh rằng công cuộc phát triển xã hội chủ nghĩa ở Tuva, cũng như ở các nước cộng hòa khác của Liên bang Xô Viết – công cuộc chuyển đổi hết sức thành công từ đời sống kinh tế du mục sang đời sống kinh tế định cư – có ý nghĩa lịch sử to lớn. Điều này đặc biệt quan trọng với những người, mà ngay cả giờ đây vẫn đang duy trì kinh tế du mục và sống trong những điều kiện kinh tế - xã hội về nhiều mặt giống như Tuva thời trước cách mạng.

Những lời này dường như nói rằng, để trở thành “Xã hội chủ nghĩa” theo hình mẫu Xô Viết, các xã hội ở bất kỳ đâu trên thế giới – ở châu Á, Phi, Mỹ La tinh – không nhất thiết phải kinh qua giai đoạn tư bản. Nhưng vì trang cuối trong cuốn sách của Vainshtein là trang duy nhất có những lời lẽ khoa trương như vậy, nên có lẽ đoạn cuối cùng ấy là cái giá phải trả để cuốn sách được xuất bản ở Liên Xô.

Sau khi đọc *Những người du mục Nam Siberia*, Richard và tôi bàn về bước đi tiếp theo của mình: một bức thư gửi Sevyan Vainshtein. Bởi vì chúng tôi đang rất thất vọng sau hơn ba năm cố gắng tìm cách đến được Tuva, tôi cho rằng bức thư này nên là thư của riêng Richard, viết trên giấy có tiêu đề Caltech. Nếu không, Vainshtein có thể xem nó như bức thư từ một người hâm mộ nào đó. Để đảm bảo thêm rằng Vainshtein sẽ xem xét bức thư một cách nghiêm túc, tôi đề nghị Richard nên gửi cả lời chào đến một số nhà khoa học Nga mà ông biết – để rồi họ có thể nói cho Vainshtein biết người viết thư là ai.

Mỗi chúng tôi viết ra những gì mà chúng tôi nghĩ nên đưa vào bức thư, rồi gộp lại, sắp xếp, và sửa sang. Lá thư như sau:

TS. Vainshtein kính mến,

Mới đây, tôi được đọc cuốn *Những người du mục Nam Siberia*, bản dịch tiếng Anh từ cuốn *Istoricheskaya etnografiya tuvintsev* của ông. Ông mô tả rất rõ ràng, rất chi tiết những cảnh tượng mà tôi lần đầu nhìn thấy trên các con tem Tuva những năm 1930 khi tôi còn nhỏ.

Niềm đam mê Tuva của tôi đã hồi sinh vài năm trước khi một người bạn dạy địa lý và tôi bàn luận về những vùng đất xa xôi biệt lập trên thế giới – và chúng tôi nghĩ, thử hỏi có nơi nào phù hợp với chủ đề này hơn trung tâm địa lý của châu Á! Khi chúng tôi phát hiện ra rằng trong vòng 150 km quanh Kyzyl có các dãy núi và rừng tai-ga với tuần lộc, các thảo nguyên với ngựa, gia súc, và bò tây tạng, rồi vùng bán sa mạc với lạc đà, và trên tất cả là những vùng đất ấy có những người dân nói tiếng Thổ, những Shaman/Phật tử, những người hát giọng “họng”, những con người rất thân thiện, thì chúng tôi đã quyết định, “Đây là nơi mình nên đến thăm!” Và, từ đó đến nay chúng tôi luôn cố làm việc này.

Chúng tôi đã không đủ cam đảm để nói với Vainshtein rằng, lý do thực sự khiến chúng tôi muốn tới thăm Tuva chính là cách đánh vần tên thủ đô của vùng đất này: K-Y-Z-Y-L – ông ấy sẽ nghĩ chúng tôi là những kẻ gàn dở đích thực! Lá thư tiếp tục như sau:

Chúng tôi cho là, rất khó đến được Tuva, nhất là với một người Mỹ. Công ty du lịch Intourist và Đài phát thanh Moscow rất sẵn lòng, nhưng đã không thể giúp được gì. Dường như là

không một ai ở Moscow có thể hiểu vì sao chúng tôi lại muốn đến thăm Tuva.

Sau khi có được bản copy của cuốn *Tuvinsko-Mongolsko-Ruskii Razgovornik* (*Hội thoại Tuva-Mông Cổ - Nga*), chúng tôi đã viết một bức thư bằng tiếng Tuva gửi đến TNIIYaLI ở Kyzyl, và đã nhận được thư trả lời rất thân tình (cũng bằng tiếng Tuva) của ông Ondar Daryma (*Tyva Tooldar*, 1968); chúng tôi đã viết trả lời ông ấy, nhưng cho đến nay vẫn chưa có hồi âm.

Chúng tôi hiểu rằng, rất hiếm khi một người phương Tây được phép tới Tuva. Vì ông đã từng đến đó nhiều lần và biết nơi đó tuyệt vời như thế nào, nên chúng tôi nghĩ rằng ông có thể hiểu được vì sao chúng tôi lại muốn đến thăm Tuva.

Ông có biết cách nào để chúng tôi có thể thu xếp một chuyến đi tới Cộng hòa Tuva? Chúng tôi sẽ rất biết ơn về mọi lời khuyên của ông.

Xin hãy chuyển giúp lời chào trân trọng của tôi tới Giáo sư V.B. Braginsky ở Đại học Moscow và Giáo sư V. L.Ginzburg ở Viện Lebedev.

Xin cảm ơn ông một lần nữa về cuốn sách giàu chất liệu nhất về miền đất kỳ thú nhất này của thế giới.

Chân thành,  
Richard Feynman.

Sau khi chúng tôi đã gửi lá thư đi, tôi có chút lo lắng về việc đã nhắc đến Braginsky và Ginzburg; họ có thể tỏ lòng “kính trọng” Richard bằng cách sắp xếp vài bài giảng ở Moscow để đổi lấy một chuyến đi Tuva (đó chính xác là cách mà Richard không muốn dùng để đạt được mục đích của mình), như thế sẽ đặt ông vào tình thế

khó xử, buộc phải từ chối cái mà mình đã mất rất nhiều công sức để thu xếp. Rất may là điều đó đã không xảy ra.

Vào tháng Năm, đã ngoại vật lý Caltech hàng năm được tổ chức ở vùng núi bắc Pasadena. Vì bố tôi từng là giảng viên, nên gần như năm nào tôi cũng tham gia đã ngoại cho đến khi tôi đến học ở UCLA. Giờ đây, khi tôi đã tốt nghiệp và đang dạy ở Pasadena, tôi quyết định tham gia và làm quen lại với những người bạn cũ. Một trong số đó là Tina Cowan, con gái của một giáo sư vật lý. Tôi đã huấn luyện bởi cho Tina cùng với anh trai Glen của cô.

Hóa ra Glen, giờ là sinh viên sau đại học về vật lý ở Berkeley, đã từng học tiếng Nga mấy năm ở UCLA. Cậu ta thậm chí đã đến Leningrad để học tiếng Nga trong sáu tuần lễ. Tuyệt vời, tôi nghĩ. Glen có thể lục soát thư viện nghiên cứu đồ sộ ở Berkeley. Hơn nữa, cậu ta có thể hiểu tốt nhiều sách tiếng Nga về Tuva mà chắc là đang có ở đó.

Khi Glen quay lại Pasadena trong một chuyến thăm ngắn ngày vào tháng Sáu, tôi đã đến gặp cậu ấy. Chẳng cần phải ngoắc tay ngoắc tiếc gì cả – Glen mê Tuva như electron mê proton. Cậu ấy sẽ dành cả mùa hè ở Vùng Vịnh để làm việc cho một dự án vật lý ở Berkeley và Stanford (một thư viện tốt khác!)

Vào tháng Bảy năm 1981, tổng thống Reagan chọn Sandra Day O' Connor làm thành viên của Tòa án Tối cao, còn Hoàng tử Charles thì chọn tiểu thư Diana Spencer làm thành viên của Cung điện Hoàng gia.

Rồi vào đầu tháng Tám, những người kiểm soát không lưu quốc gia than phiền về điều kiện làm việc không chấp nhận được, đã tổ chức đình công – làm gián đoạn nghiêm trọng các chuyến bay trên khắp đất nước. Tôi đã mua vé bay tới Seattle, thế là tôi đã

nghiến chặt răng, kiên nhẫn chờ đợi, và cũng đã có một chuyến bay suôn sẻ.

Khi đang thăm mẹ ở Seattle, tôi đã tìm thấy một cuốn sách thú vị ở thư viện Đại học Washington, kể về những chữ khắc giống như chữ cổ xưa của người Đức đã được tìm thấy ở các thung lũng thuộc Orkhon (Mông Cổ) và Yenisei – của Tuva. “Các chữ khắc Orkhon – Yenisei”, được viết bằng chữ Thổ cổ xưa, rất giống với “chữ rune” (chữ cổ của người Đức) thường thấy ở Scandinavia, xuất hiện muộn hơn vài thế kỷ.

Ở thư viện Đại học Washington còn có một cuốn sách về nghệ thuật Tuva của Sevyan Vainshtein. Bìa cuốn sách minh họa một con lạc đà khắc đá rất đẹp. Bên trong có một số mẫu về nghệ thuật lịch sử, trong đó có một tấm đồng lớn từ thời Scynthia (thế kỷ 8 trước Công Nguyên) trên có hình con báo cuộn mình lại. Hai mươi trang cuối của cuốn sách giới thiệu thêm các tác phẩm chạm khắc đá – bò tay tặng, cáo, ngựa, dê, cừu đực non, tuần lộc, và nhiều nữa – dường như đây là dạng thức thể hiện nghệ thuật chính của Tuva trong thế kỷ 20.

Còn có một cuốn sách khác về các ngày lễ của Tuva. Một số ngày lễ gắn liền với âm lịch giống như ở Trung Quốc và Mông Cổ: ở Tuva, Năm mới theo âm lịch được gọi là *Shagaa*; lễ hội mùa hè lớn nhất được gọi là *Naadym*. Ngày Độc lập của Tuva cũng là vào mùa hè – ngày 14 tháng Tám năm 1921. Tôi có vừa đủ thời gian để làm một tờ rơi mừng kỷ niệm lần thứ sáu mươi ngày độc lập của Tuva, ở mỗi góc có các họa tiết Tuva, đóng khung bằng một chuỗi các ký tự Orkhon – Yenisein. Phần chú giải viết, “Hãy chúc mừng sự kiện đặc biệt này bằng cách phủ bụi bộ sưu tập tem và atlas cũ và nói ‘Đừng lãng quên Tuva!’ Hãy tìm hiểu xem cái gì đang xảy ra

với Tannu Tuva bằng cách tham gia vào *Những người bạn của Tuva*. Không cần gửi tiền, chỉ cần những lời chào!”<sup>1</sup>

Dịp kỷ niệm ngày độc lập của Tuva còn khích lệ tôi viết một bức thư tới Bộ ngoại giao. Bởi vì chính phủ Mỹ đã không thừa nhận việc Liên Xô sát nhập Latvia, Lithuania, và Estonia, tôi lưu ý rằng, còn một nước thứ tư, cũng đã từng độc lập giữa hai cuộc thế chiến và cũng đã bị sát nhập theo cách tương tự: Nước Cộng hòa Nhân dân Tuva. Tôi hỏi: “Liệu Mỹ có thừa nhận việc Liên Xô sát nhập Tuva là hợp pháp hay không?”

Tôi không nhận được phản hồi. Hắn là, lực lượng ủng hộ Tuva ở Mỹ không đủ mạnh để bắt người ta phải trả lời câu hỏi trên.

Tôi bắt đầu xem xét kỹ hơn các bản đồ và quả địa cầu ở các cửa hàng. Một quả địa cầu kiểu con lợn đất tiết kiệm ở K-Mart cho thấy Tannu Tuva là một nước độc lập; một cái màn che bồn tắm có bản đồ thế giới ở một cửa hàng đồ tắm thời trang thì mô tả vùng lãnh thổ này như một phần của Mông Cổ, mà chính nó lại là một tỉnh của Trung Quốc. Những bản đồ sai lệch này hóa ra là có nguồn gốc từ Đài Loan.

Trang đầu tiên của cuốn *Nước Cộng hòa Trung Hoa: Sách tham khảo* (in ở Đài Bắc) đã nói một cách chính thức:

Trung Quốc nằm ở châu Á lục địa và các đảo lân cận.... Điểm cực đông của nó là ở kinh độ 135° 4' Đông, nơi giao nhau của các sông Amur và Ussuri; điểm cực tây, kinh độ 71° Đông trên cao nguyên Pamir. Điểm cực nam của Trung Quốc có vĩ độ 4° Bắc ở

---

1. Ở thời điểm đó tôi đã không nhận ra, nhưng với tờ rơi ấy tôi đã không chính thức lập ra một tổ chức mà nó có thể tham gia vào các công việc nghiêm túc. Mời bạn gia nhập *Những người bạn của Tuva* hôm nay.

Nansha Chuntao<sup>1</sup>; và điểm cực bắc ở vĩ độ 53° 57' Bắc tại dãy Sayan bắc Tannu Tuva.

Thông tin này thúc giục tôi viết thư cho chính phủ Đài Loan để hỏi tên của đại diện Tuva, vì tất cả các tỉnh cũ của Trung Quốc, gồm cả Mông Cổ, đều có đại diện ở Đài Bắc. Tôi đã cưỡng lại việc hỏi xin visa để tới Tuva.

(Vài tháng sau tôi nhận được một cuốn sách mỏng từ chính phủ Đài Loan. Tôi đưa cuốn sách cho một người bạn Trung Quốc xem, anh ấy tìm thấy Tuva – được gọi là “Tang-nu U-Liang-hai” – ở trang cuối, được liệt kê như một “thuộc bang” dưới “cờ” Mông Cổ. Tôi không bao giờ tìm ra được tên của vị đại diện Tuva ở Đài Bắc, có lẽ là người ấy đã mất từ lâu rồi.)

Khi tôi vẫn còn ở Seattle, Glen gửi một lá thư kể về việc tìm kiếm Tuva của cậu ấy ở Berkeley và Stanford. Glen liệt kê những cuốn sách mà cậu ta tìm thấy, và tóm tắt nội dung của chúng. Cậu ấy viết, “Hóa ra là, thật khó có thể mở một cuốn sách về Tuva mà không thấy rất nhiều lời giới thiệu về cái ông S.I.Vainshtein này. Ông ấy hẳn là rất có uy tín trong nghiên cứu dân tộc học Tuva”.

Glen cũng kể về việc tìm thấy Uchenye Zapiski, một loạt sách chuyên khảo do viện của Ondar Daryma ở Kyzyl xuất bản, nó gồm “một bộ sưu tập tuyệt vời những bài viết về cuộc sống, ngôn ngữ, âm nhạc, dân tộc học, kinh tế địa phương của Tuva, và, tất nhiên, cả những thông tin phẫn khích gần đây nhất về việc họ xúc động tới chết ngất như thế nào khi tự nguyện gia nhập Liên bang Xô Viết”.

---

1. Thật ra là quần đảo Trường Sa của Việt Nam mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền bất hợp pháp dưới tên gọi “Nam Sa quần đảo” (NXB).

Rồi cậu ta viết,

Mẩu thông tin duy nhất về Tuva không bằng tiếng Nga là một cuốn tiểu thuyết của Salchak Toka, đã được dịch sang tiếng Anh, có tên là *Chuyện kể của người chăn cừu* (tiếng Nga – *Slovo Arata*). Đây là phần đầu tiên trong bộ ba tự truyện của nhà văn nổi tiếng nhất Tuva, và có lẽ cũng là tác phẩm nổi tiếng nhất của ông ấy. Về mặt văn chương thì đây là một cuốn sách dở tệ. Sự bám rất sát vào đường lối tuyên truyền chính thống làm nó trở nên dễ đoán trước một cách lố bịch. Cuốn sách bao trùm cuộc đời của người kể chuyện ở vùng Kaa-Khem của Tuva từ khi sinh ra vào năm 1901 rồi trải qua cuộc nội chiến. (Hắn là đã có một số trận đánh và khá nhiều hoạt động du kích ở vùng đó.) Câu chuyện đi từ cuộc sống của anh ta trong một cái “choom” bằng vỏ cây rách nát (giống như cái lều con của người da đỏ), luôn bị đòn áp bởi những kẻ cầm quyền giàu có, đến cuộc gặp gỡ đầu tiên của anh ấy với những người nông dân Nga, những người mà anh ấy cho là thật thân thiện, tài giỏi và am hiểu kỹ thuật một cách tuyệt vời. Qua vài cuộc phiêu lưu, cuối cùng anh ta gia nhập một đơn vị du kích Hồng quân trong một trận chiến ác liệt chống lại quân Bạch vệ. Sau một trận chiến, người chỉ huy tập hợp các đồng chí của mình lại. “Ông ta thúc ngựa ra giữa hàng quân và giơ tay lên: ‘Các đồng chí, các đồng chí đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc. Hãy cho phép tôi biểu lộ sự đánh giá rất cao của Hội đồng Quân sự Cách mạng Siberia! – ‘Chúng ta phục vụ chính quyền Xô Viết!’ những người du kích đồng thanh lắp lại”.

Và như vậy là kết thúc cuốn thứ nhất. Thực ra, đọc cuốn sách này cũng có cái hay, nó chứa nhiều thông tin thú vị về cuộc sống và lịch sử Tuva. (Tuy nhiên, phần lịch sử thì cần phải có thêm một ít muối.) Tôi đang tìm các cuốn hai và ba, nhưng ít hy vọng. Có rất nhiều bài viết về *Chuyện kể của người chăn cừu* (phê bình, v.v), và nó đã được dịch sang đâu như 21 thứ tiếng của các dân tộc thuộc Liên bang Xô Viết. Tôi thiết tha khuyên anh đọc nó nếu như anh chưa đọc.

Một thời gian sau tôi nhận ra là mình đã từng nhìn thấy cái tên Toka ấy. Nó ở trong chương đầu tiên của cuốn *Reise ins asiatische Tuwa* của Mänchen-Helfen. Đoạn nói về Toka và các sinh viên thực tập của ông hóa ra rất hữu ích:

Kommuniscticheskii Universitet Trudyashchikhsya Vostoka imeni Stalina (Trường đại học Cộng sản Joseph Stalin của những người lao động Phương Đông – viết tắt là KUTV bởi vì người ta chắc sẽ hết hoi nếu phải phát âm đầy đủ cái tên kỳ quái này vài lần) đã tổ chức một cuộc thám hiểm vào năm 1929 để tìm hiểu các điều kiện và tiềm năng kinh tế của Tuva. Trường đại học này, nằm ở Quảng Trường Strastnaya của Moscow, là một trường rất lạ. Phía sau một tu viện lớn màu đỏ (quảng trường được đặt tên theo tu viện này) có một tòa nhà hai tầng kín đáo, nơi những “quả bom người” đang được chế tạo. Hàng trăm thanh niên phương Đông – Yakut, Mông Cổ, Tuva, Uzbek, Triều Tiên, Afghan và Iran – được huấn luyện ở đó trong ba năm để làm nổ tung những phong cách sống xa xưa vốn có ở quê hương của họ. Trong ba năm, các shaman bị biến thành những kẻ vô thần, những người sùng bái Phật giáo biến thành những kẻ sùng bái máy kéo. Được cung cấp xà phòng, bàn chải răng và thứ tiếng Nga bồi, những thanh niên trong sáng này – bị nhồi nhét bằng những từ khoa trương và những khẩu hiệu cuồng tín, như những người truyền đạo để hoàn thành mọi việc – có sứ mệnh đẩy những người đồng hương của mình tiến thẳng vào thế kỷ 21.

Chỉ trong một tháng (về thời gian này sẽ có chuyện để kể), năm sinh viên cùng đi với tôi đến Tuva – Sedip-ool, Toka, Tapit, Chinchig-ool và Kamova<sup>1</sup> nhỏ nhắn và thông minh – đã loại bỏ hai phân ba đảng viên của Đảng Cách mạng của Nhân dân Tuva và chạy như ma

---

1. Hai trong năm người vẫn còn sống khi cuộc phiêu lưu của chúng tôi bắt đầu. Sedip-ool mất năm 1985; Kamova mất cuối năm 1988

đuối khắp các thảo nguyên, tịch thu tất cả vật nuôi trên hai mươi đầu con của các gia đình du mục để thiết lập các đàn lạc đà, cừu, dê, và gia súc của chính phủ – một cách thức thật độc đáo để xã hội chủ nghĩa hóa các tiềm lực sản xuất sữa!

Trên đường từ Seattle về Pasadena, tôi đã dừng lại ở Berkeley để thăm Glen. Chúng tôi quyết định đi đến tòa lãnh sự Xô Viết ở San Francisco để xem các nhân viên ở đó có thể nói gì về việc tới thăm Tuva.

Chúng tôi tìm thấy một tòa nhà gạch bình dân – với cả tá anten đủ loại ở trên mái – nằm trong một khu vực khá tân thời gần một cơ sở của Quân đội Mỹ, cách Cầu Cổng Vàng khoảng một dặm. Chúng tôi ấn nút ở cửa, thiết bị kêu ù ù nhè nhẹ, và cửa mở. Sau vài phút chờ đợi ngoài sảnh, xem lượt máy cuốn quảng cáo du lịch về Armenia, Georgia và Azerbaijan, một nhân viên lãnh sự quán đến gặp chúng tôi – một quý ông dễ mến ở độ tuổi năm mươi.

Chúng tôi trình bày nguyện vọng muốn đến thăm Tuva; vị này biết Tuva ở đâu (phải chăng, một người sưu tập tem?). Chúng tôi nói với ông ấy rằng ở đó không có văn phòng Intourist; thay vì đáp lại chúng tôi bằng những lời đặc sệt bàn giấy (“Nếu không có văn phòng Intourist ở đó, thì rõ là các ông không thể đến được!”), ông ấy hỏi, “Thế, có chẳng hạn một viện nào đó ở Tuva hay không?”

“À, có!” tôi thốt lên

“Đó là TNIIYaLI – Tuvinskii Nauchno-Issledovatelskii-Institut Yazyka, Literatury, i Istorii”, Glen phát âm một cách hoàn hảo cái ngôn ngữ rắc rối ấy.

“Chúng tôi có liên lạc với một thành viên của viện ấy”, tôi thêm vào.

“Tốt rồi, vậy thi”, vị nhân viên lãnh sứ quán nói, “có lẽ các ông có thể đề nghị viện đó gửi cho một giấy mời…”

“Chỉ vậy thôi sao?” tôi hỏi có phần hoài nghi. “Chỉ một lá thư của viện đó?”

“Đó là tất cả những gì các ông cần”.

“Thật chí không cần cái gì từ Moscow?”

“Không cần, một thư chính thức của viện ở Kyzyl gửi cho chúng tôi là đủ. Khi thư đến, chúng tôi sẽ báo, rồi cấp visa cho các ông”.

“Thật tuyệt vời. Chúng tôi sẽ làm như thế và sẽ gặp lại ông sau vài tháng nữa!”

Chúng tôi bắt tay vị nhân viên lãnh sự quán – tôi cảm thấy muôn ôm ông ta – và lâng lâng ra khỏi lãnh sự quán. Khi đã ngồi vào xe của Glen, tôi nói, “Chúng ta không được làm hỏng cơ hội này, tiếng Tuva thật ngô để giải mã và học cho vui, nhưng với chúng ta nó không phải là một phương tiện liên lạc hiệu quả. Một bức thư bằng tiếng Nga sẽ chuẩn hơn về mọi nhẽ. Như thế thì viện sẽ hiểu chính xác chúng ta cần gì: một thư mời gửi tới lãnh sự quán”.

Chúng tôi chạy xe tới một hiệu sách tiếng Nga cách đó chừng một dặm. Glen tìm thấy một cuốn sách hướng dẫn cách viết thư công vụ bằng tiếng Nga; và, bây giờ thì cậu ấy cần một máy chữ tiếng Nga. Ở hiệu sách, Glen đã hỏi được mấy nơi có thể có loại máy chữ này, nhưng đều không có phản hồi mong muốn. Quá thất vọng, chúng tôi tra cứu cuốn “Những trang vàng” và đã tìm thấy một người tên là Archie, chủ sở hữu một cửa hiệu nhỏ gần phố Tàu. “Sang đó đi”, Glen nói. “Tôi sẽ kiểm cho anh một món hời!”

Quả thực Glen đã kiếm được một “món hời” – một máy chữ Ukraina với giá \$25. Nó có thể dùng để gõ chữ tiếng Nga, vì tiếng

Ukraine cũng được viết bằng bảng chữ cái Slavơ. Nhưng việc lần tìm các chữ cái trên một bàn phím lạ quá là mất thời gian, nên Glen đã viết tay bản nháp đầu của bức thư.

Tôi mang bản dịch tiếng Anh của bức thư này về Pasadena, đưa cho Richard xem (ông ấy bảo, được đấy), rồi gửi lại cho Glen. Cậu ấy gõ bản thư tiếng Nga bằng máy chữ mới của mình rồi gửi nó đi.

Một năm học mới bắt đầu (cũng lại không có lớp địa lý); tiếp tục những buổi chơi trống và buôn chuyện với Feynman. Chúng tôi cố gắng cẩn trọng với những hy vọng của mình về thành công của kế hoạch cuối cùng này, cho dù chúng tôi biết lần này thì nó *phải* vận hành.

Một hôm, Richard gọi cho tôi. “Hãy đến đây, anh bạn trẻ, tôi có cái này cho cậu xem”.

Tôi chạy bộ sang nhà Feynman.

Richard đang cầm một đĩa hát 12 inch (khoảng 30cm), có tên là *Melodii Tuvy* (Giai điệu Tuva), do Kip Thorne gửi cho. Thorne là một nhà vật lý của Caltech, nghiên cứu các vấn đề gần với Braginsky và Ginzburg, hai nhà khoa học Nga mà Richard quen biết. Ông này vừa mới trở về từ Moscow.

Có mấy dòng tiếng Nga ở bìa bọc phía sau: chúng tôi nhận ra tên mình; đoạn còn lại là “Với sự kính trọng chân thành và những lời chúc tốt đẹp nhất. Cùng những lời chào từ Tuva, S. Vainshtein”. Tin nhắn gửi kèm của giáo sư Thorne viết, “Lá thư của Vainshtein gửi RPF (Richard P. Feynman) đã được gửi đi. Với sự giúp đỡ của Giám đốc Viện [Dân tộc học ở Moscow] ông ấy đang cố thu xếp để RPF có thể đến thăm Tuva”.

Hết sức phấn khích, Richard lấy cái đĩa ra khỏi bao giấy. Tôi đến chỗ máy quay, phủi bụi, lau cái kim hát, cẩn thận đặt đĩa vào, và thở thật sâu. Khi tay hết run, tôi mới nhẹ nhàng đặt kim lên đĩa hát.

Những gì chúng tôi nghe được thật quá tuyệt vời, tôi muốn các bạn được tự mình nghe những âm thanh ấy. (Một băng thu âm đặc biệt được kèm với bản cứng nguyên gốc của cuốn sách này có thể nghe được ở [www.FOTuva.org/soundsheet](http://www.FOTuva.org/soundsheet).)





## Chào Tù Trưởng!

Chúng tôi hoàn toàn bị sốc. Tuva, một nơi cô lập ở trung tâm châu Á – cái mảnh đất nhỏ bị lãng quên với những con tem bưu điện mê hồn ấy – đã vượt quá cả những giấc mơ ngông cuồng nhất của chúng tôi. Những âm thanh trên cái đĩa hát thật quá đỗi kinh ngạc: làm thế nào một ca sĩ có thể hát đồng thời hai nốt? Thoạt tiên, “giọng” cao hơn vút lên như tiếng sáo, vài quãng cao hơn giọng cơ bản. Rồi đến các kiểu hát *hoeomei* khác lạ hơn, mà kỳ bí nhất trong đó là cái cách hát “liến láu”, nghe như tiếng côn trùng xa xôi quyện lại.

4

Phải mất vài ngày chúng tôi mới lấy lại được sự thăng bằng. Cuối cùng, tôi đã gửi những âm thanh kỳ bí này cho tất cả *Những người bạn của Tuva*, trong đó có Mary Zirin, cô đã đề nghị tôi gửi một bản copy cho Mario Casetta, một DJ (người giới thiệu nhạc trên đài phát thanh) có uy tín về nhạc dân tộc ở đài KPFK, một đài phát thanh độc lập của địa phương.

Tôi đã viết cho Casetta chỉ đơn giản thế này: “Hãy đoán xem đây là cái gì, và từ đâu đến – Ralph Leighton, 577-8882”. (Mách nước: hãy xem những chữ cái nào trên điện thoại tương ứng với 8882.)

Casetta trả lời ngay lập tức. “Nó có vẻ như cái gì đó mà tôi có trong đĩa hát của Mông Cổ”, anh ta nói một cách hào hứng. (Thật ra, đĩa hát của anh ấy có mấy *höömei* của miền tây Mông Cổ, nơi có vài ngàn người Tuva sinh sống.)

Tôi nói với Casetta rằng, những âm thanh kỳ bí ấy đến từ một vùng đất từng được gọi là Tannu Tuva.

“Tannu Tuva – anh ngụ ý cái nơi có những con tem bưu điện tuyệt đẹp phải không?” (Mario cũng đã từng sưu tập những con tem đặc biệt của Tuva khi còn nhỏ.) “Chúng tôi sẽ phải làm một chương trình – chỉ cần cho tôi chút thời gian để lục lọi gác mái và tìm bộ sưu tập của mình”.

Vào cuối tháng Mười, Richard phải đi kiểm tra sức khỏe ở UCLA. Các kết quả kiểm tra là “thú vị” theo cách nhìn của Richard; nhưng theo bất kỳ ai khác thì chúng là đại họa: khối ung thư trong ổ bụng của ông, mà đáng lẽ ra đã được cắt bỏ ba năm về trước, nay đã phát triển thành một khối phức tạp bao xung quanh ruột.

Bác sĩ Donald Morton ở Bệnh viện Ung thư John Wayne của UCLA đã được mời đến để tiến hành phẫu thuật. “Tôi tin rằng bằng cách cắt đi chừng 2,5cm mô lành ở xung quanh tôi sẽ moi ra khối u ác”, nhà phẫu thuật nói. “Tôi thường không dừng lại cho đến khi có thể nhìn thấy cái bàn mổ phía dưới”.

“Cơ may thành công cho một ca mổ như vậy là như thế nào?” Richard hỏi.

“Vâng, tôi đã từng mổ cho cả tá bệnh nhân, và chưa một lần thất bại – tuy nhiên tôi vẫn còn chưa biết đâu là mặt hạn chế của mình”.

Richard phải xạ trị để làm mềm các mô ung thư, và sau đó phải trải qua một ca phẫu thuật mươi tiếng đồng hồ. Khi vết mổ sắp được khâu lại thì một động mạch ở gần tim của ông bị vỡ. Để qua được, ông đã cần tới tám mươi pint máu (một pint tương đương 0,473 lít). Tình cờ, ngày hôm ấy ở UCLA có hai bệnh nhân nữa cũng cần máu tương tự, thành thử ngân hàng máu cạn kiệt. Tin cấp báo bay về Caltech và bộ phận trực thuộc của nó, Phòng thí nghiệm đẩy phản lực (Jet Propulsion Laboratory). Trong vòng hai giờ đồng hồ đã có một dây dài hàng trăm người từ Pasadena tình nguyện hiến máu vào “tài khoản ngân hàng” của Richard Feynman.

Cuộc phẫu thuật kết thúc sau mười bốn tiếng. Quá trình hồi phục của Feynman khá chậm, nhưng ông không hề than phiền – với ông, còn sống sau ca mổ như vậy đã là lãi rồi.

Vào tháng Mười hai, trong hộp thư của tôi xuất hiện một phong bì nhiều màu sắc – phải chăng một tấm thiệp Giáng Sinh đến sớm? Tôi nhận ra ngay đó là cái gì: cuối cùng thì Daryma đã trả lời! Tôi mang bức thư sang chỗ Richard và chúng tôi cùng mở phong bì. Sau đó là một tuần thích thú với việc giải mã bức thư, và kết quả như sau:

Xin chào, các bạn Ralph Leighton và Richard!

Các bạn sống, làm việc thế nào? Các bạn với mới cái gì? Chúng tôi-chỗ mùa thu đã tới. Các lá thư của các bạn đã gửi đã nhận được tôi. Món quà đã gửi cũng đã nhận được tôi. Lớn với (lời cảm ơn) tràn đầy tôi.

Bạn-tới kargyraa, höömei, sygyt đế-gửi tặng phẩm nhưng tìm chưa thấy tôi. Tìm thấy sau khi sê gửi tôi. [Có vẻ như, rất khó kiểm được Melodii Tuvy ở Tuva.]

Tôi năm nay kỳ nghỉ Mông Cổ-tới đã đi-tôi. Tuyệt vời đã.

Các bạn từ điển Nga-Tuva tìm thấy các bạn và dịch, rất tốt.  
Các bạn-cho cái gì cần, viết các bạn.  
Sức khỏe-hạnh phúc có tới các bạn mong muốn-tôi.  
Lớn với [lời cảm ơn] tràn đầy tôi.  
Biết-tôi những người bạn-của các bạn-tới lời chào-của tôi làm  
đầy-các bạn.

Chúng tôi gửi bản dịch lá thư của Ondar, cùng với lá thư cách đây hai mươi hai tháng tới giáo sư Krueger để kiểm tra xem có chính xác không. Krueger viết lại, “Phong cách rõ ràng là rất đơn giản và trực tiếp, nếu các ông cho phép, tôi xin được dùng cả hai lá thư vào mục đích giáo dục. Sinh viên nên được đọc các lá thư này sớm”. Có vẻ như những lá thư này là trò chơi vở lòng cho các học sinh học tiếng Thổ.

Chúng tôi viết một bức thư ngắn cho Ondar, chúc ông một năm mới hạnh phúc, giới thiệu ông với Glen Cowan, và hỏi liệu viện của ông đã nhận được lá thư của Glen chưa. Chúng tôi kể rằng, thời tiết ở Pasadena là “10 độ dương” (50 độ F), và thời tiết ở Kyzyl là thế nào (có lẽ “10 độ âm”, hay 14 độ F?). Chúng tôi kết thúc lá thư theo đúng thông lệ: “Lớn với [lời cảm ơn] tràn đầy-chúng tôi”.

Vào tháng Giêng 1982 chúng tôi nhận được lời chúc năm mới từ Sevyan Vainshtein. Ông ấy viết, “Mong rằng giấc mơ đến thăm Tuva của các bạn sẽ trở thành hiện thực vào năm mới này”. Chúng tôi xem những lời đó là dấu hiệu cho thấy ông ấy và giám đốc Viện Dân tộc học ở Moscow đã có tiến triển tốt trong việc sắp xếp chuyến đi cho chúng tôi và bắt đầu mơ tưởng về việc chơi trống trong một nhà hát ở Kyzyl.

Chúng tôi cũng bắt đầu chuẩn bị cho một chương trình sát sườn hơn, ngày hội âm nhạc Caltech hàng năm. Lần này là vở *Nam Thái Bình Dương*. Richard và tôi được đề nghị giúp dàn dựng âm thanh cho hòn đảo thần thoại Bali Hai trong một khung cảnh đặc biệt do Shirley Marneus, một đạo diễn của Caltech dàn dựng. Chúng tôi sẽ chơi trống cho một nhóm mang váy cỏ buông xuống một cách quyến rũ trên những cái hông rung rung như những cái máy giặt Maytag bị mất kiểm soát.

Tôi có một băng ghi âm về nhạc trống Tahiti, nhưng trừ duy nhất điệu ai ca đưa tang, tất cả các nhịp khác đều quá nhanh, chúng tôi không hy vọng học được. Vì thế tôi đã gọi cho Mario Casetta ở KPKF để hỏi xem anh ấy có gì khác không.

“Người mà anh nên hỏi là Jack Kineer”, Casetta bảo.

Kineer có một nhóm trống Tahiti – gồm chủ yếu là dân ngoại thành da trắng – nhóm đang chuẩn bị cho lễ hội múa Polynesia trên “đảo” Carson (một thành phố ở hạt Los Angeles nơi có nhiều người Samoan sinh sống). Anh ta mời Richard và tôi đến tham dự buổi diễn tập ở nhà mình.

Khi chúng tôi bước xuống đường dẫn vào nhà, chúng tôi đi theo nhịp trống rộn ràng phát ra từ nhà xe và mở cánh cửa bên. Một trận cuồng âm *tiki-tiki taka-taka toona-taka tiki-taka* hất chúng tôi vào tường và tấn công cơ thể chúng tôi từ đầu tới chân. “Cậu có thể tìm thấy *mọi thứ* ở Los Angeles”, Richard kêu lên, “Thế giới thật kỳ diệu!”

Trong lúc giải lao chúng tôi nói chuyện với Kineer về Tahiti. Hóa ra, anh ấy có thể nói tiếng của vùng này, nhờ thế Richard học được cách nói “Hãy giúp các tay trống!” và “Hãy giúp các vũ công!” bằng tiếng Tahiti đương thời.

Khi lái xe trở về, Richard phá lén cười. “Trừ những người Tahiti ra, khán giả duy nhất sẽ hiểu được tiếng Tahiti của tôi là Murry Gell-Mann<sup>1</sup>“. Ông tủm tỉm.

Tôi biết chắc là, dù Gell-Mann có ở trong khán phòng hay không thì Richard vẫn luôn muốn là người đáng tin cậy nhất trong vai diễn của mình. Khi chuẩn bị cho buổi trình diễn vở *Người buôn ngà voi* ở San Francisco, ông cũng đã học từ Ned Munger, một chuyên gia về châu Phi của Caltech, một số câu tiếng Ewe, một ngôn ngữ Tây Phi.

Một buổi sáng sớm đầu tháng Hai, tôi bị tiếng sấm sét đánh thức dậy. Tôi bật radio lên và vẫn còn mơ mơ màng màng. Tôi bắt đầu mơ thấy một anh chàng đang giải thích về *höömei* trên đài phát thanh: “Sự hòa âm được tạo ra trong miệng theo cùng cách như ở đàn hạc của người Do Thái, nhưng trong trường hợp *höömei*, giọng hát tạo âm cơ bản”. Rồi anh ta thực hành minh họa kỹ thuật này. Cái âm thanh kỳ lạ mà cho đến lúc ấy tôi đã nghe được chỉ ở *Melodii Tuvy* giờ đang được tạo dựng bởi một người Mỹ!

Giấc mơ của tôi tiếp diễn, cái anh chàng trên radio kể một câu chuyện về nguồn gốc của *höömei*: “Chuyện kể rằng *höömei* bắt nguồn từ một nhà sư khi ông nghe thấy âm thanh của thác nước vang vọng trong một hẻm núi ở Tây Mông Cổ. Âm thanh đó chính là gợi ý ban đầu...”. Tôi tỉnh dậy – câu chuyện này quá kỳ quặc ngay cả với một giấc mơ! Tôi lắng nghe tiếng mưa rơi bên ngoài cộng hưởng với tiếng thác đổ trên đài phát thanh và – tôi không thể tin được – *höömei*! Người dẫn chương trình nói lời tạm biệt: “Đây là Tom Vitale ở New York”.

---

1. Murry Gell-Mann sinh năm 1929, giải Nobel Vật lý năm 1969, đã từng là giáo sư ở Caltech cùng với Feynman, hiện sống ở New Mexico, Mỹ

Tôi loạng choạng quanh phòng để kiểm cái bút và mảnh giấy, miệng lẩm bẩm “Tom Vitale, Tom Vitale, Tom Vitale”. Tôi hầu như không có cơ sở nào để biết bao nhiêu phần trong giấc mơ kỳ lạ của mình là sự thật. Khoảng nửa giờ sau, Mary Zirin gọi: “Anh có nghe bản phỏng sự trên NPR không? ”

“Tôi nghĩ là có”, tôi đáp lại. “Có đúng là cái anh chàng giải thích và minh họa *höömei* không?”

“Đúng rồi”, cô ấy đáp. “Chương trình được phát sóng hai tiếng một lần, nên tôi sẽ thu âm cho anh khi nó được phát lại ngay trước 9 giờ”.

Sau giờ dạy, tôi đến chỗ Mary để nghe băng ghi âm bản phỏng sự của Tom Vitale. David Hykes, anh chàng giải thích cách hát, có một ban nhạc ở New York có tên là Đội hợp ca hòa âm, thường biểu diễn ở các nhà thờ. “Nước mình thật kỳ lạ”, tôi nghĩ.<sup>1</sup> “Mình phải gấp anh chàng này”.

Tôi liên lạc với Hykes qua NPR, và nói với anh ấy về nỗ lực tìm cách tới thăm Tuva của tôi, Richard và Glen. Anh ta trả lời, “Có một anh chàng tên là Ted Levin, anh này đã gắng để đến được Tuva nhiều năm rồi. Tôi sẽ cho anh ấy số điện thoại của anh”.

Levin cho biết sẽ có một hội nghị *höömei* vào mùa hè năm đó ở Hovd, Mông Cổ. Tôi kể với Richard về điều này, và chúng tôi mở atlas ra. Hovd (trước đây là Kobdo), náo mình trong vùng Núi Altai, cách Tuva chỉ 200 dặm về phía Nam và có một con đường nối hai thành phố. Theo dự đoán, rất nhiều người Tuva sẽ xuất hiện ở hội

---

1. Với ý nghĩ này tôi quá là tinh lẻ. Có cả những đội hợp ca hòa âm ở Anh, Pháp và Đức. Hykes và Đội hợp ca hòa âm của anh ta đã cho ra một số đĩa, băng và CD về các tác phẩm của họ, một trong đó cuối cùng đã thành phần hòa âm chính cho bộ phim *Dead Poets Society*.

nghị này, vì thế chúng tôi có khả năng sẽ gặp được ông bạn Ondar Daryma của mình ở đó. Nếu chúng tôi không thể đi lậu trên xe buýt chở những người Tuva trở về Kyzyl thì chúng tôi có thể mặc quần áo người chăn cừu và chuồn bộ vào Tuva.

Tôi gọi điện cho Giáo sư Krueger ở Indiana kể về hội nghị này. Là một chuyên gia về Mông Cổ, ông rất muốn tham dự. Ông ấy nói sẽ kiểm tra lại thông tin qua các đầu mối ở Ulaan Bator.

Cuộc nói chuyện của chúng tôi chuyển sang Otto Mänenchen-Helfen. “Tôi đã gặp ông ấy một lần ở Berkeley”, Krueger nói. “Ông là giáo sư về lịch sử nghệ thuật ở đó. Nay ông ấy đã mất rồi, nhưng có lẽ vợ của ông thì vẫn sống ở Khu Vịnh”.

Tôi nói lại chuyện này với Glen và cậu ấy bắt đầu hỏi lòng vòng các cơ quan khác nhau ở Berkeley. Sau vài ngày, Glen gặp được Guitty Azarpay, giáo sư ngành Cận Đông học, người đã từng là học sinh cao học của Mänenchen-Helfen. “Vâng, bác sĩ Anna Maenchen vẫn còn sống, và hiện đang hành nghề phân tâm học ở Berkeley”, bà giáo sư nói. Glen liên lạc với bác sĩ Maenchen qua điện thoại và xin bà cho cả hai chúng tôi một cuộc gặp.

Bác sĩ Maenchen là một người phụ nữ đặc biệt: sinh ra ở St. Petersburg, bà đã chứng kiến cuộc cách mạng Nga khi còn là một thiếu niên. Ngay sau khi những người Bolshevik lên nắm quyền, bà cùng gia đình tháo chạy sang Đức.

Anna gặp Otto ở Berlin. Là một người Dân chủ Xã hội trực tính, Otto đã bị Đức quốc xã buộc phải rời khỏi thành phố này vào đầu những năm 1930. Sau vài năm ở Vienna, nơi Anna đã học về phân tâm học, họ một lần nữa phải chạy trốn khỏi bọn Đức quốc xã, và lần này họ sang Mỹ.

Bác sĩ Maenchen có câu chuyện riêng của mình để kể về Tuva:

Mùa hè năm 1929 tôi ở tại khu nghỉ dưỡng Rodaun, gần Vienna, và vào ngày 26 tháng Bảy, ngày sinh của chồng tôi, tôi muốn gửi cho anh ấy một bức điện. Tôi viết địa chỉ gửi tới là “thành phố Kyzyl-Khoto ở nước Tannu Tuva”. Người trưởng trạm bưu điện, sau khi nhìn tôi cứ như thể tôi mắc căn bệnh tâm thần nào đó, đã quay vào cái bưu phòng bé nhỏ để tra cứu mấy cuốn sách của mình. Khi quay ra, ông ấy nói một cách đắc thắng, “Chẳng có thành phố nào tên là Kyzyl-Khoto, và chẳng có nước nào tên là Tannu Tuva cả”. Tôi không nhượng bộ và đã yêu cầu ông ta chuyển tiếp để bức điện của tôi sẽ được gửi đi từ Nhà bưu điện chính của Vienna. Hôm sau nhận được một bức điện từ Vienna, nói rằng, “Không có thành phố nào như vậy; không có quốc gia nào như vậy”. Người trưởng phòng bưu điện rất hân diện vì đã được chứng tỏ là mình đúng. Dù vậy, tôi đã nhờ ông ấy thêm vào địa chỉ “qua Novosibirsk”, một thành phố Siberia phía tây bắc Mông Cổ.

Hai tháng sau, đoàn thám hiểm của chồng tôi, trên những con ngựa Mông Cổ của mình, đã gặp một ngôi nhà lưu động do lạc đà kéo. Vì những cuộc gặp như vậy không phải ngày nào cũng xảy ra trên các thảo nguyên của những người du mục này, nên cả hai nhóm đều dừng lại, và thế là chồng tôi nhận được bức điện. Chẳng còn chử nào có thể đọc được, nhưng ngày tháng thì vẫn còn, nên anh ấy biết được đó là bức điện chúc mừng sinh nhật.

Vì một lý do khác, tôi đã đến San Francisco đón năm mới Trung Quốc cùng gia đình một người bạn gái tên là Phoebe Kwan. Tôi nhớ là đã đọc ở đâu đó rằng người Tuva cũng theo Năm Âm lịch, nên tôi đã bảo Glen, “Này, tối nay hãy gọi cho Ondar và chúc ông ấy Shagaa hạnh phúc”.

“Anh điên thật rồi, Ralph”.

“Tôi biết, nhưng tôi sẽ trả tiền cho cuộc gọi, tôi muốn đọc cho Ondar vài câu bằng tiếng Tuva. Cậu sẽ nói chuyện với ông ấy bằng tiếng Nga được không?”

“Được thôi, nếu anh muốn”.

Từ căn hộ của Glen tôi lấy số 00 để nối với tổng đài bên kia đại dương, hóa ra là ở Pittsburg. Có hai cách gọi tới Liên Xô: một cách là xếp hàng và tổng đài sẽ gọi cho chúng tôi khi đến lượt (thường là đợi 3 đến 9 tiếng); cách khác là đặt trước 23 tiếng. Tôi đặt một cuộc gọi vào 10 giờ tối hôm sau, lúc ấy sẽ là 1 hay 2 giờ chiều ở Kyzyl.

Sắp đến giờ, tôi đến nhà Glen. Một tiếng sau, điện thoại kêu – đó là tổng đài quốc tế. Glen cầm điện thoại.

“Xin cho biết tên thành phố”, người trực tổng đài nói.

“Kyzyl”

“Xin ông đánh vần tên đó”.

“K-Y-Z-Y-L”.

“Xin chờ một lát”.

Có vài tiếng lách kích, một thoáng yên lặng, rồi một giọng tiếng Nga – đó là tổng đài ở Moscow.

“Nước Mỹ đang gọi”, tổng đài ở bên kia đại dương nói. “Chúng tôi muốn gọi tới Kyzyl”.

“Thành phố nào?”

“Kyzyl...”

Glen nói, “Kyzyl, Tuvinskaya, ASSR...”

“À – vâng vâng. Kyzyl”.

Lại vài tiếng lách kích, lại im lặng, và sau đó nghe thấy một giọng yếu hơn – đó là tổng đài Kyzyl.

Glen nói bằng tiếng Nga, “Chúng tôi muốn nói chuyện với Viện Ngôn ngữ, Văn học và Lịch sử, TNIIYaLI”.

Lại im lặng.

Rồi nghe tiếng chuông điện thoại. Ai đó trả lời.

Glen nói, “Allo, eto Glen Cowan. Ya zvonyu iz Kalifornii”.

Khi người ở đầu bên kia trả lời, Glen chỉ vào điện thoại và nói nhỏ, “Ondar đấy!”

Trong khi cuộc đàm thoại tiếp diễn, con mắt tâm linh của tôi có thể nhìn thấy Ondar ngồi trong một căn phòng, cách chúng tôi một phần tư vòng quả đất, cái sàn nhà của căn phòng đó song song với các bức tường nhà chúng tôi. Tôi tưởng tượng con đường mà giọng nói của Glen phải đi qua để đến được Kyzyl: vượt qua vùng đất từ Oakland đến Pittsburg; lên vệ tinh và xuống lại ở Helsinki (nơi “đường dây nóng” đi đến); dọc theo vài trăm dặm đường điện thoại tới Moscow; rồi hơn ba ngàn dặm đường dây vượt qua Urals và cắt ngang Siberia tới Novosibirsk, Abakan, và cuối cùng là Kyzyl – tất cả chỉ mất chưa đầy nửa giây!

Glen chúc Ondar *Shagaa* hạnh phúc, và kể rằng ngày lễ này đã được chào mừng ở San Francisco với một cuộc diễu hành lớn dọc qua phố Tàu. “*Shagaa* được chào mừng ở Tuva như thế nào?” cậu ấy hỏi.

“Chúng tôi chỉ làm lễ mừng”, Ondar nói.

Chuyển hướng câu chuyện, Glen hỏi về giấy mời mà chúng tôi đã nhờ viện của Ondar giúp – hình như bức thư tuyệt tác viết bằng tiếng Nga của cậu ta vẫn chưa tới. Glen đọc địa chỉ của lãnh sự quán

Liên Xô cho Ondar, và bảo đảm với chủ nhà tương lai của chúng tôi rằng, tất nhiên, chúng tôi sẽ tự chi trả mọi chi phí của mình ở Tuva.

Ondar nói rằng ông sẽ chuyển thông tin này tới giám đốc của TNIIYaLI.

Rồi đến lượt tôi nói. Tôi bắt đầu đọc theo cuốn Cụm từ và thành ngữ Tuva-Mông Cổ-Nga (và giờ là – Anh). “Ekii!” (Xin chào!)

Ondar trả lời, “Ekii!”

Baiyralai-bile xolbashttyr silerge baiyr chedirip tur men!” (Tôi chúc mừng ông nhân ngày lễ!)

“Huh huh...”

“Silerning kadyyngar deesh ob dashkany kodurein!” (Nâng cốc này chúc sức khỏe của ông!)

“Huh huh...”

Tôi đọc khoảng nửa tá những câu loại như vậy; Ondar đáp lại theo cùng một cách: “Huh huh...”

Cuối cùng tôi kết thúc bằng “Baiyrlig!” (Tạm biệt!)

Ondar đáp lại, “Baiyrlig!”

Chà, thế đấy, tôi tự nhủ. Ít ra tôi có thể nói “xin chào” và “tạm biệt” bằng tiếng Tuva. Tất cả những câu khác có vẻ như Ondar không hiểu, vậy là tôi sẽ chỉ nên dùng các từ đơn khi nói với người bản địa ở Tuva.

Khi tôi quay về đến Pasadena, việc luyện tập vỏ *Nam Thái Bình Dương* đã bước vào giai đoạn cuối. Các em sinh viên đã chế tác cho Richard một cái mũ thành cao với nhiều chiếc lông màu sắc sỡ, cùng với một cái áo choàng dài không tay trang trí bằng những vỏ sò vỏ ốc. Tôi thì được cấp một cái khố. Đạo diễn luôn cư xử với Richard như một “Tù trưởng”, và tôi cũng bắt đầu làm theo.



“Tù trưởng của Bali Hai” đang chơi một giai điệu cực kỳ kích động cho cử tọa Caltech đầy hứng khởi (Được phép của Viện Công nghệ California – Caltech).

Vào đêm mở màn, sức khỏe của Tù trưởng chưa thật ổn – ông phải ngủ trong hầu hết buổi diễn và chỉ dậy để diễn cảnh Bali Hai. Nhưng khi ông chỉ huy dàn trống và các vũ công – trong trang phục Tahiti – hòa cùng ông trên sân khấu, thì giọng của ông khỏe và tự tin làm sao. Ông chơi trống chỉ vài phút, nhưng với nhiệt huyết tràn đầy tưởng chừng như sức khỏe của ông đã phục hồi một trăm phần trăm. Đây là lần xuất hiện đầu tiên của ông trước công chúng kể từ ca phẫu thuật mười bốn tiếng đồng hồ đáng sợ ba tháng trước đó, vì vậy đó là khoảnh khắc đây xúc động với khán giả – nhất là với đội quân những người tình nguyện, những người rõ ràng là rất hài lòng thấy máu của họ đã được truyền đến đúng chỗ. Cảnh của chúng tôi làm ngưng cả buổi diễn với tiếng vỗ tay như sấm và khán giả đồng loạt đứng dậy hoan hô.



## Chúng tôi xuất hiện ở Trung tâm Châu Á

Vào cuối tháng Hai, tôi nhận được một cuộc gọi của Mario Casetta ở KPFK: anh ấy đã tìm thấy bộ sưu tập tem của mình. Tôi mang theo *Melodii Tuvy* và vài cuộn băng của Đội hợp ca hòa âm tới phòng thu để thu âm một chương trình về Tuva, trong chương trình này Mario tự chỉ định mình là giám đốc chi hội *Những người bạn của Tuva* ở Silverlake<sup>1</sup>. Sau khi chương trình được phát sóng, nhiều thính giả của KPFK muốn trở thành hội viên. Mỗi lần Mario phát sóng lại chương trình này (khoảng một năm một lần), tôi lại nhận được những lời chào từ những người say mê Tuva gọi về 246-TUVA, số điện thoại của tôi khi đó.

Việc có được số điện thoại đó đã đòi hỏi ở tôi một chút lát cá, cộng với thiện ý của công ty điện thoại.

---

1. Silverlake là một quận của Los Angeles, phía đông-bắc của Hollywood

Ý tưởng sở hữu một số điện thoại đặc biệt đã xuất hiện lần đầu khi tôi tình cờ có được số đẹp 798-8897 (đọc xuôi hay ngược đều như nhau). Khi tôi chuyển chỗ ở, tôi hỏi công ty điện thoại xem những số đầu nào còn đang trống. Rồi tôi thử mỗi cụm số đầu còn trống kèm với cụm số đuôi – 8882. Số 577-8882 báo với tôi rằng, “Số điện thoại mà bạn vừa gọi hiện thời chưa đưa vào sử dụng”. Đó là số mà tôi muốn có: 577-TUVA đã được đưa vào sử dụng.

Bộ phận dịch vụ khách hàng đã cho tôi số đó mà không gây phiền toái gì.

Vài năm sau, khi tôi chuyển sang thành phố bên cạnh với các cụm số đầu tiên khác đi, thì có những quy định mới: những số điện thoại đặc biệt mà chúng cấu thành các từ sẽ phải trả thêm tiền – trong giới kinh doanh có hẳn một thị trường cho loại dịch vụ, kiểu như “FOR-CARS” hay tương tự như vậy – do vậy tôi phải chứng minh là chữ đó có liên quan đến tên của tôi, nếu không muốn trả phí sử dụng.

Tôi nói, “Tôi muốn có số điện thoại ngụ ý Tuva – Tannu Tuva”.

Đại diện dịch vụ khách hàng nói, “Tuva là họ phải không à?”

“Vâng, còn Tannu là tên riêng”.

Kế hoạch đã thành công; tôi có được số 246-8882. Khi tôi báo với Richard số điện thoại mới này, ông nói, “8882 ngụ ý Tuva; có lẽ 246 cũng có nghĩa gì đó”. (Đúng thế.)

Khi cuốn danh bạ điện thoại mới có chứa “Tannu Tuva” xuất hiện, cái tên này ngay sau đó đã nhận được đủ loại thư rác tinh vi – kể cả lời mời mua vé mùa trình diễn của Dàn nhạc đại hòa tấu Los Angeles.

Một trùng hợp thú vị – một thày giáo nữa ở Pasadena ngẫu nhiên có số điện thoại với bốn ký tự cuối cũng là 8882. Khi hiểu ra cụm

số này ngụ ý Tuva, anh ấy nói, “Chà! Thật tuyệt! Cho đến giờ tôi vẫn nghĩ là, điều tuyệt vời nhất về những con số ấy là gai điệu nổi tiếng mà anh có được khi bấm chúng trên một cái điện thoại bàn!”

Vào một ngày tháng Ba tôi nhận được điện thoại của Giáo sư Krueger. “Đã có một cuộc thanh trùng trong Bộ chính trị Mông Cổ”, ông nói. “Bộ trưởng Văn hóa đã bị thay thế. Hội nghị *höömei* đã bị hủy”.

Đó là một cú đấm đích thực vào những tưởng tượng hão huyền của chúng tôi. Trong tất cả các con đường mà chúng tôi đã đặt ra để đi đến Tuva, con đường Mông Cổ là hấp dẫn nhất. Vì bức thư của Glen gửi tới viện của Ondar hẳn là đã rơi mất tăm vào một cái khe ở đâu đó (hay một tập tài liệu của FBI), cơ hội khả thi nhất để chúng tôi đến được Tuva bây giờ nằm trong tay vị giám đốc viện của Vainshtein ở Moscow.

Vào tháng Tư năm 1982, Argentina xâm chiếm các hòn đảo Falkland<sup>1</sup> – một vùng đất cô lập và hẻo lánh ở phía đối lập của quả đất so với Tuva. Trong thời gian đó, suốt cả mùa xuân dài, chúng tôi không có tin gì từ cả Kyzyl lẫn Moscow về những lời mời mà chúng tôi hằng mong ước. Hai tháng sau, khi chiến tranh ở Falkland vừa kết thúc thì một cuộc chiến khác lại bùng lên, Isarel xâm chiếm nam Li băng.

Buồn chán về tình hình quốc tế, tôi chợt nảy ra ý tưởng mời Tù trưởng mừng ngày sinh lần thứ 64 của ông trễ một tháng ở Las Vegas. Chúng tôi tìm thấy một địa điểm ngay gần câu lạc bộ múa thoát y, nơi có mấy khách sạn mà ông đã biết – Flamingo, El Rancho, và Tropicana.

---

1. Argentina gọi là quần đảo Manvinas (NXB)

Khi đến nơi, người ta đưa cho mỗi chúng tôi một cuốn “sách giải trí” đầy những phiếu dùng để chơi cá cược ở các bàn khác nhau. Chúng tôi cho rằng mỗi cuốn sách này trị giá 17,50 đôla, gần bằng giá phòng của chúng tôi. Chúng tôi xuống tầng dưới và sử dụng toàn các phiếu ấy (mà không đặt cược thêm) và thu được khoảng 50 đôla. Richard nói, “Đây là cách đánh bạc, anh bạn – khi vận may đang thiên vị cậu!”

Chúng tôi tham dự tiếp một vở diễn (tất nhiên cũng dùng phiếu), mà vai chính là một cây hài có tên “Mundane đại tài”, màn diễn của anh ta đầy trò chơi chữ. Chúng tôi cười như điên.

Hai ngày sau, khi chúng tôi làm thủ tục trả phòng, nhân viên tiếp tân nói, “Các vị muốn nhận lại 2 đôla tiền đặt phòng bằng tiền mặt hay bằng thẻ?”

“Bằng cuốn sách giải trí có được không?” Tôi hỏi

Chúng tôi ngạc nhiên và rất vui khi anh ta đưa cho chúng tôi bốn cuốn sách giải trí và giữ lại 2 đô la. Chúng tôi đi ngay sang một bàn chơi súc sắc và đặt xuống đó hai phiếu.

Sau khi thu lấy chiến lợi phẩm của mình ở bàn đầu tiên, chúng tôi sang bàn súc sắc thứ hai và đặt hai phiếu khác. Nhưng trước khi chúng tôi đặt cược, một người đàn ông mặc com-lê đi đến và nói thầm gì đó với một người đàn ông lực lưỡng không nhìn thấy cổ đang ngồi giữa hai người gieo súc sắc, canh giữ các tấm thẻ. Người Không-Cổ nói, “Các quý ông, các vị phải rời khỏi bàn này”.

Chúng tôi định phản đối vì chúng tôi đã có được bốn cuốn sách giải trí một cách trung thực, nhưng nhìn thấy ánh mắt của Người Không-Cổ, chúng tôi quyết định không nêu liều thử vận may – ít nhất không phải ở bàn súc sắc. Chúng tôi nhanh chóng qua bàn 21 và chỉ đặt duy nhất một cược, rồi lao sang “bánh xe may rủi” trước khi ra về.

Chúng tôi vẫn chưa dùng hết phiếu, dù vậy ít ra là tôi cũng có thể khoác lác với bạn bè của mình rằng, chúng tôi đã bị đuổi khỏi bàn chơi ở Las Vegas vì thắng quá nhiều.

Về đến Pasadena, tôi đã có một lá thư đợi sẵn. Glen đã tìm thấy một số thông tin thú vị bằng tiếng Nga<sup>1</sup> về nhà thám hiểm bí ẩn người Anh được nhắc đến trong cuốn sách của Mänenchen-Helfen. Theo bản dịch của Glen thì nguồn tin này viết:

Hãy nhìn vào bản đồ châu Á – châu lục lớn nhất. Hãy vẽ các đường thẳng nối các điểm xa nhất ở các phía – từ bắc xuống nam và từ đông sang tây. Hai đường này sẽ cắt nhau tại một vùng của một đất nước bé nhỏ đầy đồi núi nằm trong một lũng sâu ở thượng nguồn con sông Yenisei thuộc Siberia hùng vĩ. Nằm ở chính tâm của châu Á, cách đều các núi băng cực bắc lạnh lẽo và Ấn Độ Dương ấm áp, cách đều dãy núi Ural già nua và Thái Bình Dương mênh mang màu xanh da trời, đất nước này có tên là Tuva.

Ở thế kỷ trước, được khích lệ bởi tinh thần thể thao, một nhà thám hiểm đã lên đường đến thăm Tuva. Trước đó ông ấy đã từng có mặt ở trung tâm của các châu lục – Âu và Phi. Nhà thám hiểm rất mong muốn đi đến trung tâm của châu Á rộng lớn. Gặp vô vàn khó khăn, trong hoàn cảnh hoàn toàn “chưa có lối đi”, ông đã vạch đường xuyên đại ngàn tai-ga của Siberia, vượt dãy núi Sayan, và cuối cùng đã đến được thượng nguồn sông Yenisei. Bằng các tính toán phức tạp, ông đã xác định chính xác trên bản đồ điểm mà ông cần hướng tới, và trên mỏm đất cao của một thảo nguyên nhìn xuống dòng Yenisei trong xanh, ông đã dựng một cột gỗ khắc dòng chữ “Trung tâm châu Á”. Sau khi đã đạt được mục đích của mình và thiết

---

1. Trong cuốn *V Tsentre Aziatskogo Materika* (Ở trung tâm của lục địa châu Á) của Yuri Promprov (Moscow, 1950)

lập kỷ lục địa lý đặc biệt này, nhà thám hiểm quay về mà không có ý định tìm hiểu tiếp về cái đất nước khó đến được mà ông đã đến này.

Đây gần như chính là câu chuyện mà Mänenchen-Helfen đã kể, chỉ có một khác biệt nhỏ – cây cột gỗ thay cho tấm đá kỷ niệm, và châu Âu thay cho Bắc và Nam Mỹ, những lục địa mà nhà thám hiểm đã có mặt ở trung tâm của chúng. Rồi Alan cho biết đã tìm thấy một nguồn tư liệu từ năm 1927 cũng có câu chuyện tương tự.<sup>1</sup> Tôi quyết định tìm hiểu về vấn đề này vào kỳ nghỉ hè. Nhà thám hiểm người Anh kỳ lạ này là ai?

Ba năm sau, như một phần trong quá trình tìm hiểu tổng thể của tôi về Tuva, tôi đã viết thư cho Hội Địa lý Hoàng gia ở London (Royal Geographical Society) và kể với họ câu chuyện mà Otto Mänenchen-Helfen đã đề cập đến. Tôi đã nhận được thư phúc đáp từ G.S.Dugdale, một thủ thư ở Hội Địa lý Hoàng gia. Ông viết:

Chúng tôi có một bản copy của *Reise ins asiatische Tuwa* và tôi đã tò mò tìm trích đoạn mà ông nói tới ... Tôi đã trả lời các câu hỏi về địa lý ở thư viện này hơn 20 năm nay, nhưng chưa bao giờ được hỏi về nhà thám hiểm người Anh vô định ấy. Tôi cũng mong rằng chúng tôi sẽ phát hiện được điều gì đó ...

Ở UCLA tôi ngẫu nhiên va vào bộ *Niên giám Whitaker*, xuất bản ở London trong thời gian cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, thời kỳ hoàng kim của những cuộc thám hiểm được các du hành gia châu

---

1. Nikolai I. Leonov, *Tannu Tuva: Strana goluboi reki* (Tannu Tuva: Đất nước của dòng sông xanh) (Moscow, 1927)

Ấu đú mọi thành phần thực hiện tới từng ngõ ngách của thế giới. Tôi lật xem từng năm một, bắt đầu từ 1881 (là năm đầu tiên của Niên giám có ở UCLA) tới 1900. Phần về châu Á năm 1885 khá đặc sắc:

Châu Á vẫn đang mang lại việc làm cho nhiều nhà thám hiểm. TS. Sven Hedin, quay về Kashgar vào tháng Mười vừa qua sau bốn tháng ở lại Mustagh Ata, lại đã lên đường vào ngày 17 tháng Hai với chủ định đi tới Tây Tạng. Khi vượt sa mạc cát Takla Makan, ông suýt mất mạng vì khát. Hai người của ông và sáu con lạc đà đã chết, hầu hết trang thiết bị của ông đã bị mất, và ông buộc phải quay lại Kashgar. Thật may là ông vẫn còn giữ được các tấm bản đồ và nhật trình của mình. Ông bà Littledale may mắn hơn. Họ lên đường vào tháng Mười một năm 1884, thực hiện chuyến đi thứ hai tới trung tâm châu Á, và được thông báo là đã tới được Kashmir một năm sau đó, sau khi vượt qua tây Tây Tạng thành công. Hoàng tử Henry của Orleans, người đã từng đi xuyên châu Á từ tây sang đông, giờ lại đang bận rộn với chuyến đi tương tự nhưng theo chiều ngược lại. Họ tống hoàng tử có các ông Briffand và Roux. Từ tháng Hai vừa qua, họ đã đi dọc biên giới phía bắc của Đông Dương đến tận sông Mekong, rồi quay lên hướng bắc, và vào ngày 25 tháng Năm đã tới Talifu ở Yunnan. Năm ngoái, ngài Obruchev đã hoàn thành cuộc thám hiểm Tien Shan. Một nhà thám hiểm người Nga khác, ngài Roborovsky, băng quan sát cẩn trọng, đã khẳng định độ cao âm đáng ngạc nhiên (-360 ft) của vùng lòng chảo Turfan, ở chính giữa của Trung tâm châu Á. Ông đã vượt qua tây Gobi tới Sha-chan, và dành một phần của năm nay để thám hiểm các vùng núi theo hướng Kuku Nor...

Tôi có thể mường tượng ra Phileas Fogg và những nhân vật cổ hủ khác đội mũ quả dưa, ngồi vần vơ trong Câu lạc bộ Cải cách (Reform Club), đọc *Niên giám Whitaker* và tranh luận về chuyến

thám hiểm mới đây nhất của ông bà Littledale ở Tây Tạng. Tôi đã chắc chắn rằng, trước khi chạm tới năm 1900, tôi sẽ tìm thấy một đoạn nói rằng, “Ở vùng đất Trung Quốc có tên Urianghai, ngài Whittlesley đã thành công trong việc đặt một bia kỷ niệm nữa vào tâm điểm của một lục địa”. Nhưng than ôi, năm 1900 đến rồi đi mà không hề để lại một định dạng nào về cái ông người Anh, cái ông dường như kỳ cục đến mức không thèm xuất hiện ngay cả trong cuốn “kinh thánh” về những nhà thám hiểm kỳ lạ.

Sau đó tôi quay sang câu hỏi về cách xác định tâm điểm của châu Á.<sup>1</sup> Mô tả của Promprov về sự giao nhau của các đường nối “các điểm xa nhất trên biên về các phía của châu Á”, khá là mơ hồ. Một cách hợp lý hơn đó là cắt phần bản đồ châu Á rời ra rồi dùng một đinh gim chống ở phía dưới dò tìm điểm thăng bằng<sup>2</sup> Phải chăng, nhà thám hiểm kỳ bí người Anh đã làm như vậy?

Tôi đến thư viện bản đồ của UCLA và chọn để copy mấy bản đồ lịch sử. Về nhà, tôi dán mỗi bản đồ lên một tấm bìa phẳng rồi cắt chúng ra một cách rất cẩn thận. Dùng bản đồ vẽ theo phép chiếu Mercator nổi tiếng<sup>3</sup>, mà nó làm cho Greenland trông lớn bằng cả Nam Mỹ, thì “tâm” của châu Á được xác định là ở tây bắc Tuva; các phép chiếu hình nón và diện tích ngang bằng đã đẩy “tâm điểm”

- 
1. Với mục đích này, Richard đã đề xuất vài cách xác định và viết các công thức toán học đầy những cos và sin. Tôi đã lập trình một trong các công thức này trên máy tính Sinclair ZX81 tí xíu của mình. Sau khi đưa vào kinh độ và vĩ độ của vài trăm điểm quanh biên giới châu Á, thì theo công thức này tâm của châu Á được xác định ở  $45^{\circ} 31' \text{ Bắc}$  và  $86^{\circ} 59' \text{ Đông}$ , giữa các đụn cát ở vũng Dzungarian – khoảng 115 dặm bắc Ürümqi, nhưng hơn 500 dặm tây – nam Kyzyl.
  2. Ngụ ý trọng tâm của một tấm phẳng – ND.
  3. Tức là phương pháp vẽ bản đồ thế giới trong đó quả địa cầu được thể hiện trên một mặt phẳng với các ô vuông tạo bởi các đường kinh và vĩ tuyế; cách vẽ này làm những vùng xa đường xích đạo bị phóng to ra – ND.

đi xa về phía tây nam. Cuối cùng tôi đã tìm được một tấm bản đồ thời những năm 1850, được gọi là “Phép chiếu nổi Gall”, rất phù hợp với mục đích của mình, và “tâm” của châu Á đã được xác định là ở ngay trên sông Yenisei gần Kyzyl.

Tất nhiên, tôi không thể nói rằng quý ông bí ẩn người Anh đã sử dụng chính phương thức này cho đến khi tôi tìm thấy một ví dụ khác. Tôi đã dán bản đồ “phép chiếu nổi Gall” của Bắc Mỹ lên một tấm bìa, cắt nó ra, và dùng một chiếc đinh ghim xác định điểm thăng bằng. “Tâm” hình học được xác định là ở nam Saskatchewan – phía bắc Rugby, bắc Dakota, ở đó ngày nay có một đài kỷ niệm đánh dấu điểm đặc biệt này.

Tôi tìm thấy ở thư viện UCLA một cuốn sách có tên là *Các đài kỷ niệm Saskatchewan* – tôi không dám tin vào vận may của mình nữa – nhưng buồn thay, chẳng có đài kỷ niệm nào trong đó dành để đánh dấu tâm điểm của Bắc Mỹ cả. Không nản lòng, tôi điện thoại tới một số thư viện ở Saskatchewan, kể cả mấy thư viện chính ở Saskatoon, Regina, và Moosejaw. Một trong các thư viện này có một ban lịch sử địa phương do Julie Harris và Brock Silversides phụ trách.

Cô Harris nhận điện của tôi. Sau khi tôi giải thích toàn bộ câu chuyện, cô ấy nói, “Tôi nhớ là có một thành phố nhỏ gần đây đã có lần tuyên bố là tâm điểm địa lý của Bắc Mỹ, nhưng sau không thấy nói gì nữa”.

“Thật tuyệt vời!”

Nhưng một vài tuần sau, cô Harris vẫn không thể định vị được cái thành phố ấy. Chủ đề này vẫn còn là một bí ẩn.

Khi mùa thu đến, vẫn chưa có một lời nào từ Moscow hay Kyzyl, nhưng chúng tôi chẳng thể làm gì hơn – chúng tôi không thể viết

rõ cho Vainshtein cũng như Daryma và hỏi, “Này, việc mời chúng tôi thế nào rồi!”

Vào tháng Mười, Quốc hội Ba Lan đặt Công đoàn Đoàn kết ra ngoài vòng pháp luật. Bắt chước tổng thống Reagan, tôi đã đặt một cây nến trên bệ cửa sổ như một biểu tượng của niềm hy vọng về nền tự do ở Ba Lan. Tôi không dám tưởng tượng rằng, chưa đầy bảy năm sau, Công đoàn Đoàn kết đã vùng lên để thành lập chính phủ phi Cộng sản đầu tiên ở Đông Âu. Mà bước đi đầu tiên của quá trình đó sẽ xảy ra vào tháng sau.

Một buổi sáng vào tháng Mười một, Glen gọi điện cho tôi. “Lenny Brezhnev mất rồi”, cậu ấy nói. “Đêm muộn hôm qua tôi bật radio sóng ngắn, tìm đài Magadan, nhưng thay cho chương trình thường ngày là quân nhạc, hàng giờ người đọc thông cáo lên sóng và nói...”

Glen bật băng ghi âm chương trình phát thanh và dịch:

Chú ý, các đồng chí chú ý! Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Đoàn Chủ tịch Xô Viết Tối cao của Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô Viết và Hội đồng Bộ trưởng của Liên Xô, đau buồn sâu sắc thông báo với Đảng và toàn thể nhân dân Liên Xô rằng, vào ngày 10 tháng Mười một năm 1982, lúc 8 giờ 30 sáng, sau thời gian dài lâm trọng bệnh, Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô kiêm Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xô Viết Tối cao của Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô Viết, Leonid Illyich Brezhnev, lãnh tụ xuất sắc của Đảng Cộng sản và chính phủ Liên Xô, chiến sĩ kiên định vì lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản và hòa bình, đã qua đời. Ông sẽ sống mãi trong trái tim của nhân dân Liên Xô và toàn thể nhân loại tiến bộ.

Các đài khu vực ở Los Angeles mới bắt đầu đưa tin này: Leonid Brezhnev, người đàn ông với lông mày to rậm, người đã sắp đặt cuộc ra đi của Nikita Khrushchev 18 năm về trước, đã qua đời, và vài ngày sau đó đã được kế tục bởi người đứng đầu KGB, Yuri Andropov.

Vào cuối tháng đó, tôi được mời cùng đi với Richard tới viện Esalen, một “tu viện thế tục” ở vùng bờ biển California phía nam Monterey. Ông chủ trì một seminar kéo dài một tuần lễ với tiêu đề “Quan điểm cơ học lượng tử về thực tiễn” cho những người đang cảnh giác với “khoa học giới quyền uy”. Việc của tôi là dạy họ chơi trống, nó như một thứ thuốc chữa căn bệnh “suy nghĩ căng thẳng” thường thấy ở các nhà vật lý.

Khi chúng tôi lái xe lên vùng bờ biển, tôi hay dừng lại để chụp hình. Từ trường thì càng lúc càng sốt ruột muốn mau đến nơi. Khi đến nơi, tôi mới hiểu vì sao: Suốt dọc bờ biển California không nơi nào đẹp hơn Esalen – nhất là khi tính thêm cả cái hấp dẫn của những khung hình khỏa thân đang tắm nắng trên những bàn massage, hoặc ngâm trong những bồn tắm được cấp nước từ những suối nước nóng ngay trên vách đá.

Đến cuối tuần, sau khi hoàn thành seminar của mình về cơ học lượng tử,<sup>1</sup> Richard nói rằng ông cảm thấy không ăn nhập lắm.

“Tôi hiểu ý ông”, tôi nói. “Trong hiệu sách toàn những sách về yoga, thần giao cách cảm, quyền năng kim tự tháp, thứ gì đó gọi là ‘Rolfing’ và thậm chí cả cuốn với tiêu đề *Tình dục và Bộ não*. Ngay giữa cái đống hỗn loạn ấy là *Đặc trưng của định luật vật lý* của R. P. Feynman”<sup>2</sup>.

---

1. Một số tư liệu đã xuất hiện trong cuốn sách sau này của ông, QED: The Strange Theory of Light and Matter (Princeton University Press, 1985)

2. MIT Press, 1965; in lần thứ mười 1982

“Đúng vậy. Lần sau, tôi muốn làm gì đó khác đi”.

“Được thôi”, tôi nói, “những câu chuyện mà ông kể với tôi khi chúng ta cùng chơi trống – về một phương diện nào đó chúng gần như là các triết lý. Chúng ta chỉ cần nghĩ cách diễn đạt nó mà thôi”.

Richard kể ra những chủ đề trong khi tôi ghi chép và biến báo để chọn ra các tiêu đề khả dĩ. Faustin Bray, một lực lượng tượng sau những trải nghiệm Esalen của Tù trưởng, thêm những từ chuyên môn thời thượng riêng để cho đoạn viết phù hợp với catalog của Esalen. Khi hoàn thành, nó có nội dung như sau:

### *Phong cách suy nghĩ riêng*

Mục đích của tuần này là giúp những người tham gia phát triển được một triết lý cá nhân độc đáo có thể mang đến sự bình an của tâm trí và sự yêu thích những điều trái ngược của cuộc sống.

Trong khoa học, khi chúng ta nhìn nhận những sự vật bình thường bằng cách nhìn mới và không định trước, chúng ta sẽ nhận được sự hiểu biết mới và sâu sắc hơn. Khi tiếp cận các vấn đề cá nhân bằng chính cách này, những nhận thức hữu dụng bất ngờ cũng thường xuất hiện. Khái niệm này sẽ được minh họa bằng hai cách: thông qua thảo luận những ý tưởng của riêng con người như sự ngờ vực, không chắc chắn, sự ăn năn, tính trách nhiệm, chân giá trị và tự do; và bằng cách nhìn nhận tự nhiên như một giáo viên mang những ý tưởng này trong đầu. Người tham gia được mời đóng góp những suy nghĩ của mình trong các phiên thảo luận.

Quá trình suy nghĩ và trải nghiệm sẽ được tích hợp bằng cách phối hợp các kỹ năng bí truyền, âm nhạc, nghệ thuật hình ảnh và trò vui. Bạn được mời mang theo những dụng cụ nhịp điệu.

Năm mới đã đến gần, tôi đi mua thiệp chúc mừng để gửi cho Vainshtein và Daryma. Khi Glen đến thăm Pasadena dịp nghỉ Giáng Sinh, tôi cho cậu ấy xem cái thiệp mà tôi đã chọn: cảnh một túp lều gỗ nằm trong tuyết, với những vết bánh xe dẫn tới lều.

Glen nhìn tấm thiệp một cách dè chừng. “Ralph, chúng ta không thể gửi cái thiệp này được. Với chúng ta nó trông hay hay và ngô ngô vì những cảnh này giống như là ở mấy thế hệ trước. Nhưng với một người Xô Viết, thì nó lại có thể là một cách nhắc nhở hết sức thật về cuộc sống kém phát triển ở Siberia ngày hôm nay.

“Không giõn đấy chứ?”

“Không giõn”.

Cuối cùng chúng tôi thống nhất gửi các tấm thiệp có hình Ông già Tuyết đang cưỡi một cái ván trượt.

Khi Glen còn ở Pasadena, cậu đã đề xuất một kế hoạch. “Hãy chụp một tấm hình của chúng ta, và gửi nó tới Tuvinskaya Pravda (báo “Sự thật Tuvinsk”). Tôi cá là tôi có thể làm cho nó được in”.

“Chẳng mất gì”, tôi nói. “Có thể viện của Ondar sẽ chú ý hơn đến chúng ta nếu chúng ta xuất hiện trên báo của Kyzyl. Nhưng trên cơ sở nào mà cậu nghĩ là có thể làm cho nó được in?”

Glen nhắc tôi là cậu ấy đã đăng ký mua *Pravda*, được gửi hằng ngày bằng chuyển phát nhanh từ Moscow đến căn hộ của cậu ở Oakland với chỉ 50 xu mỗi tuần – rõ ràng đây là một cái giá đã được hạ đi rất nhiều. “Tôi cho rằng mỗi đồng rúp họ đang chi để chuyển *Pravda* cho tôi đều là một đồng rúp yếu được chi cho quốc phòng”, cậu ấy nói. “Chuyện ấy rất dễ đoán, nó là một trò đùa!” Glen viện dẫn một ví dụ: “Một độc giả ở làng Kavalerovo thuộc vùng Primorskii viết, “Tôi đọc thấy ở Trung Quốc một kế hoạch phát triển kinh tế năm năm mới đã được thông qua. Hãy kể về điều này.” – Làm ơn tha cho tôi đi!”

Vì năm mới của Tuva sắp đến, Glen đề xuất, chúng tôi nên gửi thiếp mừng Shagaa cùng với ảnh của chúng tôi. Tôi nhờ Yasushi Ohnuki (người hâm mộ Kurosawa, anh đã đưa tôi đi xem *Dersu Uzala*) và con trai Tohru của anh chụp hình Tù trưởng, Glen, và tôi. Richard có ý tưởng về việc đẩy chiếc xe của tôi với hết sức mình để minh họa rằng chúng tôi đang nỗ lực như thế nào để đến được Tuva. Yasushi bấm máy khi Richard nói đùa, “Chúng ta nên gọi bức hình này là ‘Tuva hay là vỡ mộng?’”

Glen khuyên chúng tôi rằng ban biên tập của báo *Tuvinskaya Pravda* không có khiếu hài hước để chấp nhận một bức ảnh như thế. Vậy nên chúng tôi đã gửi bức ảnh ba chúng tôi đứng cạnh cái xe của tôi, với biển số xe TOUVA rất rõ. Glen viết một bài báo nhỏ bằng tiếng Nga:

Chúc Shagaa hạnh phúc! Chúng tôi, những người dân California, Ralph Leighton, TS. Richard Feynman, và Glen Cowan, muốn, qua quý báo, gửi đến nhân dân Tuvinskaya ASSR lời chúc mừng nồng nhiệt nhất.

Chúng tôi ngạc nhiên bởi vẻ đẹp, sự phong phú và đa dạng của thiên nhiên ở đất nước các bạn – đất nước nằm ở trái tim của châu Á. Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến nhân chủng học và âm nhạc Tuva. Chúng tôi đã nghe một cách rất thích thú bằng ghi âm những phong cách nhạc dân gian Tuva “sygyt”, “kargyraa”, và “höömei”, mà TS. S.I.Vainshtein ở Viện Dân tộc học Miklukho-Maklay tại Moscow gửi tặng.

Chúng tôi tin rằng ngày nay, khi mà hành tinh của chúng ta đang trải qua một thời kỳ thật khó khăn, thì điều rất quan trọng là hãy thể hiện mong muốn của chúng ta về những mối quan hệ tốt đẹp, cũng như hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc. Chúng tôi chúc các bạn hạnh phúc, sức khỏe và thành công.

Với sự kính trọng và những lời chúc chân thành từ California,  
[và dưới đó là chữ ký của chúng tôi.]



“Tuva hay là vỡ mộng!” Richard gắng đẩy chiếc xe của Ralph đi vài bước trên con đường tới Tuva (Được sự cho phép của Yasushi Ohnuki)

Mặc dù khả năng tiếng Nga của Glen khá ấn tượng, tôi vẫn không có nhiều hy vọng là hình của chúng tôi sẽ xuất hiện ở Kyzyl. Tôi đã từng viết cho *Tuvinskaya Pravda* vài năm trước yêu cầu một bản tiếng Tuva của tờ báo. Tôi thậm chí đã gửi kèm cả mấy Phiếu Phản hồi Quốc tế để họ không phải trả tiền khi gửi báo cho tôi, thế mà vẫn chẳng nhận được gì.

Ngay sau khi chúng tôi gửi thư chúc mừng Shagaa tới *Tuvinskaya Pravda*, chúng tôi đã nhận được thư chúc mừng năm mới của Sevyan Vainshtein – nhưng không có lời nào về việc ông và giám đốc viện của ông ở Moscow đã sắp xếp được cho chúng tôi một chuyến đi đến Tuva hay không.

Vào mùa xuân năm 1983, tàu vũ trụ con thoi có tên *Challenger* đã thực hiện chuyến bay đầu tiên. Trong khoảng thời gian đó, Glen bay tới New York để tham gia phỏng vấn ở một tổ chức có tên là Nghiên cứu và Trao đổi Quốc tế (International Research and Exchange – IREX), với hy vọng sẽ được một năm thực tập sau đại học về vật lý ở Liên Xô. Cậu ấy là một ứng viên hoàn hảo, am hiểu tốt lĩnh vực chuyên môn của mình và còn thông thạo tiếng Nga nữa. Glen đã vượt qua kỳ phỏng vấn với kết quả mỹ mãn và sẽ đi Moscow vào mùa thu, sau khi Bộ Đại học Liên Xô tìm được cho cậu ấy một nơi học phù hợp.

Điều này mở ra cơ hội tốt nhất cho chúng tôi để đạt được mục đích của mình: sắp tới *Những người bạn của Tuva* sẽ có một trong những thành viên nòng cốt của nó ở ngay Moscow! Với đầu óc nhanh nhẹn, sự duyên dáng và vốn tiếng Nga tuyệt vời của mình, Glen sẽ dễ dàng làm cho chuyến đi của chúng tôi trở thành hiện thực. Bây giờ chỉ còn là vấn đề thời gian.

Cuộc nghiên cứu Tuva của chúng tôi vẫn tiếp tục. Tháng Năm, Alan gửi giấy đề nghị chính phủ Mỹ cung cấp một danh sách những ảnh Landsat (vệ tinh) từ  $49^{\circ}$  đến  $54^{\circ}$  Bắc và từ  $88^{\circ}$  đến  $99^{\circ}$  Đông. Vài tuần sau tôi nhận được một danh sách in từ computer gồm 20 trang liệt kê hàng trăm bức ảnh – với ghi chú về địa điểm, loại kính lọc đã sử dụng, tỉ lệ phủ của mây, ngày thu thập và chất lượng tổng thể. Tập tài liệu còn cho biết, để nhận được một bức ảnh đơn (khoảng 64,5 cm vuông) phải trả khoảng 100 đôla. Tôi đặt mua một bức ảnh mà trong danh sách ghi là không có mây che phủ, với Kyzyl nằm ở khoảng giữa.

Khi nhận được tấm ảnh Landsat gửi qua bưu điện, tôi mang nó sang nhà Feynman. Richard lấy ra từ ngăn bàn một cái kính lúp cỡ lớn và chúng tôi khảo sát bức ảnh từng ly một. Nó cho thấy một cách rõ ràng hai nhánh của sông Yenisei hợp lại thành cái mà người Tuva gọi là “Ulug Khem”, hay là “Con sông cái”. Dãy núi Sayan bao phủ bởi rừng rậm ở phía Bắc Kyzyl là một khoảng tối, trừ những ngọn núi tuyết phủ; các thảo nguyên khô cằn về phía nam và phía tây thì đều nhạt màu. Nhìn khá rõ đường chỉ mảnh Ussinki Trakt, con đường chính nối Tuva với Siberia. Vùng ruột của Tuva trông khác biệt; vùng này và nửa tá nơi khác xung quanh Tuva có các ký hiệu “cửa mở” lạ mắt. Chúng tôi đồ rằng đó có thể là các nòng trang tập thể lớn.

Tôi đóng khung bức ảnh và treo nó lên tường của căn “phòng khách” 3x4 m của tôi, đối diện với bản đồ không lưu lớn về Tuva của Cục bản đồ quốc phòng mà tôi đã áp lên một tấm ván ép.

Vào tháng Sáu, khi tàu *Challenger* thực hiện chuyến bay thứ hai của mình thì Sally Ride ghi mốc lịch sử là người phụ nữ Mỹ đầu tiên bay vào vũ trụ.

Một tháng sau, một nữ sinh phổ thông ở Maine tên là Samantha Smith, đã viết một bức thư cho Yuri Andropov đề nghị ông không phát động chiến tranh hạt nhân, cũng đã ghi mốc lịch sử khi được mời tham gia trại hè thiếu nhi ở Biển Đen với tư cách là khách mời riêng của nhà lãnh đạo Xô Viết.

Tôi bàn luận sự kiện này với Glen. “Có lẽ, chính tôi nên viết cho Andropov”, tôi nói. “Có trại hè thiếu nhi nào ở Tuva không?”

“Anh đùa à?” Cậu ấy cười. “Sẽ chẳng ăn thua gì đâu – anh không có duyên như Samantha Smith”.

Khi sáu hè đã nhạt, chuyến bay 007 của Korean Airlines bắt ngờ rơi trên biển. Thoạt đầu Liên Xô không thừa nhận việc bắn hạ chiếc máy bay ấy. Rồi họ im lặng về vấn đề này. Một ngày sau, Ngoại trưởng Shultz đến trước Liên hợp quốc bật những cuộn băng của CIA trong có lời của một phi công chiến đấu Liên Xô “Mục tiêu đã bị hạ”.

Liên Xô đã bị mất mặt. Quan hệ giữa các cường quốc lại càng xấu hơn. Những người tham gia chương trình IREX từ Liên Xô, vừa mới đến Mỹ đã bị gọi quay về vì sự an toàn của họ. Bộ Đại học Liên Xô chưa tìm thấy nơi nào cho Glen sang học.

Mặc cho sự chế giễu trước đây của Glen, tôi vẫn muốn thử cái chiến lược của Samantha Smith. Tôi đề xuất viết cho mỗi thành viên của Bộ chính trị Liên Xô, bao gồm cả Andropov, khẩn thiết kêu gọi họ đừng để vụ thảm họa của Korean Airlines ngăn cản việc tới Moscow của những người Mỹ tham gia chương trình IREX. “Chỉ cần một cuộc gọi từ chỉ một ủy viên Bộ chính trị là có thể giải quyết vấn đề của cậu”, tôi nói. “Việc copy lá thư và gửi nó đi mười lần cũng chẳng tốn kém là bao”.

Glen miến cưỡng đồng ý dịch lá thư của tôi sang tiếng Nga, và thêm vào những uyển ngữ phù hợp để nó nghe truyền cảm hơn. Nhưng qua mấy tuần, dần trở nên rõ ràng là Glen và những người khác tham gia chương IREX sẽ không được phép tới Moscow.

Tuy nhiên, mùa thu ấy cũng có một tin vui nhỏ đến từ Sevyan Vainshtein. Ông ấy viết rằng mình đã đến Tuva vào tháng Sáu, và rất đỗi ngạc nhiên khi thấy một bài viết trên *Tuvinskaya Pravda* với lời chúc mừng từ California, kèm theo một tấm hình thật đặc biệt – ông đã gửi cùng lúc ba bản copy. Mặc dù Glen đã không thể đến được Moscow, giờ đây chúng tôi có thể nói, nhờ có cậu ấy mà chúng tôi đã xuất hiện ở “Trung tâm của châu Á”.





## Ba người Mông tới được Tuva

Không lâu sau cái lần chúng tôi nao nức vì nhìn thấy ảnh mình trên *Tuvinskaya Pravda*, anh trai tôi đã gửi cho tôi ấn phẩm tháng Chín của tạp chí châu Âu về Địa lý, trong đó có một bài nhan đề “Siberien – der Riese hinter Europa” (“Siberia – lớn hơn cả châu Âu”). Tôi báo cho Richard và ông đã sang nhà tôi.

6

Chúng tôi lật trang đầu tiên của bài báo. Ở đó có một bức ảnh – bức ảnh chụp từ trên không trái ra trên hai trang tạp chí – một dãy các quả đồi phủ bởi thảm cỏ thấp màu vàng-xanh. Ở bên trái là một đàn nhỏ bò Tây Tạng – hầu hết là bò đen, vài con màu trắng – và hai người chăn bò ngồi trên lưng ngựa. Ở bên phải là cả trăm con cừu cụm lại thành một đám. Có hai cái lều tròn, cả hai đều trắng với chóp màu nâu: cái đằng sau ở cạnh nơi cột ngựa; cái đằng trước thì có một ô tô nhỏ màu trắng đỗ bên cạnh.

Vài con bò tha thẩn, và đói con lợn. Đó là một *aal* – một trại của người du mục.

Đây là bức ảnh màu đầu tiên về Tuva mà chúng tôi từng thấy.

Một lần nữa, cái tiếng Đức trung học phổ thông của tôi lại được phát huy tác dụng. Bức ảnh có tiêu đề “Mảnh đất với hàng ngàn khuôn mặt” và lời chú giải:

Giữa dãy Ural, biên giới của châu Âu và Thái Bình Dương xa xôi không có gì khác ngoài Siberia – vùng đất mênh mang với tầng đất cái đóng băng vĩnh cửu ở phía bắc, núi lửa phun trào ở Kamchatka, thăm dò dầu khí ở vùng lãnh nguyên, trạm thủy điện lớn nhất thế giới ở Shusheskoye, và thiên nhiên chưa hề bị tàn phá ở các rừng tai-ga. Ngay chính giữa của lục địa châu Á, ở thượng lưu sông Yenisei và biên giới Mông Cổ, Siberia của những người du mục Tuva tách biệt với phần còn lại của thế giới giống như nơi định cư của những người thổ dân gốc ở Miền Tây Hoang dã của nước Mỹ. Ở những vùng núi cao, người Tuva chăn bò Tây Tạng. Những người du mục này có một nền kinh tế sữa rất phát triển với một sản phẩm phụ được yêu thích trên khắp Liên bang Xô Viết: họ làm vodka từ sữa.

Trong số hơn hai chục tấm ảnh về Siberia, có ba tấm ảnh màu khác về Tuva. Các tấm ảnh này cho thấy, trẻ em Tuva cạo trọc đầu chỉ để lại một lọn tóc ở phía trước, màu tóc của một bé gái Tuva có thể vừa rất sẫm lại vừa nâu nhạt, còn các cánh đồng ở Tuva thì được phân thành các dải với những vật rộng chừng năm mét xen kẽ nhau.

Cách phân cánh đồng thành dải nhu thế gợi Richard nhớ về bức ảnh Landsat. Chúng tôi dùng kính lúp xem xét cẩn thận những nơi có đánh dấu ô cửa mở trên bức ảnh này. Và đúng thật, một trong những nơi ấy chính là nơi mà tấm ảnh của tạp chí *Địa lý* đã được thực hiện.

Phần lời của bài báo do một người Nga viết, nó nhấn mạnh tiến bộ công nghiệp lớn lao của Siberia. Tuy nhiên, bức ảnh duy nhất trải dài hai trang với những con bò tây tặng và những căn lều tròn đã gửi đi một thông điệp rằng, Tuva của con tem bưu điện vẫn còn hiện hữu vào năm 1983.

Khi Giáng Sinh tới gần, tôi chợt nảy ra ý tưởng về quà tặng khi đang ở trong một trung tâm mua sắm: một người bán hàng giới thiệu các trò chơi ghép hình theo yêu cầu từ bất kỳ bức ảnh nào. Tôi vội chạy về nhà tìm bản copy của bức ảnh mà tôi đã tìm thấy ở thư viện Los Angeles. Một tuần sau, các thành viên khác của *Những người bạn của Tuva* ghép lại những bức hình như thật cái chốn linh thiêng của các lữ khách lập dị – đài kỷ niệm “Trung tâm Châu Á” ở Kyzyl.

Vào tháng Giêng năm 1984, trong hộp thư của tôi xuất hiện một phong bì gửi từ lãnh sự quán Xô Viết ở San Francisco. Phải chăng, viện của Ondar đã gửi thư mời ghi tên của chúng tôi tới lãnh sự quán, như Glen đã đề nghị qua điện thoại? Nếu vậy thì quả thật là một phép màu!

Bên ngoài lá thư viết:

Thưa Ông Leighton:

Tôi lấy làm hân hạnh được chuyển tới ông phúc đáp của V.V.Grishin, ủy viên Bộ chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô...

Lá thư của Grishin (bằng tiếng Nga) được đánh máy – chứ không phải copy như lá thư của chúng tôi – và có chữ ký của ông bằng bút máy mực xanh. Tôi nghĩ bụng, Chà! Chiến lược Samantha Smith cuối cùng đã thành công! Lá thư trông rất ấn tượng, trong đó có

bao nhiêu là loại CCCP<sup>1</sup>. Tôi nghĩ, tốt nhất là gọi điện bảo Glen xếp va-li dần là vừa!

Tôi lật trang và đọc nhanh “bản dịch không chính thức” của lãnh sự quán. Bản dịch bắt đầu bằng:

Thưa Ông Leighton:

Tôi đã đọc rất kỹ lá thư của ông và chia sẻ với ông nỗi lo về sự xấu đi trầm trọng của quan hệ Xô-Mỹ, hệ quả của chiến dịch chống Xô Viết của chính quyền tổng thống Reagan...

Ông Grishin đã viết những điều khác với suy nghĩ của tôi. Lá thư tiếp tục:

Ở Liên Xô, với mối quan tâm sâu sắc, chúng tôi nhận thấy sự gia tăng đột biến của những căng thẳng quốc tế. Mỹ lên kế hoạch triển khai các tên lửa tầm trung mới ở Tây Âu, chúng là những vũ khí phủ đầu nhắm vào Liên Xô, đe dọa nghiêm trọng hòa bình...

Tôi đã chẳng nhắc gì đến tên lửa trong lá thư của mình. Cho dù thư trả lời của ông Grishin được viết bằng một máy chữ cũ và được ký bởi chính ủy viên Bộ chính trị này, nó rõ ràng là một lá thư viết theo khuôn mẫu. Trong thư không nhắc đến tình cảnh của Glen.

Vào đầu tháng Hai, Yuri Andropov, người có vẻ như đang dẫn dắt một phong trào cải cách thận trọng, đã qua đời sau chỉ mươi lăm tháng nắm quyền. Kế nhiệm ông là một trong những người bạn cũ của Brezhnev, Konstantin Chernenko, bảy mươi hai tuổi.

---

1. Viết tắt của Liên bang Xô Viết – ND.

Cuối tháng đó, trước khi đi Esalen để dẫn dắt seminar đầu tiên của mình về “Phong cách suy nghĩ riêng”, Richard đã cùng tôi đến Hội trường Công dân Pasadena để gặp gỡ với Dalai Lama của Tây Tạng. Dalai Lama đã nói một cách đầy cảm hứng về những điều kỳ diệu của tự nhiên đã được khoa học khám phá. Tù trưởng rất thích buổi nói chuyện này, nhất là cách mà “tín đồ Phật giáo bình dị” – Dalai Lama tự gọi mình như vậy – dùng sự hài hước (thường là sự mỉa mai của chính ông) để nói về một vấn đề. Cách Dalai Lama tiếp cận cuộc sống làm tôi nhớ đến một câu mà Richard nói là của mẹ mình: “Dạng thức hiểu biết cao nhất mà chúng ta có thể đạt được là tiếng cười và tình thương yêu đồng loại”.

Cuộc gặp gỡ sẽ tuyệt vời biết bao, tôi nghĩ, nếu như Tù trưởng và Dalai Lama gặp trực tiếp nhau! Nhưng chao ôi, cái seminar sắp tới ở Esalen đã không cho phép tôi sắp xếp một cuộc hội ngộ tay đôi như vậy (mặc dù tôi đã cố gắng, cũng chỉ được có thể thôi.)

Về cơ bản, seminar “Phong cách suy nghĩ riêng” là một bài tập, học cách suy nghĩ cho chính mình. Mặc dù, những người tham gia khởi đầu bằng thụ động nghe theo từng lời của Richard, ông ấy rốt cuộc đã làm họ trở nên chủ động thách đố ông, và đã diễn ra một số đàm luận thú vị.

Trong một buổi sinh hoạt, có tên là “Cha Mẹ đáng tự hào”, Tù trưởng hỏi rằng, liệu cha mẹ có xứng đáng được chúc mừng vì những thành công của một đứa con ngoan. Với những người trả lời “có”, ông hỏi tiếp, thế liệu cha mẹ do vậy có nên chấp nhận những lời khiển trách về những thất bại của một đứa con hư. Ông nói về tác hại của các “chuyên gia”, các tuyên bố của họ về nuôi dạy con trẻ đã làm cho các bậc cha mẹ cảm thấy không thỏa đáng. “Như trong giáo dục, chẳng ai biết làm việc đó như thế nào”, – thầy tu mới nhập đạo

khuyên bảo. “Cứ làm tốt nhất có thể, và đừng để ý kiến của người khác hoặc tiền của làm mất đi sự tự tin của bạn”.

Sau đó, một phụ nữ dáng e thẹn, không nói mấy trong buổi thảo luận, đã đến nói với Tù trưởng. “Tôi đánh giá cao những nhận xét của ông về việc làm cha làm mẹ”. Cô ấy nói. “Tôi đã nhận nuôi một bé trai hai tuổi, thật rất khó nuôi dưỡng. Khi mười sáu tuổi, cháu đã tự vẫn”.

Trong khi tôi giới hạn sự tham gia của mình vào các thảo luận Esalen bằng việc chơi trống và ngâm mình trong bể bơi nước nóng, thì Richard thích thú với một trò tiêu khiển mới – massage. Đến cuối tuần, ông đã thoa tay lên và xuống dọc theo cơ thể đã được bôi dầu của nhiều đàn ông và phụ nữ (thích nhất là nhóm thứ hai) với đủ hình dạng và kích cỡ. Vào buổi tối trước khi quay lại Pasadena, ông đã nhào qua cửa cabin của chúng tôi và tuyên bố một cách tự hào, “Này, anh bạn, tôi là một thợ massage thực thụ đấy!”

Richard mô tả – từng động tác một – ca massage dài và chậm mà ông đã làm tối hôm đó cho một phụ nữ mà ông gặp trong lớp. Ông giới thiệu các nhóm cơ của cô ấy cứ như chúng là các bộ phận trong một dàn nhạc giao hưởng. Ông diễn tả cách thức xoa bóp từ nhóm cơ này sang nhóm cơ khác với cường độ tăng dần cho tới khi người phụ nữ thở một hơi dài đầy thư giãn. Cô ấy đã nói rằng đó là ca massage tuyệt vời nhất mà mình đã từng được trải nghiệm.

Trở về với thực tại, mùa xuân mang theo tin tức về việc CIA bí mật phá hoại các cảng của Nicaragua. Liên quan với cái năm 1984 ấy, trong đầu tôi nảy sinh duy nhất một kế hoạch khá là lắt léo: Tháng Mười sẽ kỷ niệm bốn mươi năm ngày sát nhập Tuva vào Liên bang Xô Viết. Chắc chắn sẽ có những hoạt động chào mừng sự kiện đáng ghi nhớ này. Kyzyl chắc sẽ được trang hoàng để đón tiếp các quan chức đến thăm. Một cuộc diễu hành? Tất nhiên – nó sẽ đi qua ngay

mặt trước tòa nhà chính phủ ở Kyzyl. Người dẫn đầu danh dự? Ai xứng đáng hơn cái người đã xuất hiện cùng với hai bạn của mình trên *Tuviskaya Pravda*! Dù sao thì, chắc hẳn bây giờ chúng tôi đã là những người nổi tiếng khắp Tuva rồi.

Tôi viết một lá thư cho TASS, thông tấn xã Xô Viết. Tôi cho rằng, có lẽ đây là tổ chức quan tâm nhất đến việc có ai đó viết về bốn mươi năm Xô Viết Tuva.

Mùa hè đến gần, tôi nghĩ về thế vận hội Olympic sẽ diễn ra ở Los Angeles vào cuối tháng Bảy. Người Tuva nổi tiếng về các môn bắn cung, vật và cưỡi ngựa. Tôi mơ là sẽ tìm thấy một cái tên có đuôi -ool (một dạng tên Tuva kiểu như -son) trong chương trình đấu vật, và hét lên “Ekii!”. Nhưng vào tháng Năm, Liên Xô và các nước cộng hòa thành viên của nó tuyên bố rằng, họ sẽ tẩy chay thế vận hội.

Dù vậy, tôi đã tham dự lễ khai mạc thế vận hội Olympic. Ngoài đội nhà, sự cổ vũ lớn nhất đã được dành cho các vận động viên diễn kinh Rumani, họ đã bất chấp việc Liên Xô tẩy chay thế vận hội. Ở màn kết của chương trình, khoảng vài ngàn người dân Nam California đi vào, mặc trang phục truyền thống của các nước tham gia thế vận hội, và cả các nước không tham gia, trong đó có các nước cộng hòa của Liên Xô. Tôi nghĩ, chắc phải có người Tuva sống đâu đó ở Nam California!

Thế vận hội đã diễn ra suôn sẻ. Ngay cả các cầu nhảy cũng đã làm việc một cách hoàn hảo, bất chấp việc kiểm tra kỹ lưỡng (có đi giày) của tôi và một số người bạn chỉ hai tuần trước buổi lễ khai mạc – chúng tôi đã dàn dựng một màn nhảy hài hước cho quan chức các loại của Ban Tổ chức Thế vận hội Địa phương. (Vì lý do nào đó mà người ta không chọn nhảy cầu hài hước làm một môn thể thao trình diễn – ít nhất là không chọn vào năm 1984.)

Không có hoạt động nào liên quan đến Tuva trong suốt mùa hè, không một lời từ Moscow hoặc Kyzyl. Tôi đã hoàn tất chương trình cao học về thông tin đại chúng và công nghệ giáo dục ở Đại học bang California, Los Angeles, vừa đúng dịp gác lại việc giảng dạy.

Khi mùa hè sắp kết thúc, John Boslough, một cây bút của tạp chí Địa lý Quốc gia (*National Geographic*), đã đến thăm Tù trưởng ở Caltech. Ông này đang chuẩn bị viết một bài về thời gian.

“Có chuyện gì vậy?” Richard đùa. “*Địa lý Quốc gia* không còn nơi nào trên thế giới để mà viết nữa à?”

“Không hẳn như vậy”, Boslough trả lời.

Tù trưởng không hứng thú lắm.<sup>1</sup> “Mà, tôi sẽ nói cho anh biết”, ông nói. “Có một nơi trên thế giới mà *Địa lý Quốc gia* vẫn chưa đề cập đến”.

“Thật sao?”

Richard bắt đầu nói về Tuva.

“Nghe thú vị đấy”, Boslough nói. “Sao ông không viết cho tôi một bức thư chi tiết, hoàn chỉnh – chín hoặc mười trang – về những gì ông vừa kể; rồi viết một thư ngắn – một hoặc hai trang – và gửi nó cho ngài Grosvenor, Chủ tịch Hội Địa lý Quốc gia. Tôi vẫn tham dự các cuộc họp để quyết định sẽ viết về cái gì, và với bức thư chi tiết của ông, tôi có thể nói thay ông ý tưởng này. Nếu ngài Grosvenor chấp nhận thì việc ông đến Tuva là quá đơn giản – quan hệ giữa Hội và Liên Xô rất tốt.

Khi Tù trưởng đến chơi trống, ông đã kể cho tôi về cuộc gặp với Boslough.

---

1. Dù vậy, bài báo về thời gian của Boslough cuối cùng cũng đã xuất hiện sáu năm sau, bắt đầu bằng viện dẫn tới Richard Feynman.

“Thật tuyệt vời!” Tôi nói một cách hăng hái. “Đây là cơ hội tốt nhất mà chúng ta từng có, bởi vì nó phụ thuộc chủ yếu vào những người ở đây, trên đất Mỹ, chứ không phải những người ở Liên Xô”.

Chúng tôi quyết định viết bức thư chi tiết trước. Mỗi người viết một bản nháp, rồi xem ai diễn tả cái gì tốt hơn. Sau đó tôi sẽ ghép các câu và các đoạn lại với nhau. (Đến lúc ấy, tôi đã có nhiều kinh nghiệm, tôi đang viết vài câu chuyện mà rồi chúng sẽ trở thành một phần của cuốn *Surely You're Joking, Mr. Feynman!* (*Feynman, Chuyện thật như đùa* – NXB Trẻ 2012)). Toàn bộ quá trình cũng mất đến vài tuần, nhưng không sao: chúng tôi không muốn làm hỏng cơ hội này.

Sau khi so sánh hai bản thư nháp, tôi đánh máy bức thư dài và mang nó tới Esalen, ở đó Tù trưởng lại đang đóng vai trò lãnh tụ tinh thần trong seminar thứ hai của ông về “Phong cách suy nghĩ riêng”. Vào một buổi chiều Glen cũng đến từ Berkeley. Cậu ấy đọc công trình của chúng tôi – giữa những lần đầm mình trong bồn nước nóng.

Trong khi chúng tôi đang bình lặng thư giãn trong những bồn tắm nhìn xuống đại dương, Richard đột nhiên thốt lên, “Cảm ơn, Bác sĩ Morton!” Tù trưởng không bao giờ quên rằng ông đang sống bằng thời gian được mượn thêm, và thường cảm ơn con người đóng vai trò quan trọng nhất trong việc này theo đúng cái cách mà những người khác cảm ơn Chúa cho họ thêm một ngày tốt lành.

Ở Esalen chúng tôi nói với những người đồng cảm về ước mơ của mình. Một trong số họ đã trích dẫn Arnold Palmer: “Tôi làm việc càng chăm chỉ hơn, tôi sẽ càng may mắn hơn”. Chúng tôi cố gắng gấp bội để làm cho lá thư của mình gửi Hội Địa lý Quốc gia trở nên hấp dẫn không cưỡng lại được.

Đến gần cuối tuần tôi rất ít khi thấy Richard ở bên ngoài seminar của ông ấy. Một tối, khi quay về cabin của chúng tôi, ông nói, “Tôi sắp mất trí!”

“Ý ông là sao?” Tôi hỏi.

“Tôi gặp một cô gái đến từ Canada rất xinh đẹp – cô ấy giống hệt Arlene”.

Tôi vừa kịp nhận ra tên người vợ đầu của Richard, người đã qua đời ở tuổi hai mươi. Ông rất ít khi nói về Arlene, nhưng rõ ràng là vẫn còn bị ám ảnh bởi ký ức về cô ấy.<sup>1</sup>

Trên đường quay về Pasadena, chúng tôi đã đi đường vòng tới vùng nông thôn quanh Watsonville, thăm Victor và Sara Neher. Victor, một giáo sư vật lý ở Caltech đã nghỉ hưu, vẫn còn đang khỏe mạnh ở tuổi tám mươi: đề án gần đây nhất của ông là nghiên cứu những hiện tượng vật lý xảy ra ở trong cây – chẳng hạn, làm thế nào mà nhựa cây lên được tới tận ngọn của một cây cao 30m. Trên các biểu đồ ghi chép, ông đo những thay đổi hằng ngày của độ dày các cây và áp suất của nhựa bên trong cây bằng thiết bị do chính ông thiết kế và chế tạo.

“Chẳng phải nhựa đi lên qua các mao mạch ư?” Tôi hỏi

Tiến sĩ Neher cười. “Mao mạch có thể đưa nhựa lên ngược chiều trọng lực chỉ một khoảng tương đối ngắn. Ngay cả nếu ở đỉnh một ống mao dẫn là chân không thì nhựa cũng chỉ có thể được kéo lên chừng 10m trước khi ống bị vỡ. Vì thế, theo tôi, việc nghiên cứu vẫn sẽ tiếp tục để tìm lời giải cho bí ẩn này”. Tù trưởng cũng mỉm cười – ông luôn hứng thú lắng nghe về chủ đề mà phần còn lại của thế giới đang bỏ qua và cho là hiển nhiên.

---

1. Câu chuyện về Arlene, ghép nối lại trong mươi năm, mang lại tiêu đề cho cuốn *What Do You Care What Other People Think?* (W.W. Norton, 1988)

Chúng tôi vào nhà dùng trà. Câu chuyện lại quay sang Tuva, cứ như một chủ đề không thể tránh được. Gia đình Neher nhắc chúng tôi về chiêm nghiệm của tổng thống Eisenhower rằng, ngoại giao người-với-người là con đường thực tế tốt nhất để có được sự hiểu biết lẫn nhau và hòa bình. Sara cho tôi xem số tháng Mười của tạp chí *Đời sống Xô Viết*, được xuất bản như một đối tác của tạp chí *Đời Sống* theo thỏa thuận trao đổi văn hóa vào những năm 1950. Bà và Victor đã đặt mua dài hạn *Đời Sống Xô Viết* ngay từ đầu. Sara nói, “Anh có biết là Tuva sẽ là chủ đề chính trong số tháng tới không?”

Chúng tôi nhìn vào trang thông báo trước nội dung. Tuva sẽ là câu chuyện chính.

Khi chúng tôi về đến Pasadena, tôi đánh máy lại bức thư mười trang gửi ông Boslough mà chúng tôi đã gọt giũa cẩn thận ở Esalen. Rồi tôi chắt lọc ra một thư ngắn hơn gửi ngài Grosvenor, và sau khi được Tù trưởng chấp thuận tôi đã gửi cả hai thư tới Hội Địa lý Quốc gia.

Vào tháng Mười một, Tổng Thống Reagan tái đắc cử với số phiếu nhiều hơn hẳn Walter Mondale. Tù trưởng đã rất ngạc nhiên về việc Reagan vẫn tiếp tục ở lại Nhà trắng sau rất nhiều bê bối đã bị phanh phui trong bộ máy chính quyền của ông: “Điều đó cho thấy tôi hiểu được con người đến mức nào”, lãnh tụ tinh thần bán chuyên ở Esalen nói.

Khi số tháng Mười một của *Đời sống Xô Viết* cuối cùng đã xuất hiện, tôi ra cửa hàng bán báo nước ngoài và mua nửa tá số tạp chí này để tặng cho Những người nạn của Tuva. Richard đến và chúng tôi cùng nghiên ngẫm tờ tạp chí.

Chúng tôi nhận ra bức ảnh ngoài bìa; bức ảnh này đã có ở trang thông báo trước nội dung ở số tháng Mười của gia đình Neher: đó

là ảnh một thiếu nữ Tuva mang trên đầu một cái khăn, làm cho cô ấy trông giống một người da đỏ Mỹ thứ thiệt. Ở trang hai là một bài dài với tiêu đề “Tuva: Nước Cộng hòa ở trung tâm châu Á” – đầy năm trang, hoàn toàn bằng tiếng Anh, với những thông tin cập nhật mới nhất về đất nước mà chúng tôi đã rất khó khăn thậm chí chỉ để tìm một bức ảnh cách đây vài năm. Chúng tôi đọc bài báo một cách chậm rãi, nhấm nháp từng chữ một:

Vùng thảo nguyên bằng phẳng xen lẫn với những ngọn đồi nâu thấp kéo dài tới tận chân trời; đây đó từng đàn cừu gặm cỏ một cách thanh bình. Cái thời hiện đại dường như đã bỏ qua cái góc chưa bị tàn phá này của thế giới. Ở đây tất cả đều thanh bình và tĩnh lặng.

Con đường uốn khúc đi lên và đi lên – vô tận. Cuối cùng chúng tôi nhận ra một cái lều ở xa phía trước. Một người chăn cừu có tuổi bước ra gặp chúng tôi với nụ cười chào đón trên khuôn mặt rám nắng của ông. Giống như mọi người sống trên các thảo nguyên không ranh giới này, Mongush Chola là linh hồn của lòng mến khách.

Đó chính xác là ảo mộng của chúng tôi – được gặp một người Tuva đứng trước căn lều tròn của mình.

Chola đã tham gia xây dựng những nông trang tập thể đầu tiên của nước cộng hòa. Ông đã lập một kỷ lục đặc biệt vào năm 1961: Những con cừu cái trong đàn của ông đã sinh được 170 cừu con. Trong suốt cuộc đời của mình, ông đã nuôi dắt được hơn 23.000 con cừu, và số lông cừu mà ông đã xén được có thể chất đầy mấy xe lửa chở hàng. Cả sáu đứa con của ông đều làm nông nghiệp.

Được thôi, bất kỳ người chăn cừu nào mà chúng ta gặp ở Tuva hóa ra đều là một trong số những “công nhân anh hùng của xã hội chủ nghĩa”, họ được chọn lựa một cách cẩn thận và sắp đặt sẵn dọc theo đường đi của chúng ta...

Áo mộng của chúng tôi quay lại:

Chúng tôi ngồi trước lều của người chăn cừu một lát. Khi đến giờ phải đi, ông ấy hát cho chúng tôi nghe. Ông hát dường như với hai giọng cùng một lúc, một gợi nhớ về *homus*, một loại nhạc cụ dây của người Tuva, còn giọng kia như tiếng gọi bạn tình của một loài gà rừng vào đầu mùa xuân. Từ xa xưa, người Tuva đã thể hiện những tình cảm thầm kín nhất của mình bằng những giọng hát họng đặc biệt thấp. Tiếng hát của người chăn cừu trôi trên thảo nguyên, làm cả thảo nguyên vang vọng. Trong khoảnh khắc, tôi cảm thấy mình đã hiểu được ý nghĩa của bài hát Tuva ngàn xưa.

Không có bức hình nào về Monglush Chola đang hát *höömei* bên ngoài lều của ông, nhưng điều đó không quan trọng – chúng tôi có thể tưởng tượng mọi thứ một cách rõ ràng. Nhưng, lại có bức hình của Grigori Shirshin, Bí thư thứ nhất của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Tuva. Dưới bức hình có trích lời của ông Shirshin: “Nơi đã từng là vùng đất của những người chăn nuôi du mục và săn bắn thì nay là một nước cộng hòa công-nông nghiệp hằng năm đóng góp ngày càng nhiều cho nền kinh tế quốc dân của Liên bang Xô Viết”. Ở hai trang tiếp theo là các ảnh về Tuva “công-nông nghiệp”: Mỏ amiăng lớn ở Ak-Dovurak, máy nông nghiệp trên cánh đồng và Học viện Bách khoa Kyzyl.

Bài báo quay trở lại Tuva “của chúng tôi”, nhưng với một chõ rẽ:

Thiên nhiên ở đây có nhiều bất ngờ được lưu giữ dành cho bạn. Có những hồ nước mặn và những hồ nước ngọt, những suối chữa bệnh và những dòng sông trong vắt như pha lê, đầy cá thơm ngon. Quả việt quất có tác dụng chữa bệnh đặc hiệu mọc ở khắp nơi. Nước của những quả chín mọng này là một khẩu phần thường ngày của các nhà du hành vũ trụ của chúng ta.

Ngoài những đại diện thường thấy của cuộc sống hoang dã Siberia, còn có những loài động vật đặc biệt sống ở những khe rãnh trên thảo nguyên và trên các dãy núi. Có những con sơn dương drezen từ các sa mạc Mông Cổ, một loài linh miêu hiếm, và sói đỏ. Tuva có rất nhiều động vật xén lông. Da của những con thú bản địa như chồn zebelin, sóc, chồn ermine và cáo thường đứng đầu bảng ở các cuộc đấu giá quốc tế.

Dưới tiêu đề “Truyền thống và vẻ đẹp”, bài báo tiếp tục:

Dãy núi Bai-Taiga nổi tiếng với truyền thống cắt đá ngàn xưa. Đón tôi, người ta diện những bộ quần áo mà Mặt trời đang lặn đã phết lên đó màu xanh và màu tím – và biến tôi thành một trong những người bị vẻ đẹp của miền tây Tuva làm cho mê mẩn trong suốt phần đời còn lại.

Ở vùng đồng cỏ cao trên núi, tôi tìm gặp Saaya Koghel, một người chăn cừu và nhà tạo tượng nổi tiếng, cùng bạn của anh ấy, Donduk Doibukhaa, một hậu duệ cũng của những nhà tạo tượng. Koghel nói với tôi rằng việc tìm khoáng chất hiếm *agal'matolit*<sup>1</sup> cũng khó như việc tạc một bức tượng bằng khoáng chất ấy. Khoáng chất này ở đây chỉ có thể tìm thấy trên đỉnh của một ngọn núi, và chúng nằm dưới sâu vài mét.

---

1. Trong tiếng Anh đó là Pyrophyllite, có cùng cấu trúc như đá steatite (đá bợt), nhưng thay magnesium bằng aluminum

“Ở đây, tại Tuva, một người tạc tượng cũng phải là một nhà địa lý và một vận động viên leo núi”, Koghel lưu ý. “Tìm được hòn đá là một thử thách, và sau đó anh phải đào nó lên thật cẩn thận và mang nó xuống núi mà không bị hư hại gì. *Chonardash*, cái tên ngụ ý là đá có thể đeo được, có những bí mật của nó. Nó rất mềm dẻo khi mới được đào lên, nhưng chẳng bao lâu sau trở nên cứng như sắt. Nó có thể trở thành màu đen xen ánh bạc, đỏ, vàng, hay xám.

Phổ biến nhất ở Tuva là những bức tượng nhỏ lắp lại những chủ đề của truyền thuyết địa phương.

Không có bức ảnh nào về những mẫu đá khắc này, nhưng một khi đã xem cuốn sách của Vainshtein về nghệ thuật Tuva, chúng tôi biết một cách chính xác chúng trông như thế nào.

Bài báo kết thúc bằng cách đưa ra một câu hỏi:

Vì sao người Tuva lại sát nhập vào Liên bang Xô Viết? Để trích dẫn lời của Salchak Toka, “những dân tộc có liên quan về chủng tộc, mà họ đã gia nhập Liên bang Xô Viết từ những ngày đầu, hiện đã tiến xa hơn nhiều so với người Tuva chúng tôi về chính trị, kinh tế cũng như văn hóa, mặc dù trước cách mạng họ đã ở cùng mức độ phát triển như chúng tôi”.

Ở trang bảy của *Đời sống Xô Viết* có bài phỏng vấn Sevyan Vainshtein về một cuốn sách ông đang viết có tên là *Bí ẩn hổ Terekhol*. Vainshtein nói:

“Đầu đề cuốn sách liên quan với việc nghiên cứu về những tàn tích bí ẩn của một pháo đài cổ còn lưu giữ được ở Tuva, trên một

hòn đảo của Hồ Tere-Khol, không xa biên giới của Liên Xô – Mông Cổ. Mặc dù thành phố đá bí ẩn nằm ở thượng lưu sông Yenisei này đã có trên bản đồ Siberia từ thời Peter Đại Đế, nó không hề được nghiên cứu cho tới tận đầu thập niên năm mươi. Những điểm khai quật mà tôi đã chỉ đạo trong vài năm đã làm lộ ra một tòa lâu đài với các cột cao, các cầu thang chính rộng và những bức tranh tường. Lâu đài này đã được Khan Moyun-Chur, một lãnh chúa hùng mạnh của Uighur Khanate, cho xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ 8. Tuy vậy, nó vẫn là một câu đố: một pháo đài kiên cố với tường cao hơn 10 mét, bao gồm như trọn vẹn hòn đảo ở giữa hồ đã được xây dựng như thế nào và bằng cách nào mà hàng tấn vật liệu xây dựng đã được chuyển ra đảo qua hồ nước. Theo truyền thuyết thì hồ chỉ xuất hiện sau khi pháo đài đã được xây dựng”.

Một địa điểm tuyệt vời! Tôi tìm kiếm Tere-Khol trên tấm bản đồ của Cục bản đồ quốc phòng mà chúng tôi có, và thật ngạc nhiên, đã tìm thấy không phải một mà đến hai hồ lớn như vậy, cách nhau khoảng 125 dặm, cả hai đều có tên là Tere-Khol. Phải chăng có sự nhầm lẫn? Một tấm bản đồ của Nga mà tôi đã copy ở UCLA cũng cho cùng thông tin như vậy. Hãy gạt ra một bên việc người dân địa phương sống giữa hai hồ này trả lời như thế nào cho câu hỏi: “Phía nào là Tere-Khol?” Tôi để ý thấy là hồ ở phía đông có một hòn đảo, nên tôi đã thêm nó vào danh sách thăng cảnh ở Tuva.<sup>1</sup>

Đột nhiên Tộc trưởng nói, “Này, Ralph, nhìn đây: ‘Các nhà thực vật học Mỹ ở Tuva’!”

---

1. Vì sau đó tôi đã tìm thấy một tấm bản đồ Xô Viết, ghi tên cái hồ phía tây là “Tore Khol”. Theo các quy tắc “kết hợp nguyên âm” của tiếng Thổ thì theo tiếng Tuva hồ này có lẽ là “Tore Khól”

“Làm gì có chuyện ấy!” Tôi phản ứng, không muốn bị lôi vào trò đùa tinh nghịch điển hình của Feynman.

Nhưng đấy, dòng chữ in đậm: **CÁC NHÀ THỰC VẬT HỌC MỸ TẠI TUVA**. Phân chú giải ghi:

Những người tham gia cuộc thám hiểm thực vật Xô-Mỹ ở dãy núi Sayan. Từ trái qua phải: Stanwyn G. Shelter, Valeri Nekrasov, David Murray, Thomas S. Elias, và Yuri Karachinsky ở đài kỷ niệm đánh dấu tâm điểm của lục địa châu Á.

Tấm hình đã kể một câu chuyện: Ba người Mỹ đã đến được nơi linh thiêng nhất ở Kyzyl, và tên họ không phải là Richard Feynman, Ralph Leighton, và Glen Cowan.





## Giờ gõ ở Moscow

Phải mất một thời gian tôi mới trấn tĩnh lại được. Chơi trống đã trợ giúp một phần, nhưng phần lớn là nhờ Richard đã nhắc tôi về mục tiêu của nhóm. “Chúng ta không gắng để trở thành những người đầu tiên; chúng ta chỉ gắng để đến được Tuva – và chúng ta vẫn đang cố gắng. Ít nhất là giờ đây chúng ta biết rằng, điều đó có thể trở thành hiện thực”.

“Vậy, bây giờ ta phải làm gì? Trở thành các nhà thực vật học à?” Tôi hỏi.

“Không cần thiết. Nhưng tôi nghĩ, cơ hội sẽ cao hơn nếu ta nghĩ ra được một lý do đích thực cho chuyến đi – một mục đích nào đó chứ không phải vì thủ đô của Tuva được đánh vần là K-Y-Z-Y-L”.

“Được thôi”, tôi nói. “Tôi biết, tôi sẽ liên lạc với mấy nhà thực vật học ấy để tìm hiểu xem họ đã tới Tuva bằng cách nào”.

Ở UCLA tôi tra cứu danh mục cán bộ giảng dạy

của các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ và đã tìm thấy, Thomas Elias ở một trường thuộc Poughkeepsie, New York, còn David Murray thì ở Đại Học Alaska thuộc Fairbanks. Không có thông tin nào về Stanwyn Shelter. Tôi viết cho Elias và Murray; Murray viết lại và cho biết, Elias hiện là giám đốc của vườn thực vật Rancho Santa Ana thuộc trường Cao Đẳng Claremont ở Pomona – chưa đầy một giờ lái xe từ Pasadena!

Tôi gọi điện cho TS. Elias và đến gặp ông. Ông nói với một giọng đều đẽ nhẹ nhàng. “Cứ hai năm một lần chúng tôi tới Liên bang Xô Viết theo một thỏa thuận song phương về bảo vệ môi trường được đàm phán dưới thời Nixon. Chúng tôi chẳng bao giờ biết mình sẽ đi đâu cho tới khi đến nơi – không có cơ sở để yêu cầu về một địa điểm cụ thể. Chúng tôi luôn đi tới những nơi hẻo lánh mà chẳng bao giờ có khách du lịch viếng thăm – đó là nơi có thảm thực vật phong phú. Mùa hè vừa qua thì đó là Tuva”.

“Ông ngụ ý là ông tới Tuva một cách ngẫu nhiên?”

“Tôi đồ rằng anh có thể nói thế. Chuyến đi được sắp xếp cho chúng tôi ở Novosibirsk”. TS. Elias nhấn mạnh nguyên tắc trao đổi. “Người Liên Xô không có tiền để chi tiêu ở bên ngoài lãnh thổ của mình, nhưng họ lại rất muốn đi. Nên cứ hai năm một lần chúng tôi mang họ đến nơi nào đó trên đất Mỹ và thanh toán cho những chi phí của họ ở đây. Họ luôn thanh toán cho những chi phí của chúng tôi ở Liên Xô”.

Tôi hỏi về phục vụ hậu cần của chuyến đi ở Tuva.

“Có vài xe tải chuyên dụng lớn chất đầy hàng hóa dự trữ, và một nhóm khoảng mươi công nhân, họ dựng trại và chuẩn bị bữa ăn cho mọi người. Lều và túi ngủ của Liên Xô làm bằng vải bạt nặng lắm. Anh nên mang theo túi ngủ của mình”.

Tôi hỏi TS. Elias xem liệu nhóm của ông đã từng nghe hát giọng “họng” ở Tuva chưa.

“Chưa”.

Họ có ở trong những cái lều tròn không?

“Không”.

Thế họ có nhìn thấy ngôi sao nào có những ký tự Thổ cổ xưa không?

“Không”.

Đời sống thực vật có thú vị không?

Khuôn mặt của TS. Elias sáng lên. “Ô, có! Tôi chưa có thời gian để sắp xếp lại tất cả các mẫu mà chúng tôi mang về”.

Tôi đang thèm muốn chết để được xem những thực vật Tuva đích thực (nhất là những cây việt quất có trong thực đơn của các phi hành gia), nhưng TS. Elias nói rằng, ông có một cuộc hẹn trong vài phút nữa. Khi chia tay, ông nói “Chúc may mắn”.

Vào tháng Hai năm 1985, chúng tôi nhận được thư trả lời của ông Boslough. Ông thông báo rằng, Địa lý Quốc gia đã quyết định sẽ có một bài về Mông Cổ; Tuva thì cũng tương tự thôi. Tuy nhiên, người viết về Mông Cổ sẽ cố gắng vượt qua biên giới và tự mình nói về Tuva.

Thế là chẳng còn hy vọng gì cho bức thư được gọt giũa cẩn thận và cơ hội tốt nhất của chúng tôi để đến được Tuva yêu dấu của mình. Tôi gọi điện và nói cho Glen biết tin này.

Không nao núng, cậu ấy có một gợi ý. “Dù sao cũng phải đến Liên Xô. Năm nay kỷ niệm bốn mươi năm kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ hai. Nếu chúng ta đi vào cuối tháng Tư, chúng ta có thể ở đó vào dịp lễ diễu hành ngày Lao động tháng Năm và cả lễ diễu hành Ngày Chiến thắng sau đó tám ngày”.

Tôi biết Richard sẽ không hưởng ứng việc này. Hơn nữa, ông lại đang giảng một giáo trình về lý thuyết computer mà ông rất tâm đắc. Tuy nhiên, tôi nghĩ, đây là cơ hội để thấy điều gì đó đặc biệt của “Để chế bất hạnh”, một cơ hội để trải nghiệm trực tiếp cái hệ thống mà chúng tôi buộc phải đương đầu để đến được Tuva. Tôi không nhất thiết phải đi theo một nhóm du khách; thay vào đó, tôi sẽ có một hướng dẫn viên riêng, nói tiếng Nga thành thạo. Đây là một dịp không nên để lỡ. Tôi nói, “Đồng ý!”

Đại lý du lịch nói với chúng tôi rằng Moscow và Leningrad đã kín chỗ trong hai tuần đầu tiên của tháng Năm – chỉ có khách VIP mới được xem diễu hành ở các thành phố này.

Tôi muốn đề xuất Akaban, nhưng tôi biết điều đó là không thể: một khi đã ở đó, tôi sẽ bị cám dỗ xông tới Tuva và điều đó có thể sẽ quăng chúng tôi vào tù.

“Thế Volgograd thì sao?” Glen gợi ý. “Trận Stalingrad [tên của thành phố này dưới thời Stalin] là điểm ngoặt quyết định của Liên Xô trong Thế Chiến thứ hai. Ngoài ra, việc xem một thành phố bậc trung ở trái tim của nước Nga cũng lý thú đấy”. Khi đó tôi đã học được rằng, ngay cả những nơi tầm tầm cũng rất thú vị, nên tôi đã đồng ý.

“Volgograd còn chỗ”, đại lý du lịch cho biết. “Thế, các anh còn muốn đi đâu nữa?”

“Caucasus được không?” tôi nói. Các học sinh Armeni ở những lớp tôi dạy đã làm tôi quan tâm đến phần đất này của thế giới. Glen đồng ý, và đề xuất là chúng tôi sẽ thư giãn vài ngày ở “Riviera Đỏ” (bờ Biển Đen) trên đường quay lại Moscow.

Mặc dù các điểm cách xa nhau nhưng chúng tôi chỉ muốn đi bằng tàu hỏa. Cả hai chúng tôi đều không yên tâm đi bằng đường

không ở Liên Xô, vì các nhà chức trách chẳng bao giờ thông báo về các vụ tai nạn. “Hơn nữa, tàu hỏa ở Liên Xô khá dễ chịu”, Glen nói. “Đấy là nơi tuyệt vời để gặp và chuyện trò với mọi người”.

Nhân viên đại lý du lịch nói với chúng tôi về các “trung chuyển” bổ sung – mỗi người thêm 50 đôla – vì taxi thường không dễ kiếm. Nhưng tiền vé máy bay tới Helsinki, nơi chúng tôi sẽ lên tàu để đi tiếp tới Liên Xô khá đắt. Khi quay lại Pasadena, tôi đến thư viện Caltech và tìm được mấy chỗ giá rẻ từ Heathrow đến Helsinki đăng trên tờ *Times* của London, tôi đặt mua vé qua điện thoại và trả bằng thẻ tín dụng. Chúng tôi đã đặt một chuyến bay tới London trên World Airways.

Vào đầu tháng Ba, Konstantin Chernenko qua đời, như đã được dự đoán trước. Vậy là một lễ quốc tang nữa dự định sẽ lại diễn ra ở Quảng trường Đỏ. Ở Moscow lan truyền câu nói đùa rằng, một công dân Xô Viết chân thật hỏi, “Tôi có thể mua vé theo mùa không?”

Trong những tuần trước đó, đã có lời đồn về tranh chấp quyền lực: cái ghế cao nhất, ghế Tổng bí thư, sẽ thuộc về nhân vật bảo thủ già Victor Grishin (người đã viết thư cho tôi một năm trước đây), hay nhân vật bảo thủ trẻ Grigoriy Romanov (người mà phái Kremlin đã từng cho là có ưu thế nhất), hay Mikhail Gorbachev, nhân vật thực dụng được Andropov bảo trợ? Trong đám tang Chernenko, thứ tự của các ủy viên Bộ chính trị xuất hiện trên lề đài tại lăng Lenin cho thấy Mikhail Gorbachev là người thắng cuộc. (Romanov ở lại Bộ chính trị thêm bốn tháng nữa. Grishin thì ở lại đến tháng Giêng năm 1986, khi ông ta bị thay thế bởi Boris Yeltsin.)

Để giúp tôi chuẩn bị cho chuyến đi Liên Xô, Richard cho tôi mượn một cuốn sách lấy từ giá sách của ông – cuốn sách của Hedrick Smith có tựa đề là *Những người Nga*. “Tôi nghĩ cậu sẽ thích cuốn sách này”,

ông ấy nói. Với tính cách coi khinh chính trị của Tù trưởng, tôi ngạc nhiên khi thấy ông thậm chí có cả một cuốn sách như vậy.

Trong nhiều điều thú vị, cuốn sách nhắc đến một nghĩa trang ở Moscow (chỉ mở cửa cho các nhóm khách du lịch đặc biệt và người thân của những ai được chôn cất ở đây), trong đó đầy đủ các nhà khoa học và nhà văn Nga. Khrushchev cũng được chôn ở đây – không như Lenin, Stalin và Brezhnev, được chôn cất ở Quảng trường Đỏ. Tôi viết cẩn thận chữ NOVODEVICHY ở đầu danh sách những nơi tôi muốn thăm ở Moscow, trong khi nhớ lại một bài thơ của Marianne Moore mà tôi đã cắt ra từ tạp chí *Đời Sống* khi còn học trung học:

*Tôi có thể, tôi chắc, tôi phải*

Nếu bạn nói cho tôi biết  
vì sao đầm lầy dường như không thể vượt qua  
Thì tôi sẽ nói cho bạn biết  
vì sao tôi cho rằng tôi có thể vượt qua nó  
nếu tôi cố gắng.

Cuối tháng Tư, Glen rời Oakland, còn tôi rời Los Angeles. Ngày hôm sau chúng tôi đến Helsinki trong gió tuyết. Glen rất hứng khởi – đây là lần đầu tiên cậu ấy nhìn thấy tuyết rơi. Rồi bầu trời chuyển sang màu xanh, và chúng tôi đi bộ loanh quanh ở Helsinki dưới ánh sáng của mặt trời phương bắc đang từ từ lặn xuống. Dường như chúng tôi đã ở trên đất Nga; bức tượng Nga Hoàng Alexander II mà đế chế của ông đã từng kéo dài từ Phần Lan đến Alaska, nổi bật giữa quảng trường nền đá cuối, bao quanh bởi những tòa nhà sơn màu nâu nhạt được thiết kế rất tinh tế; trên một quả đồi ở bên

cạnh là một tổ hợp nhà thờ Chính Thống giáo của Nga với mái vòm hình củ hành và những cây thánh giá vàng lấp lánh trông như những anten TV uốn cong.

Sáng hôm sau chúng tôi mua vé đi Leningrad và tiếp tục hành trình trên đường tàu khổ rộng dẫn tới Liên Xô. Glen nhận xét rằng có lẽ đây chính là con đường mà theo đó Lenin đã lén về nước Nga Sa hoàng (trong một toa chở hàng) từ nơi đi đày ở Thụy Sỹ. Sau vài giờ chúng tôi dừng lại ngay trước biên giới. Đầu máy xe lửa Phần Lan tách ra khỏi đoàn tàu. Khi ngôi sao đỏ của đầu tàu Liên Xô hiện ra, tôi không thể cưỡng lại việc chụp một tấm hình. “Ralph!” Glen hoảng sợ nói thầm. “Cấm chụp ảnh các con tàu của Liên Xô!”

“Nhưng chúng ta vẫn đang ở Phần Lan”, tôi phản đối.

“Anh sẽ mang cuộn phim của mình vào Liên Xô”, Glen đáp trả.

Tôi vẫn cứ chụp cái đầu tàu, nhưng rồi cất máy ảnh đi – đó là cách duy nhất để tôi có thể cưỡng lại việc chụp các dãy hàng rào biên giới mà các hành khách khác đang chụp một cách lén lút.

Hai người bảo vệ biên giới của Liên Xô đi vào khoang tàu của chúng tôi và kiểm tra hành lý. Họ để ý nhất đến hai bản của cuốn *Feynman, Chuyện thật như đùa*, mới được xuất bản. Một bản dành tặng cho Sevyan Vainshtein; còn bản kia dành cho một nhà xuất bản của Liên Xô với hy vọng là những câu chuyện ngược đời của Feynman sẽ được dịch ra tiếng Nga. Glen giải thích gì đó với những người bảo vệ về “Feynman vật lý”, và “Nobel”.

Người bảo vệ lớn tuổi hơn tìm thấy danh sách những nơi muốn tham quan của tôi. Chữ duy nhất được viết rõ ràng là tên nghĩa trang cẩm ở Moscow mà tôi có thể phát âm một cách rất thô: NOVODEVICHY.

Anh ta chỉ vào đó và nhìn tôi, ánh mắt hỏi, “Tại sao là Novodevichi?”

Trước khi Glen có thể giải thích điều gì, tôi nói, “Khrushchev”.

Mặt của người bảo vệ đỏ ửng, nhưng ánh mắt của anh ta thể hiện sự thấu hiểu, thậm chí cảm thông. Anh ta trả lại tờ giấy cho tôi và ra hiệu cho người bảo vệ trẻ hơn rằng việc kiểm tra đã xong.

Chúng tôi xếp đồ đạc và thư giãn. Glen chỉnh lại đồng hồ của mình, quay kim thêm sáu mươi phút, trong khi cảnh tượng bên ngoài mang suy nghĩ của tôi quay ngược lại sáu mươi năm trước: náo nhiệt trong rừng bu-lô là những ngôi nhà nghỉ mát sơn màu sáng, hầu hết là màu xanh da trời, trang trí bằng những đường ống gỗ rắc rối và những khung cửa sổ màu trắng; mỗi nhà có một cái giếng với trực tay quay, dây thừng, và xô.

Người phục vụ khoang tàu mang cho chúng tôi những cốc trà Georgian rất ngon. Uống xong, tôi mang mấy cái cốc trả cho cô ấy. Cô ngay lập tức quẳng chúng vào một cái “bồn vi trùng” (theo cách gọi của Glen), một chậu nước chỉ hơi âm ấm. Trước khi chúng kịp khô, cô ấy đã đổ đầy nước trà vào mấy cái cốc mà chúng tôi vừa dùng để mang cho nhóm khách tiếp theo. Tôi không hề ngạc nhiên khi bị đau họng mấy ngày sau đó.

Một taxi của Intourist đón chúng tôi ở ga xe lửa Leningrad và đưa chúng tôi ra ngoài thành phố, tới một nhà nghỉ lớn mà mục đích chính của nó là phục vụ đại trà những người Phần Lan với những điệu nhảy kiểu cũ và vodka rẻ tiền. Sau bữa chiều, chúng tôi đi xe buýt vào Leningrad. Khi màn đêm buông xuống, thành phố ba triệu ruồi dân này đã quên bật đèn: Leningrad cứ như là đang trong tình trạng tắt đèn phòng không thời chiến – giao thông gần như ngưng trệ, mọi thứ đều yên ắng. Glen và tôi hạ giọng tới mức thầm thì để phù hợp với bóng đêm đang bao

quan. Chỉ có tiếng lanh canh của tàu điện thi thoảng đập vào cái im lặng u buồn.

Sáng hôm sau báo hiệu một ngày nắng đẹp. Chúng tôi đi bộ nhanh dọc theo các con kênh nổi tiếng, và nhớ về bác sĩ Anna Maenchchen khi chúng tôi đi qua cổng vòm lịch sử nơi “Cách mạng tháng Mười” bắt đầu, vào quảng trường với bảo tàng Hermitage màu xanh nhạt chạy dọc suốt một phía (Chúng tôi quyết định không đi vào trong; đơn giản là vì có quá nhiều thứ để xem.) Phía bên ngoài cảng những tấm băng rôn rất lớn màu đỏ, cao chừng 9m, với hình tượng búa liềm và chân dung Marx, Engels và Lenin. Ngày Quốc tế Lao Động 01 tháng Năm sắp tới.

Phía dưới, nơi sông Neva, những người yêu thích thể thao mặc đồ bơi đang chơi bóng chuyền. Mặc dù có nắng, nhiệt độ vẫn chỉ vào khoảng ba mươi độ F<sup>1</sup>. Một người đàn ông mà chúng tôi gọi là Jack Lalanski<sup>2</sup> đã thực hành bài chống đẩy truyền thống trên bãi cát trước khi lặng lẽ đâm vào nước lạnh để bơi giữa những tảng băng lớn đang nứt ra.

Sau khi quay về nhà nghỉ ăn tối, chúng tôi được đưa tới ga xe lửa bằng xe “trung chuyển” và xuống xe ngay trước ga. Chúng tôi đi loanh quanh trong ga một vài tiếng đồng hồ. Khi chúng tôi lên chuyến tàu đêm đến Moscow, một người đàn ông đột nhiên xuất hiện và nói, “Ông Cowan, Ông Leighton?”

“Vâng, vâng”, Glen nói.

“Đây là tàu của các ông. Hãy theo tôi đến buồng của các ông”. Người đàn ông giới thiệu chúng tôi với người phụ trách toa, và biến mất vào đêm tối.

---

1. Tức khoảng dưới mươi độ C - ND.

2. Jack Lalanne là vận động viên thể hình bãi biển gốc Nam California

Glen đưa ra lời giải thích cho trải nghiệm nản lòng này: người đàn ông này đáng lẽ phải đón ta ở trước ga khi xe “trung chuyển” thả ta xuống đó. Nhưng người lái xe “trung chuyển” quá vội bỏ đi nên mối liên hệ đã bị đứt quãng.

Tàu của chúng tôi đến Moscow vào lúc 8 giờ sáng. Lần này “trung chuyển” của chúng tôi là một chiếc ô tô Chaika màu đen giống như những chiếc được dùng cho các quan chức chính phủ. Xe riêng có màu nào cũng được trừ màu đen, giúp ta dễ dàng biết ai được quyền sử dụng làn đường ưu tiên ở giữa những đường phố lớn. Chúng tôi được đưa từ ga Leningrad tới Khách sạn Metropol, ngay chính giữa trung tâm thành phố. Chúng tôi sẽ có năm giờ đồng hồ để đi loanh quanh.(Chỉ còn bốn mươi tám tiếng nữa là đến ngày Quốc tế Lao động, những NVIP như chúng tôi không thể ở lại Moscow qua đêm.)

Chúng tôi đi qua tấm biển ghi dòng chữ “Chủ nghĩa cộng sản sẽ thành công trên toàn thế giới” – giờ thì ít nguy hiểm hơn là tức cười – và bước vào Quảng trường Đỏ. Ở bên trái chúng tôi là GUM – Gosudarstvennyi Universal'nyi Magazin (Trung tâm thương mại gốc của Moscow), trang trí bằng những tấm vải bố cực lớn màu đỏ đầy những khẩu hiệu và biểu tượng, thế mà chúng vẫn bị lấn át bởi một bảng rôn Lenin cao chừng 30m. Bên phải của chúng tôi là mộ Lenin, với bức tường Kremlin mờ mờ phía sau. Ở phía cuối xa của quảng trường nổi bật những mái vòm của Thánh đường St. Basil.

Trong khi các kỹ thuật viên TV trên các bức đang kiểm tra thiết bị của họ, chúng tôi nhận ra là mình đang đi vào một phim trường lớn. Chúng tôi tưởng tượng ông Gorbachev và các ủy viên Bộ chính trị khác, xếp hàng trên lăng Lenin, duyệt các đội công nhân đang đi đều qua quảng trường đá ghép ở phía dưới, nơi chúng tôi đang đứng.

Một nhóm du khách đang đi ra từ một xe buýt đã làm tôi chú ý: hầu hết đàn ông đều đội những cái mũ rất đặc trưng được trang trí theo mô típ chính xác như mô tả trong cuốn sách của Vainshtein về nghệ thuật Tuva. “Glen!” tôi thốt lên, hào hứng chỉ về phía họ. “Những người Tuva!”

Tôi lao tới và kịp gặp đoàn khách ngay trước khi họ đi vào Thánh đường St. Basil. Tôi bắt được ánh mắt một người đàn ông và nói “Ekii!”

Người đàn ông giật mình nhưng không nói gì.

Tôi chắc chắn là mình đã phát âm đúng lời chào bằng tiếng Tuva – vả lại, Ondar đã hiểu được nó qua đường điện thoại bập bõm từ Oakland tới Kyzyl. Để phòng trường hợp tôi đã phát âm sai, tôi nói thêm, “Tuva – Kyzyl?”

Người đàn ông mỉm cười. Tim tôi đập mạnh. “Kirghiz!” ông ta nói một cách tự hào.<sup>1</sup>

Người đàn ông bắt đầu nói với tôi bằng tiếng Nga. Tôi cậy Glen dịch giúp, nhưng cậu ấy đã biến đâu mất.

Đến giờ hẹn, chúng tôi quay lại khách sạn Metropol, lên chiếc limo đang đợi sẵn, lướt ngang qua trụ sở KGB và nhà tù đáng ghét Lubyaka để tới nhà ga Kazan. Mọi việc đều trôi chảy: chúng tôi được một nhân viên của Intourist đón và dẫn về khoang tàu của mình.

Hai mươi sáu tiếng sau, chúng tôi đến Volgodrad. Mặc dù thời tiết ấm áp và dễ chịu, cây cối ở ga đường sắt vẫn chưa cho thấy dấu hiệu nào của mùa xuân. Người của công ty du lịch ra đón, ngay lập tức nói với Glen bằng tiếng Nga.

---

1. Kirghiz là người Thổ mà tổ tiên của họ đã sinh sống ở Tuva trong vài thế kỷ. Ngày nay nơi sinh sống của họ ở khoảng một ngàn dặm về phía Tây-Nam, trong và lân cận vùng núi Pamir, dù vậy, tên của họ vẫn còn lại ở Tuva như tên của một bộ tộc: Kyrgys.

“Làm sao anh biết tôi nói tiếng Nga?” cậu ấy hỏi.

“Moscow điện cho tôi biết, người cao hơn nói tiếng Nga, còn người kia thì không”.

“Trung chuyển” của chúng tôi thật buồn cười: khách sạn ở ngay phía bên kia quảng trường chỉ cách ga xe lửa chưa đầy một trăm yard<sup>1</sup>. Thế mà, chúng tôi vẫn cứ đi bằng một xe buýt nhỏ do công ty du lịch bố trí.

Khi chúng tôi vào căn phòng dành cho mình ở tầng bốn, chúng tôi nghe thấy tiếng nói ngay bên ngoài cửa sổ. Tôi nhìn ra ngoài và thấy vài người thợ đang buộc mấn biếu ngũ rất lớn vào những ban công bên cạnh. Phía dưới, loa phóng thanh đang ra lệnh cho các nhóm người tham gia diễu hành huyên náo, họ đang đẩy đẩy, kéo kéo một chuỗi nối nhau các xe trang hoàng lớn ngang qua một quảng trường rộng, trước một dãy ảnh các ủy viên Bộ chính trị, mà ở giữa là ông Gorbachev – không có cái bót lớn trên trán.

Khi đi lòng vòng quanh Volgograd buổi chiều hôm đó, tôi nhận ra rằng vùng đất trung tâm của nước Nga nằm ở đầu phía tây của thảo nguyên Á-Âu rộng lớn. Chỉ cách Cộng hòa Tự trị Mongol Kalmyk ba mươi dặm và cách Kazakhstan chưa đầy một trăm dặm, khuôn mặt của nhiều người Nga ở đây có nét hao hao người Mông Cổ và người Thổ. Điều duy nhất làm tôi có thể quên được vẻ đẹp lạ lùng của một phụ nữ Volgograd là việc chiêm ngưỡng một phụ nữ Volgograd xinh đẹp khác.

Ngày Quốc tế Lao động khá u ám và nhiều gió với những trận mưa rào bất chợt. Tôi nghĩ, ban công phòng chúng tôi là nơi thuận lợi nhất để xem buổi diễu hành, nhưng người dọn phòng lại yêu cầu chúng tôi đi xuống. Chúng tôi đi ra ngoài và xem hàng ngàn

---

1. Đơn vị chiều dài của Anh, bằng khoảng 0,91 mét – ND

người, từ các cháu thiếu niên đến các đội công nhân, tập hợp dọc theo ba đại lộ dẫn vào quảng trường. Số người tham gia vượt xa số khán giả – hầu hết là những quan chức trong Đảng – đứng dọc con đường dài chừng trăm yard.

Khi cuộc diễu hành ngày Quốc tế Lao động bắt đầu, Glen và tôi tìm thấy một chỗ đứng đằng sau hàng rào cảnh sát. Mỗi đoàn diễu hành đều được loa phát thanh giới thiệu. Sau đó là một khẩu hiệu, ví như “Hãy hướng tới tương lai với chủ nghĩa cộng sản!”

Cả đoàn sẽ hưởng ứng “U-RAAAH!” Cứ như thế khoảng một trăm đoàn.

Một người Xô Viết trẻ và bạn gái của anh ta đến chỗ chúng tôi và nói vài từ tiếng Anh. Glen chuyển sang tiếng Nga, trong khi tôi bắt chuyện với một phụ nữ trẻ đứng cạnh họ, rõ ràng không phải người Xô Viết. Cô ấy là sinh viên trao đổi đến từ Madagascar, có thể nói tiếng Anh và tiếng Pháp cùng với tiếng Nga và Malagasy. Cô ấy đang học năm thứ ba chuyên ngành ngôn ngữ Nga ở Volgograd và sẽ không thể về nhà, ngay cả dịp nghỉ hè, trong vòng hai năm nữa.

Khi mưa nặng hạt hơn, tất cả chúng tôi đi vào một quán cà phê. Một sinh viên y Xô Viết cũng quây lại với chúng tôi, và ngay lập tức đốt thuốc – thứ thuốc lá Xô Viết mùi nặng kinh khủng. Cuối cùng thì mưa tạnh – cũng là lúc buổi diễu hành vừa kết thúc – thế là chúng tôi tản bộ xuống chỗ sông Volga để xem một cảnh tượng thật vui vẻ: rất nhiều người đang uống và nhảy múa tập thể.

Sáng hôm sau, vào bữa điểm tâm, Glen và tôi nhận thấy trong nhà hàng của khách sạn có mấy cái bàn dài được trang trí bằng cờ Liên Xô và Mỹ. Hai phái đoàn đi vào và ngồi vào chỗ của họ: phái đoàn Xô Viết gồm khoảng mười cựu chiến binh Xô Viết lớn tuổi, mặc quân phục gắn huân huy chương; hầu hết những người Mỹ trẻ hơn và ăn mặc ít trịnh trọng hơn – có mấy người mặc áo khoác vải

bông với biểu tượng chống bom. Sau bữa sáng, một hướng dẫn viên của Intourist thông báo rằng xe buýt đang đợi bên ngoài. Chúng tôi hỏi xem liệu chúng tôi có thể đi theo được không, và cô ấy đồng ý.

Hóa ra đó là một tour đặc biệt cho một nhóm các cựu chiến binh Mỹ, họ vừa mới gặp các cựu chiến binh Xô Viết trong một buổi lễ ở sông Elbe, nơi quân Mỹ và Nga đã gặp nhau 40 năm về trước. Một người Mỹ đã chỉ cho tôi một bài trên *Times* viết về sự kiện này.

Người Xô Viết đã hy vọng là tổng thống Reagan sẽ gặp Mikhail Gorbachev trong sự kiện này. Thay vì vậy, Reagan đã đến Anh và Pháp để kỷ niệm cuộc đổ bộ Normandy, rồi đến một nghĩa trang ở Bitburg, Đức, nơi chôn cất mấy người đàn ông trẻ trong đội SS của Hitler. Trong các bài diễn văn của mình, Reagan hầu như không nhắc đến công lao của Liên Xô trong cuộc chiến.

Sau trải nghiệm sâu sắc của chuyến thăm các đài tưởng niệm chiến tranh Xô Viết, chúng tôi đến một công viên gần kề, nơi chúng tôi chứng kiến hai phái đoàn trồng một cây hữu nghị mang đến từ Kansas, quê hương của tướng Eisenhower<sup>1</sup>.

Hôm sau chúng tôi khởi hành đi Baku. Con đường thuận hơn là qua Rostov, 200 dặm về phía tây. Nhưng vì đường thẳng tới Rostov không phải là “con đường của Intourist” nên chúng tôi phải di chuyển 600 dặm tới Moscow, đổi tàu, và sau đó đi 600 dặm nữa để đến Rostov – nghĩa là dôi ra tất cả là 1000 dặm.

Chúng tôi giải thích cho hướng dẫn viên của Intourist rằng, chuyến tàu của chúng tôi tới Volgograd đã bị trễ mất 6 tiếng. Vì chúng tôi có chỉ năm tiếng để chuyển tàu ở Moscow, thế nhỡ tàu của chúng tôi lại bị trễ thì sao?

---

1. Dwight D. Eisenhower, 1890-1969, tướng 5-sao và là tổng thống thứ 34 (1953-1961) của Mỹ - ND

“Đừng lo”, cô ấy nói. “Tàu chỉ rời Moscow muộn, chứ không bao giờ đến Moscow muộn”. Sau này tôi học được rằng, người Nga có một cách diễn đạt dành cho kiểu nói dối hiển nhiên như thế: “chui ra khỏi nước mà vẫn khô nguyên”.

Quy định của Intourist yêu cầu chúng tôi phải có mặt ở ga tàu một tiếng trước khi khởi hành. Vì ga tàu thực ra chỉ cách khách sạn một tầm ném, chúng tôi nói rằng chúng tôi thích đi bộ một trăm yard nên người lái xe buýt của Intourist có thể nghỉ.

*Nyet (không).* Người phục vụ khách sạn để đồ đặc của chúng tôi vào một xe buýt nhỏ, trên đó chúng tôi ngồi khoảng một phút thì đến ga, rồi đứng ở sân ga với hướng dẫn viên Intourist thân thiện của mình – người sẽ không chịu rời chúng tôi cho đến khi chúng tôi lên tàu an toàn.

Chuyến đi 24 tiếng tới Moscow khá dễ chịu, chỉ trừ mùi cá muối sấy khô mà những người Nga đồng hành cùng buồng đã hào phóng chia sẻ với chúng tôi. Glen hoàn thiện tiếng Nga của mình, còn tôi thì hoàn thiện kỹ năng chụp ảnh lén của mình. Đoàn tàu đến Moscow đúng giờ.

Intourist chuyển chúng tôi từ ga Kazan tới ga Kiev, và chỉ cho chúng tôi tàu của mình. Khi bước đi dọc theo sân ga, chúng tôi được chiêm nghiệm một khóa học về kinh tế xã hội Xô Viết: Những toa tàu đến Kharkov và Rostov (thuộc Ukraine và Nga) đều mới và sạch sẽ; còn các toa tàu đi Baku (thủ đô của Azerbaijan Hồi giáo) thì cũ và bẩn. Tôi đùa, “Đây là toa của chúng ta, Glen. Tôi có thể tự đọc bảng hiệu, nó nói là ‘S-E-L-M-A.’”

Những người cùng buồng với chúng tôi là một sinh viên Việt Nam đang học công nghệ dầu ở Baku, và một người lính Azeri – nhờ anh ta mà Glen đã học được khá nhiều thành ngữ Nga không

có trong sách giáo khoa. Điều ngạc nhiên duy nhất trong chuyến đi ba mươi sáu tiếng này của chúng tôi là sự xuất hiện bất ngờ của một người câm-điếc với râu mép rất rậm, ông ta chìa ra những tấm ảnh đen trắng mời hành khách mua: trong số năm bảy loại ảnh khác nhau (có cả một nữ thần Ấn Độ đầy đà), phổ biến nhất là Joseph Stalin.

Tàu chúng tôi lăn bánh qua Sumgait, tiền đồn cuối cùng của châu Âu, tiến vào Baku – cửa ngõ của châu Á và cựu thủ đô dầu mỏ của thế giới.<sup>1</sup> Thời tiết nóng và đầy sương mù; không giống Moscow và Leningrad, đường phố đông nghẹt xe cộ. Tôi cảm thấy như ở nhà.

Khi vào nhận phòng ở tầng chín trong một khách sạn hiện đại cao 16 tầng, chúng tôi thấy tầm nhìn từ phòng mình bị che khuất bởi một tấm ảnh Lenin vải bạt cực lớn bao phủ một diện tích 6 phòng chiều rộng và 8 tầng chiều cao. Tôi thích cảnh sương mù nên chúng tôi đã đổi phòng. Ở quảng trường rộng lớn phía dưới, một đội hành tiến đang chuẩn bị cho lễ mừng ngày Chiến thắng sắp đến.

Vào chiều muộn, khi không khí mát dần, chúng tôi dạo quanh khu phố cũ ngang qua chỗ các trẻ em đang chơi đá bóng trong mấy cái ngõ quanh co. Tôi nghe thấy vài từ Armeni, điều đó làm tôi nhớ ra rằng Baku là quê hương của nhà vô địch cờ tướng trẻ tuổi khoa trương Garo Kasparian – tên khai sinh là Weinstein (tên của bố anh ta), nhưng lại thường được gọi là Gary Kasparov (tên của mẹ anh ấy theo cách gọi tiếng Nga).

Chiều ngày mùng 8 tháng Năm (chưa phải ngày Chiến thắng, vì ở Liên Xô người ta tuyên bố chiến thắng phát xít Đức vào ngày 9 tháng

---

1. Thật buồn, những thành phố này rồi sẽ trở nên nổi tiếng vào 1988 và 1990 với các vụ thảm sát người Armeni bởi Azeris và người Azeris bởi quân đội Xô Viết.

Năm), chúng tôi được chuyển tới ga xe lửa cho một chuyến đi qua đêm đến Tbilisi. Tôi biết là chúng tôi đã đi qua vùng đất hàng xóm Georgia khi lần đầu tiên chúng tôi nhìn thấy bức chân dung quen thuộc trên một tòa nhà công cộng: chân dung Joseph Stalin (“Joe Steel”), hay Jozef Dzhugashvili, người con nổi tiếng của Georgia.

Ở Tbilisi chiếc taxi Intourist đi qua hết ngã tư này rồi ngã tư khác trước khi đưa chúng tôi đến một khách sạn, cũng lại ở ngay quảng trường chính của thành phố. Buổi diễu hành ngày Chiến thắng đã bắt đầu. Ngoài các cháu thiếu nhi, các đội lính trẻ, các đoàn công nhân, còn có các nhóm đàn ông trông khá phiêu kỵ và các nhóm phụ nữ duyên dáng trong trang phục lộng lẫy, biểu diễn các điệu nhảy vùng Caucasus và hát những bài hát Georgia. Quan trọng nhất trong các khán giả đặc biệt đang đứng thành dãy trên ban công nhìn xuống quảng trường là thủ lĩnh của Đảng Cộng sản Georgia, ông Eduard Shevardnadze.

Hôm sau tôi đến bưu điện và gửi một bức điện cho Richard – sinh nhật của ông là ngày 11 tháng Năm cận kề. Trong khi Glen dưỡng sức ở khách sạn vì cảm cúm gì đó, tôi đi vơ vẩn quanh khu vực cổ của thành phố. Khác với Baku nóng, ẩm, và sương mù, không khí ở Tbisili tuy cũng nóng, nhưng khô và trong trẻo – các khu công nghiệp đều nằm ngoài thành phố. Một cụm các nhà thờ Armenia và Georgia mười hai mặt hanh diện vươn lên bầu trời trong xanh.

Chiều muộn tôi tình cờ đi qua một giáo đường Do Thái. Tôi nhìn vào đúng lúc hàng trăm người đủ mọi lứa tuổi, mặc đồ đen, đang đọc vội một lời cầu nguyện (hôm ấy là thứ Sáu) và lao ra cửa như chạy thi.

Bên ngoài, khi mặt trời đang lặn, ném những tia sáng cuối cùng lên thành phố, một người đàn ông trẻ tuổi, cao, để râu – một hướng

đạo sinh Lutheran đến từ Estonia – tiến đến gần tôi và nói rằng anh ta muốn thực tập tiếng Anh. “Người Estonia chúng tôi thích tiếng Anh hơn tiếng Nga”, cậu ấy nói. Anh bạn trẻ này đã đi khắp Liên bang Xô Viết bằng tàu trong suốt hai tháng qua, “Nếu anh không nghỉ qua đêm ở khách sạn thì anh không phải trình báo giấy tờ gì hết”, cậu ta giải thích. Và thế, cậu ấy chỉ ngủ trên tàu hoặc là ở nhà những người dân địa phương nơi mà cậu ấy muốn ở lại hơn một ngày.

Vào ngày Chủ nhật, Glen và tôi lên một tàu đường sắt leo núi để tới Công viên Stalin, cao hơn so với Tbisili cổ kính. Ngoài các khu vườn tuyệt đẹp và những con đường rợp bóng cho những cặp tình nhân đủ mọi lứa tuổi, còn có một công viên giải trí, một nhà hàng với khoảng nhìn tuyệt đẹp và rất nhiều điểm bán shish-kebab (chuỗi thịt nướng). Tôi thấy một quán kem. Trong khi tôi túa nước miếng, Glen hỏi một cách lịch sự bằng tiếng Nga thuần thục rằng có những loại kem gì. Với phong cách đặc trưng Xô Viết, người phụ nữ bán hàng làm ngơ với Glen và tiếp tục buôn chuyện với đồng nghiệp của mình. Rồi cô ta định đi lau rửa gì đó. Tôi mỉm cười và nói với cô ấy bằng tiếng Anh, với cử chỉ thân thiện: “Xin chào, chúng tôi muốn mua kem”. Tôi chỉ vào Glen và nói, “Người Mỹ”. Ngay lập tức cô ấy phục vụ chúng tôi với nụ cười rất tươi.

Buổi tối chúng tôi lên chuyến tàu đêm đi Yerevan, Armenia. Mặt trời nhô lên khi chúng tôi lạch bạch dọc theo dòng sông Arpa, từng là một phụ lưu không quan trọng của sông Araxes ở giữa vùng Đông Armenia, nhưng bây giờ nó là biên giới với Thổ Nhĩ Kỳ và NATO.

Riêng lần này khách sạn của chúng tôi không nằm ở quảng trường chính. Thay vào đó, nó nằm ở một khu thực sự tồi tàn phía ngoài thành phố. Sau khi thăm đài tưởng niệm đau thương của vụ

thảm sát Armenia năm 1915, chúng tôi quay lại khách sạn để ngắm cảnh hoàng hôn. Trong khi các bà mẹ đang chuẩn bị bữa tối trong những căn bếp không có mái và những đứa trẻ chơi trên con đường đầy bụi ở phía dưới, hai đỉnh của núi Ararat ngoạn mục cao 5.181m, ngay bên biên giới Thổ Nhĩ Kỳ, nhô lên từ làn sương mù mỏng của một ngày nóng nực nữa ở cái vùng đất thảm hại ấy.

Sáng hôm sau, chúng tôi đi theo một nhóm du lịch tới Echmiadzin gần đó, trung tâm tôn giáo của Armenia. Cảnh tượng những thầy tu để râu với tất cả biểu tượng của dòng tu đã nhắc tôi rằng Armenia là nước đầu tiên đã chấp nhận Cơ Đốc giáo là tôn giáo chính thức của mình. (Theo truyền thuyết thì Georgia và Ethiopia là các nước tiếp theo.) Trong khi nhóm du khách thăm nhà thờ, Glen và tôi đến một nghĩa trang gần đó. Hầu hết các mộ chí đều có khắc ảnh. Chúng tôi nhìn thấy ngay ảnh mấy đàn ông trẻ mặc quân phục đã mất vào đầu những năm 1980, chắc là ở Afghanistan.

Sau nhiều nỗ lực, chiêu hôm đó chúng tôi đã xác định được một số bức vẽ của Eduard Kazarian, một nghệ sĩ violin lập dị của Dàn nhạc giao hưởng Yerevan. Một số tác phẩm của ông đã được trưng bày ở một cuộc triển lãm lớn di chuyển khắp nước Mỹ để chào mừng những thành tựu của khoa học và công nghệ Xô Viết. Nhưng cái mà đám đông xếp hàng nhiều giờ để được xem – qua các kính phóng đại mạnh – là tác phẩm rỗi rãm của Kazarian, trong đó có bức tượng Charlie Chaplin (nhìn qua một lỗ kim), và đám các con thú làm xiếc vẽ trên chỉ một sợi tóc. Bút vẽ của ông là một sợi nỉ angora; các nét vẽ hiện lên giữa những nhịp đập trái tim. Ông đang quảng bá nét truyền thống được sinh ra từ thời Cơ Đốc giáo vẫn còn bị ngược đãi, thể hiện các công trình tôn giáo trong một tý xích rất nhỏ.

Những mẩu vẽ nhỏ của Kazarian mà chúng tôi tìm thấy ở Yerevan bao gồm một loạt những cảnh được vẽ trên các nhánh của một bông lúa mì. Những hộp kính “bảo vệ” các tác phẩm nghệ thuật đặc biệt này hứng bụi trên gờ của một tủ sách cao, sẵn sàng đổ xuống nền trong lần động đất tiếp theo.

Tối hôm đó, chúng tôi tới thăm gia đình nhà vật lý mà Glen đã gặp ở Berkeley. Họ đã gửi “taxi” qua đón chúng tôi. Khi chiếc xe riêng đi vào khách sạn của mình, chúng tôi nhận ra là có rất ít xe taxi chính thức ở Yerevan. Tôi mặc nhận rằng bất kỳ chiếc xe riêng nào cũng có khả năng là một taxi. (Hai ngày sau chúng tôi thu thập được vài thông tin: Tôi đưa tay ra; trong vài giây một xe phanh rít lại để đón chúng tôi.) Khi tôi định trả tiền cho người lái xe, anh ta chùn lại cứ như tiền của chúng tôi bị nhiễm phóng xạ ấy. Từ các cử chỉ khác nhau, tôi phát hiện ra rằng khách nên vô tình để rơi một vài rúp xuống sàn.

Gia đình đã làm mọi thứ để khách của mình hài lòng: sáu món ăn, hầu hết nguyên liệu được lấy từ vườn ở nhà nghỉ của gia đình, mỗi món đều được giới thiệu bằng một lần nâng cốc chúc mừng kèm một ngum cognac Armenia. Theo phong tục địa phương, những người đàn ông ngồi ở bàn phải đứng dậy mỗi khi nâng cốc. Sau khi nâng cốc thì dứt khoát phải cạn chén. Glen khéo léo thoát ra khỏi tập tục này bằng cách xin lỗi về bẩm chất có tính di truyền đối với tác hại của rượu. Đến lượt mình, tôi nói một lời chúc ngắn bằng tiếng Nga và Armenia: “Granitsa – hisoon kilometer!” (Biên giới – 50 kilomet!) Tất cả chúng tôi nâng cốc vì sự quay trở lại Armenia của núi Ararat.

Hôm sau, một người bạn của chủ nhà đưa chúng tôi đến một tu viện được xây trên vách đá của một thung lũng hẻo lánh. Nhiều khăn tay trắng và mảnh vải được buộc vào những bụi cây gần đó

như lẽ vật dâng cho thần núi, một nghi lễ ngoại giáo còn sống sót bất chấp cả Cơ Đốc giáo lẫn chủ nghĩa Marx.

Sáng hôm sau chúng tôi lên tàu và trở về Tbilisi. Chúng tôi đi qua các thành phố và thị trấn mà tên của chúng gắn liền với thảm họa trong trận động đất kinh hoàng ba năm rưỡi sau: Leninakan, Spitak, Kirovakan.

Chúng tôi đến Sochi, một khu nghỉ dưỡng ở “Riviera Đỏ” vào lúc 6 giờ sáng. Lần duy nhất không có “trung chuyển” đón, chúng tôi vui vẻ gọi một taxi và đi vào thành phố.

Các tòa nhà mọc lên khắp Sochi, trông chúng giống như những tòa nhà xếp hình cỡ lớn, với những tấm bê tông đúc sẵn xếp chồng lên nhau – tới tận 17 tầng. Phụ thêm vào nỗi lo của tôi, Glen chỉ những chiếc xe chở xi măng, thùng chứa của chúng không quay.

Khi chúng tôi xuất hiện ở khách sạn, nhân viên phục vụ phát hoảng. “Chúng tôi tưởng tàu của các ngài đến vào 6 giờ tối”, cô ấy nói. Chỉ để xem thế nào, chúng tôi hỏi về việc hoàn lại tiền mà chúng tôi đã trả cho taxi. Không thể: những người “trung chuyển” của chúng tôi được chi trả bằng một loại phiếu không thể chuyển thành tiền (ít nhất là với chúng tôi.)

Bờ Biển Đen là vùng nghỉ mát nổi tiếng của người Xô Viết, họ tới đây không phải cùng với gia đình, mà cùng với đồng nghiệp của mình (tiếc cho ai đó, giúp cho người khác) – một sự thật làm chúng tôi vừa ngỡ ra bởi cái nhìn lảng của hai phụ nữ Xô Viết ở phòng ăn của khách sạn.

Khi chúng tôi đang thăm thú môi trường xung quanh của Sochi, chúng tôi nhận ra rằng Riviera Đỏ là một trại hè lớn. Có các mũi tên trên những con đường được đánh dấu cẩn thận, với những con số cho biết mức độ khó khăn. Những bảng hiệu lớn của Cơ quan Giải

trí và Tiêu khiển giải thích cách đi bộ: “Hãy vung tay như vậy và như vậy [bức hình chỉ rõ vung như thế nào], đứng thẳng, thở sâu...”

Chúng tôi đi vào một nhà hàng vắng khách – không có xe buýt du lịch nào đỗ ở đó vào thời điểm ấy – và quyết định dùng bữa trưa ở đây. Sau ba tuần ở Liên Xô, chúng tôi đã biết rõ thông lệ phục vụ ở nhà hàng:

1. Đừng ngạc nhiên nếu ba hoặc bốn người phục vụ bàn – những thanh niên trẻ khỏe hợp với công việc xây dựng – nhìn thẳng vào bạn trong khoảng 10 phút. Họ gấp khó khăn trong việc quyết định xem ai sẽ đến và nói với bạn rằng: “Bàn này không phục vụ”.
2. Sau khi bạn chuyển sang một bàn khác, đừng tức giận nếu những người phục vụ bàn quyết định rằng, nhiệm vụ cấp thiết nhất của họ là lau những cái ly uống rượu đã khô sẵn trên bàn dài được sắp đặt cho 30 người.
3. Khi mà rõ ràng là bạn sẽ không rời đi – điều này sẽ xảy ra nhanh nhất nếu bạn tỏ ra vui vẻ – thì cuối cùng bạn sẽ nhận được sự chú ý.
4. Đừng để túa nước miếng vì tin vào menu. Mặc dù trong menu có một danh sách kha khá các món chính, thực ra thì chỉ có một món thôi. Chỉ cần hỏi, “Hôm nay bếp trưởng giới thiệu món gì?”
5. Đừng ngạc nhiên là món nào cũng có khoai tây. Còn với rau tươi thì tốt nhất là bạn nên thích củ cải và dưa chuột.
6. Nếu như bạn vẫn còn đói sau phần ăn đậm bậc mà bạn đã được phục vụ, hãy gọi thêm bánh mì.
7. Hiển nhiên là phải trả tiền cho từng lát bơ, nhưng không sao, nó rất rẻ thôi – bạn đang thưởng thức một phần nhỏ của cả một núi bơ do Cộng đồng Kinh tế châu Âu trợ cấp.
8. Hãy quen với giấy ăn – một tờ vuông hai lớp ban đầu được cắt chéo thành các tờ tam giác một lớp – chỉ đủ để lau miệng một lần. Cuối

cùng bạn sẽ phải dùng tới bốn cái, tương đương với một tờ giấy vuông ban đầu.

9. Nhớ mang theo các loại tiền xu và tiền giấy có thể; không hiểu sao nơi thu tiền luôn hết tiền lẻ ngay trước khi bạn trả tiền.

Ngày hôm sau chúng tôi lại lên tàu một lần nữa, lần này là chuyến đi ba mươi tiếng đến Moscow. Chúng tôi chờ đợi một bữa ăn ngon trên tàu: súp, hầm hàng tiếng đồng hồ – thậm chí là hàng ngày – bê ra bốc hơi nghi ngút cùng với bánh mì, đó thực sự là một bữa tiệc.

Khi chúng tôi nhận phòng khách sạn ở Moscow, ở đó đã có sẵn bưu thiếp của Sevyan Vainshtein và Lev Okun, một nhà vật lý xuất chúng, Glen đã sử dụng cuốn *Leptons và Quarks* của ông trong thời gian cao học. Mỗi người đều cho chúng tôi số điện thoại của mình. Chúng tôi đã liên lạc được ngay với Okun và sắp đặt một cuộc gặp với ông vào sáng hôm sau.

Okun muốn xuất bản bằng tiếng Nga cuốn sách mới nhất của Feynman, *QED: Lý thuyết kỳ lạ của Ánh sáng và Vật chất*. Ông cũng muốn xuất bản bằng tiếng Nga cuốn *Feynman, chuyện thật như đùa*. “Dân chúng tôi cần làm quen với tâm trí Feynman”, ông nói.

Tuy nhiên, việc xuất bản những câu chuyện hài hước thiếu trang nghiêm của Feynman ở Liên Xô là một việc hơi nhạy cảm. Tất cả những nhà xuất bản mà Okun đã liên hệ đều từ chối đề xuất của ông. Nhưng ông có một gợi ý: “Nếu các anh không ngại tự mình đi đến nhà xuất bản Mir. Tôi tin rằng họ sẽ rất vui được gặp các anh”.

Đúng như vậy. Chúng tôi đã có được cuộc hẹn vào ba giờ chiều hôm đó. Okun khéo léo từ chối đi cùng chúng tôi; có lẽ sự trang trọng của cuộc gặp với người nước ngoài này – trong mắt của ban chủ biên Mir – sẽ bị giảm đi khi có mặt nhà vật lý Xô Viết chúng.

Chúng tôi đi tàu điện ngầm và taxi tới tòa soạn của nhà xuất bản Mir, nằm bên cạnh các dinh thự bề thế một thời. Tiếp chúng tôi là hai chủ biên lâu năm, họ tặng chúng tôi mấy cái ghim ve áo. Người thư ký chuẩn bị trà. Chúng tôi được biết rằng, bản dịch tiếng Nga bộ *Những bài giảng về Vật lý của Feynman* do Mir xuất bản là thành công lớn nhất của họ – hơn một triệu bản được ấn hành trong hơn hai mươi năm qua.

Tôi nói rằng giáo sư Feynman có thể sẽ thăm Liên Xô trong một hai năm tới. (Tôi cố nén không nhắc tới Tuva, phòng khi những người ở Mir không quan tâm đến nơi đó như chúng tôi.) Các chủ biên nói rằng Mir có thể thu xếp ít tiền rúp cho Feynman – một kiểu trả tiền nhuận bút bị trì hoãn – mặc dù họ không buộc phải làm như vậy. (Bản dịch tiếng Nga này đã được xuất bản trước khi Liên Xô tham gia Công ước Bản quyền Quốc tế.)

Chúng tôi đưa ra một bản cuốn *Feynman, chuyện thật như đùa*. Các chủ biên đọc nó một cách thích thú, nhưng họ không dám chắc về việc xuất bản cuốn sách. “Chúng tôi chỉ xuất bản sách chuyên môn”. Họ nói.

Sau buổi gặp với Mir, chúng tôi đến tu viện Novodevichi, đang mở cửa cho công chúng, rồi đến cổng của nghĩa trang Novodevichi hy vọng sẽ thấy mộ của Khrushchev. Tôi thử đi vào cùng với một nhóm đang được vẫy cho vào, nhưng bị bảo vệ chặn lại.

Bị ngăn cản, tôi quyết định thử một trải nghiệm khiêm tốn hơn. Từ ngày đầu tiên ở Liên Xô tôi đã hoảng sợ quan sát hết người nọ đến người kia dùng chung một cái cốc để uống nước từ máy bán nước khoáng dùng tiền xu. Giờ đây, khi đã uống không biết bao nhiêu cốc trà bẩn trên tàu, tôi đã sẵn sàng nhập cuộc. Giống như một người bản xứ, tôi đứng đằng sau một người đàn ông chưa gặp

bao giờ, và kiên nhẫn đợi ông ta uống xong. Ông ấy úp ngược cái cốc xuống và ấn nó lên một cái giá nhỏ, làm cho nước từ vòi phun vào bên trong cốc. Khi ông ta rời đi, tôi đến chỗ cái máy và thả đồng 3-kopek vào lỗ. Không chần chừ, tôi uống cốc nước sủi bọt lăn tăn ấy (hơi mặn một chút), và ấn cái cốc xuống giá. Nhiệm vụ đã hoàn thành.

Khi tôi đi ra, tôi nghĩ, rất có thể những cái cốc dùng chung giúp tăng cường hệ miễn dịch của mọi người. Sau khoản đầu tư ban đầu bằng mấy lần đau họng, bạn sẽ có thể chống lại cảm cúm của mùa đông. (Trong tuần sau không có chuyện gì xảy ra – ngay cả một lần đau họng.)

Hôm sau, cuối cùng thì Glen và tôi cũng liên lạc được với Sevyan Vainshtein bằng điện thoại ở một trạm điện thoại công cộng ngay gần Quảng trường Đỏ. Ông ấy đề nghị gặp nhau ở ga tàu điện ngầm Akademia.

Chúng tôi đã gặp Vainshtein đúng giờ hẹn. Ông ấy có nụ cười ấm áp và đôi mắt sáng lấp lánh làm tôi nhớ tới Feynman. Về sau chúng tôi nhận ra rằng còn có nhiều điểm giống nhau nữa: cả hai đều sinh ra trong gia đình Do Thái nhưng không sùng đạo: cả hai đều có vợ không phải là người Do Thái. Gia đình Vainshtein đã lập nghiệp từ lâu ở Riga; ông bà của Feynman vốn đã từng sống ở Minsk.

Veinshtein đưa chúng tôi vòng qua góc phố, xuống một đoạn đến Viện Dân tộc học, tọa lạc trong tòa nhà vốn là một trường cấp hai tư thực cũ: một tòa nhà gỗ bốn tầng chiếu sáng rất khiêm tốn; sàn hành lang kêu cọt kẹt. Hầu hết các nhà dân tộc học ở viện là người Nga, nhưng cũng có mấy người châu Á – Kazakh, Kirghiz, và những nơi khác. Sau khi giới thiệu chúng tôi với mọi người như những “đồng nghiệp” từ Mỹ (nhưng không hề chỉ cho chúng tôi văn

phòng của giám đốc,) Vainshtein mời chúng tôi ngồi tham dự một buổi bảo vệ luận án phó tiến sĩ với đề tài về người Ket ở Siberia.

Vainshtein đưa cho Glen một bản luận án. Nó không dễ đọc lắm, bởi vì nó đã được gõ bằng một máy chữ gõ tay – dưới ít nhất là hai lớp giấy than đã dùng quá nhiều lần. Sau một hồi bị những người khác tra hỏi khá khắc nghiệt về tầm quan trọng đáng ngờ của việc nghiên cứu một bộ tộc chỉ có ba trăm người, cậu nghiên cứu sinh bất hạnh đã có được sự đánh giá cảm thông của Vainshtein, ông cho rằng những nhóm người nhỏ có thể nắm giữ chìa khóa của những bí ẩn lịch sử. (Dù vậy, nghiên cứu sinh đó đã không qua được kỳ bảo vệ.) Xong việc, Vainshtein mời chúng tôi qua nhà ông vào tối hôm sau.

Hôm sau khoảng 5 giờ chiều, chúng tôi gặp lại Vainshtein ở Viện Dân tộc học – ông ấy cho rằng chúng tôi sẽ không dễ tự mình tìm được căn hộ của ông. Khi chúng tôi cùng ông đi vào ga tàu điện ngầm Akademia, ông ấy hỏi, đi tàu điện ngầm ở California mất bao nhiêu tiền. Quen với hệ thống Trung chuyển nhanh Vùng Vịnh, Glen nói, “Một hay hai đôla, tùy thuộc quãng đường đi”.

Vainshtein lôi từ túi ra một nắm các đồng xu và thả ba đồng 5 kopek vào các ổ cửa xoay khi mỗi chúng tôi đi qua. “Vẫn giá thế này từ khi có metro”. Ông nói một cách tự hào.

Tôi đã cố giải thích rằng, một cái giá rẻ như vậy rõ ràng có nghĩa là người dân ở các tỉnh đang phải trợ cấp nặng nề cho hệ thống tàu điện ngầm Moscow – nhưng vốn tiếng Đức trung học phổ thông không đủ giúp tôi trong trường hợp này, mà Glen thì không chịu dịch câu nhận xét của tôi sang tiếng Nga.

Trong non một giờ đi trên con tàu rất ồn, tôi khó mà định thần được mình đang nghĩ gì. Trong khi đó, Glen có một cuộc nói chuyện

tuyệt vời với Vainshtein, thậm chí còn hiểu được cả các câu đùa của ông ấy.

Sau khi ra khỏi ga tàu cuối cùng, chúng tôi đi xe buýt khoảng 15 phút và xuống xe ở một khu chung cư năm tầng không có nét gì đáng để ý. Khoảng 7 giờ tối chúng tôi về đến căn hộ của Vainshtein ở tầng ba.

Vainshtein giới thiệu chúng tôi với vợ và mẹ của ông, cụ cũng sống trong căn hộ đó. Con gái của ông (đứa con duy nhất của họ) không có ở nhà; cô ấy sống ở một trường đại học xa Moscow.

Chúng tôi đi vào phòng làm việc. Vainshtein chỉ cho chúng tôi nhiều hiện vật Tuva, kể cả bộ sưu tập những mẫu vật chạm khắc đá của mình. Trên tường là một bức tranh sơn dầu rất đẹp, rực rỡ màu đỏ và tím – bức tranh hoàng hôn ở núi Sayan. Vainshtein đã tự vẽ bức tranh này. “Tuwa ist sehr schon”, (Tuva rất đẹp) ông nói, phát âm từ “schon” theo cái cách như Wayne Newton phát âm khi ông ta hát, “Dan-ku shane, I said dan-ku shane ...”<sup>1</sup>.

Vainshtein không cần phải thuyết phục chúng tôi rằng Tuva rất đẹp. Tôi muốn hỏi ông ấy tin tức về việc ông và giám đốc viện của ông dàn xếp thế nào cho chuyến đi của Feynman đến Tuva. Nhưng tôi hiểu là việc ấy không có kết quả – nếu không thì lúc này Vainshtein đã nói điều gì đó rồi – chẳng ai đi đánh một con ngựa đã chết.

Vainshtein lôi xuống từ giá sách của mình một cuốn catalog các viện bảo tàng, viết bằng tiếng Nhật và tiếng Anh. Ông nói bằng tiếng Đức, “Tôi đã gửi một bản của catalog này cho giáo sư Feynman, ông ấy đã nhận được chưa?”

---

1. Wayne Newton là ca sĩ và diễn viên hài nổi tiếng ở Las Vegas – ND

Tôi gãi đầu, nói không.

Rồi ông lại lôi xuống một catalog bảo tàng khác, cuốn này bằng tiếng Phần Lan và tiếng Anh, và nói “Tôi cũng đã gửi một bản của catalog này cho giáo sư Feynman. Ông ấy có nhận được không?”

Lại không.

Vainshtein kể rằng các cuốn catalog này được lấy từ cuộc triển lãm do Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô tổ chức ở Nhật năm 1982 và ở Phần Lan đầu năm 1985. Với tên gọi “Trên Con đường Tơ lụa”, triển lãm có tới vài ngàn hiện vật khảo cổ, nhiều hiện vật do chính Vainshtein khai quật ở Tuva.

Đã đến giờ ăn tối.

Chúng tôi vào phòng ăn và thấy ba vị khách nữa. Có hai phụ nữ trẻ, một là người Nga và một là người châu Á – gốc Buryatia, một vùng gần hồ Baikal, nơi sinh sống của những người có quan hệ huyết thống với người Mông Cổ. Người phụ nữ trẻ đến từ Buryatia vừa bảo vệ xong luận án phó tiến sĩ dưới sự hướng dẫn của Vainshtein. Bữa tối này là dành để chúc mừng cô, nhưng Vainshtein chẳng để ý gì đến cô ấy mà cứ nói chuyện với chúng tôi suốt.

May là, có một anh bạn người Nga đẹp trai và rất có duyên (một trong những đồng nghiệp của Vainshtein ở Viện Dân tộc học) quan tâm chăm sóc hai phụ nữ trẻ. Anh ta khuếch khoác với những câu chuyện làm quà về Feynman – về những ngày thủy thủ của ông, về những trải nghiệm của ông ở Úc, ở các Biển phía Nam, ở Anh, và ở Nhật. Chúng tôi cùng ngồi vào bàn.

Bàn ăn đầy những món được cắt tỉa vừa miệng: ba loại trứng cá, dưa chuột được cắt gọt đẹp mắt, xúc xích cắt lát, cà chua thái mỏng, một loại bánh trứng, bánh pudding gạo, kem sữa bột ngô,

bánh quy và những thứ khác – tất cả được bổ sung bằng vài loại vodka và cognac.

Cuộc trò chuyện – bằng tiếng Đức, Nga và Anh – thường xuyên bị ngắt quãng bởi việc nâng cốc chúc của mỗi người đàn ông. Vainshtein mở đầu bằng việc nâng cốc dành cho Feynman. Sau vài câu chuyện, Glen đứng dậy nghiêng mình cảm ơn phu nhân Vainshtein về bữa ăn tuyệt vời mà bà đã chuẩn bị.

Rồi Vainshtein kể một câu chuyện. Khi còn là giám đốc của một bảo tàng ở Kyzyl, ông đã gặp một người con gái Nga, được cử đến Tuva làm giáo viên tiểu học. Cô ấy nói ba hôm nữa sẽ là sinh nhật của mình, và có lẽ ông sẽ muốn đến nhà cô để tham dự một bữa tiệc nhỏ do cô chuẩn bị.

Đến ngày, Vainshtein tới một cửa hàng bánh gần đó tìm mua một chiếc bánh sinh nhật. Người bán hàng chỉ cho Vainshtein chiếc bánh duy nhất còn lại trong cửa hàng, do một người đàn ông đặt để ngỏ lời cầu hôn vào tối hôm ấy. “Nếu người khách này không đến lấy bánh trước giờ đóng cửa thì nó sẽ là của ông”, người bán hàng nói.

Đến giờ đóng cửa, Vainshtein quay lại. Chiếc bánh vẫn còn đó. “Tôi thay dòng chữ thành CHÚC MỪNG SINH NHẬT nhé?” người bán bánh hỏi.

“À, vâng”, Vainshtein trả lời. “Oh mà nghĩ lại thì, cứ để nó thế đi; ngỏ lời cầu hôn với cô ấy đâu phải là một ý tôi!”

“Và tôi đã bị mắc kẹt với ông ấy từ ngày đó!” Bà Vainshtein ngắt lời với một nụ cười hạnh phúc, đặt điểm nút cho câu chuyện mà chắc hẳn bà đã nghe cả trăm lần.

Nhẩm nháp thêm chút nữa, đến lượt tôi đứng lên nâng cốc. Tôi cảm thấy hơi bất tiện là Glen và tôi nhận được quá nhiều sự quan

tâm vào cái dịp dành để chúc mừng cô sinh viên sau đại học của Vainshtein. Nó làm tôi nhớ đến một câu chuyện đùa mà tôi đã thấy trên tạp chí MAD, trong câu chuyện đó một đứa trẻ trong “Tấm nhìn của Berg” nói rằng, “Cậu chỉ như một vết phồng dưới da tay: cậu chỉ xuất hiện khi công việc nặng nhọc đã xong!”

Vấn đề là, tôi không dịch được chuyện đùa này sang tiếng Đức. Tôi nhờ Glen dịch sang tiếng Nga, nhưng cậu ấy nói thầm, “Đừng, Ralph, vớ vẩn. Họ sẽ chẳng bao giờ hiểu cả”.

Tôi không thể nghĩ được gì khác cho lân nâng cốc của mình, nên tôi nài nỉ. Cuối cùng Glen phải hỏi người đồng nghiệp của Vainshtein, anh ấy biết tiếng Anh khá tốt, xem từ “vết phồng rộp” trong tiếng Nga là gì. Anh ta nói là mình không biết. Rồi tôi mô tả vết phồng rộp cho Vainshtein bằng tiếng Đức, và ông ấy hiểu, nhưng cũng nói rằng không biết từ tiếng Nga tương ứng. Phải chăng đây là một kiểu kiêng kỵ của giới kinh viện – nếu biết từ phồng rộp thì có nghĩa là anh đã từng lao động chân tay.

Tôi đã cố gắng hết sức để giải thích câu chuyện đùa – nhưng như Glen đã cảnh báo – nó quá tối tăm, và những người bạn Xô Viết chẳng hiểu gì cả.

Thêm những câu chuyện bằng ba thứ tiếng, đến lượt người đồng nghiệp của Vainshtein đứng lên nâng cốc. Anh ta ca ngợi đức hạnh của phụ nữ làm cho cánh đàn ông cười thoải mái còn cánh phụ nữ thì đỏ mặt vì bối rối. Trong khi anh ta tiếp tục nâng cốc chúc, tôi bắt đầu ngạc nhiên về con người này – anh ta thật khéo léo và tự nhiên. Tôi đã đọc thấy là bất kỳ cuộc gặp nào của một người Xô Viết với một người nước ngoài đều phải thông báo cho KGB. Liệu có phải để tránh rắc rối cho bản thân, Vainshtein đã mời một người của KGB đến cùng dùng bữa tối?

Khi bài diễn văn của người đàn ông lịch lãm kết thúc, tôi vẫn tỉnh táo và sẵn sàng uống tiếp. Chúng tôi lại nâng cốc và cạn chén.

Sau bữa tối tôi lôi ra một bản của cuốn *Feynman chuyện thật như đưa* đưa cho Vainshtein xem, và kể lại chuyến thăm của Glen và tôi ở nhà xuất bản Mir.

“Giáo sư Feynman rất nổi tiếng ở đất nước chúng tôi”, Vainshtein đáp lời. Ông kể lại chuyến đi về miền tây Tuva mới đây, ở đó ông đã gặp một cô gái Tuva ngồi bên ngoài căn lều tròn. Tên cô là Marx Kyrgys. (Tôi đồ rằng bố mẹ cô ấy đã nghe người ta bàn tán về cái tên “Marx” nên đã đặt cho cô cái tên của một người hùng da trắng – giống như nhiều nô lệ được trả tự do đã lấy tên theo tên của các tổng thống.) Marx đang học để trở thành cô giáo. Và cuốn sách cô ấy đang đọc là cuốn gì? Các bài giảng về Vật lý của Feynman!

“Tù trưởng chắc sẽ thích câu chuyện này lắm đây”, tôi nói với Glen, khi tất cả chúng tôi nâng cốc rượu mùi sau bữa tối để chúc Richard.

Trong câu chuyện tiếp theo, tôi hỏi Vainshtein, có đúng là ông đang viết một cuốn sách về pháo đài Uighur trên hòn đảo ở hồ Tere-Khol không.

“Đúng thế”, ông ấy nói. “Làm sao anh biết?”

Tôi lôi ra một ấn bản của *Đời sống Xô Viết* mà tôi mang theo và chỉ cho ông ấy bài báo.

“Tôi không nhớ là đã nói chuyện với ai của tạp chí này”, ông ấy nói. “Và tôi cũng chưa bao giờ nghe về người đưa tin đó. Tuy nhiên, thông tin này về cơ bản là đúng”. Vainshtein đưa ra một cách giải thích: người đưa tin chắc là đã xem một bài phỏng mà ông dành cho một ấn phẩm khác, và đơn giản là lấy thông tin từ đó.

Ông đưa cho tôi một bản tiếng Phần Lan của “Trên Con đường Tơ lụa”, và nói, “Cuộc triển lãm này sẽ được tổ chức ở Göteborg, Thụy Điển, vào tháng 2 năm sau”.

Tôi nhìn lại tờ tạp chí *Đời sống Xô Viết* và thấy bài báo về các nhà thực vật học người Mỹ ở Tuva. Tôi nhớ lời khuyên của Tù trưởng – rằng chúng ta phải tìm được cái cớ để đến Tuva (*ngoài* cái sự thật là vì thủ đô của nó đánh vần là K-Y-Z-Y-L) – và đột nhiên nhận ra rằng Vainshtein vừa chỉ cho chúng tôi cái cớ ấy. Tôi nâng một cốc rượu tưởng tượng và dõng dạc nói, “Sau Thụy Điển, cuộc triển lãm sẽ đến nước Mỹ – và với tư cách các thành viên của viện bảo tàng chủ nhà, Richard Feynman, Ralph Leighton và Glen Cowan sẽ đến thăm Tuva cùng Sevyan Vainshtein!”



## Các Đại sứ nghịệp dư

Glen bay về Berkeley, còn tôi lên tàu đi Bochum, Đức, để thăm anh trai tôi – Alan – anh là cây kèn chính của một dàn nhạc giao hưởng ở đấy cùng vợ của anh, Linda. Sau đó tôi đến Göteborg, Thụy Điển, để thăm một nhà vật lý, hai mươi năm trước ông đã từng ở với gia đình chúng tôi như một sinh viên trong chương trình Trải nghiệm Cuộc sống Quốc tế.

Thời tiết đâu tháng Sáu thật đẹp. Bầu trời trong, đầy nắng và nhiệt độ khoảng tám mươi độ F đã đẩy toàn bộ dân cư ra bãi biển đầy đá, nơi này có cùng vĩ độ với doi đất Alaska. Rất nhiều phụ nữ tắm nắng ngực để trần và điều đó sớm trở thành bình thường với một khán giả non nớt từ Bắc Mỹ cả thẹn.

Có lẽ vì tôi đã bị choáng bởi những ngày xuân Thụy Điển tươi sáng và ấm áp nên không hề nghĩ đến việc thăm Bảo tàng Lịch sử Göteborg, nơi tám tháng nữa sẽ diễn ra cuộc triển lãm Con đường Tơ lụa. Hơn

nữa, tôi đã nghĩ rằng, một triển lãm di động cũng giống như một đoàn xiếc di động: đoàn đến thành phố vào giữa tuần; đến thứ sáu mọi việc đã được chuẩn bị xong và công chúng có thể đến xem các tiết mục. Giá có chút hiểu biết về nghiệp vụ bảo tàng thì tôi đã biết rằng, vào thời điểm ấy công việc chuẩn bị cho cuộc triển lãm Con đường Tơ lụa đã và đang phải được triển khai.

Khi trở về Pasadena, tôi nói với Tù Trưởng về kế hoạch mang cuộc triển lãm Con đường Tơ lụa tới Mỹ, và đưa ông xem bản copy của cuốn catalog triển lãm mà Vainshtein đã cố gắng gửi cho ông. “À mà”, tôi nói, “Ông có nhận được bức điện chúc mừng sinh nhật mà tôi đã gửi từ Tbilisi hay không?”

“Không, tôi không nhận được bức điện nào cả”.

“Thế còn hai cái bưu thiếp thì sao?”

“Tôi cũng không nhận được bưu thiếp nào hết”.

“Lạ thật”, tôi nói. “Tôi đã hỏi tất cả những người khác mà tôi đã gửi thiệp và biết rằng họ đều nhận được; việc thiệp chúc mừng năm mới của Vainshtein đến được ông ở Caltech là một ngoại lệ. Tôi e rằng nhiều thứ khác cũng không bao giờ đến nơi”.

Tôi chẳng làm gì cho Tuva hay triển lãm Con đường Tơ lụa trong suốt mùa hè 1985 – cũng như suốt mùa thu, khi tôi lại bận dạy học. Có lẽ tôi vẫn còn quá mệt với những con tàu, những “trung chuyển”, và những người phục vụ Xô Viết bắn tính mà Glen và tôi đã phải chịu đựng ở Liên Xô. Dù gì đi nữa, tôi đã không có dịp phủi bụi cuốn catalog triển lãm khi mà vào tháng Mười một năm 1985, Ronald Reagan gặp Mikhail Gorbachev lần đầu tiên và tuyên bố rằng kết quả cuộc gặp của họ ở Geneva là một thỏa thuận văn hóa, theo đó một cuộc triển lãm 40 bức tranh của trường phái ấn tượng Pháp sẽ đến nước Mỹ.

Với *Những người bạn của Tuva*, năm mới 1986 bắt đầu mà không có dấu hiệu gì cho thấy sẽ có sự khác biệt nào so với năm cũ. Trong khi quốc hội chuẩn bị họp thì những người viết diễn văn của Tổng thống Reagan đang chuẩn bị cho Thông điệp liên bang hàng năm. Năm trước, mèo làm cho bạn xúc động rời nước mắt của tổng thống là đưa ra lời cam kết của ông với giáo dục: một giáo viên sẽ là dân thường đầu tiên bay vào vũ trụ. Giờ đây, khi chỉ còn vài ngày nữa tổng thống sẽ đọc Thông điệp liên bang, con tàu sẽ mang cô giáo Christa McAuliffe vào vũ trụ đã sẵn sàng trên bệ phóng. Sẽ ấn tượng biết bao nếu cô giáo này gửi tới Quốc hội lời chào từ vũ trụ vào đúng lúc tổng thống đang đọc thông điệp.

Ngày 28 tháng Giêng, tàu con thoi nổ tung. Cảnh tượng vụ nổ được chiếu đi chiếu lại trong bản tin buổi tối. Tổng thống Reagan đã hoãn đọc Thông điệp Liên bang, thay vào đó phát đi một bài khác ca ngợi những người anh hùng đã ngã xuống. Một hội đồng đã được thành lập để điều tra thảm họa *Challenger*, và Richard được mời làm thành viên.

Bước sang tháng Hai, tôi nhớ là, triển lãm Con đường Tơ lụa vừa được khai trương ở Göteborg. Tôi điện thoại cho Alan vào một Chủ nhật. “Anh có thể sang Thụy Điển và xem cuộc triển lãm ấy không? Anh có thể gặp Vainshtein ở đấy và tận mắt xem cuộc triển lãm đó thế nào”.

“Anh rất muốn đi”, Alan nói. “Nhưng sao em không đi cùng? Một cậu bạn chơi violin trong dàn nhạc vừa bay từ San Francisco tới Brussels bằng People Express chỉ mất 99 đôla”.

“Thật à? Em chưa biết chuyện này thực hư thế nào – có khi lại phải mất tới 999 đôla để bay ngược lại từ Brussels về San Francisco”.

Tôi gọi cho People Express và được biết là vào thứ Tư hằng tuần, để quảng bá cho đường bay mới của họ, chuyến bay không dừng từ San Francisco tới Brussels đúng là chỉ 99 đôla mỗi chiều.

“Thế, tôi phải làm gì để có được vé cho chuyến bay này – xuống sân bay và cắm trại hai ngày à?”

“Không, tôi có thể đặt chỗ cho ngài ngay bây giờ”.

“Cô nói vậy nghĩa là vẫn còn chỗ trên những chuyến bay này?”

“Vâng, thưa ngài”.

“Tuyệt vời! Tên những người đặt chỗ là, Richard Feynman, Ralph Leighton, và Glen Cowan. Chúng tôi sẽ đi Brussels vào ngày 6 tháng Hai và quay về San Francisco vào ngày 20”.

“Chỉ cần các ngài mua vé ở một đại lý du lịch vào ngày mai, thưa ngài, thì các ngài chắc chắn sẽ có chỗ”.

Tôi điện thoại cho Alan. “Em sẽ đi!” Tôi cũng gọi cho Mats Jonson, nhà vật lý mà tôi đã đến thăm ở Göteborg, và hỏi xem liệu anh ấy có quan ngại nếu bị đột kích bởi một bọn người Mỹ.

“Các anh luôn được chào đón”, anh ấy nói.

Tôi cũng hỏi xem, liệu anh ấy có thể sắp xếp một cuộc gặp với những người Xô Viết ở Bảo tàng Lịch sử Göteborg.

Tôi nói với Tù trưởng về kế hoạch của mình, nhưng ông ấy nói rằng vào ngày thứ Ba mình sẽ đến Phòng thí nghiệm đẩy phản lực để tìm hiểu về tàu con thoi, và thứ Tư sẽ ở Washington. “Vì sao cậu lại tới một cuộc triển lãm ở Thụy Điển, anh bạn? Từ khi quay về vào mùa hè năm ngoái cậu đã chẳng hề làm gì để mang cuộc triển lãm ấy đến nước Mỹ. Tôi thấy, lần này, cậu hơi ấm đầu đấy”.

“Tôi biết”, tôi nói. “Tôi không định đi, nhưng vé rẻ thế thì không thể bỏ qua được – hơn nữa chỗ ở của chúng ta ở Thụy Điển là hoàn

toàn miễn phí. Tôi sẽ không hứa hẹn gì với những người Xô Viết cả; tôi chỉ muốn tận mắt xem triển lãm thôi”.

Tôi gọi cho Glen. “Cậu làm gì vào thứ Tư tối?”

“Thì vẫn công việc hằng ngày thôi”, cậu ấy trả lời. “Anh đang lên San Francisco à?”

“Ừ, à”, tôi nói, “ – trên đường đi Thụy Điển”.

“Thụy Điển!?”

Tôi giải thích câu chuyện. Thật tuyệt, Glen cũng muốn tham dự vào cái trò ngu xuẩn này.

“Ba hôm nữa sẽ gặp cậu”, tôi nói.

Tôi gọi điện cho Mats để hỏi về việc gặp những người Xô Viết.

“Anh biết không, một trùng hợp thú vị”, anh ấy nói. “Tôi liên lạc với Bảo tàng và hóa ra là, người phụ trách cuộc triển lãm này chính là một người mà tôi gặp gần như hằng tuần – con gái chúng tôi cùng học một lớp ba-lê. Anh ấy sẽ vui vẻ dàn xếp một cuộc gặp với những người Xô Viết khi các anh tới”.

“Tuyệt vời. Tôi sẽ gọi cho anh từ Bochum khi tôi biết chính xác chuyến tàu mà chúng tôi sẽ đi. Cảm ơn anh!”

Vào sáng thứ Tư, tôi bay từ San Francisco và gặp Glen ở sân bay. Trong chuyến bay thoải mái tới Brussels, Glen dành vài tiếng đồng hồ để nghe những cuộn băng của một lớp học tiếng Thụy Điển mà cậu ấy đã học trong một năm ở UCLA, thỉnh thoảng lại buột miệng một câu, mà ngữ điệu du dương của nó nghe giống tiếng Trung Quốc hơn là một ngôn ngữ Âu châu.

Vào tối thứ Năm chúng tôi đến Bochum, Alan và Linda đón chúng tôi ở đó và lái xe đưa chúng tôi về căn hộ của họ. Hôm sau chúng tôi lái xe đến Dusseldorf để lấy mấy cái áo phông mà Alan

và Linda, những nghệ sĩ đồ họa, đã thiết kế. Một cái áo có chữ “ТЫИБА” (“Tuva” theo tiếng Cyrillic Tuva) viết dưới dạng một tấm bản đồ Tuva; những cái khác màu trắng, chữ màu đen và hình trái tim màu đỏ: “КЫЗЫЛГА ♥ МЕН”.

“Làm sao anh biết cách nói ‘Kyzyl yêu tôi’ bằng tiếng Tuva?”  
Tôi hỏi.

“Anh gọi điện hỏi giáo sư Krueger”, Alan nói. “Đáp lại cho ông ấy sẽ là mấy nhän dính ‘Tôi ♥ Copenhagen’ mà chúng ta sẽ kiểm trên đường quay về từ Thụy Điển.

Tối muộn hôm đó chúng tôi lấy tàu đi Copenhagen, rồi chuyển sang tàu đi Helsingør (Elsinore), ở đó chúng tôi lên một chuyến phà bơi năm dặm tới Thụy Điển. Cảng biển bị bao phủ bởi những tảng băng lớn. Dân Nam California tranh cãi liệu những tảng băng trôi kia được tạo thành chỉ từ nước ngọt đóng băng (đó là mưa và tuyết rơi xuống gấp phải nước mặn rất lạnh), hay cả từ nước mặn đóng băng nữa.

Chúng tôi lên một con tàu Thụy Điển và đến Göteborg chiều hôm đó. Mats cùng cô con gái bốn tuổi Emma của anh ấy đón chúng tôi ở ga tàu và bảo rằng chúng tôi sẽ đi thẳng đến Bảo tàng Lịch sử Göteborg.

“Nhưng, hãy nhìn chúng tôi xem”, tôi nói. “Qua chuyến tàu đêm quần áo chúng tôi nhăn nhúm hết cả, thậm chí anh em tôi còn chưa cạo râu”.

“Không có vấn đề gì”, Mats nói. “Những người Xô Viết đang rất nóng lòng muốn gặp các anh”.

Chúng tôi vào Bảo tàng qua một cửa bên và đi lên tầng hai, nơi có phòng làm việc của giám đốc Christian Axel-Nilsson. Là một người đàn ông chất phác với nước da hồng hào, Axel-Nilsson chào

mừng chúng tôi đến với bảo tàng của ông bằng một chai sherry<sup>1</sup>. Ông giới thiệu với chúng tôi nhà dân tộc học của bảo tàng, Tiến sĩ Silow – người đàn ông mà Mats biết qua lớp học ba-lê của con gái.

Glen làm mọi người hết sức ngạc nhiên về tiếng Thụy Điển hoàn hảo của mình. Sau vài phút chuyện trò, cánh cửa đằng sau chúng tôi từ từ mở và vị giám đốc phía Xô Viết của cuộc triển lãm hiện ra. Tôi đã từng gặp người đàn ông điển trai này trước đây, ở căn hộ của Vainshtein. “Xin chào Ralph Leighton”, anh ta nói, dập gót giày vào nhau và cúi chào khi đưa tay ra. “Thật hân hạnh được gặp lại anh”.

“Ô, xin chào, ô – “

“TS. Basilov”, Glen nói, vừa đúng lúc.

“Xin chào, Glen Cowan”, TS. Basilov nói, với sự duyên dáng trong từng cử chỉ.

Glen đáp lại anh ta bằng mấy từ tiếng Nga thân mật.

Trong khi mọi người tiếp tục trao nhau những lời lẽ thật lịch thiệp, tôi không thể tránh được ấn tượng mạnh mẽ của buổi đón tiếp khách VIP mà chúng tôi – một bọn người Mỹ nhếch nhác, chưa tắm rửa và thiếu văn hóa – đang được tiếp đón bởi những người Thụy Điển văn minh và tao nhã cùng những đối tác Xô Viết của họ.

Trong khi bé Emma đang ăn bánh phomát và trồng cây chuối, chúng tôi bắt đầu bàn xem những bảo tàng nào ở Mỹ phù hợp với cuộc triển lãm. Axel-Nilsson cho rằng Viện Smithsonian là điểm khởi đầu tốt nhất. TS. Basilov do dự, lưu ý rằng Smithsonian đã và đang chuẩn bị để đón nhận cuộc triển lãm chung Xô Mỹ có tên là “Giao lộ”, giới thiệu các nền văn hóa bản địa ở cả hai bên bờ eo biển Bering.

---

1. Một loại rượu màu có nguồn gốc nam Tây Ban Nha – ND

Thêm một hồi chuyện trò và một chầu sherry nữa, có tiếng gõ ở chính cánh cửa đằng sau chúng tôi. Đó là Sevyan Vainshtein. Mặc dù sự xuất hiện muộn màng của Vainshtein đã gia tăng cảm giác pháp phỏng của tôi, Glen giải thích việc này như cái mánh mà Basilov bày đặt ra để chứng tỏ địa vị thấp hơn của Vainshtein.

Vainshtein muốn chỉ cho chúng tôi những gian khác nhau của triển lâm, nên chúng tôi đi theo ông ấy. Hàng trăm người vây quanh những ngăn tủ bảo tàng màu trắng đơn giản, chứa đầy những hiện vật bằng vàng, bạc, đồng, đồng đỏ, và thậm chí bằng gỗ, da và vải. (Chỉ có băng giá ở vùng đất đóng băng Siberia và Mông Cổ mới bảo quản được những vật liệu dễ bị phân hủy này.) Vainshtein tập trung vào một lượng đáng kể các hiện vật mà chính ông đã khai quật được ở Tuva. Một trong số đó là một vật băng vàng từ thời Scythia (800 – 200 trước Công nguyên) thể hiện một con lợn lòi đực đang cắn một thợ săn mà con chó của anh ta thì lại đang cắn con lợn.

“Chà!” Tôi thốt lên. “Tôi đã đọc về hiện vật này!” Tôi kể với mọi người về bài báo nhỏ mà Richard đã tìm thấy trên tờ *Los Angeles Times* năm năm về trước, bài báo mô tả bức tượng này. Tôi chụp hình bức tượng để cho Tù trưởng xem.

Rồi Vainshtein chỉ tiếp cho chúng tôi những hiện vật ấn tượng khác từ Tuva: một tấm đồng lớn có hình một con báo cuộn tròn, được minh họa trong cuốn sách của ông ấy về nghệ thuật Tuva; từ thời Hunnic (1 – 500 sau Công nguyên), những mũi tên có lỗ ở những cái đầu hình thù kỳ quặc, làm cho chúng phát ra tiếng như huýt sáo khi vút đi trong không khí; và từ thời kỳ Turkic cổ đại (550 – 1200 sau Công nguyên), một “người đá” kích cỡ như người thật – giống như bức tượng mà tôi đã nhìn thấy trong cuốn sách của Männchen-Helfen – đang đứng giữa phòng.

Cho dù Vainshtein nhấn mạnh vào các hiện vật Tuva, tôi không thể nào không chú ý tới tác phẩm phục chế lông lẫy của một bộ trang phục có tên là “Người đàn ông vàng”, tìm thấy trong mộ của một nhà quý tộc thời Scythia, người này đã từng sống ở vùng đất



Năm 1982 Richard đọc được rằng một bức tượng vàng Scythia – thể hiện một con chó (đầu hiện ra ở bên phải) đang cắn một con lợn lòi đực (trung tâm), mà con lợn thì lại đang cắn người thợ săn (cúi xuống ở trên đỉnh) – đã được tìm thấy ở Tuva. Năm 1986, bức tượng được đưa đến Thụy Điển trong cuộc triển lãm *Trên Con đường Tơ lụa*. (Được sự cho phép của Nhà xuất bản Aurora, Leningrad.)

nay là Kazakhstan. Những miếng vàng nguyên gốc, giờ không còn đủ bền vững để có thể trưng bày trên bộ trang phục, được đặt trong một tủ kính gần đó. Chúng là những ví dụ rất ấn tượng về “phong cách động vật” trong nghệ thuật Scythia. Ngựa, nai và hươu với những đôi gạc cách điệu, tất cả truyền tải cảm giác về sự vận động và sức mạnh. Cái mũ cao chừng 60cm của Người đàn ông vàng có trang trí những mũi tên chỉ lên trời, một con vật thần thoại hai đầu có cánh và một cặp báu bắc cực đang gây lộn.

Xem xong một vòng, tôi hỏi Mats xem liệu chúng tôi có thể trao đổi thêm với những người Xô Viết ở nhà anh ấy hay không. Mats đề nghị cùng nhau dùng bữa tối hôm đó. Vainshtein nhận lời, nhưng khi chúng tôi hỏi Basilov thì anh ấy khéo léo từ chối, nói rằng có “cuộc hẹn khác”.

Chúng tôi bắt tay mọi người rồi cùng Mats và Emma tạm biệt họ. Mats thông báo cho vợ mình, Elizabeth, rằng Vainshtein có thể cũng sẽ đến vào buổi tối. “Nhưng có thể không”, anh ấy phụ thêm. “TS. Silow nói rằng những người Nga thường không xuất hiện sau khi đã nói là họ sẽ đến”.

Gần tới giờ ăn tối, Glen và tôi đi cùng Mats đến khách sạn *Three Crowns* để tìm Vainshtein. Việc này chẳng có gì khó: ông ấy đang đứng ngay ở cửa ra vào cùng với hai người Nga nữa! “Có phiền không nếu hai người này cùng đi?” ông ấy hỏi. Mats chỉ có thể đồng ý.

Tất cả chúng tôi bị néo vào cái xe VW Dasher của Mats và quay về nhà. Elizabeth dường như chẳng hề bối rối vì có thêm khách.

Hai đồng nghiệp Xô Viết của Vainshtein chỉ nói được tiếng Nga. Vadim Kurylov, một nhà dân tộc học từ Leningrad, trông giống như anh trai của Leo Tolstoy; Vladimir Lamin, một sử gia từ Novosibirsk, trông giống như em trai của Andrei Gromyko. (Leo Tolstoy, 1828-

1910, là nhà tiểu thuyết, nhà triết học người Nga, tác giả của Anna Karenina, Chiến tranh và hòa bình; Andrei Gromyko, 1909-1989, đã từng là Bộ trưởng ngoại giao và Chủ tịch của Đoàn chủ tịch Xô Viết tối cao Liên Xô).

Elizabeth đã chuẩn bị “Pizza Thụy Điển”: nền bánh được làm từ bột nhào fillo (một loại bột có thể cán rất mỏng), còn lớp phía trên là phomat Thụy Điển, xúc xích và ót ngọt – trông thật mát mắt và ngon. Những người Xô Viết mang theo cognac Armenia, và bắt đầu màn nâng cốc truyền thống của họ. Cũng như lần ở Moscow, Vainshtein dành một lời chúc dài cho Richard Feynman. Ông ấy tiếc là, một lần nữa không được gặp Richard, và nói rằng ông cảm thấy ở Feynman có một sức hút nào đó – giống như lực hấp dẫn. Vì thế, ông ấy cho rằng các định luật hấp dẫn cần được viết lại để tính đến “hiệu ứng Feynman”. Glen nâng cốc bằng tiếng Thụy Điển cảm ơn vợ của Mats đã chuẩn bị một bữa tối tuyệt vời; tôi nâng cốc chúc mừng *Shagaa*, năm mới của Tuva, cũng trùng vào tối hôm đó.

Trong ánh nến nhấp nháy của phòng ăn nhà Jonsons, Glen đóng vai trò phiên dịch trong khi Vainshtein kể lại một cuộc phiêu lưu ở Tuva: ông và các đồng nghiệp đang khai quật khu pháo đài Uighur trên hòn đảo ở hồ Tere-Khol thì một người đánh cá tiến lại và hỏi xem liệu họ có muốn gặp một shaman. Mọi người rất vui vẻ giải lao và – giống như trong những câu chuyện cổ tích – đi cùng người đánh cá trên con thuyền của ông ta sang một thế giới khác.

Các vị khách đến một cái lều tròn và gặp một shaman có tên là Shonchur, cùng vợ và em trai của ông ấy. Vainshtein hỏi Shonchur rằng ông ấy đã trở thành shaman như thế nào.

Shonchur trả lời rằng, khi 14 tuổi, ông đã bị ốm và bỏ chạy vào rừng. Khi quay về, ông vẫn chưa bình phục; thực ra, tình trạng bệnh

tật còn trầm trọng hơn – đến nỗi đi không vững. Khi cha mẹ hỏi chuyện gì đã xảy ra, Shonchur không thể nhớ gì cả. Thế là họ đã mời một shaman địa phương xem giúp có thể làm gì với căn bệnh lạ lùng của con trai mình.

Shaman nói rằng Shonchur đã nhận được linh hồn ông nội của mình [có lẽ cũng là một shaman], một dấu hiệu cho thấy chính Shonchur sẽ trở thành một shaman.

Shonchur không muốn trở thành một shaman, nhưng người ta bảo là, cậu không có lựa chọn nào khác sau một lần bệnh như vậy. Thế là Shonchur đã nhiều năm phục vụ nhu một người liên lạc với thế giới linh hồn trong khi vẫn chăn tuần lộc ở đông Tuva. Cũng trong thời gian đó ông đã kết hôn.

Khi người vợ đầu của ông qua đời, Shonchur tới thăm em trai mình ở hồ Tere-Khol và ở đây ông đã gặp một phụ nữ chăn gia súc. Ông cưới cô ấy và sống luôn ở làng của người em trai, nơi đây ông tiếp tục hành nghề shaman. Cuối cùng ông đã trở thành một “Ulug Kham”, một shaman vĩ đại.

Vainshtein đề nghị ông thực hành một nghi lễ. Shonchur nói rằng họ phải đợi tới tối. Trong khi chờ đợi, Vainshtein giúp Shonchur mặc bộ trang phục của ông – một cái mũ cài lông vũ, mấy cái quần da, một cái áo choàng lủng lẳng những dây trang trí bằng sắt biếu thị những linh hồn trợ giúp và nhiều bộ phận khác của cơ thể – tất cả nặng chừng 23kg. Một trong những đồng nghiệp của Vainshtein đã chụp được tấm ảnh mà sau này đã xuất hiện ở bìa sau cuốn *Những người du mục Nam Siberia*. (Xem trang 50-51.)

Tối đến, Shonchur nhóm một đống lửa bên trong lều để làm khô cái trống của mình. (Tôi nhớ về anh bạn Thomas Rutishauser, anh ấy làm căng mặt cái trống bongo Mexico của mình bằng cách

hơ chúng trên ngọn nến.) Để đến được thế giới linh hồn nhanh hơn, Shonchur ném vào đống lửa một nắm cỏ gây mê bản địa và hít khói hương của nó. Ông cũng rưới vào ngọn lửa một ít sữa để nuôi “ngựa” của mình. Cũng giống như hầu hết các shaman Siberia khác, Shonchur xem cái trống của ông như con ngựa, còn dùi trống như roi quất ngựa.

Vẫn ở bên trong lều, Shonchur quay lưng lại Vainshtein và những người khác rồi ngồi xuống. Ông vỗ nhẹ nhè cái trống của mình và bắt đầu lẩm bẩm khe khẽ. Ngay cả khi tiếng lẩm bẩm của ông ấy đã chuyển thành các từ, thì chúng vẫn rất khó hiểu – chúng là tiếng Tuva cổ xưa – nhưng dần dần ý niệm trở nên rõ ràng: shaman đang gọi linh hồn giám hộ và các linh hồn phù trợ của mình.

Thoạt đầu Shonchur chỉ hơi di chuyển một chút. Khi ông ấy gõ trống to hơn, ông cũng di chuyển ngày càng nhiều hơn đến khi cái mũ cắm lông tụt xuống mặt. Shaman đã đạt trạng thái xuất thần.

Sau một hồi gõ “con ngựa” theo nhịp điệu, Shonchur đã chậm đến trạng thái nhập định. Khuôn mặt đầy mồ hôi; trông ông thật khó coi. Ông chạy quanh trong căn lều, đánh trống, xua đuổi những linh hồn ma quỷ. Ông đuổi chúng ra ngoài, quát tháo chúng trong khi đánh trống.

Shonchur bắt đầu nhét các linh hồn ma quỷ vào cái trống của mình. Thỉnh thoảng có một linh hồn nhảy ra, ông chồm lên, vật lộn với nó và hét “Ta sẽ giết ngươi, xé tan các động mạch của ngươi và uống máu ngươi!”

Sau khi đã gom tất cả các linh hồn ma quỷ và hủy diệt chúng. Shonchur loạng choạng đi vào lều và ngã gục xuống. Vainshtein sợ rằng ông ấy sẽ chết, nhưng một lúc lâu sau shaman mở mắt và mỉm

cuời. Vainshtein giúp ông cởi bỏ bộ trang phục nặng nề. Shonchur nói rằng tuổi tác bắt đầu ảnh hưởng tới ông nên Vainshtein đã sắp xếp để ông gặp một bác sĩ. Vài năm sau, shaman vĩ đại cuối cùng của Tuva đã qua đời.

Sau bữa tối, mọi người tiếp tục chuyện trò trong phòng khách nhà Jonsons. Vainshtein lại bắt đầu nói về Feynman và hỏi thẳng tôi vì sao Feynman chưa bao giờ đến Liên Xô, nhất là khi mà ở đó Các bài giảng về vật lý của Feynman được hoan nghênh nhiệt liệt. Richard đã từng nói với tôi về điều này: “Tôi không thích cái cách mà chính phủ Nga đối xử với người dân của họ – nhất là các nhà khoa học của họ”. Không chỉ có TS. Sakharov, người mà Richard rất quan tâm (vào thời gian đó đang tuyệt thực); ông biết là các nhà khoa học Xô Viết không thể làm việc mà không có sự can thiệp của Đảng Cộng sản. Ông trích lời của Thomas Jefferson: “Tôi đã nguyện thề trước bàn thờ của Chúa là sẽ vĩnh viễn căm thù đối với mọi hình thức chuyên chế áp đặt lên trí tuệ con người”<sup>1</sup>.

Tôi không đủ can đảm (hay khả năng về tiếng Đức) để nói tất cả những điều đó với Vainshtein, một người dường như rất hài lòng với cuộc sống ở Liên Xô, nên tôi đưa ra một lý do khác: “Vì Feynman đã giành giải Nobel, nên đi đến đâu mọi người cũng quá để ý đến ông ấy”, tôi nói. “Giáo sư Feynman muốn đến thăm Tuva một cách lặng lẽ”.

Vainshtein hiểu, và đáp lại rằng chuyện tương tự cũng xảy ra với nhà vua Thụy Điển khi đến xem triển lãm Con đường Tơ lụa ở Göteborg – ông muốn đến thăm như một công dân bình thường, không có nghi lễ gì (Điều đó có thể xảy ra ở đất nước mà thủ tướng thường xuyên đến nhà hát như một dân thường, không có cận vệ.)

---

1. Thomas Jefferson, 1743-1826, là tổng thống thứ 3 (1801-1809) của Mỹ – ND

Trong khi tiếp tục trao đổi, tôi quyết định vừa nói vừa làm động tác minh họa. Tôi bắt đầu bằng cái biển số xe TOUVA của mình, nó tạm thời tháo ra khỏi xe. Vainshtein giải thích cho những người Xô Viết khác về việc ông đã phát hiện ra ảnh chúng tôi trên tờ *Tuvinskaya Pravda* như thế nào.

Tôi còn mang theo ảnh vệ tinh của Tuva. Vainshtein rất phấn khích. Tôi đảm bảo với ông ấy rằng ở Mỹ bất kỳ ai cũng có thể đặt mua ảnh Landsat từ chính phủ. “Đây”, tôi nói. “Ông có thể giữ nó nếu ông muốn”. Ông ấy nhận nó với sự ngạc nhiên và biết ơn thực sự.

Khi buổi tối sắp kết thúc, những người Xô Viết đưa ra một bộ đồ sứ uống trà từ Moscow và tặng nó cho Elizabeth. Chị ấy để quà tặng vào một ngăn tủ trưng bày, ngăn này dường như ngẫu nhiên đã để trống từ trước. Những người Xô Viết rất vui vì món quà của họ đã tìm được một ngôi nhà tuyệt vời như vậy.

Để kết thúc buổi tối, Alan mang xuống mấy cái áo phông “Kyzyl ♥ I” mà anh ấy và Linda đã thiết kế, và tặng chúng cho mọi người. Trong khi đám chúng tôi đồ gục xuống giường thì Mats đưa những người Xô Viết về khách sạn của họ.

Sáng thứ Hai, Alan và Linda lên tàu đi Bochum. Bởi vì hôm đó bắt đầu kỳ nghỉ đông một tuần của các trường học nên gia đình Jonsons ra ngoại thành để thăm mẹ của Elizabeth trong vài ngày. Glen và tôi đi xe điện xuống phố và gặp những người Xô Viết trong “cái lều” của họ, một văn phòng được bố trí riêng ở tầng ba của bảo tàng. Không khí nặng mùi khói đặc thù của thuốc lá Xô Viết. TS. Basilov chào chúng tôi bằng cái cúi đầu đặc trưng của anh, tặng chúng tôi một cuốn sách về shaman Hồi giáo mà anh ấy viết, và mời chúng tôi dùng trà Georgian mà Kurylov đã pha.

Basilov ngay lập tức đi vào một loạt các ý tưởng táo bạo về cách thức mà cuộc triển lãm này có thể tiếp thị với công chúng Mỹ. Ý tưởng đầu tiên của anh ta là bán rượu sữa ngựa, một loại sữa ngựa lên men đã từng giữ vai trò trung tâm trong khẩu phần ăn của người du mục Âu-Á. “Và tất nhiên, chúng ta cũng nên mang theo một số phụ nữ vắt sữa người Kazakh để vắt sữa ngựa”, anh ta nói.

Chúng tôi mỉm cười và nói “Sao lại không?”

Rồi Basilov mở rộng ý tưởng của mình: “Chúng ta cũng nên mang theo mấy cái lều tròn để dựng trước cửa bảo tàng – mỗi cái chỉ 2000 rúp – và bên cạnh có vài phụ nữ Kazakh và Turkmenia, họ đậm ní, dệt thảm, và có thể bán các sản phẩm này cho khách”.

“Nghe được đấy”, tôi nói.

“Chúng ta có thể mang theo cả vài con lạc đà, vì chúng thường được những người du mục sử dụng, và cho bọn trẻ cười – với phí rẻ thôi, tất nhiên. Và chúng ta có thể mang theo mấy cô người Uzbek để nấu món plov<sup>1</sup>, và cả loại bánh mì đặc biệt của họ”. Basilov rất tự hào về mình vì đã nghĩ ra tất cả những ý tưởng kinh doanh này. Anh ấy nói đùa với các đồng nghiệp Xô Viết của mình rằng, anh ta sẽ trở thành một tư sản.

Vainshtein hỏi chúng tôi nghĩ gì về cuộc triển lãm.

Glen khen hết lời, nhưng điều đó không mang lại sự hài lòng mong đợi từ phía các chủ nhà của chúng tôi.

Tôi quyết định nói đúng những gì mình nghĩ. “Tôi nghĩ cái tên ‘Con đường Tơ lụa’ dễ gây hiểu lầm: nó gợi lên hình ảnh của Marco Polo và Trung Quốc, trong khi thực ra triển lãm là về những người du mục sống ở phía bắc Con đường Tơ lụa”.

---

1. Một loại cơm thập cẩm của người Trung Á– ND

Basilov có vẻ đồng tình. “Các anh biết không, tên tiếng Nga của triển lãm này là ‘Những người du mục Âu-Á.’ Vì sao ta không dùng cái tên này nhỉ? Nó nghe kinh viện quá chăng?”

“Phần ‘Những người du mục’ thì được”, tôi nói. “Nhất là ở California, nơi chúng tôi thích ý tưởng về việc luôn ở trạng thái động. Có một loại ô tô tên là Chevy Du mục – nó là loại được yêu thích trong giới lướt sóng”.

“Ở Nhật, tất cả những gì họ muốn xem là vàng”, Basilov than thở. “Đa phần những thứ quan trọng với cuộc sống của những người du mục đều là những thứ ‘tầm thường’ như yên ngựa hay bàn đạp”.

“Người California yêu ngựa”, tôi nói. “Có lẽ bìa của catalog triển lãm nên có hình một bên thân ngựa với chân của kỹ sĩ để trên bàn đạp”.

“Tuyệt vời!” Vainshtein thốt lên. Ông đã cùng một đồng nghiệp viết một bài báo về nguồn gốc của bàn đạp ngựa.<sup>1</sup>

Basilov giải thích cho chúng tôi thể lệ hành chính: “Chủ tịch Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô là viện sĩ A. P. Alexandrov, còn người chịu trách nhiệm chính thức về triển lãm là Viện sĩ thông tấn A. P. Kapitsa. Bước đầu tiên là, một đối tác thích hợp ở Mỹ viết một lá thư cho viện sĩ Alexandrov – cùng một bản copy chính thức cho Kapitsa và một bản không chính thức cho tôi. Rồi, khi tôi nhận được bản copy của mình, tôi có thể giục Kapitsa tiếp cận Alexandrov.”

Tôi nháy mắt với Glen, cậu đã kịp nắm bắt được ý nghĩa các từ ngữ của Basilov: Những người bạn của Tuva giờ đã có một điệp viên, nằm sâu trong Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô!

---

1. Trong bài báo “Sedlo I stremya” (Cái yên gựa và cái bàn đạp) trên Sovetskaya Etnografiya, v.6, 1984, pp.114-130, Vainshtein và M.V.Kryukov đã đưa ra các bằng chứng cho thấy công dụng đầu tiên của bàn đạp – thường chỉ thấy ở bên trái – là giúp để lên ngựa.

Sau đó Basilov đề xuất một số tổ chức và cá nhân có thể là đối tác thích hợp với Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô. “Viện hàn lâm Khoa học Quốc gia của các anh, tất nhiên rồi – hoặc có thể là thượng nghị sĩ nổi tiếng của các anh, Ted Kennedy”.

Chúng tôi không hưởng ứng cả hai đề xuất này, bởi vì chúng tôi không có mối quan hệ nào ở bờ Đông.

Basilov tiếp tục: “Có một viện ở California – Viện Esalen. Các anh có nghe về viện này không?”

“Có, chúng tôi có nghe về viện đó”, Glen nói, gật gù mỉm cười.

Tôi đang định nhắc đến cảnh tắm khỏa thân ở những hồ nước nóng tự nhiên thì nhớ đến một nhóm người ở Esalen – một nhóm ôn hòa dẫn đầu bởi nhà đồng sáng lập Michael Murphey – đang cố gắng cải thiện quan hệ với Liên Xô. Đề án nổi tiếng nhất của họ là “cây cầu không gian” nối liền hai bên bằng vệ tinh.<sup>1</sup> Nên tôi nói, “Trên thực tế, Giáo sư Feynman đã tổ chức seminar ở đó”.

Vainshtein cho rằng chính Feynman là đối tác thích hợp với viện sĩ Alexandrov. Glen và tôi tán thành nhiệt liệt. Basilov không vững tin lắm, nhưng cũng miễn cưỡng đồng ý.

Basilov cảnh báo chúng tôi rằng Alexandrov đang trong tình trạng sức khỏe không tốt, và rằng Feynman nên viết cho ông ấy ngay, trước khi Viện hàn lâm bị mắc kẹt với việc chọn người kế vị. Đáp lời, tôi nói rằng Tù trưởng của chúng tôi đang thực hiện một nhiệm vụ do tổng thống giao về điều tra thảm họa tàu con thoi *Challenger*, nhưng chắc chắn là ông ấy sẽ dành thời gian cho những vấn đề liên quan đến Tuva.

---

1. Sau này, vào năm 1989, Viện Esalen đã đưa Boris Yeltsin tới Mỹ. Trong thời gian ở Mỹ, ông ấy đã gặp Tổng thống Bush và những người đứng đầu của quốc hội.

Đã đến giờ ăn trưa. Những người Xô Viết mời chúng tôi bánh mì – được mang từ Liên Xô, chắc là vậy – cùng với món cháo điểm chút thịt ngựa đóng hộp. Glen ngay lập tức trở thành một người ăn chay. Chúng tôi cố gắng tọng khẩu phần của mình xuống bằng một lượng lớn nước trà Georgian.

Vào buổi chiều, chúng tôi cùng nhau thảo bản nháp bức thư của Feynman gửi Alexandrov. Basilov gợi ý mấy câu để làm cho Viện hàn lâm Khoa học dễ chấp nhận hơn – anh ta gọi nó là “choi giai điệu Xô Viết”. Glen đã thuộc lòng giai điệu này, sau khi đã thành công trong việc đưa được ảnh của chúng tôi lên *Tuvinskaya Pravda* bằng đúng cách viết như vậy. Khi chúng tôi viết xong, bức thư đại loại là như thế này:

Thưa ngài Chủ tịch Alexandrov,

Tôi đang viết cho Ngài lá thư có liên quan đến cuộc triển lãm gần đây của Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô có tên là “Trên Con đường Tơ lụa”. Cũng do sự quan tâm của tôi tới một vùng hẻo lánh của Nam Siberia có tên là Tuva mà tôi đã biết về cuộc triển lãm này.

Tôi đồng tình với ý kiến của Ngài được viết trong lời nói đầu của cuốn catalog triển lãm, rằng sự tiến bộ về văn hóa sẽ diễn ra nhanh hơn bằng cách tăng cường trao đổi các ý tưởng, và vì vậy vai trò của những người du mục Âu-Á có tầm quan trọng lịch sử to lớn. Cũng chính vì lý do đó, tôi hy vọng rằng cuộc triển lãm “Trên Con đường Tơ lụa” có thể đến Mỹ.

Hai người bạn của tôi, Ralph Leighton và Glen Cowan, nhất thời đã đóng vai trò những người du mục và đã đến Thụy Điển để xem cuộc triển lãm. (Rất tiếc là tôi đã không thể đi.) Ở cuộc triển lãm, ông Leighton và ông Cowan đã gặp các chuyên gia Xô Viết. Được nghe về các cuộc trao đổi của họ, tôi tin rằng cuộc triển lãm có thể được

tổ chức ở đây với thành công rực rỡ, nó sẽ mang lại cho người dân Mỹ sự hiểu biết tốt hơn về sự đa dạng của các nền văn hóa ở Liên Xô cũng như sự uyên thâm của các học giả Xô Viết trong lĩnh vực đó.

Vì vậy, tôi mong muốn có được sự ủng hộ và hợp tác của Ngài trong việc sắp xếp để triển lãm “Trên Con đường Tơ lụa” đến được nước Mỹ. Hy vọng rằng Ngài sẽ chấp thuận, ông Leighton, ông Cowan và tôi đang liên hệ với các cơ sở và bảo tàng thích hợp ở Mỹ có thể đăng cai cuộc triển lãm này.

Chân thành,  
Richard Feynman

Việc “thương thảo” của chúng tôi diễn ra tốt tới mức những người Xô Viết đã mời chúng tôi tới dùng bữa tại khách sạn của họ vào tối hôm đó. “Đã đến lúc để phía Xô Viết chiêu đãi phía Mỹ”, Basilov nói, bằng ngôn ngữ ngoại giao đã được tính toán.

“Phía Mỹ hân hạnh nhận lời”, Glen đáp lại với sự tinh tế không kém. Chúng tôi bắt tay và tạm biệt với những nụ cười trên môi.

Trước khi rời bảo tàng chúng tôi rẽ qua chào Axel-Nilsson. Ông ấy hẹn gặp chúng tôi tại văn phòng của mình vào lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau để bàn về cuộc triển lãm.

Trên đường quay về nhà Mats, chúng tôi rất phấn chấn. “Chà!” tôi nói. “Bây giờ chúng ta là những nhà ngoại giao thực thụ rồi!” Trước các phóng viên báo chí ngoại giao tưởng tượng, tôi nói, “Những thương thảo giữa hai phía Liên Xô và Mỹ đã diễn ra trong bầu không khí hữu nghị và tôn trọng lẫn nhau”. Cả hai chúng tôi đều cười. Chúng tôi cảm thấy cứ như là mình đã hoàn tất những chi tiết cho một thỏa ước giữa Gorbachev và Reagan.

Glen mỉm cười. “Axel-Nilsson chắc phải ngạc nhiên vì sao những người Xô Viết lại lãng phí thời gian cho một cặp hổ đến từ California – ý tôi là, nếu họ muốn mang triển lãm của mình đến nước Mỹ, sao họ không viết một bức thư cho Viện hàn lâm Khoa học Quốc gia, hay Ted Kennedy...”

“Hay Esalen”, tôi nói, và cả hai lại cùng cười.

“Có thể Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô cũng chẳng khác gì nhà xuất bản Mir hay cái tiệm kem ở Tbisili”, tôi nói. “Nếu một người Xô Viết muốn điều gì đó, anh ta sẽ bị phớt lờ. Nếu một người nước ngoài muốn điều gì đó, anh ta được phục vụ ngay lập tức”.

“Đây là thiệt thòi của những người Xô Viết và lợi thế của chúng ta”, Glen đáp lời. “Bộ ba lăng tử đang muốn đến Tuva lại thương lượng các mối quan hệ văn hóa giữa hai cường quốc”.

“Tù trưởng sẽ thích chuyện này lắm đây!” tôi thốt lên. “Giáo sư vật lý sắp trở thành một nhân vật quan trọng trong giới triển lãm quốc tế!”





## Bọn hè hay những kẻ lừa đảo

Sau vài giờ nghỉ ngơi ở nhà Mats, chúng tôi đi bộ tới khách sạn *Three Crowns* để cùng dùng bữa tối với những người Xô Viết. Chúng tôi tới phòng của Vainshtein, rồi ông đưa chúng tôi đi loanh quanh để tìm những người Xô Viết khác.

Khách sạn dường như không có khách, trừ bốn người Xô Viết. Chúng tôi biết rằng bây giờ không đúng mùa du lịch cao điểm ở Göteborg, nhưng tình cảnh còn tệ hơn cả mùa vắng khách – hoàn toàn bất động. “Phía Xô Viết” – Basilov, Vainstein, Kurylov, và Lamin – đưa chúng tôi vào một phòng ăn cô quạnh.

Người phục vụ bàn chào chúng tôi một cách nhã nhặn “Dobryu vyecher”, nhưng không mang theo menu. Basilov không cảm thấy khó chịu; anh ta lôi ra sáu phiếu ăn và trao chúng cho người phục vụ. Lamin lôi từ áo khoác ra một chai vodka nhỏ, và người phục vụ đặt lên bàn những cái cốc xộc xệch.

Lát sau người phục vụ quay lại mang theo món ăn cho chúng tôi, gà và cơm thập cẩm. Tất cả các đĩa đều như nhau.

Trong bữa tối chúng tôi nói về cuộc sống ở nước Mỹ và ở Liên Xô. Basilov mô tả thư viện Lenin ở Moscow, thư viện lớn nhất của Liên Xô. “Không ai được vào kho sách. Một khi cuốn sách đã được đưa cho anh, anh không được mang nó về nhà – anh phải xem nó ngay tại thư viện”.

“Thế thì cũng giống thư viện Quốc hội của chúng tôi”, tôi nói. “Trừ việc là sau đó anh có thể mượn cuốn sách thông qua thư viện địa phương anh theo cách thức trao đổi sách giữa các thư viện”.

Glen mô tả thư viện nghiên cứu Doe ở Berkeley, một trong những thư viện lớn nhất trên thế giới. “Các giáo sư và sinh viên sau đại học được vào kho sách; sinh viên đại học và công chúng nói chung thì phải điền phiếu yêu cầu. Sinh viên và các giảng viên đại học có thể mượn sách trong vài tuần, thậm chí vài tháng, nhưng công chúng nói chung thì không – họ phải đọc sách trong thư viện”.

“Liệu như thế có dẫn đến chuyện mất trang không?” Basilov hỏi.

Tôi không hiểu. Glen hiểu và nói, “Ở chỗ chúng tôi chuyện ấy chỉ xảy ra ở các trạm điện thoại công cộng – thường thì những trang về nhà nghỉ hay nhà hàng là hay bị mất. Còn ở hầu hết các thư viện đều có máy copy nếu anh cần copy gì đó”.

Tôi đã đọc được rằng máy copy gần như không tồn tại ở Liên Xô: giới cầm quyền sợ rằng những tư tưởng độc lập – những tư tưởng chống đối – có thể sẽ được lan truyền rộng rãi nếu máy copy được dùng phổ biến.

“Vấn đề của chúng tôi nghiêm trọng hơn”, Basilov nói. “Tôi là một học giả. Tôi phải làm các nghiên cứu của mình. Nhưng khi cuối cùng tôi được phép đọc một cuốn sách quan trọng thì tôi lại

phát hiện ra là, một số trang cốt yếu đã bị xé mất bởi mẩy tên khốn nào đó, những kẻ quá lười đã không chịu ghi lại thông tin cho bản thân”. Khuôn mặt của Basilov khá căng thẳng. “Những kẻ tội phạm như thế đáng bị các thủ thư quất cho một trận trước công chúng!”

Cuối cùng thì câu chuyện cũng quay về Tuva. Glen giải thích để Lamin và Kurylov hiểu rằng, chúng tôi đã cố gắng như thế nào trong thời gian dài để tìm cách đến Kyzyl. Vainshtein không nói gì về việc vì sao Viện Dân tộc học ở Moscow không thể sắp xếp chuyến đi của chúng tôi. Basilov, cũng im lặng một cách không bình thường, ngón hết suất ăn của mình như một cái máy xúc.

Khi cuối cùng chúng tôi cũng bắt kịp anh ta, Basilov hỏi Glen và tôi rằng chúng tôi có thích món ăn không.

“Hắn rồi”, chúng tôi trả lời.

“Vậy thì chúng ta hãy thưởng thức niềm vui này một lần nữa”. Basilov nói, trong khi anh ta lôi ra từ áo khoác của mình sáu phiếu ăn nữa. Người phục vụ nói rằng đầu bếp đã nấu cơm chỉ đủ cho sáu suất, nên chúng tôi sẽ phải đợi thêm 20 phút. Theo chuẩn mực Xô Viết thì như thế là nhanh – chỉ hai lần khoảng thời gian để một người phục vụ bình thường đi đến bàn của bạn và nói rằng cái bàn này tạm nghỉ.

Trong khi chúng tôi đợi bữa tối số hai, thì Lamin, thường rất ít nói, giải thích cho tôi điều gì đó bằng tiếng Nga. Glen dịch: “Lamin nói, anh ấy có thể mời một trong hai chúng ta tới Novosibirsk – hoặc là cả hai, nếu chúng ta cưới nhau (ha, ha) – và từ đó anh ấy có thể thu xếp một chuyến đi Tuva”.

Tôi nhờ Glen nói với Lamin, “Lời mời của anh thật quý giá, nhưng giống như Ba chàng Lính Ngự lâm – anh biết đấy, ‘mọi người vì một người, và một người vì mọi người’ – Giáo sư Feynman, Glen và tôi đã quyết định là sẽ cùng nhau đến Tuva”.

Sau bữa tối thứ hai, những người Xô Viết mời chúng tôi lên tầng trên dùng trà. Lamin cởi bỏ bộ cánh của mình, thay bằng chiếc áo phông trắng và quần Levis đã sờn. Chúng tôi gặp nhau ở phòng của Basilov, có lẽ là phòng rộng nhất.

Trong khi Kurylov chuẩn bị trà, Basilov kể cho chúng tôi nghe mấy “chuyện cười Georgia”. Những chuyện cười dân gian này, thay vì chê bai cái đích nhảm tới của mình, chúng lại được kể với sự ngưỡng mộ và thèm muốn. Rõ là, đàn ông Georgia có tiếng về kỹ nghệ tình dục – nhất là so với đàn ông Nga. (Phụ nữ Nga trong những kỳ nghỉ theo cơ quan ở khu nghỉ mát Riviera Đỏ thường thích phiêu lưu tình dục với đàn ông Georgia ở địa phương. Còn khi những người đàn ông Georgia đến những địa dư khác của Liên Xô để lao động hè, thì những phụ nữ địa phương đã chán với cuộc sống tẻ nhạt và đang tìm kiếm một thời gian vui vẻ sẽ sẵn sàng hiến mình cho các vị khách hùng dũng.)

Một chuyện tếu Georgia điển hình: một phụ nữ trẻ đẹp đến từ Pháp, xuống máy bay trong một chuyến thăm Georgia. Cô không thể tránh khỏi một hàng dài những người đàn ông Georgia đang nhìn mình một cách thèm muốn, nên cô ấy nhìn vào một trong số họ và hỏi một cách vô tư bằng tiếng Pháp, “Parlez-vous français?” (Anh có nói tiếng Pháp không?)

“Tất nhiên là tôi muốn rồi!” người đàn ông nói bằng tiếng bản địa của mình, trước sự cổ vũ của những người đàn ông cùng xứ sở.

Bởi vì quan hệ của chúng tôi đã đạt đến mức độ cao của tin tưởng lẫn nhau, tôi kể với Basilov về Esalen – những vũng bơi nước nóng, các bàn massage, những con đường khác nhau đến với sự khai sáng mà mọi người ở đó đang tìm kiếm. Tôi nói, “Mọi người trả tiền để được nghe về những thứ như là chủ thuyết Shaman –

không phải như một giáo lý, mà như một hệ đức tin có thể làm họ hết ốm đau hay thoát khỏi những căn bệnh tinh thần của mình. Thực ra, anh có thể tổ chức một seminar ở Esalen, kể những câu chuyện về cách thức các Shaman chữa bệnh ở Trung Á. Tôi cá rằng sẽ có nhiều phụ nữ (và đàn ông) theo anh đến nơi anh chẳng biết phải làm gì!"

Basilov đáp lời, "Có lẽ, trong xã hội hiện đại, nơi các nguồn sức mạnh và quyền lực thông thường đang suy tàn, con người quay sang những truyền thống nguyên thủy hơn để cứu rỗi linh hồn".

Tôi cười. "Anh nói đúng đó!"

"Một vài năm trước tôi được mời tới Viện Esalen", Basilov nói một cách nuối tiếc, "nhưng ai đó đã ngáng đường tôi và ngăn cản tôi chấp nhận lời mời này. Thật đáng tiếc!"

Tôi đáp lời, "Nếu cuộc triển lãm được tổ chức ở Los Angeles, tôi sẽ tìm cách để anh tới thăm nơi đó".

Đêm đã về khuya, Glen và tôi chúc những người Xô Viết ngủ ngon rồi đi bộ về nhà Mats dưới bầu trời đầy sao. Khi chúng tôi chuẩn bị lên giường, Glen nhắc về cuộc gặp sáng hôm sau với Axel-Nilsson: "Chúng ta sẽ hỏi ông ấy cái gì?"

"Tôi không biết", tôi trả lời. "Bây giờ tôi quá mệt để suy nghĩ về bất kỳ điều gì. Có thể một điều gì đó sẽ đến với tôi trong giấc ngủ".

Cứ như chỉ vừa mới nằm xuống được một giờ, đồng hồ báo thức của tôi đã rung chuông. Bên ngoài trời vẫn còn tối đen như mực, nhưng đã là 8 giờ sáng. Chúng tôi vội vàng ăn một ít bánh mì cùng phomat rồi đi ra bến tàu điện trongẠng vặng bình minh. Khi chúng tôi đi vào trung tâm thành phố, Glen hỏi xem tôi đã nghĩ được điều gì để hỏi Axel-Nilsson chưa.

“Vẫn chưa”, tôi trả lời. “Tôi nghĩ, kỳ vọng tốt nhất của chúng ta là cứ để ông ấy nói và như vậy ông ấy sẽ trả lời những câu hỏi của chính mình”.

“Tôi thực sự rất lo lắng”, Glen nói. “Chúng ta gần như đã lộ diện là hai thằng hề đến từ California như Axel-Nilsson vẫn từng nghĩ”.

“Tôi hiểu ý cậu”, tôi đáp lời. “Tôi cảm thấy mọi chuyện cũng sắp sáng tỏ. Lúc này đây đầu óc tôi trống rỗng – mấy hôm vừa qua căng thẳng quá!”

Chúng tôi tới viện bảo tàng ngay trước 9 giờ sáng. Axel-Nilsson mời chúng tôi vào văn phòng của ông. “Các vị có muốn dùng cà phê không?” ông ấy hỏi.

Chúng tôi nói vài câu chuyện nhỏ. Axel-Nilsson nói rằng ông ấy kính phục hai người California có đủ dũng khí – có lẽ là do thiếu những giới hạn về tầng lớp xã hội – đã làm việc với những người Xô Viết mà không có sự giới thiệu đầy đủ. Khi xem triển lãm ở Phần Lan, ông đã được một người Phần Lan có các mối quan hệ rộng rãi với Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô, giới thiệu với những người Xô Viết.

Rồi nét mặt Axel-Nilsson đột nhiên trở nên nghiêm nghị. Ông giữ dáng vẻ quan trọng, nhìn bằng một mắt, hơi nhoài người về phía trước. Ông nói, “Điều đầu tiên các anh nên biết về triển lãm này là những cổ vật ở đây vô cùng đặc biệt. Chẳng hạn, chiếc quần đi ngựa Hunnic khai quật được ở Mông Cổ đã gần hai ngàn năm tuổi. Chúng vô cùng mỏng manh. Nếu chúng tôi có những thứ như vậy ở Thụy Điển, chúng tôi sẽ chẳng bao giờ cho chúng ra khỏi biên giới nước mình!”

Trước khi chúng tôi kịp hiểu ra thì Axel-Nilsson đã kể lại ai là đầu mối liên lạc của ông ở Phần Lan và ở Liên Xô, trong phái đoàn Xô Viết ai thích uống rượu và thích loại rượu nào, nghị định thư

đã được thương thảo như thế nào, mức bảo hiểm của triển lãm là bao nhiêu, nó được đóng gói ở Leningrad và được chuyển bằng xe tải qua Phần Lan vào Thụy Điển như thế nào, phải trả cho các vị khách Xô Viết bao nhiêu tiền một ngày, ông ấy phải đưa phiếu ăn cho những người Xô Viết vì lo lắng cho sức khỏe của họ (những người Xô Viết thường tiết kiệm từng đồng lẻ để mua đồ đặc mang về), và vân vân, và vân vân, và vân vân – ông ấy trình bày công việc triển lãm một cách chi tiết trong vòng hai tiếng đồng hồ!

Cuối cùng, Axel-Nilsson có một câu hỏi cho chúng tôi: “Vì sao các anh làm việc này?”

Tôi chẳng nghĩ được điều gì khác ngoài việc nói với ông ấy sự thật – sự đam mê Tuva của chúng tôi, Feynman đã trao đổi thư với Vainshtein như thế nào, và Glen và tôi đã biết về cuộc triển lãm ở căn hộ của Vainshtein ra sao. “Bây giờ đây, kế hoạch của chúng tôi là tìm một bảo tàng ở Mỹ đứng ra tổ chức triển lãm. Sau đó chúng tôi sẽ đến thăm Tuva như những thành viên của bảo tàng đó”, tôi nói.

“Điều đó thật thú vị”, Axel-Nilsson đáp lời. “Đam mê của tôi là các kiểu chữ. Một trong những bộ sưu tập Gothic tuyệt nhất là ở đây, tại Thụy Điển, bởi vì hầu như toàn bộ kiểu Gothic ở Đức đã bị phá hủy trong chiến tranh. Nhưng Viện Smithsonian còn có một bộ sưu tập tốt hơn nữa – một trong những bộ tuyệt vời nhất thế giới. Thực ra, tôi sẽ biết ơn nếu các anh có thể giới thiệu tên tôi với người quản lý những bộ sưu tập kiểu chữ ấy khi các anh nói chuyện với Viện Smithsonian về việc mang triển lãm sang đó”.

Tôi ráng giữ một vẻ mặt nghiêm trang khi tưởng tượng niềm vui thích của Richard về cái viễn cảnh, hai tên hổ từ California đang lo liệu cho vị giám đốc bảo tàng Thụy Điển một lối vào Viện Smithsonian.

Khi tới giờ ăn trưa, chúng tôi đi bộ sang một nhà hàng gần đó qua làn gió lành lạnh nhưng thật dễ chịu, và tiếp tục chuyện trò. Chuyển sang những chuyện riêng tư: Axel-Nilsson đã được cử tới để chạy chữa cho cái Bảo tàng Lịch sử Göteborg ốm yếu này; cuộc triển lãm nhằm mục đích nâng cao sự quan tâm của công chúng cũng như tiền đầu tư của chính phủ. Ông tâm sự về những vấn đề sức khỏe (đau phần lưng dưới) cũng như cuộc sống gia đình hạnh phúc của mình. Ông mời chúng tôi tới dùng bữa tối cùng những người Xô Viết ở căn hộ của ông vào cuối tuần đó và gặp vợ cùng các con của ông.

Khi chúng tôi quay lại bảo tàng, Axel-Nilsson đã cung cấp cho chúng tôi thêm nhiều thông tin. Tôi ghi chép lại nhanh nhất có thể, nhưng tôi chẳng thể suy ngẫm gì. Tôi cảm thấy mình như một con tàu vũ trụ thu thập hàng núi số liệu khi bay qua một hành tinh – thông tin sẽ cần được phân tích và chuyển hóa sau đó.

Axel-Nilsson đã chụp cho chúng tôi một bản copy của nghị định thư giữa Bảo tàng Lịch sử Göteborg và Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô để mang về Los Angeles. Ông cũng chụp tất cả các tấm danh thiếp mà ông đã thu thập được trong quá trình tổ chức cuộc triển lãm, và cuối cùng ông đưa cho chúng tôi cả chục cuốn catalog. Chừng kết thúc, ông thậm chí đã sẵn sàng giúp chúng tôi trao đổi thư từ với Moscow qua đường ngoại giao Thụy Điển.

Lúc ấy đã là 4 giờ chiều. Chúng tôi cảm ơn Axel-Nilsson vì tất cả những sự giúp đỡ của ông và rời đi cùng giấy tờ và các catalog đựng trong những túi nhựa được làm riêng cho triển lãm.

Chúng tôi đi bộ qua trung tâm thành phố trong trạng thái bàng hoàng, không biết nói gì với nhau – đơn giản là có quá nhiều thông tin xoáy cuộn trong đầu.

Cuối cùng, tôi nói, “Này, Glen: đây là một ý nghĩ lạ lùng, và tôi không muốn cậu hiểu nhầm tôi. Nhưng từ tất cả các chi tiết mà Axel-Nilsson cho chúng ta về cuộc triển lãm – thu xếp thế nào để có cuộc triển lãm, vận chuyển nó ra sao, và vân vân – nếu như chúng ta là những kẻ lừa đảo, chúng ta có thể thắng trong một vụ cướp thế kỷ!”

“Tôi cũng nghĩ như thế”, Glen nói. “Nhưng chúng ta có lẽ không biết cảnh sát siêu tới mức nào”, (Thực ra, chúng tôi cũng chẳng biết Bảo tàng Lịch sử Göteborg tốt xấu ra sao: họ đã tiến hành kiểm tra cơ bản chúng tôi rồi.)

Khi chúng tôi về đến nhà Mats, tôi gọi điện cho Phoebe Kwan ở Pasadena – Phoebe giờ đã là vợ chưa cưới của tôi – để kể với cô ấy về tiến triển quan trọng của chúng tôi, và nhờ cô ấy chuyển tiếp tin này cho Tù trưởng, ông đang ở Washington tham gia Ủy ban Rogers. Tôi cũng gọi cho Christopher Sykes ở London. Sykes đã từng thực hiện một cuộc phỏng vấn tuyệt vời với Richard dưới tiêu đề “Niềm vui khám phá”. Cuộc phỏng vấn này đã được trình chiếu trên “Nova” vài năm trước. (Và xuất bản thành sách, xem bản dịch “Niềm vui khám phá” – NXB Trẻ 2009.) Anh ta biết về sự đam mê Tuva của chúng tôi, và đang có ý định làm một bộ phim về chuyện này. “Triển lãm rất tuyệt vời”, tôi nói. “Và chúng tôi đang bận rộn thương thảo với những người Xô Viết và Thụy Điển. Anh nên đến đây và tận mắt chứng kiến”.

Sykes trả lời, “Thật không may, tôi đang bận ở London, nhưng khoảng mười ngày nữa tôi sẽ đến Los Angeles”.

“Vậy thì tôi sẽ kể với anh mọi chuyện ở nhà Feynman”, tôi đáp lời, một lần nữa lại mời khách đến nhà người khác.

Chúng tôi bật TV và xem bản tin tối. Có thông tin từ Washington D.C. về vụ điều tra tàu con thoi. Phóng viên đang đứng trên bậc lên

xuống phía trước tòa nhà Capitol. “Fone upp doh Naazaa ette sjalling pukoo Richard Feynman ek tunnet...” và đột nhiên có hình Tù trưởng, đang cầm trong tay một chiếc kẹp C nhỏ, giải thích gì đó. Với chúng tôi, đó là phần kem phủ trên chiếc bánh: rốt cuộc, chàng lính ngự lâm thứ ba của bộ ba Tuva đã bất ngờ xuất hiện ở Thụy Điển.

Sáng hôm sau, Phoebe gọi lại và nói rằng Tù trưởng muốn có ngay vài cuốn catalog. Cô ấy cho tôi số điện thoại của ông ở Washington và nói rằng, hãy gọi cho ông ấy vào lúc 6 giờ 30 sáng, giờ Washington.

Ở Bảo tàng, thư ký của Axel-Nilsson đã tìm được một dịch vụ chuyển giấy tờ quan trọng bằng đường hàng không và gửi đi bốn catalog. Sau đó, chúng tôi đến gặp những người Xô Viết trong cái “lều tròn” ám khói của họ.

Vainshtein muốn chiếu cho chúng tôi xem các tấm phim của ông về Tuva. Để đến được gian phòng có máy chiếu, chúng tôi phải đi bộ khoảng ba mươi giây ở bên ngoài, qua một cái sân. Vainshtein bọc mình rất kỹ – áo choàng, khăn quàng, và găng tay. Glen và tôi nghĩ rằng ba mươi giây ngoài trời chẳng thể giết được mình, ngay cả khi chúng tôi chỉ mặc mỗi áo phông. Nhưng theo cái cách Vainshtein nhắc nhở chúng tôi hãy quần mình cho ấm, chúng tôi có thể thấy rằng, chỉ việc nhìn chúng tôi không thôi cũng đã làm ông ấy ớn lạnh rồi. Chúng tôi không hiểu làm thế nào ông ấy sống qua được mùa đông ở Tuva.

Các tấm phim chiếu của Vainshtein quá bẩn; một số tấm đã bắt đầu đổi màu. Nhưng điều đó không làm mất đi nội dung thú vị của chúng, những thứ có trên các con tem bưu điện.

Ngay trước 12 giờ 30 chúng tôi ngưng chiếu các tấm phim để gọi điện cho Richard từ văn phòng của Axel-Nilsson. “Xin chào, Tù trưởng!” tôi nói. “Washington thế nào?”

“Cậu có biết mấy cái chuyện cười của dân tình về Washington ngớ ngẩn như thế nào không? Mà, người ta thậm chí còn chưa bắt đầu mô tả nó đấy”.

Tôi cười. “Tù trưởng, Glen và tôi thấy ông trên truyền hình Thụy Điển tối hôm qua. Ông là tin tức chính truyền đi từ Washington đấy, ông có tin được không? Thật tuyệt vời khi được nhìn thấy ông. Ông đang làm gì với cái kẹp C thế?”

“À, tôi chỉ làm một thí nghiệm nhỏ với miếng cao su lấy từ tên lửa. Tôi nhúng cao su vào nước lạnh và chỉ cho mọi người thấy rằng nó bị hư khi gặp lạnh như thế nào”. Tôi hơi nhận ra rằng, chính “thí nghiệm nhỏ” của Richard đã làm cho cuộc điều tra tàu con thoi trở nên công khai rộng rãi và cuối cùng chuyển Ủy ban Roger từ một thực thể ba phải thành một hội đồng các nhà điều tra đáng tin cậy.

“Tù trưởng, có một người ở đây đang muốn nói chuyện với ông”. Tôi đưa điện thoại cho Vainshtein.

“Grusse Professor Feynman. Wie geht es Ihnen?”

Feynman nói điều gì đó đáp lại. Vainshtein vô cùng hạnh phúc. Trong khi hai người đàn ông Do Thái hội thoại với nhau, tôi ngạc nhiên là Tù trưởng có thể sử dụng tiếng Đức trong một cuộc hội thoại dài như vậy mà không hề được báo trước vào lúc 6:30 sáng.

Khi nhận lại điện thoại tôi nói, “Này, Tù trưởng, tôi nghe nói ông muốn có vài cuốn catalog. Bảo tàng vừa gửi cho ông bốn cuốn bằng đường hàng không”.

“Rất tốt”, Richard nói. “Trong ủy ban có một anh chàng tên là Acheson<sup>1</sup>. Anh ta cũng ở trong ban giám đốc của Smithsonian”.

“Chà, ông đúng là đi thẳng vào việc!”

“Đúng thế, anh bạn!”

---

1. David Acheson, một luật sư có tiếng ở Washington

“À, vâng: khoảng mươi hôm nữa Chris Sykes sẽ có mặt ở California”.

“Chỉ cần nói khi nào, rồi tôi sẽ nói với ủy ban rằng tôi phải về Pasadena vì có việc thực sự quan trọng”, Richard nói. “Tuva hay là Võ mộng!”

Tôi mỉm cười. “Tuva hay là Võ mộng! Chúc may mắn, Tù trưởng, và giờ thì tạm biệt!”

Chúng tôi quay lại để chiếu nốt các tấm phim của Vainshtein. Tuva đúng như những gì chúng tôi hằng mơ tưởng, và còn hơn thế nữa. Phải tới Tuva, chúng tôi không thể đợi hơn được nữa. Tấm ảnh cuối cùng là của Vainshtein và vợ ông chụp ở đài kỷ niệm “Trung tâm châu Á” ở Kyzyl, bà đang giữ một tấm biển, trên đó viết bằng tiếng Nga, “Xin chào, Richard Feynman!”

“Xin hãy mang tấm ảnh này cho giáo sư Feynman”, Sevyan nói. “Và tấm này nữa”. Đó là một tấm hình của Vainshtein đang cầm cũng tấm biển ấy đứng bên ngoài một cái lều tròn.

Glen và tôi cùng Sevyan lại đi qua sân để về cái “lều tròn” của những người Xô Viết, ở đây câu chuyện về Tuva được tiếp tục. Trong khi những người khác uống trà, Vainshtein nói với tôi bằng *du* (đại từ xưng hô) thân mật trong tiếng Đức “Ralph, anh và tôi nên cùng viết một cuốn sách giới thiệu về Tuva, mà Glen là người dịch”.

“Đó là một ý tưởng tuyệt vời!” tôi đáp lời. “Feynman có thể là người chụp ảnh”. Tôi biết Tù trưởng sẽ học chụp ảnh một cách bài bản để chuẩn bị cho chuyến đi. Có nhiều kinh nghiệm về vẽ, ông ấy vốn đã là một họa sĩ điêu luyện.

“Anh cần tìm một nhà xuất bản ở Mỹ để liên hệ với hãng của chúng tôi, VAAP”, Vainshtein tư vấn. “Sau đó VAAP sẽ liên lạc với tôi và hỏi xem tôi có muốn cùng anh viết một cuốn sách về Tuva hay không. Tôi sẽ cân nhắc vấn đề trong một vài ngày và rồi, tất nhiên, sẽ nói là có”.



Sevyan Vainshtein cùng vợ và ông Salchak, một đồng nghiệp người Tuva, gửi lời chào từ đài kỷ niệm Trung tâm Châu Á ở Tuva, chiếc chén Thánh của chúng tôi. (Được sự cho phép của Sevyan Vainshtein.)

“Tôi sẽ cố gắng xem liệu mình có thể làm được gì”, tôi nói. “Trước mắt, chúng ta nên cùng nhau phác thảo cuốn sách trong khi tôi còn ở đây, tại Thụy Điển, như thế khi quay về Mỹ tôi có thể trình với nhà xuất bản một cái gì đó”.

“Ta sẽ làm việc này vào sáng ngày mai”, Vainshtein đề xuất.

“Tốt, tối nay tôi sẽ làm một đề cương theo ý của mình”.

Rồi tôi nảy ra một ý tưởng khác, liên quan tới Christopher Sykes. “Tôi cho là cuộc triển lãm sẽ thú vị hơn nếu có tư liệu video đi kèm”, tôi nói. “Chúng tôi có một người bạn, anh ấy làm phim cho BBC. Có lẽ anh ấy có thể đi Tuva cùng chúng ta và quay phim mấy điểm khảo cổ”.

Basilov tham gia vào câu chuyện và nói. “Tư liệu video như vậy sẽ rất có ích và thú vị. Nhưng tôi có một lời khuyên nhỏ: người bạn của anh không thể tham gia như một phóng viên của BBC. Nếu không thì truyền thông của Xô Viết sẽ can thiệp vào, và họ sẽ cản người đại diện đi kèm các anh ở mọi lúc mọi nơi. Tốt nhất là, bạn của anh sẽ tham gia như một thành viên của đoàn bảo tàng. Theo cách này thì Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô có thể giải quyết toàn bộ vấn đề theo đúng nghị định thư”.

Khi Glen và tôi chuẩn bị ra về, tôi cam đoan với Vainshtein và Basilov rằng cả hai ý tưởng sẽ được thực thi ngay lập tức. “Dù sao, chúng tôi đã thử nhiều cách để đến được Tuva – và tới giờ tất cả đều thất bại!”

Sáng thứ Năm, tôi đến bảo tàng để trao đổi với Vainshtein về đề cương của cuốn sách trong khi Glen thư giãn ở nhà Mats. Các đề cương của chúng tôi về Tuva khá giống nhau, nhẹ cả người. Điểm khác nhau đáng kể duy nhất là Vainshtein đề xuất một lời mở đầu với tiêu đề “Hãy làm quen với nhau”, trong đó ông sẽ giới

thiệu bản thân mình và kể về việc ông đã trở nên quan tâm tới Tuva như thế nào: cũng như Richard, khi còn nhỏ Sevyan đã thu thập tem; nhiều năm về sau, ông cũng tự hỏi, “Điều gì đã xảy ra với Tannu Tuva?” Sau khi hoàn thành việc học chuyên ngành dân tộc học (sau một thời gian ngắn học vật lý), Vainshtein có một lựa chọn: trở thành một con cá nhỏ trong cái ao lớn (nhân viên của một bảo tàng ở Moscow hay Kiev), hoặc một con cá lớn trong cái ao nhỏ (giám đốc của một bảo tàng ở Kyzyl). Ông đã chọn vùng đất của bộ sưu tập tem thời thơ ấu của mình để bắt đầu công việc – vùng đất vừa mới được kết nạp vào nhóm các quốc gia mang tên Liên bang Xô Viết.

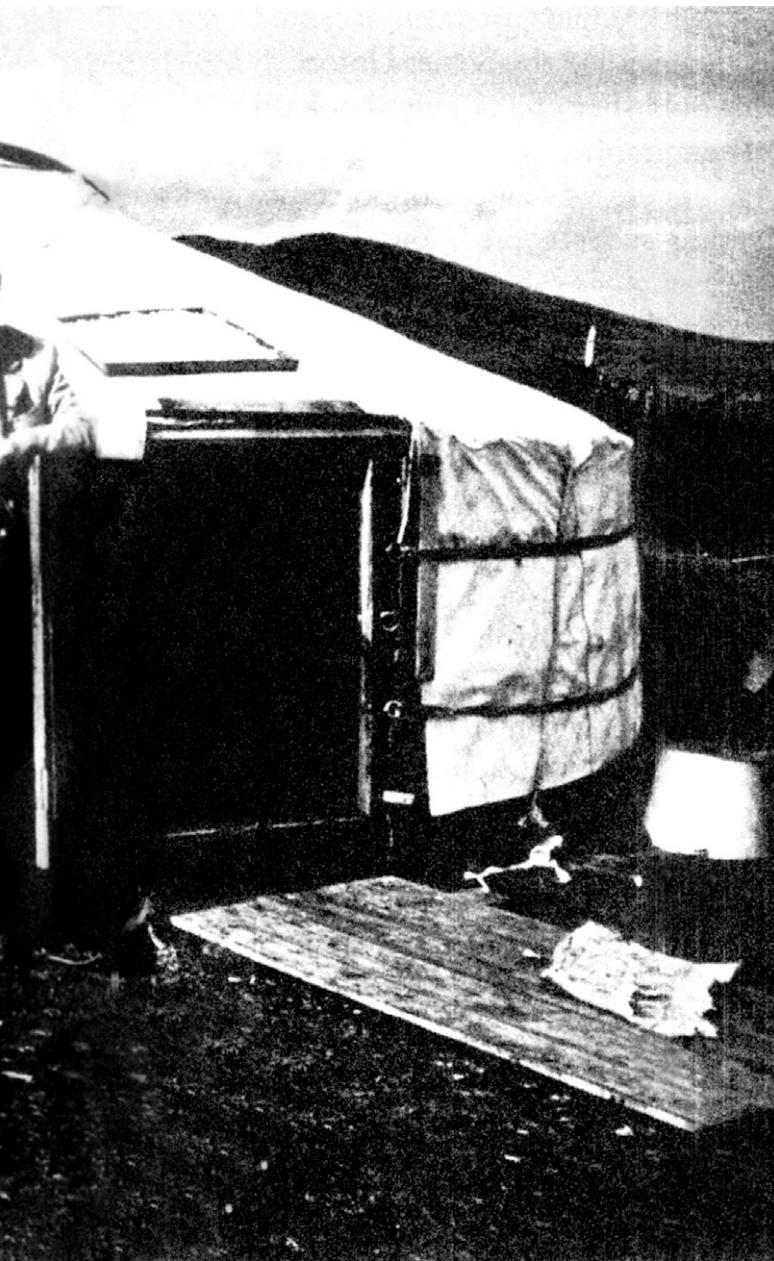
Tất nhiên, bất kỳ nhà xuất bản tiềm năng nào của một cuốn sách giới thiệu về Tuva cũng sẽ muốn nhìn thấy các bức ảnh, và ở Göteborg – quê hương của những chiếc máy ảnh Hasselblad – có dư cơ hội để copy những tấm phim chiếu quyến rũ của Vainshtein. Nhưng tôi đã không hề nghĩ đến việc đó.

Chúng tôi không kịp kết thúc việc xem xét để cương cuốn sách trước khi Vainshtein buộc phải xin lỗi để tham gia bữa ăn trưa và chuyến khám phá trung tâm thương mại do hội đồng thành phố địa phương tổ chức cho những người Xô Viết. Ông mời tôi quay lại Bảo tàng lúc 6 giờ chiều, như thế chúng tôi có thể cùng tới dự bữa tối mà Axel-Nilsson dành để đón “các vị khách Xô Viết và phái đoàn Mỹ” tại nhà mình.

Tiếc là, Glen không thể tham dự buổi tối hôm đó ở nhà Axel-Nilsson (đó là tối duy nhất mà cô em họ xinh đẹp – họ hàng xa – có thể mời cậu ấy ăn tối), nên tôi đã đi một mình tới Bảo tàng vào giờ hẹn để gặp những người Xô Viết. Tôi ăn mặc khá nhẹ nhàng (quần một lớp, tất một lớp, và một đôi giày dạ hội không vừa chân lắm),



188 - RICHARD FEYNMAN



Sevyan  
Vainshtein  
cùng vợ,  
Alla, đứng  
bên ngoài cái  
khách sạn  
trong mơ của  
chúng tôi ở  
Tuva (Được  
sự cho phép  
của Sevyan  
Vainshtein.)

nghĩ rằng chúng tôi sẽ đi taxi hoặc tàu điện tới nhà Axel-Nilsson. Vì thế tôi đã ngạc nhiên khi thấy Basilov lấy ra một tấm bản đồ thành phố và dẫn chúng tôi trong gần một tiếng đồng hồ qua những con phố hẹp của trung tâm Göteborg – luôn nghe thấy tiếng tàu điện thành phố gần đâu đó, mà vé tàu thì quá rẻ tới mức tôi đã đề nghị được trả cho mọi người. Thủ trưởng của “Phái đoàn Xô Viết” từ chối một cách khéo léo, nhắc tới những lợi ích về mặt sức khỏe của việc đi bộ.

Khi chúng tôi đến nhà Axel-Nilsson, Christian giới thiệu chúng tôi với vợ ông, Helene, và hai con còn nhỏ của họ, Basilov rất yêu quý và chơi với các cháu một cách âu yếm. Trước khi chúng tôi dùng bữa, Vainshtein kể lại một trong những giai thoại của Hoja Nasr Ad-Din Avanti, một người đàn ông thông thái Trung Á thời trung cổ: “Một người đàn ông nghèo, đi qua một quán ăn đang nấu cơm thập cẩm với đủ các gia vị, nhưng chỉ có đủ tiền để ăn bánh mì. Để ‘làm phong phú’ thêm cho bữa ăn của mình ông đứng ở cửa quán ăn, cắn cái bánh mì của mình, và hít hương vị thơm ngon của cơm thập cẩm”.

“Tôi đã nghe một câu chuyện tương tự do vợ chưa cưới của tôi kể”, tôi nói. “Một người đàn ông nghèo ở Trung Quốc chỉ có đủ tiền để ăn cơm không; để ‘làm phong phú’ thêm cho bữa ăn của mình ông ấy hít cái mùi dễ chịu bay ra từ nhà bếp”.

“Đó là cùng một câu chuyện”. Vainshtein tiếp lời. “Người chủ tham lam mang người đàn ông nghèo đến trước một giáo sĩ hồi giáo và đòi người đàn ông này phải trả tiền cho ‘dịch vụ’ làm phong phú thêm bữa ăn của mình. Giáo sĩ phán rằng người đàn ông nghèo phải trả – bằng âm thanh của các đồng xu va vào nhau xứng xêng”.

Câu chuyện này là một ví dụ hoàn hảo về cách thức Con đường Tơ lụa chuyên chở không chỉ hàng hóa, mà cả tư tưởng và văn hóa. Vainshtein nhận xét, “Vậy là, Con đường Tơ lụa đã kéo dài tới Mỹ”.

“Từ cả hai đầu”, tôi phụ thêm, lưu ý rằng tôi đã nghe một phiên bản của câu chuyện qua đường Trung Quốc, và phiên bản kia qua đường châu Âu.

Đã tới giờ ăn tối. Chúng tôi ngồi quanh cái bàn trong căn bếp ấm cúng của Axel-Nilsson. Trong khi những người Moscow và người Mỹ chỉ nhấp nhẹ những cái cốc của mình để tôn trọng sáng kiến mới đây của Mikhail Gorbachev nhằm kiểm soát tình trạng nghiện rượu, thì người Siberia và người Thụy Điển uống vodka của họ theo phong cách cổ truyền: họ cạn chén. Lần nâng cốc ấn tượng nhất là của chính Axel-Nilsson. Ông nâng cốc vì Philip Johan von Strahlenberg, một người Thụy Điển đã bị Peter Đại Đế đẩy đi Siberia vào đầu thế kỷ 18. Strahlenberg đã hành xử tốt nhất có thể trong hoàn cảnh không may mắn của mình bằng cách nghiên cứu khảo cổ học của miền nam Siberia. Ông đã phát hiện ra những ký tự chạm khắc gợi ông nhớ tới những chữ run Nordic của Scandinavia. “Vì Strahlenberg – và vì sẽ không còn tù chính trị nữa!” Axel-Nilsson tuyên bố một cách cương quyết.

Những người Xô Viết lặng lẽ nâng cốc một cách tôn trọng.

Sau bữa tối, chúng tôi tản sang một phòng khách nhỏ với nhiều sách và cổ vật. Khi đã khá muộn, Axel-Nilsson không dám lái xe đưa chúng tôi về – ở Thụy Điển luật cấm lái xe sau khi uống rượu rất nghiêm – nên ông đã gọi taxi. Không có xe nào tới được trong vòng ít nhất một giờ. (Họ đang bận đưa các gã say rượu khác về nhà.) Tàu điện đã ngừng hoạt động vào nửa đêm, nên những sự lựa chọn còn lại chỉ là chờ hoặc là...

Basilov khăng khăng rằng “Phái đoàn Xô Viết” thích được đi bộ ba dặm về khách sạn của họ: đêm đó khá ấm theo chuẩn mực của người Nga – khoảng 25°F. Dù ăn mặc hợp với 25°C hơn là 25°F, tôi vẫn cứ là “Phái đoàn Mỹ”, nên tôi không thể yếu đuối được.

Chúng tôi cuốc bộ hết quãng đường tới khách sạn *Three Crowns* mất chưa đầy một giờ. Đôi chân lạnh cóng của tôi đã chẳng còn nhớ gì đến đôi giày không vừa lấm. Tôi chạy lóc cốc thêm một dặm nữa tới nhà Mats, đến nơi tôi vùi mình vào giường và cố gắng làm ấm hai bàn tay lạnh cóng giữa hai đầu gối ấm ướt của mình.

Thứ Sáu là ngày cuối cùng của chúng tôi ở Göteborg. Vào cuối buổi sáng, tôi cùng Vainshtein hoàn tất việc xem lại toàn bộ đề cương của cuốn sách về Tuva. Sau đó tôi đi ăn trưa cùng Glen, và buổi chiều chúng tôi đi xem Bảo tàng Lịch sử Göteborg lần cuối. Basilov lật đật chạy quanh, dán những tờ chú thích được in vội vàng vào sát ngay cạnh các hộp bảo tàng. “Công chúng Thụy Điển rất thích buổi triển lãm này nên họ hỏi suốt”, anh ta nói.

Chúng tôi tạt vào chỗ Axel-Nilsson và cảm ơn ông về tất cả sự giúp đỡ. Ông ấy hứa sẽ gửi cho chúng tôi ảnh của các hộp bảo tàng, cho thấy cách sắp xếp của những hiện vật ở bên trong. Chúng tôi rẽ qua cái “lều tròn” của những người Xô Viết để chào tạm biệt Lamin, Kurylov và Vainshtein, ông ấy một lần nữa gửi lời hỏi thăm tới Feynman.

Chúng tôi đi tàu hỏa quay lại Bochum, ở đây chúng tôi báo cáo các kết quả “thương thảo” của mình với Alan và Linda. Ngày thứ Ba, Glen và tôi khám phá Bruges, và thứ Tư chúng tôi bay về San Francisco trên chuyến bay 99 đôla. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên, cùng hôm đó Tù trưởng cũng từ Washington quay về nhà để nghỉ ngơi.

Chris Sykes đã có mặt trong thành phố. Hai hôm sau anh ấy và tôi tới nhà Feynman dùng bữa tối. Trong khi dùng bữa, Tù trưởng kể dài dài về những trải nghiệm của ông với tư cách một ủy viên của Ủy ban điều tra. Ông kể lại rằng, ông đã ở lại Florida thêm vài ngày để nói chuyện với các kỹ sư như thế nào – cho dù Chủ

tịch Rogers không đồng ý – chỉ để bảo vệ ngài Chủ tịch trong buổi điều trần ở Thượng viện. “Thượng nghị sĩ Hollings đang làm khó ông Rogers về ủy ban của ông ấy. Thượng nghị sĩ nói, ‘Cái dở của các ủy ban thuộc quyền tổng thống là, họ xem xét cái mà họ được cung cấp, và họ không xem phía sau của nó ... Từ kinh nghiệm bản thân, tôi muốn là, bốn hoặc năm thám tử hãy xuống Canaveral, đi loanh quanh nói chuyện với mọi người, ăn trưa với họ. Các ngài sẽ ngạc nhiên về những điều phát hiện ra khi các ngài ăn ở mấy nhà hàng quanh đó trong vòng hai hay ba tuần lễ. Các ngài không thể chỉ ngồi và đọc những gì người ta đưa cho.’” Tù trưởng tiếp tục, “Ông Rogers đã có cơ sở để nói, ‘Thực ra, một trong những ủy viên của chúng tôi hôm nay đây đang ở Canaveral, làm đúng những việc đó!’”

Sau bữa tối tôi kể lại những điểm chính trong chuyến đi của chúng tôi tới Thụy Điển và đưa cho mọi người xem bức thư, được thảo bởi cả hai bên “Xô Viết và Mỹ” ở Göteborg, mà Richard sẽ gửi cho Viện sĩ Alexandrov.

“Được đấy”, Tù trưởng nói. “Tôi sẽ mang bức thư tới Caltech để thư ký đánh máy và gửi đi ngay”.

Sau đó tôi lấy ra lá thư mà tôi đã thảo để gửi đến những bảo tàng chủ nhà tiềm năng. Cả Sykes và Tù trưởng đều cho rằng, lá thư mang phong cách quá biện giải. “Cậu là một chuyên gia, anh bạn!” Richard nói. “Cậu biết về cuộc triển lãm ấy hơn bất kỳ ai ở đất nước này: cậu biết tất cả những người liên quan, làm thế nào để tổ chức được nó, tổn bao nhiêu tiền; cậu phải tự tin hơn. Cậu nên viết lại hoàn toàn lá thư này”.

Chúng tôi đề ra các điểm nội dung cho lá thư mới của tôi, và rồi bàn xem trước tiên nên tiếp cận những bảo tàng nào. “Vì tôi

mới quen biết ông Acheson, có chân trong ban Giám đốc của viện Smithsonian, tôi sẽ lo vụ đó”, Tù trưởng nói.

“Tôi sẽ bắt đầu ngay ở đây tại Pasadena, với bảo tàng Châu Á Thái Bình Dương”, tôi đáp lời.

Sau một vài ngày điều tra qua điện thoại, tôi biết được rằng bảo tàng châu Á Thái Bình Dương không có tiền cho một triển lãm nhiều tham vọng như vậy. Tiếp theo trong danh sách của tôi là Bảo tàng Nghệ thuật hạt Los Angeles.

“Đây có phải là loại tác phẩm nghệ thuật có thể treo lên tường không?” người đàn ông hỏi.

“Không, đây là hiện vật”.

“Chúng tôi hiếm khi làm triển làm kiểu đó”, ông ấy nói. “Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên có lẽ sẽ phù hợp hơn”.

Tôi gọi cho Bảo tàng Lịch sử Tự Nhiên và cuối cùng cũng thành công trong việc đặt một cuộc hẹn vào tuần đầu của tháng Ba.

Vào ngày cuối cùng của tháng Hai, Thụy Điển đột nhiên xuất hiện trong bản tin: Thủ tướng Olaf Palme, rời nhà hát cùng với vợ và đi bộ trên phố như một người dân thường, không có cảnh vệ, đã bị giết bởi một tay súng và hắn đã biến mất vào đêm tối. Mặc dù Glen và tôi đã trải nghiệm nhiều điều thú vị ở Göteborg, chúng tôi cũng đã thụ hưởng cảm giác yên bình và tự tại của một đất nước Bắc Âu trung lập. Vụ sát hại thủ tướng Palme làm tôi nhớ tới ngày 22 tháng Mười một năm 1963<sup>1</sup>: trong một tích tắc, một đất nước mất đi sự trong trắng của mình.

---

1. Ngày John Kennedy, tổng thống thứ 35 của Mỹ, bị ám sát - ND

Vào ngày 5 tháng Ba, tôi đi đến Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên và gặp tiến TS. Peter Keller, phó giám đốc về các chương trình Cộng đồng và Jim Olson, trưởng ban Triển lãm. Khi họ lật xem từng trang cuốn catalog Thụy Điển, tôi định giải thích, vì sao cuốn catalog này chưa thực sự thể hiện được giá trị lớn lao của triển lãm – nhưng rồi tôi kịp dừng lại: ĐÙNG BIỆN GIẢI! THỂ HIỆN SỰ TƯ TIN!

TS. Keller hỏi về lệ phí tham gia triển lãm.

Tôi chưa bao giờ nghe về điều này, mà chỉ đoán chừng đó là gì thôi. “Không mất phí”, tôi bình thản nói.

“Không? Ý anh là triển lãm này miễn phí?” TS. Keller hỏi một cách hoài nghi.

Tôi mở tập hồ sơ của mình. “Đây là bản copy của nghị định thư giữa Liên Xô và Thụy Điển. Các anh phải trả cho các chuyên gia Xô Viết tính theo ngày, nhưng các anh không phải trả gì trực tiếp cho các bảo tàng hoặc cho Viện hàn lâm Khoa học”.

Keller và Olson chưa bao giờ nghe thấy một cách tổ chức như vậy – nhưng điều đó không làm họ bối rối.

“Thế, phí trả cho công mối lái của anh là bao nhiêu?” TS. Keller hỏi.

Tôi cũng chưa bao giờ nghe về phí mối lái, mà chỉ đoán đó là gì thôi. “Không chút nào”, tôi nói một cách tự nhiên.

“Vậy thì anh được gì trong vụ này?” Olson hỏi. “Vì sao anh lại làm việc này?”

Tôi đã cố gắng kể vắn tắt nhất có thể về câu chuyện Tuva.

“Tôi hiểu một cách chính xác câu chuyện của anh”, Olson nói. “Chuyện của tôi là Madagascar”.

TS. Keller hỏi, “Tuva cách vùng núi Altai bao xa?”

“Tuva ở cách một dãy núi nữa về phía đông”, tôi nói.

“Một trong những ước mơ của tôi là đến được Altai”, TS. Keller nói, ông có bằng tiến sĩ về Địa lý.

Tôi đang ở giữa những người bạn.

Keller nói, “Tôi sẽ lo việc này với giám đốc của chúng tôi. Chắc là sẽ không có vấn đề gì”. Chúng tôi bắt tay nhau.

Khi rời bảo tàng, tôi tự nhủ: “Mình không thể tin được – thật quá dễ dàng!” Tôi hát thầm một giai điệu quen thuộc nhưng với ca từ khác. “Tannu Tuva, chúng tôi tới đây!”



## Hiệp ước Keller

Giám đốc Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên, TS. Craig Black, đã phê duyệt ngay.

Trong dịp đó, sao chổi Halley đang xuất hiện ở góc quan sát của chúng ta trong hệ mặt trời, nên tôi và Phoebe đi Nam Mỹ để xem nó. Báo chí Brazil gọi sao chổi mờ mờ với cái đuôi trải rộng là “uma farca”. Tôi đồng ý là, vào tháng Hai, tầm nhìn từ những ngọn núi địa phương và các sa mạc gần Los Angeles tốt hơn rất nhiều. Nhưng, bầu trời đêm ở Nam Bán cầu thật lộng lẫy, nhất là những đám mây Magellan (các thiên hà đồng hành với thiên hà của chúng ta, Ngân Hà). Năm tuần sau, ngay sau khi Ronald Reagan ra lệnh ném bom Lybia để trả đũa cho vụ tấn công do Syria đứng đằng sau tại một quán bar ở Berlin, chúng tôi quay lại Los Angeles giữa lúc an ninh hàng không thắt chặt hết sức nghiêm ngặt.

Chưa có câu trả lời của Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô cho bức thư của Tù trưởng, gửi từ sáu tuần trước. Tôi trao đổi chuyện này với Glen, cậu ấy trấn an tôi rằng, việc những người Xô Viết không trả lời thư chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả (!). Sau đó tôi gọi điện cho Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên và đề nghị TS. Black cũng gửi thư cho Alexandrov và Kapitsa, phòng trường hợp các vị này cho rằng Richard Feynman không phải là đối tác phù hợp với họ. Tôi cũng thực thi kế hoạch do Vainshtein đưa ra ở Thụy Điển, và thuyết phục W.W. Norton gửi một bức điện cho VAAP để xuất một cuốn sách giới thiệu về Tuva.

Vào cuối tháng Tư và đầu tháng Năm, một đám mây bí hiểm đã làm cho toàn bộ các máy đếm Geiger<sup>1</sup> trên khắp châu Âu bật rung lên. Trẻ em ở Ba Lan được phát iốt. Hàng loạt tuần lộc ở Lapland chết sau khi ăn phải rêu đầm mưa phóng xạ. Cả thế giới biết tên một ngôi làng nhỏ của Ukraine gần biên giới Byelorussia: Chernobyl. Với một thảm họa như vậy đang xảy ra ở Liên Xô, cơ hội nhận được thư trả lời từ Viện hàn lâm Khoa học quả thật là rất thấp.

Nhưng Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên có một con át chủ bài dự trữ: Sylvan Marshall, một luật sư rất nổi tiếng ở Washington D.C., người đại diện cho Liên Xô ở các tòa án Mỹ. Marshall đã trao đổi với đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Liên Xô về sự quan tâm của Bảo tàng tới cuộc triển lãm. Ông đã nhờ được những người bạn ở đại sứ quán Liên Xô chuyển bức thư của TS. Black tới Viện Hàn lâm Khoa học bằng đường ngoại giao.

Richard kết thúc công việc của mình ở Ủy ban Rogers vào tháng Sáu. Ông trông mệt mỏi và hốc hác. Hóa ra, ông đã phải chịu rất

---

1. Một loại máy đo cường độ phóng xạ – ND

nhiều áp lực yêu cầu phải chấp nhận “đề xuất thứ mười”, đã được bịa ra sau khi hội đồng hoãn phiên họp chính thức cuối cùng. Feynman từ chối bị thúc ép và từ chối ký vào bản báo cáo cho đến khi đề xuất ấy bị loại bỏ. Ủy ban Rogers được khen ngợi từ nhiều phía vì sự trung thực của nó và vì đã đặt ra chuẩn mực mới cho các hội đồng của tổng thống. Một lần nữa Richard lại thành công trong việc làm cho Rogers dường như rất được, mặc dù ông đã làm trái với ý muốn của ngài Chủ tịch. Richard, người hùng thực sự của công chúng, giờ đây muốn quay về cuộc sống ẩn dật càng nhanh càng tốt và hồi phục lại sức khỏe sau cuộc trải nghiệm vất kiệt sức ấy.

Đến giữa tháng Sáu vẫn không có tin tức gì từ Moscow. Nên, cố gắng tiếp theo để liên lạc với cái lỗ đen bí hiểm kia là một bức điện tín.

Một lần nữa, im lặng.

Đầu tháng Bảy, tôi nhận được một cuộc gọi từ W.W. Norton: VAAP ủng hộ một cuốn sách giới thiệu về Tuva. VAAP yêu cầu Norton gửi một hợp đồng mẫu; Norton tỏ ra lo ngại. Không nản lòng, tôi tự viết cho VAAP và hỏi xem, liệu họ có thể lo visa cho phiên dịch, người chụp ảnh và tôi sang thăm Tuva.

Tôi viết cho Axel-Nilsson xin lời khuyên. Ông khuyên chúng tôi liên lạc với những người Xô Viết bằng telex, và cho số của Kapitsa. Một bất ngờ với chúng tôi là, Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên không có máy telex, nên Tù trưởng đã gửi từ Caltech một bức telex, hỏi xem Kapitsa đã nhận được thư và điện của chúng tôi chưa.

Kỳ diệu của các kỳ diệu, năm ngày sau câu trả lời đã đến:

VẤN ĐỀ ĐANG ĐƯỢC THẢO LUẬN, CÂU TRẢ LỜI CỦA CHÚNG  
TÔI SẼ CÓ TRONG TELEX TIẾP THEO.

Hai tuần sau, mẹ tôi gửi cho tôi một bài báo của tờ New Yorker về cuộc triển lãm các tác phẩm hội họa thuộc trường phái ấn tượng Pháp. Cuộc triển lãm này đang đến nước Mỹ theo hiệp ước văn hóa được Reagan và Gorbachev ký ở Geneva. Giám đốc Bảo tàng Nghệ thuật Quốc gia, J.Carter Brown, đã mô tả với một phóng viên làm thế nào để có được cuộc triển lãm này:

Nó bắt nguồn từ một chuyến đi của tôi vào năm 1983 tới Lugano, Thụy Sĩ, và tới Villa Favorita, một biệt thự và bảo tàng dưới sự bảo trì của Nam Tước Heinrich Thyssen-Bornemisza. Chúng tôi biết ngài Nam Tước khá rõ. Ông ở trong Hội đồng Quản trị của chúng tôi và có một bộ sưu tập tuyệt vời... Vào năm 1980, chẳng hạn trong thời gian tẩy chay Thể vận hội tiếp sau cuộc xâm lược Afghanistan, đã không có được cơ hội trao đổi tranh. Nhưng vào năm 1983, mọi người đều có vẻ ủng hộ việc này. Thư ký Shultz; Authur Hartman, Đại sứ của chúng ta ở Liên Xô; Charles Wick, người đứng đầu Hãng Thông tấn Mỹ – tất cả họ đều ủng hộ. Tôi tưởng là chúng tôi đã sắp xếp xong, và quay lại đây tràn trề hy vọng.

Thế rồi, vào tháng Chín, chúng tôi nghe được tin về vụ rơi máy bay của hãng Korean Airlines, chuyến bay 007. Chúng tôi biết rằng hy vọng của mình cũng rơi cùng chiếc máy bay đó. Nhưng có một bản năng nào đó trong tôi vẫn đang hoạt động, và tôi hành xử cứ như cuộc triển lãm rồi cuối cùng vẫn cứ diễn ra... Với những việc loại này, thường thì tại cùng một thời điểm, góc độ chính trị vừa là có thể và không có thể. Trong loại thỏa thuận này, chính trị thực ra chỉ là một lần gieo súc sắc. Một người như Armand Hammer chẳng hạn, không bao giờ rời Liên Xô mà không có một hiệp ước đã được ký. Không rời đi chừng nào ông ta chưa có một tờ giấy trong tay mình. [Nhưng] Tôi đã đi trước và đã xây dựng những phòng trưng bày mà sáng nay các anh đã ở đó. Tôi có linh cảm rằng điều gì đó sẽ xảy ra,

và nó đã mang lại kết quả. Cho dù ban đầu, có một giai đoạn trì trệ. Mọi thứ đều *nyet* (tiếng Nga, nghĩa là *không*). Không một cơ hội. Tôi tự nhủ, Chúng ta sẽ phải đợi một hiệp ước văn hóa. Tôi có sự tự tin kỳ lạ là, một điều sẽ xuất hiện từ cuộc gặp thượng đỉnh – một hiệp ước văn hóa. Đó là cuộc gặp gỡ của những tâm trí. Khi cuối cùng hiệp ước đã được ký vào tháng Mười một năm 1985, chúng tôi đã sẵn sàng. Tất cả chúng tôi háo hức chuẩn bị. Các bức điện tín gửi đi gửi lại. Các nhân viên bảo tàng đi qua đi lại. Những người Xô Viết đồng ý gửi sang bốn mươi bức tranh trong tầm mươi ngày. Yêu cầu vận chuyển nhanh. Dù sao, chúng ta đang sống trong một thế giới thực, và chẳng ai biết sự hòa thuận này sẽ kéo dài bao lâu.

Tôi có thể thấy rằng mặc dù câu chuyện của chúng tôi khá giống nhau (cả hai cuộc triển lãm đều đã xuất hiện ở những bảo tàng địa phương của các nước châu Âu trung lập), những kẻ lảng tú chúng tôi rõ ràng là kém lợi thế hơn: Những người bạn của Tuva đang gắng mang sang từ Liên Xô số hiện vật nhiều gấp hai mươi lần, nhưng lại chỉ bằng một mối giao tiếp cấp cao ở Washington – vị luật sư nổi tiếng Sylvan Marshall.

Tới giờ một tháng đã trôi qua mà không có thêm tin gì từ Kapitsa.

Trong khi đó, cuộc triển lãm trường phái ấn tượng đã đến Los Angeles. Tôi đã đến để thưởng thức cả bốn mươi bức tranh, bổ sung thêm vốn văn hóa bằng cách thuê một bộ tai nghe và lắng nghe lời hướng dẫn đã được thu âm sẵn.

Vài ngày sau, một phái đoàn của Bộ Văn hóa Liên Xô đến thành phố. TS. Keller và bà Black đã đưa các vị khách tới thánh địa Disneyland. Keller kể rằng trong chuyến thám hiểm của họ tới vùng đất thần tiên mà Khrushchev chưa bao giờ nhìn thấy, tự những người Xô Viết chia sẻ rằng cuộc triển lãm về những người du mục

Âu-Á phản ánh các nền văn hóa của Liên Xô thích đáng hơn so với bộ sưu tập những bức tranh theo trường phái ấn tượng Pháp đang được trưng bày ở Los Angeles. Những người của Bộ hứa sẽ kiểm tra thực trạng của chuyện đó khi họ quay về Moscow.

Trước khi phái đoàn rời Mỹ, người phụ trách điện báo ở Caltech cho biết là có một tin nhắn từ Moscow gửi cho TS. Black:

ĐỂ THẢO LUẬN VỀ VIỆC TỔ CHỨC TRIỂN LÃM “NHỮNG NGƯỜI DU MỤC ÂU-Á” Ở MỸ, NÊN CÓ MỘT CUỘC GẶP MẶT Ở MOSCOW VÀO CUỐI THÁNG CHÍN ĐẦU THÁNG MƯỜI [STOP]  
ĐỂ NGHỊ XÁC NHẬN KHẢ NĂNG ĐẾN MOSCOW CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHO BẢO TÀNG BẰNG TIỀN CỦA HỌ VÀO THỜI GIAN ĐƯỢC NÊU TRÊN THEO ĐƯỜNG CÔNG VỤ [STOP]  
GIÁO SƯ KAPITSA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC USSR [STOP]

Cuối cùng, Liên Xô đã chấp nhận! Keller mất năm phút để nói đồng ý với cuộc triển lãm; những người Xô Viết mất năm tháng.

Vì TS. Black đi vắng, chẳng thể làm gì với bức telex này trong mười ngày. Rồi, Nicolas Daniloff, một phóng viên của tờ *U.S. News & World Report*, đã bị bắt giữ ở Moscow và đưa vào nhà tù Lubyanka của KGB vì bị buộc tội làm gián điệp. Như J. Carter Brown đã nói với tờ *New Yorker*, “không ai biết sự hòa thuận này sẽ kéo dài bao lâu”.

Dù vậy, viện bảo tàng vẫn bắt đầu lo liệu để TS. Keller và Sylvan Marshall có thể thăm Moscow vào đầu tháng Mười. (TS. Black không thể đi được vào dịp đó; ông có một chuyến đi khác đã lên kế hoạch từ trước.) Một vài ngày sau, chính phủ Mỹ cho phép Gennadi Zakarov, một gián điệp bị bắt ở New York, rời nước Mỹ. Daniloff cũng đã sớm được về nhà.

Richard và tôi chuẩn bị tư liệu cơ bản về những người đóng vai trò chính trong cuộc chơi ở Liên Xô, Thụy Điển và Phần Lan; chúng tôi đính kèm một bản copy của nghị định thư do Axel-Nilsson cung cấp, và đưa tất cả cho TS. Keller để phục vụ cho việc thương thảo của ông ấy.

Một ngày thứ Bảy của tháng Chín, Phoebe và tôi nhận được bức điện:

BOLSHOE SPASIBO ZA PRIGLASHENIE POLUCHIL POZDNO  
POZDRAVLIAIU S BRAKOSOCHEVANIEM JELAIU SCHASTIA  
BLAGOPOLUCHIIA V SEMEINOI JIZNI JDU PISMA.

DARYMA ONDAR.

Glen Cowan đang ở Pasadena nên tôi nhờ cậu ấy dịch giúp. Bức điện viết:

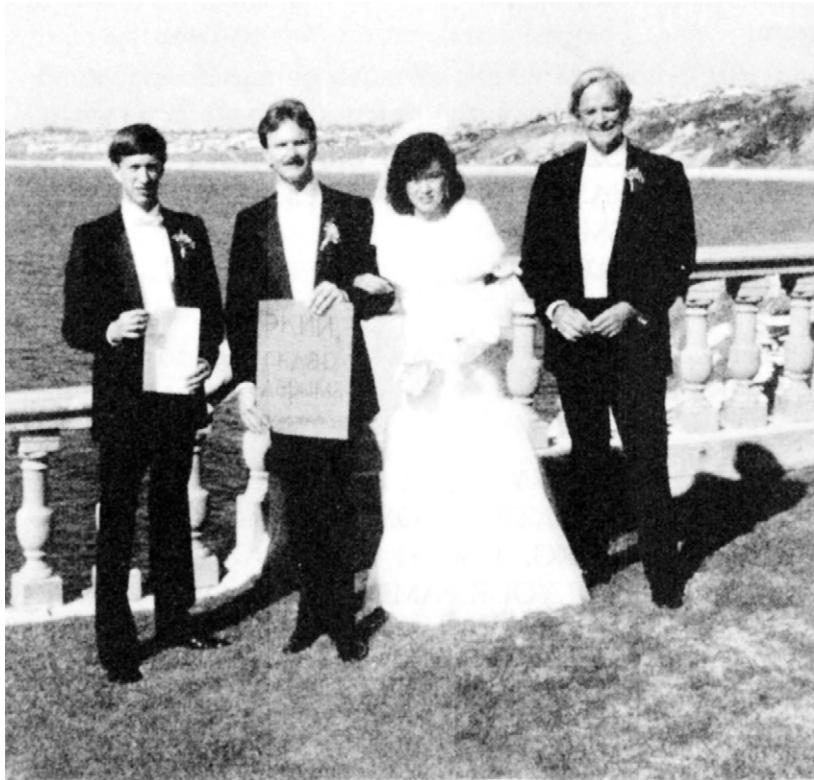
CẢM ƠN CÁC BẠN RẤT NHIỀU VỀ LỜI MỜI. TÔI ĐÃ NHẬN ĐƯỢC NÓ KHÁ MUỘN. TÔI CHÚC MỪNG CÁC BẠN NHÂN DỊP LỄ THÀNH HÔN. CHÚC CÁC BẠN HẠNH PHÚC VÀ AN LÀNH TRONG CUỘC SỐNG GIA ĐÌNH CỦA MÌNH. TÔI MONG THƯ CỦA CÁC BẠN.

ONDAR DARYMA.

Bức điện của Ondar là bức điện chúc mừng đến cuối cùng (và đó là đúng thời điểm nhất) trước khi Phoebe và tôi kết hôn. Trong lễ cưới của chúng tôi, Richard là phù rể chính, còn Alan, Glen và người bạn lặn hào huớc của tôi, Jeff Davis, là các phù rể phụ. (Vì lý do nào đó, tôi không thể thuyết phục được Phoebe nhảy khỏi cái

ván nhảy cùng với tôi để biểu tượng một cú nhảy của hai người vào cuộc sống gia đình.)

Ở buổi lễ Richard, Glen, Phoebe và tôi chụp một bức hình đặc biệt: Glen cầm bức điện của Ondar, còn tôi thì cầm một tấm biển viết bằng tiếng Tuva: “Chào, Ondar Daryma California – từ”.



Chúng tôi trả lời bức điện của Ondar Daryma – người bạn quen qua thư của chúng tôi. Từ trái qua phải: Glen Cowan (cầm bức điện), Ralph Leighton (cầm thư trả lời), Phoebe Kwan, Richard Feynman. (Được sự cho phép của Eugene Cowan.)

Hôm sau Phoebe và tôi đi nghỉ tuần trăng mật ở đảo Ryukyu, Hong Kong, và Hàn Quốc. Ở Hàn Quốc, chúng tôi thuê một chiếc xe và lái lên phía đông bắc, tới Công viên Quốc gia Núi Sorak. Những cây thích đỗ màu máu hòa vào ánh hoàng hôn trong không khí mùa thu khô lạnh.

Ngày tiếp theo, chúng tôi đi bộ dọc theo một con suối nếp mìn trong hẻm núi giữa một phong cảnh hoàn hảo cho một bức tranh giấy cuộn phượng Đông. Những tảng đá được xếp thành đống ở những điểm dễ thấy dọc đường đi. Nhà thám hiểm người Đức Mänenchen-Helfen đã nhìn thấy những ụ đá hình tháp như vậy ở Tuva vào năm 1929!

Tôi nhận ra rằng chúng tôi chỉ cách Kyzyl có một khung giờ: Vào thời điểm này người bạn quen qua thư của chúng tôi, Ondar Daryma, chắc là đã tỉnh giấc và có lẽ là cũng đang thưởng thức cùng thời tiết nắng ấm của một ngày Chủ nhật đẹp trời.

Chúng tôi đến thăm một ngôi đền chèn giữa một cánh núi cao và một con suối chảy xiết phía dưới. Phật Di Lặc ở trong đền chính xác là gốc Ấn Độ, còn chúng tôi thì đang ở cách biển Nhật Bản chỉ vài dặm. Gần đó, các bụi cây được trang trí bằng nhiều dải vải nhỏ màu trắng giống như cảnh tượng tôi đã nhìn thấy ở Armenia. Liệu phong tục này đã được hình thành một cách độc lập hay – giống như Phật giáo – nó đã được những người du mục và các nhà buôn chuyên chở trên lưng ngựa suốt năm nghìn dặm ngang qua châu Á?

Ngược dòng suối một chút chúng tôi gặp vài gia đình người Hàn Quốc đang thưởng thức bữa trưa dã ngoại. Hai người đàn ông đang ngồi xóm, nướng các xâu thịt bằng lò nướng du lịch, họ gọi chúng tôi lại và mời cùng tham gia với họ. Trong khi phụ nữ và trẻ em đứng xem, một người đàn ông rót một thứ chất lỏng rất trong vào một

nửa quả táo đã được nạo hết ruột – một loại cốc dễ phân hủy sinh học thật tài tình (bạn ăn luôn nó sau khi uống xong) – và đưa nó cho tôi. Tôi nghĩ tới một loại nước đóng chai mà chúng tôi đã mua ở Seoul hai hôm trước và nhớ là cái tên trên nhãn hiệu giông giống như *sug*, từ ‘nước’ trong tiếng Tuva. Tôi chỉ vào chất lỏng trong cái cốc táo nhỏ của mình và nói một cách tự hào, “Su”.

Chủ nhân gật đầu và mỉm cười, ra hiệu rằng tôi nên uống theo kiểu cạn chén.

Khi lửa cháy xuống họng tôi và mặt tôi đỏ như gấc chín, cả gia đình họ cười ngặt nghẽo.

Chiều hôm đó, chúng tôi quay về Seoul trên con đường “cao tốc” ba làn, nó tra tấn thần kinh bằng các khúc ngoặt ngoèo qua các ngọn núi. Thư giãn trong phòng khách sạn, chúng tôi uể oải ngồi trên những túi ngủ trải ra trên sàn nhà được sưởi ấm. Cuối cùng chúng tôi bật TV, vừa kịp xem bản tin thời tiết trên U.S Armed Forces TV. Từ tấm ảnh vệ tinh của vùng Đông Á, tôi có thể nói rằng hôm đó Tuva có một ngày thật đẹp trời.

Trong mấy ngày tiếp theo, Phoebe và tôi xem mấy sự kiện giải trí châu Á ở Seoul. Sau đó, chúng tôi đi mua sắm ở quận du lịch Itaewon. Khi chúng tôi đi qua các quầy bán va-li túi xách Louis Vuitton giả và các giá để băng cassette in lậu, Phoebe nhận ra một cửa hàng mũ, chuyên thiết kế theo yêu cầu của khách hàng. Chúng tôi đặt làm hai tá mũ lưỡi trai kiểu của vận động viên bóng chày bằng vải nhung đen với chữ “**ТЫIBA**” và “**TUVA**” bên cạnh dài ký niệm được truyền cảm hứng bởi nhà thám hiểm kỳ cục người Anh, và dòng chữ “Trung tâm châu Á” ở bên dưới. Tôi sẽ giấu những cái mũ này trong hành lý của mình và sẽ phân phát chúng ở Kyzyl khi cuối cùng Richard, Glen và tôi cùng nhau tới được đích của mình.

Khi chúng tôi quay trở lại Los Angeles, Ronald Reagan và Mikhail Gorbachev đang chuẩn bị gặp nhau ở Reykjavik, Iceland. Nhưng tôi quan tâm hơn đến số phận của TS. Keller ở Moscow. Liệu cuộc triển lãm của chúng tôi, với rất nhiều hiện vật từ Tuva, thực sự sẽ đến Los Angeles? Và liệu sẽ có một phái đoàn nào đó từ Bảo tàng đi thăm Kyzyl?

Tôi gọi điện về nhà Feynman. Gweneth không có tin tức gì về TS. Keller mà cho tôi biết là, Richard đã đổ bệnh vào ngay sau ngày cưới của chúng tôi và một tuần sau đó đã được đưa vào bệnh viện để kiểm tra – ung thư đã tái phát. Bác sĩ Morton lại tiến hành một ca phẫu thuật đầy thách đố nữa và ông đã mang lại cho Richard thêm một cơ may được sống tiếp.

Trong hộp thư của tôi có hai lá thư từ Liên Xô. Một từ Moscow: VAAP không thể làm visa cho chúng tôi, nên kế hoạch viết một cuốn sách giới thiệu về Tuva của Vainshtein đã đi vào ngõ cụt.

Lá thư còn lại đến từ Vladimir Lamin, anh bạn Siberia ít nói mà Glen và tôi đã gặp ở Thụy Điển. Anh ấy chính thức mời Phoebe và tôi đến thăm mình ở Novosibirsk, từ đó, anh ấy nói là có thể sắp xếp một chuyến đi Tuva. Bây giờ mọi chuyện tùy thuộc vào chúng tôi – tất cả những gì chúng tôi cần làm là nói đồng ý. Lá thư của Lamin kết thúc, “Trong tiếng Nga người ta nói, ‘Hãy chuẩn bị xe trượt tuyết vào mùa hè.’”

Ngày hôm sau, Phoebe và tôi đến Trung tâm Y tế của UCLA để thăm Richard. Ngay sau khi chúng tôi đến, TS. Keller và Jim Olson cũng bất ngờ xuất hiện để trực tiếp thông báo với Tù trưởng về chuyến đi Moscow của Keller.

Trước tiên, ở Helsinki, các chủ nhà của Keller đã dẫn ông xem một triển lãm về những cổ vật địa phương của Alaska được một

đô đốc hải quân Phần Lan tên là Arvid Adolf Etholen thu thập vào đầu thế kỷ 19 – khi cả Phần Lan và Alaska đều thuộc Đế chế Nga. “Chỉ đến bây giờ người Phần Lan mới cho trưng bày những hiện vật này lần đầu tiên”, Keller nói, “Trong bao nhiêu năm qua nó đã được cất kỹ dưới tầng hầm của một Bảo tàng ở Helsinki, không ai được động đến. Các hiện vật đều ở trạng thái hoàn hảo”.

Keller tiếp tục: “Ngược lại, những hiện vật từ Leningrad và Moscow mà chúng sẽ được trưng bày trong triển lãm ‘Các Giao lộ’ thì đều ở trạng thái xấu đến nỗi sẽ mất rất nhiều công sức để phục chế chúng ở Smithsonian”.

Rồi Keller kể rằng ông đã gặp ở Moscow một phái đoàn của Nhật. Cuộc đàm phán của họ với những người Xô Viết đã kéo dài hai năm mà vẫn chưa đạt được thỏa thuận. “Tôi hơi lo khi nghe về chuyện ấy”, ông thú nhận. “Nhưng khi Sylvan Marshall và tôi ngồi xuống với Kapitsa và Basilov, tôi nói ‘Thưa các vị, tôi nghĩ là các vị biết vì sao chúng tôi lại ở đây. Có ba anh chàng ở California muốn đi tới Tuva.’ Mọi người mỉm cười. Rồi, tôi lôi ra bản copy nghị định thư Thụy Điển mà anh đưa cho tôi, và họ cũng đưa ra bản copy của cùng nghị định thư ấy – với một vài thay đổi. Marshall và tôi cầm bản nghị định thư đã sửa đổi ấy về khách sạn và xem lại. Ngày hôm sau chúng tôi có một thỏa thuận, và nó đây!” TS. Keller đưa cho Tù trưởng một copy của bản nghị định thư mới. “Triển lãm sẽ đến Los Angeles vào tháng Giêng năm 1989”.

“Thật tuyệt vời!” Richard nói. “Công việc những người khác không thể làm được trong hai năm, các anh chàng này đã làm được trong hai ngày!”

“Đó là vì các *anh* đã chuẩn bị hết từ trước rồi”, Keller nói.

Tù trưởng quay về phía tôi, mỉm cười thoải mái và nói, “Cậu thấy chưa, anh bạn? Chúng ta là *dân chuyên nghiệp*. Chúng ta là những người tìm kiếm các cuộc triển lãm quốc tế!”

TS. Keller tiếp tục, “Khi ở Moscow, tôi phát hiện thêm hai cuộc triển lãm nữa mà chúng ta có thể mang đến Los Angeles: một con voi ma mút con đóng băng – lông, thịt, đầy đủ cả – đào được ở tầng đất đóng băng vĩnh cửu của Siberia, và bộ sưu tập chạm khắc Faberge được trưng bày ở Bảo tàng Khoáng vật học”.<sup>1</sup>

Khi chúng tôi chúc mừng lẫn nhau, tôi không thể ngăn mình hỏi một câu hỏi nhỏ mang tính kỹ thuật: “Thế có chỗ nào cụ thể trong nghị định thư nói rằng chúng ta sẽ tới Tuva hay không?”

“Có”, Keller nói. Anh ấy chỉ cho tôi đoạn cuối của trang cuối. Ở đây có câu, “Phía Mỹ sẽ cố gắng tìm cách gửi những người làm phim để sản xuất một bộ phim tài liệu về các chủ đề có liên quan đến nội dung của triển lãm”.

Đấy là kế hoạch đã được định ra ở Göteborg, theo đó Richard, Glen và tôi – cùng với Christopher Sykes – sẽ tới Tuva như những đại diện của Bảo tàng và sẽ làm phim video về những điểm khảo cổ học.

“Thật tuyệt vời!” tôi nói. “Chúng ta sẽ cùng đi vào hè năm sau. Tannu Tuva, chúng tôi tới đây!”

Hôm sau tôi đáp lại lời mời đến thăm Tuva qua đường Novosibirsk của Lamin. Sau khi thông báo thành công của Keller với Viện Hàn lâm Khoa học, tôi nói, “Giờ thì con đường để ‘Ba Chàng Lính Ngự lâm’ cùng nhau đến thăm Tuva đã rõ, anh không cần phải lo liệu gì cho tôi và Phoebe nữa – trừ phi anh muốn xem kế hoạch của

---

1. Bộ sưu tập Faberge cũng như bộ cổ vật vùng Alaska của đô đốc hải quân Phần Lan đã đến Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên trong các năm tiếp theo.

mình như ‘cái xe trượt tuyết thứ hai’ phỏng trường hợp ‘cái xe thứ nhất’ bị lật nhào”.

Tôi chụp lại bản copy nghị định thư của Tù trưởng và gửi cả bản tiếng Anh lẫn bản tiếng Nga cho Glen, cậu ấy chỉnh qua bản dịch của những người Xô Viết.

Vài ngày sau, ở Iceland, Mikhail Gorbachev đưa ra đề nghị cùng nhau giảm 50 % toàn bộ vũ khí hạt nhân nếu Mỹ không triển khai “Chiến tranh các vì sao” (SDI) của mình trong không gian. Ronald Reagan đồng ý với đề xuất ấn tượng này. Đó là một động thái khôn ngoan: “Chiến tranh các vì sao” đang tỏ ra là một ảo tưởng; hơn nữa, tuyệt đại đa số các nhà vật lý trong nước đã từ chối tham gia vào cái việc không phải khoa học thực sự này.<sup>1</sup> Nhưng rồi Trưởng nội các của Nhà Trắng, Donald Regan, đã can thiệp và tuyên bố rằng Tổng thống Reagan chưa hề đồng ý với điều gì cả.

Tôi tưởng tượng ra cuộc đối thoại sau đây giữa Ngoại trưởng George Shultz và Ngoại trưởng Xô Viết Eduard Shevardnadze:

SHULTZ: “Thế giới đang thất vọng rằng chúng ta chẳng có gì để trình ra như một kết quả của cuộc gặp thượng đỉnh này. Có chăng một thỏa thuận nào đó mà chúng ta có thể hướng tới”.

SHEVARDNADZE: “Vâng, thưa ngài Ngoại trưởng, tôi được biết rằng Viện Hàn lâm Khoa học của chúng tôi vừa mới đồng ý gửi một triển lãm bảo tàng lớn tới Mỹ...”

---

1. Bản tuyên bố từ chối làm bất kỳ việc gì liên quan với SDI là một trong số ít các kiến nghị mà Feynman đã ký. Ông cũng có đề án “Chiến tranh các vì sao” trong đầu khi viết “Để có thành công về công nghệ, thực tiễn phải đi trước các quan hệ cộng đồng, bởi vì tự nhiên không thể bị lừa gạt” – đó là nhận xét kết luận trong bài *Những quan sát cá nhân về sự đáng tin cậy của tàu con thoi* của ông, chủ đề của nhiều cuộc tranh cãi với Chủ tịch Rogers. Bài này xuất hiện trong bản báo cáo chính thức của Ủy ban và trong cuốn *What Do You Care What Other People Think?*

Tiếc thay, không có cuộc đối thoại như vậy – ít nhất là không có một thông cáo nào về cuộc triển lãm của chúng tôi. Dù vậy, ngày hôm sau, mục quan điểm của Kurt M. Campbell trong số ngày 16 tháng Mười của tờ *Christian Science Monitor* có những lời như thế này:

Trong thời đại khi mà các siêu cường quốc dường như không thể thỏa thuận với nhau về một điều gì – có nên ngừng thử vũ khí hạt nhân dưới lòng đất, nên làm gì với “Chiến tranh các vì sao”, và cuối cùng là việc kiểm soát vũ khí có lợi hay không – thì “Thỏa ước các họa sĩ trường phái ấn tượng” [Tôi đọc thành: “Thỏa ước Keller”] thực sự là một ngoại lệ thú vị đối với tình trạng trì trệ chung trong các quan hệ song phương...

Trong khi một số người coi thường những bước đi khiêm tốn này, xem chúng là không đáng để so với những vấn đề sống còn của các cuộc đối thoại chiến lược, thì thực tế lại cho thấy rằng, sự trao đổi các bức tranh thuộc trường phái ấn tượng là một trong vài tia hy vọng trong các chương trình nghị sự hoàn toàn bế tắc về vũ khí ngoại nhập, những bất đồng về việc kiểm soát, và những cuộc thử hạt nhân dưới lòng đất. Trong pha mới này của quan hệ Xô Mỹ, có lẽ đã đến lúc những người kiểm soát vũ khí mong đợi được các nghệ sĩ đóng góp ý tưởng và nguồn cảm hứng.

Tôi không quan tâm đến việc những hiện vật của những người du mục Âu-Á không nổi tiếng bằng những bức tranh trường phái Ấn tượng Pháp; những từ ngữ có cánh của tờ *Christian Science Monitor* làm tôi cảm thấy dường như kế hoạch bồng bột được chế tác trong căn hộ của Vainshtein có thể làm được nhiều hơn là chỉ đơn giản đưa chúng tôi đến với Tuva – nó thậm chí có thể trợ giúp mang lại hòa bình cho thế giới!

Tôi sớm quay lại những vấn đề thực tiễn hơn: giờ khi mà “Hiệp ước Keller” có thể mang triển lãm Những người du mục tới Mỹ, bước tiếp theo của chúng tôi để đến được Tuva là gì? Tất nhiên là, trở thành nhân viên của Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên. Nhưng việc đó cần phải đợi đến khi Richard phục hồi sức khỏe sau ca phẫu thuật.

Để nâng cao sức chịu đựng của Richard sau khi ông ra viện, Tù trưởng và tôi đi bộ hằng ngày từ nhà ông, nơi chúng tôi tưởng tượng là Kyzyl. Sau vài ngày chúng tôi đi đến được Shagonar, xuôi dòng sông Yenisei từ Kyzyl, ở đại lộ Braeburn. Một tuần sau chúng tôi đến được Chadan, nơi đã từng là tu viện lạt ma lớn nhất Tuva, ở phố Porter. Sau vài tuần chúng tôi đi hết cả chặng đường đến tận Teeli, cuối thung lũng Khemchik, ở đại lộ Allen.

Để chuẩn bị tiếp cho chuyến đi, tôi sao chép các từ trong cuốn Cụm từ và thành ngữ Tuva-Mông Cổ-Nga vào những thẻ nhỏ màu ánh vàng. Khi cuốc bộ dọc những con phố của Altadena, Richard và tôi xướng lên, “Ujurashkanyvyska öörüp tur men”,<sup>1</sup> và đại loại như vậy.

Một cách khác để tăng cường sức khỏe của Tù trưởng là thông qua chơi trống. Chúng tôi tưởng tượng mình tìm thấy cái trống cũ của một shaman trong một căn lều tròn và mang nó về với cuộc sống. Một sự tưởng tượng khác là được biểu diễn các nhịp điệu của vở ba-lê thành công ở San Francisco *Những vòng xoay mê tín* tại nhà hát kịch của Kyzyl.

Khi Richard đã đủ khỏe để có thể đến thăm Bảo tàng, chúng tôi xuống đó và nhận thẻ nhận diện chính thức của bảo tàng có dán ảnh của mình. Lần tiếp theo đến Pasadena, Glen cũng đến Bảo tàng và

---

1. “Gặp – nhau – có – của chúng tôi - ở hạnh phúc là tôi” hay “Rất vui được gặp các bạn”

nhận thẻ hiệu. Khi quay về Berkeley, cậu ấy ngay lập tức nhận thấy ảnh hưởng của tấm thẻ này trong cuộc sống xã hội của mình: việc nói với mọi người rằng cậu ấy là một cộng tác viên nghiên cứu tại Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên của Hạt Los Angeles làm cho cậu ta oai hơn nhiều so với nói rằng cậu ấy là một sinh viên sau đại học về vật lý.

Giờ khi chúng tôi đã là nhân viên chính thức, Bảo tàng gửi một telex cho Andrei Kapitsa bày tỏ ý định muốn gửi một người làm phim và những trợ lý nghiên cứu mới được bổ nhiệm tới một số điểm khảo cổ, như đã được ghi ở điều 10 của nghị định thư. Kế hoạch tới Tuva của chúng tôi đang đi đúng hướng.

Nhưng lần này, Kapitsa đã không trả lời chúng tôi ngay – hoàn toàn không có phản hồi.

Tôi gửi cho Sevyan Vainshtein một bức điện, thông báo cho ông về bức telex của chúng tôi gửi Kapitsa. Tôi cũng chuẩn bị một lá thư chi tiết gửi Basilov để xuất chương trình chuyến đi của chúng tôi. Mặc dù tôi đã muốn nói rằng vấn đề thời gian là hết sức quan trọng (vì Tù trưởng không thể chống chọi lại căn bệnh ung thư mãi được), Richard bảo tôi không được nói gì về sức khỏe của ông – ông không muốn dọa những người Xô Viết. Thay vào đó, ông khuyên tôi nên giải thích rằng dù Viện Hàn lâm Khoa học có thể nghĩ là một nhà Vật lý giải Nobel phải ngủ trong khách sạn hoặc nhà nghỉ tiện nghi, “Giáo sư Feynman thích ngủ ngoài trời hơn, dưới các vì sao”. Và để bớt gánh nặng cho những người Xô Viết trong việc lo liệu chuyến đi của chúng tôi, chúng tôi sẽ mang theo lều bạt và túi ngủ. Tất cả những gì chúng tôi cần là chút phương tiện đi lại và số lượng tối thiểu người hộ tống.

Tôi chụp lại những cuốn atlas đường giao thông của Liên Xô cùng bản đồ Tuva của Cục Bản đồ Quốc phòng, và đánh dấu một số tuyến đường tiềm năng. Một tuyến theo đường chính từ Novosibirsk qua

Biysk và Gorno-Altaisk (địa điểm của các nấm mồ Pazaryk nổi tiếng) vào Mông Cổ. Chúng tôi sẽ rời đường chính trước Ulaangom, vào Tuva ở Khandagaity, và đi qua Chadan trước khi tới Kyzyl. Những tuyến khác, qua các con đường nhỏ hơn, nằm trong địa giới Liên Xô.

Trước khi gửi tập tài liệu cho Basilov, tôi gửi chúng tới Keller và Olson. Olson trả lời bằng một lá thư:

Gửi Ralph:

Xin hãy hoãn lại việc gửi lá thư của anh cho TS. Basilov. Nhiệt tình tới được Tuva của anh rất dễ lây lan sang người khác, nhưng anh nên giảm tốc lại...

Chúng tôi ghi nhận rằng nếu không có anh và GS. Feynman, chúng tôi sẽ không có được bản nghị định thư cho cuộc triển lãm “Những người du mục Âu-Á”. Tuy nhiên, chúng tôi cảm thấy rằng, chúng tôi có rất nhiều rủi ro trong việc xác lập sự tín nhiệm của mình cho cuộc trao đổi này và các trao đổi trong tương lai. Tất cả chúng ta cần phải nhất trí với nhau về cách thức tiến hành. Vì lý do đó, tôi thấy, quan trọng là anh hãy gửi cho tôi bản copy của bất kỳ thư từ nào có liên quan đến đề án này để duyệt trước khi gửi đi...

Không muốn lãng phí công sức của mình, tôi đã gửi tập tài liệu đến Vladimir Lamin ở Novosibirsk để xin nhận xét của anh. Anh ấy viết lại: “Nói thật, một số điểm trong danh sách này có thể gây ra những nụ cười châm biếm không cưỡng được. Theo tốc độ và sự khó khăn của nó thì hoạch trình của anh có thể dễ dàng so sánh được với cuộc đua ô tô quốc tế Paris-Dakar...”

Giáng Sinh đang đến gần, và món quà nổi đình đám nhất năm đó là một trò chơi có tên là Bám đuối Tâm phào. Tôi chế tác một

phiên bản đặc biệt của trò chơi này, gọi là Chuyện tầm phào Tuva, và gửi nó đi như một thiệp chúc mừng. Vợ của nhiếp ảnh gia Yasushi Ohnuki, Masako, đưa ra được câu hỏi tầm phào hay nhất: “Diễn viên Maxim Munzuk, đóng trong bộ phim *Dersu Uzala* của Akira Kurosawa, là người nước nào?”<sup>1</sup>

Tâm trí thiên lệch một chủ đề của tôi đã được minh chứng: diễn viên đóng vai Dersu đúng là người Tuva! Tôi quyết định viết một lá thư hâm mộ tới ngôi sao điện ảnh nổi tiếng thế giới của Tuva – tất

- 
1. Với những người muốn biết trò chơi tầm phào này, thì đây là cách chơi:

Chúc mừng! Bạn là chủ nhân đáng tự hào của trò chơi tầm phào mới nhất của Mỹ, trò chơi cho những người đam mê chuyện tầm phào, dũng cảm, đang muốn gây ấn tượng với vài người bạn của mình bằng cách trả lời đúng các câu hỏi về chủ đề tầm phào ít người biết nhất trên thế giới: TUVA!

ĐÓ VUI TUVA không làm bạn lãng phí thời gian như việc tung xúc xác hay di chuyển những miếng nhựa nhỏ xíu trên một cái bảng ngô ngǎn; ĐÓ VUI TUVA không để cho sự may mắn giúp xác định xem liệu bạn có dành được chiến thắng tầm phào vĩ đại nhất mà nhân loại từng biết; ĐÓ VUI TUVA đi thẳng vào vấn đề bằng cách yêu cầu bạn trả lời các câu hỏi khó một cách đáng ngạc nhiên, kiểu trả lời hay là chết, về sáu lĩnh vực khác nhau. Bạn đã sẵn sàng chấp nhận thử thách chưa?

1. ĐỊA LÝ: Nước nào có một tượng đài trên bờ con sông Yenisei, đánh dấu (chưa xác định chính xác) tâm điểm của châu Á?
2. LỊCH SỬ: Nước nào độc lập trên danh nghĩa từ 1921 đến 1944, nơi mà Otto Mänchen-Helfen đã đặt chân tới vào năm 1929, và nơi đã phát hành những con tem hình tam giác và hình thoi vào năm 1936?
3. KHOA HỌC & TỰ NHIÊN: Ở nước nào, lạc đà, tuấn lộc, bò Tây tạng, gia súc, cừu và dê được chăn thả trong vòng bán kính 150 dặm quanh thủ đô của mình, Kyzyl?
4. THỂ THAO: Ở nước nào bóng rổ được gọi là *sags bom bog*?
5. VĂN HỌC: Ondar Daryma, nhà sưu tầm văn học dân gian Soyor là người nước nào?
6. GIẢI TRÍ: Diễn viên Maxim Munzuk, đóng trong phim *Dersu Uzala* của Akira Kurosawa, là người nước nào?

Nếu bạn trả lời hết các câu hỏi trong một lượt, thì bạn đã đạt được một kỷ tích xứng đáng để vinh danh bạn là thành viên danh dự của Những người bạn của Tuva. Ngược lại, nếu bạn sai dù chỉ một câu, thì bạn không chỉ đã thua, mà còn phải đối mặt với sự thật ngã lòng rằng bạn không phải là người thức thời như bạn nghĩ.

nhiên, bằng tiếng Tuva. Lật qua các trang của cuốn Cụm từ và thành ngữ Tuva-Mông Cổ-Nga, tôi có thể lắp ghép các câu như “Tôi phim Dersu Uzala California-ở đã xem tôi” và “Mùa hè-vào Tuva-tới đi-sẽ tôi: gặp gỡ-lẫn nhau có thể?” Và để làm phong phú thêm lá thư của mình, tôi đã tìm được một cụm từ cực kỳ hoa mỹ: “Từ sâu thẳm tâm hồn mình tôi chào mừng anh, chúc anh thành công trong sự nghiệp của mình, dõi dào sức khỏe, và hạnh phúc trong cuộc sống”.

Gần sáu tuần kể từ khi chúng tôi gửi telex cho Kapitsa, tôi nhận được một tin nhắn từ “kênh phía sau” của chúng tôi – theo cách nói của vụ bê bối Iran-Contra<sup>1</sup> đang bị phanh phui. Tin nhắn như sau:

HÃY GỬI LẠI TELEX CỦA ANH TÓI A P KAPITSA VỀ CHUYẾN ĐI LÀM PHIM ĐÃ DỰ KIẾN TÓI CÁC ĐIỂM KHẢO CỔ HỌC Ở TRUNG Á VÀO MÙA HÈ 1987 VỚI LỜI CHÚC TỐT ĐẸP NHẤT.  
VAINSHTEIN

Chúng tôi nghe theo và đã gửi lại bức telex.

Ngày hôm sau, chúng tôi nghe được tin vui từ Liên Xô: Andrei Sakharov đã thoát khỏi lưu đày ở Gorky và được phép về Moscow. Trong vòng vài ngày ông đã xuất hiện trực tiếp trên *“This Week with David Brinkley”* (Tuần này với David Brinkley). Mikhail Gorbachev đã bắt đầu để lại dấu ấn của mình trong xã hội Xô Viết và trong lịch sử thế giới.

---

1. Vụ bê bối chính trị dưới thời tổng thống Ronald Reagan liên quan tới chính sách đối ngoại của Mỹ trong quan hệ với Iran và Nicaragua, đã bị đưa ra ánh sáng vào tháng Mười một năm 1986.



## Chuyện đi được sắp xếp

Là một người dân Pasadena, tôi đã xem Lễ hội Diễu hành Hoa Hồng năm 1987 trên tivi – từ San Francisco, nơi Phoebe và tôi đến thăm hai người chị gái của cô ấy. Ở cuối đoàn diễu hành là một nhóm cưỡi ngựa đến từ Winnemucca, Nevada. Họ cưỡi những con ngựa nhỏ được gọi là Bashkir Curlies. Một cái tên được xướng lên: *premier danseur* (người múa chính) Rudolf Nureyev đến từ Ufa, thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết tự trị Bashkir<sup>1</sup>. Nureyev là một người Tatar. Liệu Bashkir Curlies có liên quan thế nào với những con ngựa khỏe mạnh đã mang những người Tatar qua thảo nguyên Âu-Á?

11

---

1. Trong khi Tuva là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô Viết tự trị cuối cùng gia nhập Liên bang Xô Viết (năm 1944), thì Bashkir – nằm ở phía tây của dãy Ural – là nước đầu tiên (năm 1919). Những người Bashkir bản địa – theo đạo Hồi – là sự trộn lẫn của người Thổ và người Mông Cổ (đó là Tatar) và các bộ lạc Finna-Ugric; vì thế họ có quan hệ với người Tuva.

Tôi có một ảo mộng. Đó là ngày 1 tháng Giêng năm 1989, và tôi lại một lần nữa đang theo dõi buổi Diễu hành Hoa Hồng trên tivi. Người dẫn chương trình nói, “Và bây giờ, thưa quý bà quý ông, chúng ta có một nhóm kỹ sĩ từ Liên Xô, họ đến từ Kyzyl, Tuva (với những người sưu tập tem thì đó là Tannu Tuva), một mảnh đất giàu mình giữa Siberia và Mông Cổ. Những kỹ sĩ của chúng ta, hậu duệ của các chiến binh của Genghis Khan, đang cưỡi những con Bashkir Cúrlies do trạm bảo tồn Bashkir Cúrlies của Winnemucca, Nevada, ưu tiên cho mượn. Họ đang trên đường đến Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên của hạt Los Angeles, nơi cuộc triển lãm ‘Những người du mục Âu-Á’ sẽ được mở cửa cuối tháng này”.

#### Quảng bá ghê thật!

Không lâu sau khi tôi quay về Los Angeles, có tin phản hồi từ Kapitsa. Bức điện đề ngày 16 tháng Giêng, chỉ hai tháng kể từ khi chúng tôi gửi ông ấy bức telex bày tỏ ý định của chúng tôi về việc gửi một người làm phim và các trợ lý nghiên cứu tới các điểm khảo cổ học.

CHÚNG TÔI THÔNG BÁO RẰNG ĐỂ LÀM PHIM VIDEO VÀ PHIM TÀI LIỆU ĐƯA LÊN SÓNG VỀ NHỮNG NGƯỜI DU MỤC ÂU Á CÁC ÔNG NÊN XIN PHÉP ALEXANDER SURIKOV, CỤC TRƯỞNG CỤC PHIM XÔ VIẾT CỦA HỘI ĐỒNG PHIM ẢNH QUỐC GIA, ĐỊA CHỈ CHÍNH THỨC LÀ SKATERNII PEREULOK 20, MOSCOW.

Chúng tôi viết một lá thư lời lẽ thân thiện và năm ngày sau đã gửi nó cho ông Surikov. Để tiết kiệm thời gian và tránh nhầm lẫn, chúng tôi đề nghị Surikov liên lạc trực tiếp với Basilov để giải quyết

các chi tiết cụ thể, và gửi một bản copy cho Kapitsa. Tôi cũng thông báo cho Vainshtein về tiến trình công việc.

Trong khi chúng tôi đang đợi câu trả lời từ Cục Phim Xô Viết thì nhận được một lá thư đến từ Kyzyl – thư của Maxim Munzuk! Ngay lập tức Richard và tôi phì cười những cuốn từ điển, cụm từ và thành ngữ, cũng như *Cẩm nang Tuva* của mình. Dòng đầu rốt cuộc là Munzuk cảm thấy vui vì tôi đã xem *Dersu Uzala*; dòng tiếp theo nói rằng thật thú vị thấy tôi đã viết bằng tiếng Tuva. Sau đó là một đoạn dài những từ mà chúng tôi chẳng biết đâu đuôi thế nào – điều gì đó về “công việc-mục đích”, “cuộc sống-diều kiện”, và “miệng-món quà”. Sau đó là một số cụm từ đơn giản hơn: “Ở đâu-từ?” và “Công việc gì làm anh?” Cuối cùng là những từ Tuva “Một-không Tuva-tới đến-anh-sẽ, gặp-cùng nhau sẽ chúng ta”.

Tôi đã rất thất vọng. Rõ ràng là tôi sẽ không thể gặp ngôi sao điện ảnh nổi tiếng quốc tế của Tuva.

“Cái gì làm cậu tin chắc rằng ‘một-không’ ngụ ý là Munzuk không thể gặp cậu?” Richard hỏi.

“‘Bir’ khả năng lớn là ‘một,’ còn ‘eves,’ thì chắc chắn là ‘không,’” tôi trả lời.

“Thế nếu ‘một-không’ làm thành một tổ hợp thì sao?” Tù trưởng hỏi, ông luôn kiểm tra lại dữ liệu một cách tin cậy trước khi đưa ra một giả thuyết.

“Có hàng tá tổ hợp với ‘một,’” tôi nói, “nhưng – À, nhìn này! Đây là ‘bir eves’ – trước nay tôi chưa bao giờ nhìn thấy tổ hợp này. Nó có nghĩa là ‘esli’ trong tiếng Nga”. Tôi lấy cuốn từ điển Nga-Anh bỏ túi. “‘Esli’ có nghĩa là ‘nếu.’ Vậy câu đó phải hiểu là ‘Nếu Tuva-tới đến-anh-sẽ, gặp-cùng nhau sẽ chúng ta.’”

Vậy là, tôi có thể gặp ngôi sao điện ảnh Tuva – nếu chúng tôi đến được Kyzyl. Nhẹ cả người, chúng tôi quay sang đoạn dài mà chúng tôi chưa giải nghĩa được.

Trong khi kiểm tra lại những từ trong tổ hợp, tôi tự dung nhận ra: Munzuk lắp lại chính cái câu hoa mĩ mà tôi đã dùng để làm đầy đặn thêm lá thư gửi anh ấy – theo sau đó là câu hỏi “Ở đâu-tù?”

Tôi cười. “Tôi có thể tưởng tượng được lá thư của tôi đã gây cho anh ấy cảm giác thế nào”, tôi nói. “Đầu tiên là một đống từ Tuva khập khiễng: ‘Tôi Dersu Uzala California đã xem. Nhiều tốt-tốt.’ Rồi tự dung từ đâu ra cái câu suôn sẻ này: ‘Từ tận đáy lòng mình tôi chào mừng anh, chúc anh thành công trong sự nghiệp, dồi dào sức khỏe, và hạnh phúc trong cuộc sống.’ Nên chẳng ngạc nhiên khi anh ấy hỏi ‘Ở đâu-tù’<sup>1</sup>: Một câu quá vênh, nó đập ngay vào mắt!” Tôi nhận ra rằng, với Ondar Daryma “tiếng Tuva” của chúng tôi cũng lộn xộn như vậy (và có lẽ còn buồn cười nữa).

Tháng Hai qua đi, chúng tôi vẫn chưa có tin tức gì từ Cục Phim Xô Viết. Chúng tôi đã gửi một bức telex cho Surikov để hỏi xem ông ấy đã nhận được bức thư tháng Giêng của chúng tôi chưa.

Không hồi âm.

Sau đó tôi nhìn thấy một bản tin trên *MacNeil/Lehrer Newshour* mà vai trò chính trong đó là ba người phụ nữ Xô Viết. Một trong số họ làm phiên dịch cho Phim Xô Viết! Tôi nhanh chóng ghi lại tên cô – Yelena Zagrevskaya – và viết cho cô ấy: liệu cô ấy có thể đã nhìn thấy lá thư của chúng tôi gửi Surikov?

---

1. Câu này lấy ở đâu – ND

Cô Zagrevskaya trả lời ngay lập tức. Mặc dù cô không còn làm việc ở Phim Xô Viết nữa (cô ấy chỉ ghé lại để nhặt lá thư của tôi), cô ấy phát hiện ra rằng đúng là họ đã nhận được lá thư của chúng tôi, và rằng Phim Xô Viết đã liên lạc với văn phòng của Basilov – nhưng ông ấy đi công tác xa đến tận cuối tháng Ba.

Để giết thời gian, tôi quyết định đặt mua một bức ảnh Landsat mới về Tuva để thay cho cái mà tôi đã cho Sevyan Vainshtein. Lần này tôi đặt hai cái (chụp ở những góc hơi khác nhau), và thử kiểm tra hiệu ứng ba chiều. Như lần trước, tôi yêu cầu bản in mới nhất của moi thứ từ  $49^{\circ}$  đến  $54^{\circ}$  Bắc và từ  $88^{\circ}$  tới  $99^{\circ}$  Đông.

Khi nhận được bản in, tôi làm một cuộc kiểm tra không chính thức bằng cách tìm xem có bao nhiêu tấm ảnh Landsat về Tuva với ít hơn 30 % mây che phủ đã được chụp mỗi tháng trong vòng mười năm qua. Tháng Sáu và tháng Bảy là những tháng trời quang nhất (số ảnh tương ứng là 95 và 94 ảnh), còn tiếp theo là tháng Năm (70 ảnh). Tháng Mười một và tháng Hai là nhiều mây nhất (15 ảnh mỗi tháng). Chúng tôi sẽ gắng để đến Tuva vào tháng Sáu.<sup>1</sup>

Còn có vài tin là lạ trong lá thư giới thiệu:

Thưa Khách hàng EOSAT,

Như quý khách có thể biết, bắt đầu từ mùng 1 tháng Bảy năm 1986, EOSAT quyết định dừng phí thu thập thông tin đặc biệt đến cuối năm 1986. Phản hồi từ phía khách hàng của chúng tôi là rất đồng tình, và do đó, EOSAT đã quyết định kéo dài thời gian miễn loại phí này suốt năm 1987... Ngay cả quý khách muốn đảm bảo rằng cảnh chụp vẫn ít hơn 30 % mây che phủ, phí vẫn là 275 đôla.

---

1. Không nhất thiết là một ngày trong tháng Sáu và tháng Bảy nhiều nắng hơn gấp sáu lần một ngày trong tháng Mười một và tháng Hai: bởi vì ngày mùa hè dài gấp đôi ngày mùa đông, nên cơ hội chụp ảnh, cho dù độ che phủ thế nào, cũng tăng gấp đôi.

Tôi điện thoại cho EOSAT. “Cho tôi hỏi lại xem tôi hiểu có đúng không”, tôi nói. “Nếu tôi muốn các anh hướng vệ tinh vào một vị trí đặc biệt trên trái đất – chỉ để cho tôi thôi – các anh sẽ làm việc ấy miễn phí...”

“Đúng vậy”, người ở đầu điện thoại bên kia trả lời, “tất nhiên là nếu ngài mua ảnh ở giá bình thường”.

“Tất nhiên rồi. Các anh chụp ảnh có nhanh không?”

“Trong vòng 24 giờ”, người ở đầu bên kia nói. “Chúng tôi có các khách hàng chính phủ và công ty thường xuyên yêu cầu thông tin mới nhất – những thông tin kiểu như cháy rừng hay tràn dầu có thể nhìn thấy trên các ảnh Landsat. Ngài quan tâm đến nơi nào?”

Tôi chọn ra một nơi ở Tuva và đọc các tọa độ.

“Ồ, tôi xin lỗi, thưa ngài. Phần đó của thế giới chưa thể ước định được vì vệ tinh tiếp nhận, dùng để truyền lệnh tới Landsat, đã bị nổ tung cùng với tàu con thoi. Chúng tôi đã định đưa nó vào quỹ đạo địa tĩnh trên Ấn Độ Dương”.

Tới lúc đó tôi đã nghĩ, chỉ có một mối liên hệ giữa *Challenger* và Tuva – đó là Richard Feynman. Dù sao đi nữa, cứ xốc tới, tôi đã đặt một cặp ảnh có sẵn, và đã có khả năng thấy được hình ảnh ba chiều khá tốt của ngọn Savyan.

Đầu tháng Ba, tôi điện thoại cho Christopher Sykes ở London để thông báo tình trạng trì trệ mới đây. Chris nói rằng mình mới nói chuyện với một người sưu tầm thảm, người này vừa mới đi du lịch đến những khu vực đã từng là khu vực cấm của Liên Xô, và cho tôi số điện thoại của ông ta.

Người sưu tầm thảm cho một lời khuyên như sau: mang máy ảnh hoặc máy quay video vào những khu vực cấm của Liên Xô là một việc dường như không thể – chỉ mỗi việc bản thân anh vào được

đấy cũng đã đủ khó rồi. Ông ấy cũng tư vấn, “Hãy ở cùng một nhóm bạn”. Tôi không biết phải làm gì với lời khuyên đó.

Vài ngày sau tôi nhận được một bức điện bằng tiếng Đức từ kênh sau của chúng tôi: “SOVIN FILM IST EINVERSTANDEN” – Phim Xô Viết đồng ý!

Vài ngày sau nữa, Bảo tàng nhận được một lá thư của Basilov, rõ ràng là được viết ngay trước khi anh ấy rời Moscow:

Giáo sư A. P. Kapitsa đã đưa cho tôi bản copy lá thư của các ông đề ngày 21 tháng Giêng, 1987, gửi tới Alexander Surikov của Phim Xô Viết ...Tôi đề nghị các ông gửi cho họ càng sớm càng tốt một thư mới cũng về chủ đề này với những thông tin chính xác sau đây:

- 1) Các ông định gửi bao nhiêu người đến Liên Xô;
- 2) Họ tên, chức vụ của họ, etc;
- 3) Những nơi các ông định đến tham quan;
- 4) Nhóm sẽ ở lại Liên Xô trong bao lâu;
- 5) Liệu các ông sẽ mang máy ảnh và cassette của riêng mình;
- 6) Các ông sẽ cần sự trợ giúp và hợp tác gì từ Phim Xô Viết. Có lẽ là nên yêu cầu sự giúp đỡ của họ thì tốt hơn; nếu không thì họ sẽ chẳng có lý do gì để giám sát hoặc tham gia vào công việc làm phim video của các ông.

Rồi Basilov gợi ý chín địa điểm nên đến thăm với Tuva ở giữa danh sách. Anh ấy tiếp tục:

Nếu các ông được phép thực hiện chương trình của mình (hoặc ít nhất một phần của nó), nhóm các ông chắc chắn sẽ nhận được sự hướng dẫn từ các chuyên gia của Viện Hàn lâm Khoa học.

Keller, Olson, Feynman và tôi bàn luận xem nên làm gì tiếp theo. Tôi nhắc lại lời khuyên của Basilov lúc nói chuyện với Glen và tôi ở Thụy Điển, rằng Sykes không nên đến Tuva dưới danh nghĩa đại diện của BBC: “Nếu không, Truyền hình Xô Viết sẽ can thiệp vào, và họ sẽ cản các đại diện đi cùng các anh ở khắp nơi”. Giờ, từ Moscow, Basilov lại chơi một giai điệu khác: “Có lẽ nên nhờ sự giúp đỡ của Phim Xô Viết thì tốt hơn; nếu không thì họ sẽ chẳng có lý do gì để giám sát hoặc tham gia vào công việc làm phim video của các ông”. Chúng tôi không có lý do để nghĩ, Phim Xô Viết có gì khác với Truyền hình Xô Viết, vậy làm sao chúng tôi có thể hóa giải được những lời khuyên trái ngược của Basilov?

“Những lời khuyên này không hẳn là trái ngược nhau”, Tù trưởng nhận xét. “Nếu chúng ta chấp nhận rằng Basilov không thể viết một cách tự do từ Moscow, anh ta có lẽ phải diễn đạt lời khuyên của mình một cách cẩn thận: nếu chúng ta nhờ sự giúp đỡ của Phim Xô Viết, họ sẽ phải giám sát công việc của chúng ta – mà chúng ta không muốn điều đó”.

Rồi tôi nhắc lại lời khuyên của người sưu tầm thảm: “Hãy ở cùng một nhóm bạn”. Bây giờ thì lời khuyên này trở nên rõ nghĩa.

“Nói cách khác, không đổi ngựa giữa dòng”, Keller nói. Kapitsa đã hất chúng tôi khỏi con ngựa Viện Hàn lâm; chúng tôi không có “bạn” ở Phim Xô Viết.

Chúng tôi vạch ra một kế hoạch: lịch sự giữ Phim Xô Viết ở một khoảng cách, mềm dẻo giữ khả năng về một chuyến đi làm phim trọn gói vào năm 1988 (có nghĩa là tiền cho Phim Xô Viết); trong khi đó, gắng ở lại trên con ngựa Viện Hàn lâm, với “nhóm bạn” ban đầu của chúng tôi. Chúng tôi gửi các thư theo đường tốc hành tới Phim Xô Viết, Kapitsa, và Basilov, nhấn mạnh rằng chuyến đi năm

1987 của chúng tôi chủ yếu nhằm các mục đích liên quan với cuộc triển lãm; do đó chúng tôi mong rằng nó được sắp xếp bởi Viện Hàn lâm Khoa học.

Ám chỉ những con ngựa của Keller đã làm hồi sinh ảo mộng Diễu hành Hoa Hồng của tôi. Tôi liên lạc với Hiệp hội Diễu hành Hoa Hồng và có được địa chỉ của Trạm bảo tồn Bashkir Curly ở Winnemucca, Nevada. Tôi cũng biết được phải tốn bao nhiêu để được tham gia một nhóm cưỡi ngựa trong buổi Diễu hành: do phí bảo hiểm trách nhiệm pháp lý, phí tham gia đã lên tới 35 đôla cho một kỹ sư.

Bây giờ thì lại có việc mà chúng tôi có thể gắng được, tôi tự nhủ. Quảng cáo toàn quốc trên TV chỉ với 35 đôla cho một kỹ sư thì quá hời rồi! Hạn cuối đăng ký cho cuộc Diễu Hành 1989 là tháng Năm năm 1988, vậy tôi có hơn một năm để hoàn tất đề án này. Tôi có thể tiến hành những chuẩn bị ban đầu trong chuyến đi sắp tới của chúng tôi đến Tuva: tất cả những gì tôi cần làm là có được tấm ảnh màu của một người Tuva mặc trang phục dân tộc đang cưỡi ngựa. Cho dù rất tâm đắc, tôi quyết định không nói gì với Keller và Olson về kế hoạch này cho đến khi nó chín muồi. Rồi họ có thể quyết định xem Bảo tàng có muốn hiện diện trong Diễu hành Hoa Hồng hay không.

Vào cuối tháng Ba tôi nhận được một lá thư từ Lamin:

Xin hãy cho biết quyết định cuối cùng về kế hoạch ở thăm Novosibirsk và Tuva của anh...

Giám đốc của Học viện Tuva, TS. Y. Aranchy đã đồng ý và tổ chức để ngày đến Tuva của chúng ta là mồng 10 tháng Bảy, không muộn hơn 15 tháng Bảy... Chúng ta sẽ ở đó khoảng 10 ngày... Theo các đồng nghiệp Tuva của chúng tôi thì khoảng thời gian như thế là đủ để:

- 1) xem tất cả các thăng cảnh ở thủ đô Kyzyl của Tuva;
- 2) thăm Viện Ngôn ngữ, Văn học và Lịch sử Tuva và gặp các cộng tác viên;
- 3) có một chuyến đi đến Arzhan [điểm khai quật của t菴 đồng lớn từ thời Scythia thể hiện một con báo cuộn lại (được giới thiệu trong cuốn sách về nghệ thuật Tuva của Vainshtein và là tác phẩm nổi bật trong Triển lãm Những người du mục)];
- 4) thăm trang trại sản xuất rượu sữa ngựa;
- 5) thăm vài địa điểm thú vị ở Tuva;
- 6) thỏa mãn những quan tâm khác của anh liên quan tới khám phá Tuva và lịch sử của nó.

...Giờ là những giấy tờ cần thiết cho visa. Ralph thân mến, anh phải nộp đơn vào Đại sứ quán Xô Viết hay Lãnh sự quán Xô Viết và lấy một mẫu đơn xin visa đặc biệt cho khách, điền đơn, và đăng ký chính thức. Sau đó, anh gửi đơn xin visa đã đăng ký ấy cho tôi càng sớm càng tốt... Nhận được đơn này, tôi sẽ gửi giấy mời của anh theo con đường riêng hoặc qua Bộ Ngoại giao Liên Xô.

Đây là bước cuối cùng để hoàn tất các thủ tục cần thiết và chính thức hóa chuyến viếng thăm.

Về phía tôi, tất cả các thủ tục khác cũng như các thỏa thuận đều đã được hoàn tất.

Mong sớm gặp lại anh.

Vladimor Lamin.

Chiếc “xe trượt tuyết thứ hai” của Lamin đã sẵn sàng khởi hành. Giờ đây tùy thuộc vào Phoebe và tôi có chấp nhận lên xe hay không.

Tôi thảo luận với Tù trưởng về lời mời của Lamin khi nghỉ giải lao giữa các màn trống.

“Hiện tại ta đang gặp khó khăn ngay cả để Phim Xô Viết và Viện Hàn lâm Khoa học công nhận là đã nhận được các telex của chúng ta”, ông nói. “Trái lại, ông Lamin, ở Novosibirsk, đang giải quyết mọi việc theo sáng kiến riêng, cố gắng giúp ta hết sức mình”.

Tôi nhắc lại rằng, những người Mỹ duy nhất đã đến được Tuva – Owen Lattimore và, sau đó, ba nhà thực vật học – đều đi theo cách đã được sắp xếp ở Novosibirsk. “Vấn đề là, Lamin chỉ có thể mời một trong chúng ta”, tôi than.

“Tạm thời cứ cho là, Novosibirsk là con đường duy nhất để đến được Tuva”, Richard trả lời. “Nếu đúng là như vậy thì cậu và Phoebe nên đi đến đó trước cùng với Lamin và chuẩn bị mọi thứ để sau đó tất cả chúng ta có thể đi cùng nhau”.

“Đó không phải là cái cách mà chúng ta trù tính”, tôi nói. “Nhưng nếu đó là cách duy nhất để tất cả chúng ta có thể đi được, thì tôi sẽ làm. Dù sao, việc gửi đi đơn visa của tôi cũng chẳng phiền toái gì”.

Ngày hôm sau, tôi gửi thư xin các mẫu đơn visa đặc biệt như Lamin đã chỉ dẫn. Đồng thời, tôi cũng xin các mẫu đơn visa thông thường cho tất cả chúng tôi: tôi đã đọc thấy là ở Liên Xô mọi việc thường được giải quyết tức tốc vào phút chót; các du khách có kinh nghiệm kể rằng bạn thường nhận được visa Xô Viết chỉ một ngày trước khi lên đường, nên tốt nhất là điền đầy đủ các đơn của mình từ trước.

Vì giấc mơ đến Tuva từ phía nam của chúng tôi vẫn chưa tắt hẳn, tôi cũng viết cho đại sứ quán Mông Cổ ở London.<sup>1</sup> Theo cách này

---

1. Mặc dù quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Mông Cổ vừa được thiết lập vào tháng Giêng năm đó (1987), nhưng vẫn chưa có Đại sứ quán Mông Cổ ở Washington D.C. Do phụ thuộc vào Trung Quốc (và sau này là Đài Loan), Mỹ đã từ chối công nhận nền độc lập của Mông Cổ trong sáu mươi lăm năm.

chúng tôi có thể mang các đơn xin visa đã điền đầy đủ tới Đại Sứ Quán Mông Cổ ở Moscow để giải quyết ngay tại chỗ.

Vào cuối tháng Tư, Christopher Sykes miễn cưỡng bỏ tên của mình ra khỏi danh sách những người tham gia chuyến đi Tuva, vì anh ấy phải thực hiện các công việc đã cam kết vào mùa hè. Anh ấy đề xuất một người thay thế tuyệt vời: Andre Singer, một chàng trai người Anh trẻ trung nhanh nhẹn, một giáo sư thỉnh giảng ở USC, ngay đối diện bên kia phố với Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên. Singer sở hữu những thành tích ấn tượng: một nhà nhân chủng học được đào tạo bài bản, anh đã làm phim về người du mục ở Sinkiang<sup>1</sup> và ở hành lang Wakhan của Afghanistan, vết đứt ở Hindu Kush phân tách các đế quốc Nga và Anh. Singer đã đến Liên Xô vài lần và đã gặp Basilov.

Keller mời Singer đến gặp chúng tôi ở Bảo tàng. Câu hỏi đầu tiên của TS. Singer là: một khi đã có người Scythia, người Hun và người Thổ cổ xưa, sao triển lãm không có phần về người Mông Cổ, phần vĩ đại nhất về “Những người du mục của hoàng đế”, mà ảnh hưởng của nó đến tận hôm nay vẫn còn cảm nhận được trong cấu trúc của nhà nước Xô Viết? Keller, Olson, Feynman và tôi nhận ra rằng chúng tôi chẳng hiểu biết gì về chủ đề đang quan tâm và thống nhất rằng Singer chính là đối tác thích hợp của Basilov. Anh ấy đã ngay lập tức được tôn là giám đốc triển lãm Những người Du mục.

Còn với kế hoạch làm phim video về những điểm khảo cổ học của chúng tôi, Singer đề nghị rằng đầu tiên anh ấy sẽ quay Owen Lattimore, chuyên gia có uy tín nhất thế giới về những người du mục nội Á. Singer đã quen biết riêng vị chuyên gia này. Sau đó với

---

1. Bộ phim tài liệu của anh ấy *Kazakhs: Những người cưỡi ngựa Trung Quốc* đã được trình chiếu trên PBS.

sự hỗ trợ của một trong các sinh viên sau đại học về nhân chủng học của ông ấy, nhóm còn lại chúng tôi sẽ tới Tuva và tìm kiếm những biểu hiện đương thời của hình thái du mục như Lattimore đã mô tả. Nếu chúng tôi mang về được các băng video tư liệu tốt thì Singer có thể dùng nó để tìm tài trợ cần thiết cho một bộ phim tư liệu hoàn chỉnh vào năm 1988.<sup>1</sup>

Vài ngày sau Singer liên lạc được với Basilov bằng điện thoại. Mặc dù việc thêm phần Mông Cổ vào triển lãm sẽ nảy sinh thêm rất nhiều việc, nhưng Basilov đã đồng ý – có lẽ là do kính trọng sự tham gia của Owen Lattimore vào dự án này. Giờ thì sẽ có hơn một ngàn hiện vật, bộ sưu tập lớn nhất từ trước đến nay sẽ được đưa từ Liên Xô sang Mỹ.

Khi sắp sang tháng Năm, chúng tôi càng lo lắng hơn về chuyến đi. Chúng tôi vẫn chưa thấy gì một cách chính thức từ Phim Xô Viết hay từ Viện Hàn lâm Khoa học. Dù vậy, tôi vẫn đặt chỗ bay từ Los Angeles đến Moscow vào ba ngày khác nhau trên ba đường bay khác nhau. Sau đó, hết ngày này sang ngày khác, tôi bật TV hàng giờ đồng hồ mỗi lần: Richard Secord đang trình diễn một trò giải trí tuyệt vời nhất trên TV từ sau vụ Watergate. Khi lời khai của Secord đã hết, tôi không thể làm ngơ trước sự im lặng của Moscow lâu hơn nữa. Hai tháng đã trôi qua kể từ khi chúng tôi thông báo với Phim Xô Viết và Viện Hàn lâm Khoa học rằng, chúng tôi muốn Viện Hàn lâm sắp xếp chuyến đi cho mình. Được Bảo tàng cho phép, tự tôi gọi điện cho Basilov và nói với anh ấy về sự lo lắng của chúng tôi.

---

1. Singer nhắc nhớ chúng tôi rằng, một cách chính thức thì du mục không còn tồn tại ở Liên bang Xô Viết – nhưng anh ấy tin là chúng tôi sẽ gặp được nhiều hình ảnh ở Tuva. Tuy nhiên, để tránh làm cho chủ nhà của mình lúng túng, chúng tôi sẽ tiếp tục nói rằng mục tiêu của mình là các điểm khảo cổ.

“Tôi hiểu, Ralph”, Basilov trả lời theo cái cách trơn tru đặc trưng của anh ấy. “Mới đây tôi nhận được một lá thư từ bảo tàng của anh với thông tin này. Sẽ khôn ngoan hơn nhiều nếu các anh *không* liên lạc chính thức với Viện Hàn lâm Khoa học, bởi vì liên lạc chính thức với Phim Xô Viết sẽ lợi hơn cho các anh”.

Kế hoạch chơi với cùng “một nhóm bạn” của chúng tôi không vận hành được. Vì lý do gì đó, Viện Hàn lâm Khoa học không muốn chấp nhận chúng tôi. Chúng tôi bị kẹt với Phim Xô Viết.

Rồi tôi bày tỏ lo lắng của mình về việc thời gian sắp hết.

“Tôi hiểu, Ralph. Tôi vừa mới từ Anh về. Tôi sẽ tự mình tham gia thương thảo với Phim Xô Viết, và cố gắng đẩy nhanh tiến độ. Nhưng thực tế là, tôi chẳng là gì đối với họ. Họ chỉ có một đối tác, và đó là các anh, phía Mỹ. Tôi chỉ có thể cho họ vài gợi ý và lời khuyên”. Basilov đề nghị tập trung những nỗ lực của chúng tôi vào một diện hẹp hơn.

Keller gửi một telex khác cho Phim Xô Viết:

THƯA NGÀI SURIKOV,

XIN HÃY THÔNG BÁO CHO CHÚNG TÔI VỀ HIỆN TRẠNG ĐỀ NGHỊ CỦA CHÚNG TÔI, VÀ CHI PHÍ CỦA CHÚNG TÔI CHO CHUYẾN ĐI DỰ KIẾN VÀO NGÀY 28 THÁNG SÁU NĂM 1987. XIN XEM CÁC LÁ THƯ NGÀY 21 THÁNG GIÊNG VÀ 24 THÁNG BA. QUAN TÂM NHẤT TỚI CÁC PHẦN KAZAKH – KIRGHIZ, ALTAI – TUVA. CHÚNG TÔI NHẤN MẠNH CHUYẾN ĐI NÀY CHỈ ĐỂ TẠO CHẤT LIỆU VIDEO BAN ĐẦU, KHÔNG LÀM PHIM TÀI LIỆU THỰC THỰ. CHUYẾN ĐI NÀY LÀ CẦN THIẾT ĐỂ CÓ ĐƯỢC TÀI TRỢ CHO MỘT PHIM TÀI LIỆU TRỌN VẸN, SẼ ĐƯỢC LÀM CÙNG CÁC NGÀI VÀO NĂM 1988, XIN HÃY GỬI TELEX C/O FEYNMAN, 188192 CALTECH PSD.

Bốn ngày sau, một bức telex đến Caltech:

THUẨA TS. KELLER:

CHÚNG TÔI MUỐN THÔNG BÁO VỚI NGÀI RẰNG, DỰ ÁN  
CỦA NGÀI, NHỮNG NGƯỜI DU MỤC ÂU-Á, HIỆN ĐANG  
ĐƯỢC CHUẨN BỊ BỞI PHIM XÔ VIẾT CÙNG VỚI VIỆN HÀN  
LÂM KHOA HỌC LIÊN XÔ. PHIM XÔ VIẾT LÀ TỔ CHỨC DUY  
NHẤT GIẢI QUYẾT CÁC PHƯƠNG TIỆN TÁC NGHIỆP CHO  
CÁC CÔNG TY NGOÀI ĐỂ LÀM PHIM Ở LIÊN XÔ.

NHỮNG LỜI CHÚC TỐT ĐẸP NHẤT,  
ALEXANDER SURIKOV, CHỦ TỊCH.

Cuối cùng cũng đã đáp lại!

Tôi bắt đầu tích cực nghiên ngẫm những tờ phiếu màu vàng của mình – những cụm từ Tuva trên các phiếu này đã trở thành những câu thánh ca mà tôi cứ xướng đi xướng lại khi bị tắc đường. Trên những đoạn đường thoáng, tôi hòa theo tiếng động cơ diesel trầm mạnh của chiếc xe bằng một màn trình diễn hát giọng họng rất yếu.

Cuối tháng Năm, một cậu bé người Đức 19 tuổi đã thành công trong một trò mạo hiểm cho thấy việc ăn mặc như những người chăn cừu và lén vào Tuva xem ra có vẻ đơn giản: vào Ngày của những người lính biên phòng, Matthias Rust bay trên một chiếc Cessna từ Phần Lan sang Moscow, bay sát Kremlin vài lần, và hạ cánh xuống Quảng trường Đỏ. Mặc dù cậu ta có thể đã thành công trong “sứ mệnh hòa bình” của mình bằng cách trao cho Gorbachev một lý do để sa thải vị Bộ trưởng Quốc phòng bảo thủ, Rust đã phải bóc litchen tù một thời gian vì kỷ tích của mình.

Trong suốt hai tuần đầu tiên của tháng Sáu – giờ tới lượt Elliot Abrams, Albert Hakim và Fawn Hall làm chứng về Iran-Contra – cứ cách ngày tôi lại điện đàm với Basilov. Tới giờ, tiền điện thoại và telex của chúng tôi có thể đã đủ để mua một vé máy bay hai chiều đi Moscow, điều đó làm chúng tôi suy nghĩ, nên chăng một trong chúng tôi bay tiên phong và tiến hành thương thảo trực tiếp. Dù sao đi nữa, Basilov thông báo rằng Altai và Kazakhstan vẫn chưa cấp phép, còn Tuva và Kirghizia đã đồng ý rồi.

“Tuyệt!” Tôi đáp lời, tim đập thình thịch. “Đơn xin visa của chúng tôi đã sẵn sàng! Hôm nay tôi sẽ gửi chúng bằng chuyến phát nhanh tới Đại sứ quán Xô Viết!”

Bảo tàng ngay lập tức gửi telex cho Phim Xô Viết và đề nghị xác nhận chính thức về chuyến đi của chúng tôi trước ngày 17 tháng Sáu.

Ngày 17 tháng Sáu đến và đi mà không có phản hồi từ Phim Xô Viết.

Thêm nhiều cuộc gọi tới Basilov, nhưng vẫn không có xác nhận nào của Phim Xô Viết. Cái gì đang gây ra sự chậm trễ này? Tôi đã buộc phải hủy hai trong ba cùm chỗ trên các chuyến bay mà tôi đã đặt trước.

Thomas Luehrs, một sinh viên sau đại học ngành nhân chủng học cùng đi với Andre Singer, trước đây đã từng đến Liên Xô – cũng như Indonesia và Trung Quốc. Cậu ấy buột miệng, “Sao các ông không hỏi thẳng xem Phim Xô Viết muốn bao nhiêu tiền để xác nhận chuyến đi của chúng ta?”

Nghe có vẻ thô, nhưng chúng tôi ở thế đường cùng rồi.

Hôm sau, Basilov thông báo rằng Phim Xô Viết cần 50.000 rúp – hơn 80.000 đôla – để lo liệu cho chuyến đi sáu tuần của chúng tôi!

“Họ hẳn nghĩ chúng ta là một bọn sản xuất phim Hollywood thành đạt nhất!” tôi nói. Chúng tôi bàn luận xem có thể chi bao nhiêu cho toàn bộ chuyến đi và dừng lại ở giới hạn 14.000 rúp. Cùng với Keller, chúng tôi nhanh chóng thảo một telex và gửi nó cho Phim Xô Viết:

THƯA NGÀI SURIKOV,

TÔI RẤT VUI ĐƯỢC BIẾT PHIM XÔ VIẾT SẼ SẮP XẾP CHUYẾN  
ĐI THU THẬP TƯ LIỆU LÀM PHIM. CHÚNG TÔI CÓ THỂ CHI  
14.000 RÚP ĐỂ TRẢ MỌI PHÍ TỔN (TRỪ ĂN UỐNG) CHO Bảy  
THÀNH VIÊN TRONG 30 NGÀY.

CHUYẾN BAY TIẾP THEO DUY NHẤT CÓ THỂ CỦA CHÚNG  
TÔI ĐẾN MOSCOW NGÀY 5 THÁNG Bảy. ĐỂ NHẬN ĐƯỢC  
VISA ĐÚNG LÚC, HÃY GỬI NGAY THƯ MỜI ĐẾN TÔI BẰNG  
TELEX HOẶC ĐIỆN TÍN XÁC NHẬN CHUYẾN ĐI VỚI TÊN  
NHỮNG NGƯỜI THAM GIA: GLEN COWAN, RICHARD VÀ  
GWENETH FEYNMAN, PHOEBE KWAN, RALPH LEIGHTON,  
THOMAS LUEHRSEN, VÀ JAMES OLSON. (ÔNG SYKES KHÔNG  
THỂ THAM GIA.)

NHỮNG LỜI CHÚC TỐT ĐẸP NHẤT.

PETER KELLER C/O RICHARD FEYNMAN 188192 CALTECH PSD

Không hồi âm.

Tôi lại gọi cho Basilov. Anh ta nói chuyến đi của chúng tôi đang được giải quyết bởi một phụ nữ tên là Marina, và cho chúng tôi số điện thoại của bà ấy ở Phim Xô Viết. Hạn cuối để hủy chỗ đã đặt của chúng tôi từ Los Angeles đi Moscow chỉ còn một ngày nữa. Tuyệt vọng, tôi đã gửi đi bức telex sau:

CHÚ Ý! KHẨN: NẾU NHƯ CHÚNG TÔI KHÔNG NHẬN ĐƯỢC  
THƯ MỜI CHÍNH THỨC CỦA CÁC VỊ HÔM NAY, CHÚNG TÔI  
SẼ MẤT CHỖ MÁY BAY.

Tối hôm đó, tôi gọi điện đến Phim Xô Viết và nói chuyện với Marina, Tù trưởng khuyên tôi nên thân thiện (thân thiện làm dịu căng thẳng, ông nói), mặc dù chúng tôi đã tức phát điên lên với cách hành xử của Phim Xô Viết. Tôi hỏi Marina về tình trạng chuyến đi của chúng tôi.

“Chúng tôi, tại thời điểm này, đang sắp xếp mọi việc”, bà ấy nói.

“Bà có thể làm ơn cho tôi biết chúng tôi phải trả bao nhiêu cho chuyến đi này?”

“Tôi không biết chính xác”, Marina đáp. “Có lẽ 28.000 hay 29.000 rúp – có thể hơn”. Bà ta cứ như là Mafia định giá bảo kê cho một cửa hàng pizza.

“Chúng tôi chỉ có 14.000 rúp để chi trả”, tôi phản ứng một cách buồn rầu. “Vì sao lại tốn nhiều như vậy?”

“Anh sẽ cần thêm vé. Anh sẽ cần thêm đồ đạc...” Cái bóng ma của Marina và băng côn đồ Phim Xô Viết cứ bám theo chúng tôi – do chúng tôi chi trả, không ít hơn – chọc tức tôi. Dù vậy, tôi vẫn cố tỏ ra thân thiện.

Marina hẵn đã nghĩ tôi là một thằng ngốc.

Sáng hôm sau, Tù trưởng gọi tôi.

“Này, anh bạn, có một bức telex của Phim Xô Viết đến sáng nay....”

“Thật à?”

“Ü, để tôi đọc nó cho cậu nghe:

“THUÁ TS. KELLER,

BỨC TELEX NÀY LÀ ĐỂ XÁC NHẬN RẰNG GLEN COWAN, RICHARD VÀ GWENETH FEYNMAN, PHOEBE KWAN, RALPH LEIGHTON, THOMAS LUEHRSEN, VÀ JAMES OLSON ĐÃ ĐƯỢC MỜI THAM GIA CHUYẾN ĐI THU THẬP TƯ LIỆU LÀM PHIM TẠI LIÊN XÔ TỪ 5 THÁNG BÂY ĐẾN 10 THÁNG TÁM. VỀ VIỆC NÀY, XIN HÃY GỬI SỐ TIỀN TƯƠNG ĐƯƠNG 14.000 RÚP Ở TỶ GIÁ RAXEEE HIỆN TẠI VÀO TÀI KHOẢN #179562 CỦA NGÂN HÀNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI”.

“Thật kỳ lạ, Tù trưởng”, tôi nói. “Tôi vừa nói chuyện với Marina tối hôm qua, và bà ta bảo rằng chúng ta sẽ phải trả cho chuyến đi nhiều hơn hai lần con số đó”.

“Cậu nói chuyện với bà ta khi nào?”

“Lúc nửa đêm, giờ của ta – 11 giờ sáng ở Moscow”.

“Rồi, bức telex này được gửi đi lúc 4 giờ 45 chiều ở Moscow và do Surikov ký. Tôi nghĩ ông ta đã bác bỏ ý kiến của Marina. Tôi nghĩ chúng ta ổn rồi!”

“Hy vọng là như vậy, Tù trưởng”.

“Hãy gọi cho Keller bên Bảo tàng xem ông ấy nói gì”.

Keller khuyên chúng tôi liên lạc với Sylvan Marshall, luật sư ở Washington D.C., người đã giúp ông thương thảo bản nghị định thư với những người Xô Viết. Tôi đọc bức telex của Phim Xô Viết cho ông Marshall nghe, và hỏi ngay về cái tỷ giá “RAXEEE” được nêu trong bức telex này.

“Tất nhiên, có một tỷ giá chính thức – khoảng 1,65 đôla ăn một rúp. Nhưng tôi chưa bao giờ nghe về tỷ giá RAXEEE”.

Rồi tôi kể với Marshall về sự không ăn khớp giữa cuộc nói chuyện của tôi với Marina và bức telex từ Surikov.

Marshall khuyên chúng tôi gửi ngay bức telex sau đây:

THƯA NGÀI SURIKOV,

CẢM ƠN NGÀI ĐÃ GỬI LỜI MỜI CHO CHUYẾN ĐI TỪ 5 THÁNG BÂY ĐẾN 10 THÁNG TÁM. CHÚNG TÔI SẴN SÀNG CHUYẾN SỐ ĐÔLA MỸ TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI 14.000 RÚP. XIN HAY KHẲNG ĐỊNH BẰNG TELEX HÔM NAY RẰNG SỐ TIỀN NÀY LÀ TẤT CẢ NHỮNG GÌ CHÚNG TÔI PHẢI TRẢ CHO CHI PHÍ TỔNG THỂ (TRỪ ĂN UỐNG) CHO TOÀN BỘ CHUYẾN ĐI Ở LIÊN XÔ. KHÔNG CÓ CÁC NGUỒN TIỀN BỔ SUNG. THÊM NỮA, HAY XÁC NHẬN NHỮNG KHU VỰC MÀ CHÚNG TÔI SẼ THĂM. CẦN TRẢ LỜI NGAY.

NHỮNG LỜI CHÚC TỐT ĐẸP NHẤT,

PETER KELLER C/O RICHARD FEYNMAN 188192 CALTECH PSD.

Trong khi chúng tôi đợi trả lời của Phim Xô Viết, Tù trưởng đã luận giải tỷ giá RAXEEE là gì: “Rõ ràng là không có cách nào để xóa cái gì đó trên máy telex, nên anh đành cứ viết EEE sau chỗ bị lỗi. Và như thế, RAXEEE chỉ là một chỗ lỗi”.

Trong khi tôi cố gắng thuyết phục hàng hàng không giữ chỗ cho chúng tôi thêm một ngày nữa, chúng tôi cẩn thảng chờ đợi trả lời của Phim Xô Viết. Sáng hôm sau tôi điện thoại cho người quản lý máy telex của Caltech. Vâng, có một telex cho chúng tôi:

LJEN QUAN VỚI CHUYẾN ĐI THU THẬP TƯ LIỆU LÀM PHIM CỦA CÁC NGÀI, CÁC NGÀI CÓ THỂ GỬI SỐ TIỀN TƯƠNG ĐƯƠNG

10.000 RÚP VÀO TÀI KHOẢN MANG SỐ #179562 CỦA NGÂN HÀNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI. PHẦN CÒN LẠI SẼ ĐƯỢC THƯƠNG THẢO KHI CÁC NGÀI ĐẾN MOSCOW VÀO 5 THÁNG BÂY.

Giờ thì chúng tôi đã *chắc chắn* rằng Phim Xô Viết là một băng mafia Nga!

“Tè vào chúng!” Tù trưởng cười mỉa. “Tôi sẽ chẳng dây dưa gì với Phim Xô Viết nữa!” Tôi đề nghị gửi cho Surikov một bức telex bốn chữ: HÃY XUỐNG ĐỊA NGỤC. Nhưng Andre Singer, vừa mới quay về từ chuyến làm phim Owen Lattimore, khuyên chúng tôi rằng theo thói quen mua bán ngoài chợ ở vùng Trung Á, thì chúng ta không thể là những người bỏ cuộc mặc cả: chúng ta phải ép cho phía bên kia làm việc ấy. Tù trưởng ngay lập tức đồng ý với ý kiến đó. Hơn nữa, Phim Xô Viết vẫn là cơ hội tốt nhất để chúng tôi cùng nhau đến được Tuva – chúng tôi không thể gác kiếm bây giờ! Chúng tôi gửi đi bức telex sau:

#### THUА NGÀI SURIKOV

THẬT KHÔNG MAY, 14.000 RÚP LÀ TẤT CẢ NHỮNG GI  
CHÚNG TÔI CÓ THỂ KIẾM ĐƯỢC. TẤT NHIÊN CHÚNG  
TÔI KHÔNG THỂ ĐẾN MOSCOW NẾU BIẾT RẰNG SỐ TIỀN  
CHÚNG TÔI PHẢI TRẢ VƯỢT QUÁ NGÂN QUÝ CỦA MÌNH,  
NÊN CHÚNG TÔI ĐÃ HỦY ĐẶT CHỖ CỦA MÌNH CHO  
CHUYẾN BAY NGÀY 5 THÁNG BÂY. CHÚNG TÔI SẼ RẤT  
BIẾT ƠN NẾU NGÀI CÓ THỂ KHẲNG ĐỊNH LIỆU CHUYẾN  
ĐI PHẢI HỦY BÂY GIỜ HOẶC VẪN CÒN MỘT HÀNH TRÌNH  
HẠN CHẾ HƠN VỚI 14.000 RÚP.

DÙ KẾT QUẢ RA SAO, CHÚNG TÔI CẢM ƠN TẤT CẢ CÁC  
NGÀI, NHẤT LÀ MARINA, MÀ RALPH ĐÃ GẶP TRÊN ĐIỆN

THOẠI, VỀ NỖ LỰC CỦA CÁC NGÀI TRONG VIỆC CỐ GẮNG  
GIÚP CHÚNG TÔI.

NHỮNG LỜI CHÚC TỐT ĐẸP NHẤT,

PETER KELLER C/O RICHARD FEYNMAN 188192 CALTECH PSD

Một tuần trôi qua không có phản hồi. Con ngựa mà chúng tôi  
được bảo là hãy cầm cương và cưỡi đến Tuva đã phi nước đại đi  
mất đến những đồng cỏ xanh hơn.



## Những chàng cao bồi Catalina

Không lâu sau ngày 4 tháng Bảy, tôi nghe thấy một bản tin trên *National Public Radio* về Liên hoan Phim Quốc tế Moscow. Bỗng nhiên Moscow trở thành điểm đến. Nước Nga thời thượng. Các ngôi sao điện ảnh từ khắp nơi trên thế giới tụ hội về Quảng trường Đỏ. Gorbachev trở thành một ngôi sao truyền thông, lấy đi vị trí nổi bật của Ronald Reagan, người đang sa lầy trong vũng bùn Iran-Contra.

12

Liên hoan được tổ chức bởi Ủy ban Quốc gia Xô Viết về Nghệ thuật Điện ảnh (Goskino) và cơ quan trực thuộc của nó, Phim Xô Viết. “Thảo nào mà chuyến đi của chúng ta bị bỏ rơi”, tôi nói với Richard. “Với Phim Xô Viết, việc sắp xếp một chuyến cắm trại cho các cộng tác viên nghiên cứu Bảo tàng xem những người du mục ở một nơi hẻo lánh thì chỉ toàn là phiền toái và không lợi bằng sắp xếp các

khách sạn năm sao cho những người nổi tiếng thế giới đến xem phim ở Moscow”.

Chúng tôi tới ngôi nhà bên bờ biển của Richard ở Mexico để nghỉ ngơi và thư giãn. Hằng ngày, Tù trưởng dạo bộ khá lâu trên bãi biển và làm việc mà ông thích nhất – đó là suy nghĩ.

Một buổi chiều, ông loạng choạng vào nhà và rơi phịch xuống chiếc ghế sofa lớn trong phòng khách. “Anh bạn, tôi là một anh hùng thực thụ”, ông nói, hết sức mệt mỏi.

“Tôi biết điều đó chứ, Tù trưởng; nhưng, cái gì làm ông nói ra như vậy vào lúc này?”

“Tôi vừa mới cứu một cậu bé Mexico và hai người đàn ông tham gia cứu cậu ấy, khỏi bị chết đuối”. Tôi không thể tưởng tượng được, bằng cách nào Tù trưởng, một người vừa trải qua cuộc đại phẫu ung thư lần thứ ba chỉ chín tháng trước (và trong nhiều năm đã bị chứng loạn nhịp tim và huyết áp cao đeo bám), lại có thể vượt qua được một thử thách như vậy. Nước ở khu *Playa de la Mision* trên bờ “Thái Bình Dương” thì có khi nào yên ả đâu.

“Nhưng đó không phải điều tồi tệ nhất”, ông tiếp tục. “Để cảm tạ tôi, những người phụ nữ trên bãi biển đã mời tôi mấy con sò sống với sốt cay. Tôi tưởng mình chẳng bao giờ có thể nuốt được”.

Khi chúng tôi quay lại Pasadena, một lá thư đang đợi tôi. Lamin thông báo rằng văn phòng visa địa phương không thể xem xét visa của chúng tôi cho đến khi ông trở về từ Nhật. (Ông ấy thăm Osaka hai tháng cùng với một triển lãm Xô Viết khác.) “Xe trượt tuyết” thứ hai của chúng tôi cũng bị ách lại.

Vài tuần sau, Richard và tôi đến gặp TS. Keller và Giáo sư Gary Seaman của USC để bàn về những sự kiện sắp tới. Giáo sư

Seaman tổ chức một cuộc hội thảo vào cuối tháng Chín để phối hợp các kế hoạch cho cuộc triển lãm, hội nghị chuyên đề của nó và liên hoan phim tài liệu về những người du mục Âu-Á. Ý tưởng của Seaman là mời Owen Lattimore và Richard Feynman làm chủ tịch danh dự của hội thảo (thật là một buổi gặp mặt với những người xuất chúng!), Kapitsa và Basilov đại diện cho Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, và Surikov đại diện cho Phim Xô Viết. Nếu như mọi chuyện diễn ra tốt đẹp – đó là, Surikov có chuyến thăm Disneyland – thì chúng tôi có thể khởi động lại chuyến đi đã định và tới Tuva vào tháng Mười.

Tôi cũng đề nghị mời Maxim Munzuk tới hội nghị. “Biết đâu Munzuk đủ sức để kéo chúng ta đến Tuva”, tôi nói. “Ít ra anh ấy có thể nhìn thấy Hollywood và làm một vòng Viện Hàn lâm nghệ thuật và khoa học Điện ảnh, nơi đã trao cho *Dersu Uzala* giải Oscar mà có lẽ anh ấy chưa bao giờ nhìn thấy”.

“Với tôi thì việc đó được thôi”, TS. Keller nói. “Nhưng Kapitsa đã yêu cầu là vợ ông ấy sẽ đi cùng, và Bảo tàng đã đồng ý chi vé máy bay cho bà ấy – vậy là lại thêm một vé hạng nhất tới Los Angeles. Ngoài ra, Kapitsa và Basilov đã ba bốn lần yêu cầu chúng tôi gửi lại giấy mời – nó cứ bị thất lạc ở đâu đó trên đường đi. Tôi không thấy làm thế nào để có cơ hội cho ai đó từ Tuva”.

Chúng tôi vẫn cứ thử mời, nhưng Keller đã đúng: Munzuk đã không thể chấp nhận lời mời của chúng tôi. Surikov xin thú lỗi về việc này, nói rằng ông ta đã có những cam kết từ trước.

Sắp sang tháng Chín, Bảo tàng liên hệ với bộ phận lễ tân của Hạt Los Angeles. Gia đình Kapitsa và Basilov sẽ được đưa đi quanh Los Angeles bằng một chiếc limousine đặc biệt; lịch hoạt động của

họ bao gồm một lẽ đón tiếp đặc biệt ở Ban Lãnh đạo của Hạt, vài bữa tiệc tối sang trọng, và, tất nhiên, mua sắm ở khu Beverly Hills.

Ý tưởng của Richard là tiếp đai nhà Kapitsa không như những khách VIP mà như những người bình thường. Ông sẵn sàng mời họ nghỉ ở nhà mình (Basilov sẽ ở một nhà hàng xóm nào đó), và đưa họ đi cắm trại – để chỉ cho ngài Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học thấy cách thức mà chúng tôi thích đi du ngoạn ở Tuva.

Bảo tàng lấy phòng cho các vị khách đặc biệt của mình ở Khách sạn Bel Air, ẩn mình giữa khu nhà dân đẹp nhất của Los Angeles.

Những người Xô Viết đến Los Angeles vào một tối thứ Bảy, và TS. Keller đã ra đón họ ở sân bay. Ngay lập tức thấy rõ vì sao Điều 21 của nghị định thư nhấn mạnh, “Với phái đoàn chính thức của Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, khách sạn và vé máy bay phải là hạng nhất”: vòng bụng của Kapitsa ít nhất là 127cm!

Pyotr Kapitsa, bố của Andrei, đã đoạt giải Nobel vật lý năm 1978 về những nghiên cứu của ông vào những năm 1930.<sup>1</sup> Yêu cầu đầu tiên của Andrei với Keller là giúp ông ta lấy tiền bằng điện tín từ một nhà băng Thụy Điển.

Trong khi gia đình Kapitsa thư giãn ở khách sạn vào ngày Chủ nhật, tôi dẫn Basilov đi quanh Los Angeles. Khi chúng tôi đi loanh quanh các vùng lân cận đa dân tộc, tôi có thể thấy là Vladimir đang sốt ruột: anh ấy muốn thực hiện mục tiêu của mình, đó là bơi ra từ bờ phía đông của Thái Bình Dương (anh ấy đã từng bơi ở gần Vladivostok), nên chúng tôi đi về phía bãi biển Venice và bơi ào một cái ở vịnh Santa Monica chẳng sạch sẽ gì vì ô nhiễm.

---

1. Rất nên đọc tóm tắt tiểu sử đặc sắc của Kapitsa bố trong *Bách khoa toàn thư Britannica* (xuất bản lần thứ 15)

Tối hôm đó, giám đốc Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên, TS. Black và vợ ông, TS. Black (Vợ ông cũng có bằng tiến sĩ.) chiêu đãi những người Xô Viết.

Ngày hôm sau, thứ Hai, gia đình Kapitsa được dẫn đi xem xưởng nghề của hai nhiếp ảnh gia nổi tiếng Harold và Erica Van Pelt. Trong khi đó, Basilov tới viện Bảo Tàng để bắt đầu bàn về cuộc triển lãm.

Tối hôm đó tới lượt nhà Feynman chiêu đãi những người Xô Viết. Bắt chước Bảo tàng, Gweneth thuê hai người chủ hàng ăn cao cấp, lấy ra bộ đồ ăn bằng bạc đẹp nhất của mình, và chuẩn bị cả ngày cho bữa ăn. Chiều muộn, tôi lái xe của bố vợ đến khách sạn. (Xe của tôi quá nhỏ và không có điều hòa.) Tôi gõ cửa phòng Basilov, đánh thức anh giữa giấc ngủ sâu. Trong khi Vladimir mặc quần áo, tôi sang phòng bên để gọi gia đình Kapitsa.

Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô mặc một chiếc áo sơ-mi ngắn tay cũ có thể là sản phẩm của K-Mart những năm 60. Nhìn thấy tôi với sơ-mi trắng và cra-vat quấn quanh cổ, Kapitsa hỏi, “Anh có nghĩ là Giáo sư Feynman sẽ không vui nếu tối nay chúng tôi ăn mặc không trang trọng lắm?”

“Không có vấn đề gì đâu”. Tôi trả lời một cách vui vẻ. Tôi gọi điện ngay cho Tù trưởng và nói với ông tin vui này.

Basilov xuất hiện ngay – áo khoác và cra-vat – và chúng tôi lái xe về Pasadena. Trên đường đi, chúng tôi trao đổi đôi chút về Tuva. Tôi định nói, “Tại sao ông lại đẩy chúng tôi sang Phim Xô Viết?” nhưng đã kịp giữ miệng: có thể Kapitsa sẽ tự mình giúp chúng tôi được Tuva – giờ ông đã tự chuyển việc ấy đến California. Điều đó sẽ tùy thuộc vào việc ông ấy ăn ý với Richard tới mức nào. Được khích lệ bởi cách ăn mặc xuề xòa của Kapitsa, tôi nhắc đến ước muôn của Feynman được đến thăm Tuva như một người bình thường hơn là một khách VIP.

Kapitsa mỉm cười. “Để bảo vệ danh tính của Feynman, chúng tôi có thể làm cho ông ấy một visa dưới cái tên Fenimore Cooper”,<sup>1</sup> ông ấy nói, lưu ý sự tương tự về tên gọi giữa Tù trưởng và một nhà văn Mỹ (tôi chưa bao giờ nghe về nhà văn này, tôi ngượng ngùng thừa nhận.)

Buổi tối đã diễn ra tuyệt vời. Với sự vui vẻ của Gweneth, Kapitsa kể dài dòng những câu chuyện khó tin về các cuộc thám hiểm tới châu Phi và Nam Cực, các cuộc phiêu lưu ở Alaska (ông ta đã ở đó với tư cách cố vấn của một tập đoàn xây dựng đường ống Alaska), và chuyến thăm của ông tới một cơ sở tầng đất cái đóng băng vĩnh cửu ở – một nơi không ngờ tới – Arizona. Chỉ một lần này, Feynman đành phải đệm theo “Thật sao?” và “Thật khó tin!”

Andrei và Richard ngay lập tức trở thành bạn. Họ bàn về đủ vấn đề, kể cả những trải nghiệm không mấy dễ chịu của Richard ở Italia và Phần Lan với các đoàn khoa học Xô Viết đầy những mật vụ KGB.

“Viện Hàn lâm Khoa học đã từng bị Mafia Moscow điều khiển”, Andrei nói. “Nhưng giờ thì khác hơn rồi. Chúng tôi đã tổng khứ hết mật vụ KGB”.

Tôi lưu ý rằng mặc dù Brezhnev đã bắt Sakharov đi đày ở Gorky, Viện Hàn lâm Khoa học chưa bao giờ rời bỏ Sakharov, vẫn trả ông lương hưu hàng tháng và giữ nguyên cẩn hộ cũng như nhà nghỉ của ông dành đợi ông trở về.

Feynman vẫn cứ không thoái mái với ý tưởng chính thức thăm Moscow và gặp các nhà khoa học, ngay cả sau khi đã thăm Tuva. “Tuy nhiên có một số nhà khoa học mà tôi rất quan tâm đến công trình của họ”, ông nói.

---

1. James Fenimore Cooper (1789-1851) là nhà văn nổi tiếng người Mỹ, chuyên viết tiểu thuyết lịch sử - ND

“Ông có thể gặp riêng họ”, Andrei đáp lời “Ralph đã nói với tôi rằng ông muốn đến thăm Tuva một cách lặng lẽ thế nào. Chúng tôi thậm chí đã bàn tính việc cấp cho ông một visa dưới cái tên Fenimore Cooper!”

Tù trưởng rất thích ý tưởng này. Mọi người mỉm cười – kể cả Basilov, anh ấy chỉ chực chìm lại vào giấc ngủ sâu của mình.

Khi lái xe đưa những người Xô Viết trở lại khách sạn, tôi hỏi họ muốn xem gì ở California – Công viên Quốc gia Yosemite chẳng hạn?

“Tôi vẫn luôn muốn được xem Yosemite”, Andrei nói. “Chúng tôi sẽ rất, rất vui nếu có thể đến đó”.

“Tôi sẽ nói với Bảo tàng và cố thu xếp việc này”, Tôi đáp lời.

“Chúng tôi cũng muốn xem Oakland”, Andrei nói.

“Oakland? Tôi chẳng biết thứ gì ở Oakland ngoài Quảng trường Jack London”.

“Đó chính là cái mà chúng tôi muốn nhìn thấy. Jack London rất nổi tiếng ở Liên Xô”.

“Tôi có thể hiểu được điều đó”, tôi nói, cố lấy lại khí thế sau cái lần để lộ ra sự thiếu hiểu biết đáng xấu hổ trước đây của mình. “Tôi đã đọc *Tiếng gọi nơi hoang dã* khi còn ở trung học phổ thông”.

Hôm sau tôi gọi cho Bộ phận Xô Viết ở Bộ Ngoại giao, và được biết là chúng tôi có thể đưa những người Xô Viết đi bất cứ đâu trong nước Mỹ, miễn là chúng tôi thông báo nơi sẽ đến. Thế là tôi gọi điện cho Bảo tàng và được chấp nhận để đưa gia đình Kapitsa tới Yosemite và Oakland.

Hôm sau TS. Keller và tôi dẫn những người Xô Viết đi quanh Disneyland. Andrei ghi lại mọi thứ vào chiếc máy quay Sony Video

8 mà ông ấy đã mua ở Nhật trong một chuyến đi gần đây. Trong khi chúng tôi bàn luận về các hệ video, Andrei kể lại nguyện vọng của cậu em trai Sergei của mình. Cậu này phụ trách một chương trình tivi về khoa học thường thức cho thanh thiếu niên ở Liên Xô và muốn tìm một bộ chuyển đổi cho cái anten đĩa vệ tinh của mình để có thể thu được các kênh trên dài Ku mới. Gia đình Kapitsa thường xuyên xem các đài truyền hình Mỹ và Tây Âu, ghi lại các chương trình của BBC và các đài khác trên các máy thu video đa hệ của họ. (Hai hôm sau tôi đã tìm thấy một bộ chuyển đổi như vậy.)

Vào thứ Sáu mọi người đi sang USC để tham dự hội thảo do giáo sư Seaman tổ chức. Thật tiếc, Owen Lattimore không thể có mặt: ông đã bị đột quỵ vài tuần sau cuộc phỏng vấn với Andre Singer, và không thể nói được. Vì thế, Richard Feynman là chủ tịch danh dự duy nhất của hội thảo. Lời khai mạc của ông, đọc trong bữa sáng thuộc chương trình làm việc, đã điểm lại một cách ngắn gọn những sự kiện dường như không tưởng đã dẫn đến cuộc tụ hội quốc tế đó.

Trong khi TS. Keller đọc lời chào mừng riêng của mình, Basilov, ngồi bên trái tôi, nhoài người sang và nhờ tôi giúp anh ta một việc: theo phép xã giao Nga, khi một người nói về người khác một cách trịnh trọng thì người nói phải dùng tên riêng và tên đệm, chứ không dùng họ. Ví dụ, Basilov gọi Kapitsa, sếp của mình, là “Andrei Petrovich”. Basilov không nhớ tên đệm của bà Kapitsa, và quá ngượng để hỏi bà điều đó. Là một người Mỹ, tôi có thể gọi bà ấy là “bà Kapitsa” mà không bị cho là bất lịch sự.

“Bà Kapitsa”, tôi nói, “Tôi rất muốn được biết tên đệm của bà”.

“Ồ, được thôi”, bà trả lời, “anh có thể cứ gọi tôi là Eugenia – hay Zhenia, nếu anh thích”.

Tôi cười thầm khi nghĩ đến sự thất vọng của Basilov về kế hoạch khó xử của mình. Dù sao, tôi nghĩ là mình gắng giúp anh ta thì tốt hơn, nên tôi nói. “Cảm ơn bà, Eugenia. Tôi biết tên đệm của chồng bà là Petrovich; tôi chỉ muốn biết là với trường hợp của phụ nữ thì thế nào”.

“Tên đệm của tôi là Alexandrovna”, bà nói. “Tên của bố tôi là Alexander”.

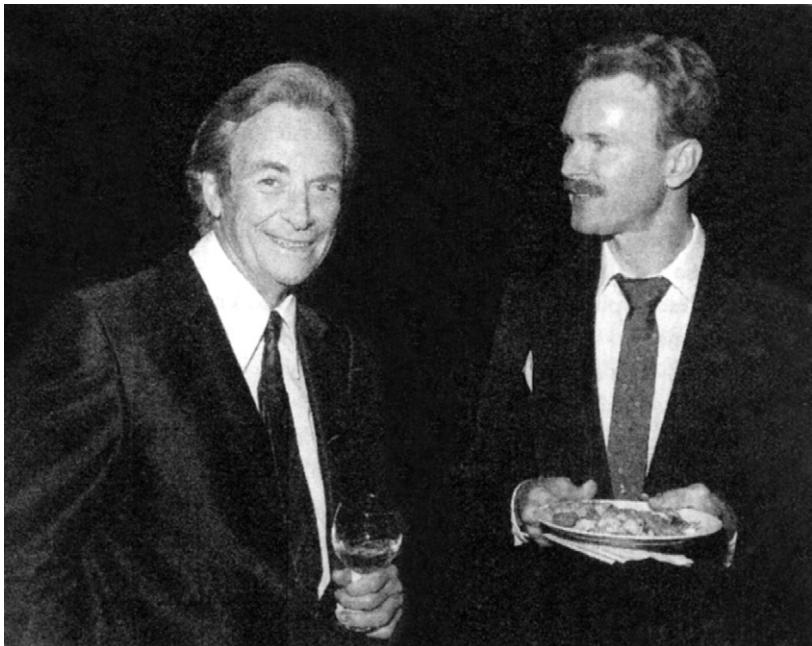
“Tôi hiểu”, tôi nói, nháy mắt với Basilov, anh ấy chỉ hơi gật đầu ra hiệu.

Sau bữa sáng, những người tham gia hội thảo đi ngang qua phố sang Bảo tàng. Tù trưởng khá mệt nên tôi đưa ông về nhà.

Tối hôm đó có buổi tiếp đãi chính thức tại gia đình Black dành cho những người tham gia hội thảo. Có nữ tiếp viên, nơi đỗ xe, giải trí bằng một cặp balalaika, và rất nhiều trứng cá, bánh blintze, và những món ngon khác của Nga – chưa nói đến một lượng dư dả vodka và các thức uống có cồn khác. Trong số nhiều món quà tặng cho các vị khách danh dự có chiếc “Chìa khóa vào Hạt”, thật quá phô trương.

Richard dành gần cả buổi tối để nói chuyện với Giáo Sư Li Youyi của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc về lịch sử và khoa học Trung Quốc. Tù trưởng rất quan tâm đến việc làm thế nào mà Trung Quốc đã tiến bộ rất sớm về khoa học như thế, nhưng sau đó lại bị lún sâu vào mê tín. Ông đã đọc khá nhiều về vấn đề này, và TS. Li rất vui.

Họ cũng nói về Tuva. TS. Li cho biết có khoảng vài ngàn người Tuva sống ở dãy Altai, phía cực bắc của Sinkiang, gần biên giới Mông Cổ, và nói chắc rằng ông ấy có thể sắp xếp cho chúng tôi một chuyến đi đến nơi đó. Khi Richard kể với tôi về tin này, tôi



Nhà tổ chức quốc tế các triển lãm bảo tàng đang thưởng thức một cốc nước đá cùng trợ lý của mình tại buổi tiếp đón các khách VIP Xô Viết. (Được sự cho phép của Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên hạt Los Angeles.)

nói, “Tuyệt! Những người Tuva ở Sinkiang có lẽ ít bị phá phách bởi những người bên ngoài hơn là những người Tuva ở trong Tuva. Và trên đường đi lên phía bắc từ Ürümqi, chúng ta có thể dừng lại và đặt một đài kỷ niệm cho trung tâm *thực thụ* của châu Á”<sup>1</sup>.

Khi Phoebe và tôi chuẩn bị rời buổi chiêu đãi, tôi hỏi gia đình Kapitsa xem hôm sau họ thích tham dự hội thảo ở USC, hay đi xem vài danh thắng ở Los Angeles. Câu trả lời được nhấn mạnh là: họ muốn được xem các danh thắng – nhất là Bảo tàng J. Paul Getty.

---

1. Nếu độc giả không để ý, xin xem lại chú thích ở trang 88.

Tôi biết rằng thường thì muốn vào Bảo tàng Getty phải đăng ký trước. Các phòng trưng bày của bảo tàng này được đặt trong một bản sao của một别墅 Roman, được xây trên đỉnh một khu đê xe. Vì thế, khi tôi đến đón gia đình Kapitsa vào ngày hôm sau, tôi đã nói họ mang theo “Chìa khóa vào Hạt”.

Khi chúng tôi đến Bảo tàng Getty, bảo vệ hỏi tên tôi. Tôi nói. “Leighton”.

“Tôi không thấy tên ông trong danh sách đăng ký, ông Leighton”, anh ta nói.

“Tôi không có thời gian để đăng ký”, tôi nói. “Vừa tối hôm qua các vị khách mới hỏi tôi xem liệu họ có thể thăm bảo tàng tuyệt vời của các anh không. Họ đến từ Liên Xô, và sẽ ở Los Angeles chỉ vài ngày.”

“Tôi rất tiếc, nhưng nếu không đăng ký trước thì các ông không thể vào”.

Tôi lấy ra chiếc chìa khóa cầu kỳ từ cái hộp trang trọng của nó. “Cái này có giúp được gì không?” Tôi hỏi.

“Vào đi”, người bảo vệ nói với một thái độ không dễ chịu lắm. “Hãy bảo những người Nga nên biết sống hòa thuận”.

Kapitsa cười.

Hôm sau, tất cả những người tham gia hội thảo được đưa đi thăm Santa Catalina, một hòn đảo nằm cách Los Angeles 25 dặm về phía tây nam, ở đây USC có một trạm nghiên cứu. Thuyền đi mất chín mươi phút qua biển nước sóng vỗ bập bênh. Mặt trời chọc thủng tầng mây khi chúng tôi rời thuyền và đi về nhà hàng dùng bữa trưa đã được đặt trước.

Chúng tôi không thể không để ý đến một nhóm đàn ông hoạt náo đang ngồi uống bia phía ngoài trên một sàn gỗ rộng. Tất cả bọn họ

đều mang các bộ đồ cao bồi – mũ, quần, ủng, đinh thúc ngựa – cứ như trong phim ảnh. Nhưng khi tôi nghe lỏm được câu chuyện của họ thì tôi đã lặng đi vì kinh ngạc: không phải tết dây da thuộc hay quăng dây bắt các con vật, mà họ nói về lãi suất, bất động sản, và những đầu tư gần đây nhất trên phố Wall.

Trong đám cao bồi thành thị này nổi lên hai nhân vật đặc biệt. Một là anh chàng râu mép rậm người Mexico-Mỹ, tự hào về tài sản của mình, mang cái mũ to vành rộng – giống như Pancho Villa.<sup>1</sup> Người kia, một người có tuổi, trông như ông ta vừa kết thúc một ngày thăm dò khoáng sản vất vả, đang huyên thuyên một câu chuyện điên rồ nào đó, làm mọi người cười nghiêng ngả, thì bỗng nhiên ông ta nhìn thấy Tù trưởng và nói, “Này Dick!”

Khuôn mặt của Richard sáng lên. “Zorth!” ông kêu to. Đó là Jirayr Zorthian, một nghệ sĩ Altadena lập dị mà Richard đã quen biết nhiều năm.

Cuộc hội ngộ không thể đẹp hơn ngay cả nếu nó đã được sắp đặt từ trước.

Trong khi Kapitsa thích thú quay video về những dấu vết còn lại này của nền văn hóa du mục châu Mỹ, Basilov đứng nghiêm chụp ảnh cùng một cao bồi gầy yếu đang hôn vào má anh. Những chàng cao bồi bảo thủ về chính trị ngay lập tức trở thành những nhà ngoại giao công dân, rút các đồ trang trí trên mũ của họ ra để trao đổi. Những chiếc mũ cao bồi của nửa tá thành viên Los Caballeros giờ được trang trí thêm bằng những chiếc ghim từ Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.

---

1. Tên thật là Jose Doroteo Arango Arambula (1878-1923), một lãnh tụ cách mạng của Mexico - ND



## Thư mời đến rồi

Trên đường quay về từ đảo Catalina, Andrei Kapitsa đã hứa rằng chính ông ấy sẽ lo liệu để Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô sắp xếp chuyến đi Tuva cho Richard, Glen và tôi – cùng với Gweneth Feynman, Phoebe Kwan và Thomas Luehrsen. Ông đề nghị mỗi người chúng tôi viết họ tên đầy đủ và ngày tháng năm sinh của mình; chúng tôi có thể gửi sau cho ông danh sách chi tiết những danh thắng muốn đến thăm ở Tuva. Chúng tôi sẽ đi vào tháng Năm hoặc tháng Sáu năm 1988.

Vì Richard vẫn còn mệt sau cái hôm ở Catalina nên ông đã rút lui khỏi chuyến đi tới Yosemite và Oakland. Gweneth cũng ở nhà do cảm thấy sức khỏe của chồng mình không được tốt.

Khi Phoebe và tôi về lại Los Angeles, chúng tôi được biết Richard đã trải qua phẫu thuật ung thư – lần thứ 4. Nhưng Tù trưởng đã nhanh chóng hồi phục trở lại: một bác sĩ trẻ đã thử nghiệm một kỹ thuật mới – tiêm gây tê ngoài màng cứng – cho phép Richard thở

13

một cách dễ dàng mặc dù có chấn thương ở bụng, nhờ thế tránh được những biến chứng thường gặp, trong đó có viêm phổi. Sau một tuần, ông đã được ra viện.

Một hoặc hai ngày sau, chúng tôi nhận được một lá thư – viết bằng chiếc máy chữ Tuva – từ người bạn thư từ lâu nay của chúng tôi, Ondar Daryma:

Gửi Ralph,

Ra sao sống anh? Đặc biệt-quan tâm cái gì? [Có gì mới?] Tuva-tới bao giờ đến anh? Ai-tất cả đến-sẽ?... Khi đến, anh những góc đẹp của Tuva-đưa tới chúng tôi. Từ nơi hướng tới đó anh gia đình tôi-cùng, bạn bè-cùng gặp sê. Các suối nước nóng của Tuva, những vùng đất lịch sử, những người chăn dắt (ngựa, bò, lạc đà...), và những người thợ săn mang chúng tôi....

Anh cá nhân những người bạn-cùng Tuva liên quan bộ phim màu – quay đã được biết đến đã hoàn thành? Nó cuối mùa hè này, bắt đầu mùa thu – làm xong có thể tốt ....[Có vẻ như Ondar đã nghe về chuyến đi làm phim của chúng tôi và nghĩ rằng nó vẫn sẽ diễn ra!]

Ông Richard Feynman-tới, Glen Cowan-tới, và gia đình anh-tới nguồn-từ con Sông Lớn (Yenisei) những lời chào ấm áp đổ đầy tôi. Anh-tới mạnh như-thép sức khỏe, hạnh phúc, sống lâu, hòa bình vì tất cả các bên-cùng thành công chúc tôi.

Đường-tới tốt mang đi tới-của anh chúc chúng tôi!

Gặp mặt-tới lời chào! Lớn-với [cảm ơn] đổ đầy tôi!

Daryma Ondar Kish – Chalaevich.

Được khích lệ bởi những lời của Ondar, Tù trưởng đi bộ hằng ngày cùng với bạn của mình từ Kyzyl tới Shagonar, rồi tới Chadan, và cuối cùng là đi suốt cả con đường tới Teeli, lần này tưởng tượng

là người bạn trên thư từ của chúng tôi giới thiệu chúng tôi với những người thợ săn và những người chăn gia súc dọc trên đường đi. Trong ít tuần, Richard đã trở lại dạy ở Caltech.

Trong khi đó, TS. Keller đưa những người Xô Viết tới Denver (điểm dừng tiếp theo trong tua Những người Du mục), và tới Washington, D.C., tại đây cuộc triển lãm sẽ kết thúc ở Smithsonian vào đầu năm 1990. Khi quay về, Keller đã rất bức mình: Kapitsa đã nhất định đòi phải sớm nhận được tiền chi tiêu hằng ngày – bằng tiền mặt – từ túi của Keller. Mặc dù sau này Keller sẽ được thanh toán lại, ứng xử thô thiển của Kapitsa đã làm xấu thêm quan hệ với chủ nhà: ông ta đã không thông báo cho khách sạn Bel Air về chuyến đi của mình tới Yosemite và Oakland, làm cho Bảo tàng phải trả thêm bốn đêm khách sạn – cộng với vài bữa ăn 150 đôla đặt mang tận phòng.

Đỉnh điểm là, một nhân viên FBI đột nhiên xuất hiện và hỏi Keller về việc Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô thăm Oakland, nơi có kho tàng của quân đội và là một trung tâm tiếp tế lớn của hải quân. Mặc dù tôi đã nhắc Keller rằng Bộ Ngoại giao nói là không có vấn đề gì, nhưng FBI thì vẫn chưa yên đâu.

Dù sao, từ góc độ của chúng tôi, Kapitsa đã cho chúng tôi một bảo đảm chắc chắn nhất rằng chúng tôi sẽ đến được Tuva – với sự chi trả của Viện Hàn lâm Khoa học, không ít hơn!

Đầu tháng Mười một, Phoebe và tôi nhận được một lá thư của Lamin, vừa trở về từ Nhật. Những giấy tờ chính thức của chúng tôi được gửi kèm: Chúng tôi có thể tới Novosibirsk và đi tiếp đến Tuva bất cứ lúc nào trước ngày 27 tháng Giêng 1988. Nếu chúng tôi muốn đi vào mùa hè năm 1988 thì chúng tôi phải bắt đầu lại quá trình nộp hồ sơ ngay lập tức.

Bởi vì chúng tôi đã nhận được lời hứa của Kapitsa rằng tất cả chúng tôi sẽ cùng đi tới Tuva, nên tôi lịch sự từ chối lời mời của Lamin về chuyến đi mùa đông 1987 – 88. Tuy nhiên, tôi đã nói rằng nếu chuyến đi hứa hẹn của Kapitsa không thành, thì Phoebe và tôi sẽ vui mừng được thăm Novosibirsk vào mùa hè 1988.

Vào ngày 7 tháng Mười hai năm 1987, tôi nhận được bức điện báo sau đây.

QUYẾT ĐỊNH BAN ĐẦU VỀ GIẤY MỜI CỦA CÁC ANH ĐÃ XONG. TS. BASILOV ĐÃ THĂM TUVA VÀ GẶP NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH. TÔI HY VỌNG TRONG THÁNG MƯỜI HAI CÁC ANH SẼ NHẬN ĐƯỢC GIẤY MỜI CHÍNH THỨC.... NHỮNG LỜI CHÚC TỐT ĐẸP NHẤT VÀ CHÚC RICHARD MẠNH KHỎE.

GỬI LỜI CHÀO TỐT ĐẸP NHẤT TỚI MM. FEYNMAN VÀ FEBE.  
KAPITSA.

Sau khi gửi lời cảm ơn của chúng tôi tới Andrei và Eugenia, tôi gọi điện cho Chris Sykes. “Nếu anh muốn nói chuyện với chúng tôi trước khi chúng tôi biết chắc rằng mình sẽ đi được, thì anh nên đến sớm”.

Sykes trả lời, “Tôi vẫn chưa tìm được chút tiền nào để làm phim, nhưng dù sao tôi cũng sẽ qua, ngay sau Năm mới”.

Trong khi đó, ngay trước Giáng Sinh, tôi nhận được một lá thư (bằng tiếng Nga) từ Tuva:

Gửi Ralph,

Một người đồng nghiệp của Daryma đang viết cho anh từ Kyzyl. Ông ấy đã cho tôi xem các lá thư của anh. Tôi đã nói chuyện với

Vainshtein, ông nói rằng bộ phim của tôi, *Những Bài hát của Tuva*, sẽ được chiếu ở triển lãm này. Tôi muốn biết về triển lãm này. Hãy viết cho tôi, nếu anh có thể.

Tôi đang bận nghiên cứu âm nhạc dân gian Tuva và tôi nghiên cứu hát giọng họng. Trước đây không lâu, một nhà âm nhạc dân tộc của Mỹ, Theodore Levin, đã đến cùng với nhiếp ảnh gia Karen Sherlock từ Wisconsin. Tôi đã cùng họ thu thập được nhiều chất liệu, và chúng tôi sẽ đưa vào một đĩa chung, Liên Xô-Mỹ.<sup>1</sup>

Nhân dịp này tôi chúc anh một Giáng sinh vui vẻ.

Zoya Kyrgysovna Kyrgys.

Trở lại hồi 1982, tôi nhớ Levin, liên quan với David Hykes và Đội hợp ca Hòa âm. Levin cuối cùng cũng đã đến được Tuva!

Tôi gọi điện cho Levin và hỏi xem bằng cách nào anh ấy đã làm được điều đó. Levin có quan hệ rộng rãi ở Moscow, đó là nhờ việc sắp xếp các tua hòa nhạc cho các nhạc sĩ Mỹ tại Liên Xô. Anh là thành viên của hiệp hội nhạc sĩ Xô Viết và có tài khoản ngân hàng tiền Rúp. Tôi nghĩ, lần này, mấy người Mỹ đã có thể đến được Tuva qua Moscow.

Levin đã nói rằng người Tuva vẫn chưa quen với những người nước ngoài, và họ đã quét sơn lại theo đúng nghĩa đen một khách sạn ở nội đô Kyzyl cho anh ấy và Sherlock. Chỗ nào họ đi đến cũng giống như một làng Potemkin<sup>2</sup>: mọi thứ đã được sắp xếp trước, chẳng có gì là tự nhiên cả. “Chúng tôi dự định quay lại vào mùa hè tới”, anh ấy nói. “Tôi nghĩ lần này chúng tôi sẽ có thể đến được

---

1. Bản ghi âm này (băng và CD) có tên *Tuva: Những giọng hát từ Trung tâm châu Á*, xuất hiện năm 1990 dưới nhãn hiệu Smithsonian/Folkways (danh mục catalog SF – 40017)

2. Một thành ngữ Nga, ngữ ý một làng ngụy tạo, được dựng lên chỉ để gây ấn tượng - ND

những vùng héo lánh, giờ thì chúng tôi đã vượt qua được những khó khăn trong chuyến đi đầu tiên”.

Tôi hỏi tại sao anh ấy lại mang theo một thợ ảnh. “Chúng tôi đang chuẩn bị một bài báo cho *National Geographic*”, anh ấy nói. (Sau này tôi được biết rằng Levin đã chịu cùng số phận như chúng tôi đã chịu: anh ấy bị lừa bởi một cây bút thuộc biên chế của *Geographic*, bài báo của người này lại viết về một vùng lân cận – lần này đó là Siberia.)

Vào cuối tháng Giêng 1988, Chris Sykes đến từ London để phỏng vấn Richard. Tù trưởng thường hay bị mệt và đôi khi chán nản. Nhưng khi ông bắt đầu nói về Tuva thì cảm giác đau ốm của ông biến mất. Gương mặt ông sáng lên, đôi mắt ông lấp lánh, lòng nhiệt thành với cuộc đời của ông rất dễ lây lan sang người khác. Xen giữa những câu chuyện, chúng tôi gõ vài nhịp cũ quen thuộc trên những chiếc trống của mình.<sup>1</sup> Đường như với mọi người quanh ông, sự khó chịu và tình trạng ốm yếu của Richard là thuộc về tâm lý.

Dù vậy, hai ngày sau khi Sykes hoàn thành việc quay phim, Tù trưởng đã đến gặp bác sĩ nội khoa của mình. “Ngay cả nếu đó là vấn đề tâm lý thì làm vài xét nghiệm cũng chẳng hại gì”. Bác sĩ Kim nói.

Khi kết quả được trả về, Bác sĩ Kim nói, “Giáo sư Feynman, tốt hơn hết là ông hãy đến UCLA...”

Chưa đầy một tuần sau, thời gian sống muộn thêm của Tù trưởng đã hết. Ông đã qua đời vào ngày 15 tháng Hai – trùng với Mardi Gras của năm 1988<sup>2</sup>. Tôi tưởng tượng linh hồn của con người hài

- 
1. Phỏng vấn này đã trở thành “Cuộc săn tìm Tahnu Tuva” trên BBC và “Cuộc phiêu lưu cuối cùng của một thiên tài” trên PBS. Một phỏng vấn khác của Sykes về Feynman, “Niềm vui khám phá”, có thể xem với thời gian hạn chế trên Trao đổi Tuva, [www.tuvatrader.com](http://www.tuvatrader.com) (xem “Niềm vui khám phá”, NXB Trẻ 2009).
  2. Mardi Gras là ngày cuối cùng trước khi bắt đầu 40 ngày chuẩn bị cho Lễ Phục sinh theo truyền thống của những người Âu Mỹ – ND

hòa này tạt vào Rio dự một đêm vũ hội trên con đường đi đến nơi đặc biệt ấy trong trái tim chúng ta.

Tin về cái chết của Feynman đến Moscow khá muộn. Vào đầu tháng Ba, Gweneth nhận được một lá thư đề ngày 19 tháng Hai, 1988. Phần tiêu đề của lá thư được trang trí với hai hình bán thân của Lenin. Lá thư viết:

Thưa Giáo sư R. P. Feynman,

Tôi có vinh hạnh lớn được mời ông, vợ ông và bốn đồng nghiệp của ông đến thăm Liên Xô như các vị khách của Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.

Tôi đã được viện sĩ thông tấn của Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Giáo sư A. P. Kapitsa, cho biết rằng ông muốn đến thăm nước cộng hòa Tuva và làm quen với những thắng cảnh ở đó. Chúng tôi cho rằng thời gian thuận tiện nhất cho chuyến đi như vậy là khoảng tháng Năm và tháng Sáu năm nay. Chuyến đi của ông sẽ mất khoảng ba đến bốn tuần.

Tôi hy vọng rằng trong chuyến đi của mình ông sẽ bố trí được thời gian để gặp các đồng nghiệp Xô Viết ở Novosibirsk và Moscow, những người chắc chắn biết rõ về những hoạt động cũng như các công trình của ông và sẽ rất vui được gặp ông.

Xin lưu ý rằng Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô sẽ chi trả các phí tổn cho ông và đồng nghiệp của ông trong thời gian lưu lại ở Liên Xô.  
Chân thành,

Viện sĩ E. P. Velikhov.





## Lời kết

Giống như Magellan<sup>1</sup>, Richard Feynman đã thực hiện chuyến đi cuối cùng của mình trong tâm trí và trái tim của chúng ta. Qua nguồn cảm hứng mà ông mang lại cho những người khác, ước mơ của ông đã tự trở thành hiện thực.

Câu chuyện Tuva vẫn tiếp nối, ngay cả lúc này khi tôi đang viết. Thật khó để biết được nên kết thúc việc kể câu chuyện này ở đâu, nên tôi sẽ chỉ tóm tắt một vài điểm chính:

Vainshtein khuyên khích những người còn lại chúng tôi nhận lời mời của Viện Hàn lâm. Nhưng khi chúng tôi thông báo cho Velikhov và Kapitsa nhiều lần về mong muốn thăm Tuva của mình, các tin gửi đi của chúng tôi không có hồi âm. Sau này tôi nghe được từ Basilov rằng sẽ phải làm một giấy mời khác. (Điều này đã chẳng bao giờ xảy ra.)

---

1. Ferdinand Magellan, nhà thám hiểm người Bồ Đào Nha, được xem là người đầu tiên đi vòng quanh thế giới - ND

Phoebe và tôi quyết định nhận lời mời riêng của Lamin tới thăm Novosibirsk vào tháng Sáu. Chúng tôi đi theo đường qua Nhật, dừng lại ở Nara để gặp Vainshtein tại cuộc triển lãm Con đường Tơ lụa cực lớn đáng giá 82 triệu đôla đang diễn ra ở đó, trước khi “nhảy” sang Novosibirsk qua Niigata, Khabarovsk, và Bratsk. Sau ba ngày gọi điện bằng thẻ từ nhiều bạn bè của anh ấy trong Đảng, Lamin – một trong các chủ nhà của Nixon trong chuyến đi “Tranh luận Bếp núc” năm 1959 của ông ấy tới Liên Xô – đã thành công trong việc kiếm cho chúng tôi giấy phép đến thăm Kyzyl, cùng với vé máy bay đi tới đó.

Đó là một trải nghiệm đáng ngại – không phải là một cuộc diễn tập vô trách nhiệm, mà là cách lái xe của Lamin: trong khi chúng tôi lảo đảo lao về phía trước qua những con phố đầy khách bộ hành; Lamin bấm còi và lắc nắm tay trước những đám đông lật đật dạt ra hai bên, chỉ vừa kịp không đâm vào các em bé và các *babushka*<sup>1</sup>. Tôi ngờ rằng chẳng một người dân bình thường nào có thể khởi kiện một quan chức cấp cao của Đảng về tội ngộ sát, nếu như chuyện đó xảy ra.

Chúng tôi bay qua dãy núi Sayan trên một chiếc máy bay nhỏ có tên là Yak 40, đầy những học sinh về nhà nghỉ hè ở Tuva. Trong tiếng ầm ầm của động cơ máy bay, một cô gái Tuva thực sự đã hiểu được vốn tiếng Tuva học được từ cuốn Cụm từ và Thành ngữ Tuva của tôi, khi cô ấy hỏi tôi mấy giờ rồi (bằng tiếng Nga).

Hoạt động của chúng tôi ở Tuva bao gồm: xem bò, lạc đà và tuần lộc – trong một bộ phim tuyên truyền; chiêm ngưỡng các tòa nhà quen thuộc ở nội đô Kyzyl, gồm cả tòa nhà chính phủ mới (khuyết cái ô tô ở phía trước); gặp gỡ các nhân vật khác nhau người địa phương, tận dụng cơ hội này họ chỉnh đốn trật tự thứ bậc trong địa phận; thăm Trại hè thiếu nhi (ở đó chúng tôi đã nhận được cùng sự chào đón

---

1. Cụ bà trong tiếng Nga – ND

nồng nhiệt như đã từng làm Samathan Smith ngạt thở); và đi qua mấy cái lều tròn của những người chăn cừu – thế là chúng tôi được một chính trị gia chiêu đãi trong một căn lều tròn, dựng lên chỉ dành cho chuyến thăm của mình. Chúng tôi đang nhìn thế giới theo cách mà ngài phó tổng thống làm: nếu tôi không nghiền ngẫm lâu như thế mỗi bản đồ và mỗi cuốn sách về Tuva mà tôi có thể tìm được, thì tôi có thể đã nghĩ rằng chúng tôi đã thực sự nhìn thấy nơi ấy!<sup>1</sup>

Cùng người bạn qua thư của mình, Ondar Daryma, chúng tôi đi thuyền ngược dòng sông Yeinsei tới Toora Khem và sau đó đi xe buýt tới hồ Azas, một khu nghỉ dưỡng mới mà chương trình giải trí buổi tối ở đây cho giới trẻ Tuva bao gồm các phim Bruce Lee lồng tiếng Anh rồi sau đó tiếng Nga. Đi dạo trong khu rừng bên cạnh, chúng tôi tụt từ con đường chính xuống một suối nước khoáng. Những chiếc khăn tay và những dải vải – gợi nhớ về Armenia và Hàn Quốc – trang trí ở bụi rậm và cây cối gần đó. Ondar lặng lẽ cầu nguyện các linh hồn sở tại trước khi uống thử nước trị bệnh.

Trở lại Kyzyl chúng tôi đứng trước Chén Thánh của mình, đài kỷ niệm “Trung tâm châu Á”. Nó như nấm mộ của Richard vậy.

Một khoảnh khắc đau nhói trong tim khác là khi chúng tôi bước vào Nhà hát kịch Kyzyl, Tù trưởng và tôi đã mơ là sẽ được chơi trống ở nơi đây. Chiếc trống phản sàn dưới của phòng chờ bằng đá cẩm thạch trắng là một dụng cụ khác thường thường như được làm riêng cho Tù trưởng: những cái bát và dây xích bằng đồng dẫn nước tuân tự xuống các rãnh một cách châm chậm và đều đặn – đó là đồng hồ nước.

---

1. Nếu như mô tả các hoạt động của chúng tôi dường như quá vắn tắt, thì đó là vì chuyến đi khai mào của chúng tôi đã bị méo mó một cách thậm tệ giống như chuyến đi của Ted Levin: mặc dù khách sạn ở nội đô Kyzyl không có cái mùi của một lớp sơn mới, nhưng khắp nơi vẫn có cái không khí của một làng Potemkin. Mô tả chính xác và đầy đủ hơn về Tuva ngày nay có thể tìm trên [www.FoTuva.org](http://www.FoTuva.org)

Ở phòng chờ tầng trên, chúng tôi được thưởng thức một chương trình âm nhạc dân gian không chính thức của các nghệ sĩ địa phương, bao gồm trống – múa shaman – và vài tiết mục hát giọng họng. Chính anh chàng đóng vai “Dersu Uzala” (Maxim Munzuk) cùng với vợ anh hát một bài ngắn nghe giống như “There’s Hole in the Bucket, Dear Liza” bằng tiếng Tuva. Sau chương trình tôi bắt tay Munzuk, quay về phía các diễn viên khác và khán giả, đọc đúng cái câu hoa mỹ bằng tiếng Tuva mà chắc là nó đã quen thuộc với anh ấy: “Từ tận đáy lòng tôi chào mừng các anh chị, chúc các anh chị thành công trong công việc, dồi dào sức khỏe, và hạnh phúc trong cuộc sống!”

Mọi người cười và vỗ tay. Rất may là, họ đã không đáp lại lời nào, vì chắc chắn tôi sẽ chẳng hiểu gì.

Chúng tôi đến thăm Ondar và gia đình ông (vợ, con gái, con trai, con dâu, và cháu trai) ở căn hộ giản dị của họ. Câu “Căn hộ của ông có bao nhiêu phòng?” xuất hiện trong đầu, cũng như câu trả lời: “Tôi có một căn hộ ấm cúng”. Đúng là Kyzyl còn thiếu nhà ở.

Ondar hát cho chúng tôi nghe những bài hát Tuva trong khi vợ ông đãi chúng tôi món mõ đuôi cừu. Sau khi cho chúng tôi xem thư, sách, và ảnh – có cả bức chụp ở lễ cưới của chúng tôi – mà ông đã nhận được từ xứ California xa xôi, Ondar giới thiệu với chúng tôi bức khắc đá con bò đực chính tay ông làm. Đa tài và hiểu biết sâu rộng văn hóa dân gian, Daryma rõ ràng là đang chiến đấu trong một cuộc thập tự chinh đơn độc để gìn giữ văn hóa Tuva. Giờ thì tôi hiểu được vì sao ông đã viết cho chúng tôi và khuyến khích nỗ lực của chúng tôi trao đổi bằng tiếng Tuva.

Khi Phoebe và tôi đến thăm viện của Ondar, TNIIYaLI, có người đã hỏi chúng tôi rằng vì sao chúng tôi đến thăm Tuva. Tôi đã viện

đến lời giải thích có vẻ chính thống rằng, cuộc triển lãm Nhũng người Du mục, có chứa nhiều hiện vật Tuva, sắp đến California – điều mà nhũng người Tuva hoàn toàn không biết: cũng như các lần trước, khi cuộc triển lãm đến Nhật, Phần Lan và Thụy Điển (đều do các quan chức ở Moscow và Leningrad áp tải), Viện Hàn lâm Khoa học cứ thế trưng dụng các chất liệu từ Tuva và các bảo tàng địa phương ở khắp Liên Xô mà không hề nói rằng các chất liệu này sẽ được đưa ra nước ngoài.

Khi chúng tôi sắp rời viện của Ondar, ai đó ấn vào tay tôi đĩa chỉ của một người Nga đã rời khỏi Kyzyl năm 1929 và hiện đang sống ở Bell – chưa đầy mươi dặm từ nội đô Los Angeles. Vậy là có người đến từ Tuva đang sống ở California – chỉ có điều, bà ấy đã quá già để có thể lái xe, và vì thế, chẳng bao giờ có cơ hội nhìn thấy cái biển số xe TOUVA của tôi.

Nhà nhân chủng học người Anh, TS. Caroline Humphrey cũng đã đến được Tuva mùa hè năm đó. Bà làm một bộ phim có tên là *Những người chăn gia súc của Mongun Taiga* cho đài truyền hình Granada ở Anh. Cùng khoảng thời gian đó, TS. Basilov đưa giám đốc của Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên và nhũng người bạn của ông ấy đi thăm Leningrad, Moscow, Turkmenia, và Uzbekistan – một chuyến đi miễn phí thể theo nghị định thư. Vì một lý do nào đó, Basilov cuối cùng cũng phát điên lên với sếp của Keller giống như Keller đã phát điên lên với sếp của Basilov.

Vào ngày 9 tháng Mười một năm 1988, Tuva xuất hiện trên trang nhất của tờ *Christian Science Monitor* trong một bài báo có tiêu đề “Cải tổ ở các tỉnh”. (Tuva lại xuất hiện ở phần tin tức – lần này là ở trên báo chí khắp thế giới – vào mùa hè và thu năm 1990, khi xảy ra một loạt các cuộc bạo loạn chống Nga.)

Vào ngày 4 tháng Hai năm 1989, “Những người Du mục: Chủ nhân của thảo nguyên Âu-Á” mở cửa tại Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên ở Los Angeles. Tin tức truyền thông – bao gồm trọn một trang trên *Times* – đã làm sống mãi một huyền thoại rằng các “ông lớn” gắp nhau và rồi mọi thứ đâu vào đấy như được phù phép. Thực tế lại khác đi một cách sống sượng: Khi đến nơi, TS. Basilov không được giám đốc bảo tàng tiếp đón như những người Thụy Điển đã tiếp đón chúng tôi ở Göteborg; thay vào đấy, anh ấy đã bị đẩy thẳng vào công việc chuẩn bị cho triển lãm. Basilov đã làm việc với cường độ cao tới mức vào thời điểm khi anh kết thúc, anh đã sắp xếp lại – trước sự thất vọng của các nhà thiết kế Bảo tàng – nội dung của tất cả các ngăn trưng bày.

Người dịch Catalog triển lãm *Những người Du Mục Âu-Á* là Mary Fleming Zirin, một dịch giả siêu hạng vào thời điểm đó.<sup>1</sup> Tua thuyết minh của triển lãm do Omar Sharif đọc (được chọn vì vai diễn Genghis Khan của anh ấy, mặc dù đa phần mọi người nhớ tới anh với vai Bác sĩ Zhivago); kịch bản rõ ràng của anh ấy được viết bởi một trong những tên hề từ California. Tiếng cười chân thật của Richard về những trò ngớ ngẩn thú vị trên thế giới dội qua đầu tôi.

Logo của triển lãm là tấm đồng lớn từ thời Scynthia thể hiện một con báo đang cuộn lại – di vật mà Vainshtein đã nói với chúng tôi rằng ông đã khai quật được ở Tuva. Một hiện vật trưng bày nổi bật nữa là tác phẩm chạm khắc bằng vàng cực kỳ tinh tế thể hiện một con lợn lòi đực đang cắn một người thợ săn, còn con chó của người

---

1. Gần đây nhất bà đã dịch và chú giải *The Cavalry Maiden* của Nadezhda Durova, do Indiana University Press xuất bản năm 1988. Dịch thuật của bà và chính cuốn sách đã nhận được những lời nhận xét tuyệt vời; câu chuyện có thể trở thành một bộ phim lớn.

này lại đang cắn con lợn – di vật mà Richard đã đọc thấy trên tờ *Los Angeles times* mươi một năm về trước.

Một thành viên bất ngờ của đoàn khách Xô Viết là TS. Yuri Aranchyn, giám đốc Viện Nghiên cứu Khoa học về Ngôn ngữ, Văn học và Lịch sử của Tuva. Ông là người Tuva đầu tiên thăm California. Không giống những người khác trong phái đoàn Xô Viết, ông không mua máy quay video bằng số tiền mà ông nhận được từ Bảo tàng theo nghị định thư; thay vì vậy, ông đã mua cho vợ mình một cái áo lông thỏ của Pháp. (Lông thú – ngày trước thường được dùng làm đồ cống nạp cho các lãnh chúa Trung Quốc và các Hoàng tử Mông Cổ, còn ngày nay “thường đứng đầu ở các cuộc bán đấu giá quốc tế”, theo tờ *Đời sống Xô Viết* – rõ ràng là không săn có ở Tuva.) Trong một lần đi mua sắm ở khu vực hàng may mặc, đặc trưng đa quốc gia của Los Angeles thể hiện đặc biệt rõ: trong khi tôi đang đọc giá tiền bằng tiếng Tuva cho TS. Aranchyn, một người chủ hiệu nói với tôi, “Anh nói tiếng Thổ à? Tôi đến từ Azerbaijan, Iran”.<sup>1</sup> Rồi, một người đàn ông châu Phi đứng ở góc phố bán túi đựng đồ nghe lóm nhém những người Xô Viết đang nói chuyện. Anh ấy đã nói với họ – bằng tiếng Nga, thứ tiếng mà anh ta đã học được ở Đại học Patrice Lumumba ở Moscow.

Việc mua sắm thật sự không dễ dàng với một số vị khách. Một người Moscow lớn tuổi đã tổng kết tình hình kinh tế của hai cường quốc một cách tuyệt hay với vốn tiếng Anh hạn chế của bà: “Ở Liên Xô, không đủ đồ – vấn đề nan giải. Ở Mỹ, quá nhiều đồ – vấn đề nan giải!”

---

1. Tiếng Thổ được dùng ở Azerbajian, nằm hai bên biên giới Xô Viết – Iran. Tiếng Thổ được dùng từ Istanbul tới Baku, Samarkand, Kyzyl và xa hơn nữa

Christian Axel-Nilsson và vợ ông đã từ Thụy Điển đến Los Angeles để xem triển lãm. (Đó là chuyến đi Mỹ đầu tiên của họ.) Tôi lái xe đưa họ cùng Aranchyn tới San Francisco qua Solvang (Một khu định cư Đan Mạch gần nông trại của Ronald Reagan) và Esalen (không đến gần chỗ tắm khỏa thân), ở đây Aranchyn đã rất vui khi nhìn thấy một cái lều tròn. Khi ông nhìn vào bên trong, tôi tự hỏi, liệu có ai trong số những người đang ngồi trên những chiếc gối trong lều đã dám tưởng tượng xem vị khách này từ đâu đến – Mông Cổ chăng?

Cuối cùng, Basilov đã tự mình có được trải nghiệm Esalen ở một hội thảo chuyên đề về shaman do anh ấy và Michael Harner, một lãnh tụ tinh thần của người Hindu từ New York, đồng tổ chức.

Lamin không đến được Los Angeles – có lẽ là chỗ của ông đã được chuyển cho Aranchyn, một người Tuva, vì chính Lamin đã đưa tới Tuva những người để lộ ra thông tin về cuộc triển lãm sẽ tới California. Tuy nhiên, Lamin không bị thua thiệt hoàn toàn: cuối cùng ông tới Denver, ở đó ông đã có một bài nói vô bổ về tình hình của người du mục ở Liên Xô ngày nay.

Sau khi thăm California vào tháng Sáu năm 1989 (theo lời mời riêng), một người Tuva đã thu xếp cho Gweneth Feynman, Glen Cowan và những người khác đến thăm Tuva (cũng theo lời mời riêng) vào mùa hè 1990. Nhưng, vào ngày 31 tháng Mười hai năm 1989, Gweneth đã qua đời vì ung thư.

Vào tháng Mười một năm 1989, Phoebe và tôi đến Washington tham dự buổi khai mạc “Những người Du mục” ở Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Quốc gia của Smithsonian (Hóa ra là nhà thực vật học Mỹ, có tên là Stanwyn Shetler, đã từng thăm Tuva cùng Elias và Murray – người mà tôi không thể lần ra được – đã làm việc ở Bảo

tàng này.) Ted Levin và Giáo sư Krueger, tác giả của cuốn *Cẩm nang Tuva*, cũng có mặt. Kế hoạch về các cuộc tiếp xúc tiếp theo với Tuva đã được bàn luận, và tiếp tục mở rộng: Levin đề xuất một hội nghị về hát giọng họng ở Kyzyl để ghi nhớ sinh nhật lần thứ 75 của Tù



Tấm đồng Scythia từ thế kỷ thứ 8 trước Công Nguyên đã trở thành logo của triển lãm *Những người Du mục: Chủ nhân của Thảo nguyên Âu-Á*. Tấm đồng – có quai bằng da ở phía sau để đeo vào ngựa – đã được khai quật ở Tuva (Với sự cho phép của Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên của hạt Los Angeles. Ảnh do Dana Levy chụp.)

trưởng (tháng Năm, 1993); Krueger đã được mời tới thăm TNIIYaLI để viết một cuốn Cụm từ và thành ngữ Tuva-Anh; và một đội kỹ sĩ Tuva hát giọng họng có thể sẽ xuất hiện vào Ngày Năm mới trong cuộc Diễu hành Hoa Hồng.

Giáo sư William A. Shear của Đại học Hampden-Sydney đã đặt tên cho một loài động vật nhiều chân được tìm thấy trên vùng núi Tuva là *Diplomaragna feynmani*.

Bí ẩn của nhà thám hiểm kỳ cục người Anh, người đã dựng đài kỷ niệm đầu tiên cho “Trung tâm châu Á”, nhích thêm một bước gần tới lời giải: theo một nguồn tin Tuva, tên của ông là TS. Proctor.

Ralph và Alan Leighton được TS. Aranchyn mời đi thăm khắp Tuva vào mùa hè năm 1991 với mục đích viết về vùng đất này.

Kế hoạch đang được Nhũng người bạn của Tuva chuẩn bị là đặt một tấm bia tưởng niệm Richard Feynman tại đài kỷ niệm “Trung tâm châu Á” ở Kyzyl.

# Suy ngẫm 2000

Trước tiên, một lưu ý về Lời kết. Giọng văn của phần này u buồn, còn hình thức của nó – tôi không biết vì sao lại thành như vậy – thì quá lộn xộn. Với lần xuất bản có bổ sung này tôi quyết định cứ để phần đó như cũ, bởi vì nó phản ánh tâm trạng của tôi trước cái chết của Feynman. Nếu tôi ý thức được lời bình luận được xem là của Cervantes “Tis holier to journey than to arrive”<sup>1</sup>, thì tôi có thể nhận ra sớm hơn rằng, thành công trong cuộc phiêu lưu này không phụ thuộc vào việc có thực sự đặt chân đến Tuva hay không. Và có thể dễ dàng tin rằng, với một trí tưởng tượng sinh động như vậy, Feynman đã “thực hiện hành trình” tới Tuva khi ông qua đời.

Cha tôi, Robert B. Leighton, người đã làm nhiều điều khác biệt trong đó có việc biên tập bộ *Các bài giảng về vật lý của Feynman* (The Feynman Lectures on Physics), thường kể lại Feynman có thể diễn đạt các quá trình vận động kỳ bí của tự nhiên một cách

---

1. Vinh quang là hành trình chứ không phải đích đến.

sinh động như thế nào cho một cử tọa bị hút hết hồn để rồi họ trải nghiệm hết “A ha!” này đến “A ha!” khác, vừa cười vừa vỗ tay hoan hô. Rồi, sau khi bài giảng đã kết thúc, họ rời giảng đường, gãi đầu và nói, “Ông ấy đã làm việc đó như thế nào nhỉ?!”

Trước Tuva, tôi chưa từng có những từ chính xác để mô tả một người chỉ đường nhìn xa trông rộng tới cái thế giới mà nó điều hành thế giới đời thường của chúng ta. Nhưng giờ thì tôi đã có: Feynman là một shaman – một shaman của vật lý.

Feynman không phải là shaman duy nhất trong câu chuyện này: ngay sau khi Liên Xô sụp đổ vào năm 1991, những shaman bắt đầu lộ diện ở Siberia. Năm 1992 xuất hiện bộ phim tài liệu của Bỉ, *Những người thông tuệ: Các Shaman của Tuva*, trong đó vai chính không phải ai khác mà chính là người bạn qua thư của chúng tôi, người thu thập chuyện dân gian trong cuộc thập tự chinh đơn độc để bảo tồn văn hóa Tuva, Ondar Daryma!

Tôi nhớ lại những ngày khi hai anh chàng chơi trống ở California mong ước được đến Tuva, trong khi người đồng cảm của họ ở Tuva lại đang ước được chơi trống của mình.

Có lẽ khám phá tuyệt vời nhất mà chúng tôi có được trong chuyến đi của mình là “hát giọng họng”, một truyền thống của Tuva cho phép một chàng cao bồi đơn lẻ có thể hát đồng thời hai, ba, thậm chí bốn nốt. Khi chúng tôi đang nghiên ngẫm số tháng Mười một năm 1984 của tạp chí *Đời Sống Xô Viết*, một nhạc công mù chơi nhạc blues, người gốc Cape Verdian đã nghe thấy những âm thanh thần bí của hát giọng họng Tuva trên radio sóng ngắn ở San Francisco. Thoạt đầu, Paul Pena nghĩ rằng một cái diode ở radio của mình bị hỏng, cho đến khi anh ấy nhận ra rằng âm thanh cao vút mà mình nghe được trên radio có giai điệu.

Cuộc phiêu lưu của Pena cũng tuyệt vời như, nếu không nói là hơn, cuộc phiêu lưu của Feynman – và nó đã được các nhà làm phim Roko và Adrian Belic ghi lại bằng video, và được Lemon DeGeorge ghi bằng CD. Hãy vào [www.GhenghisBlues.com](http://www.GhenghisBlues.com) để biết thêm về bộ phim đã đoạt giải thưởng cũng như về đĩa CD bổ ích ấy.

Trước khi tôi nói với bạn lời tạm biệt trên chuyến đi riêng của bạn, cho phép tôi buộc lại mấy cái đuôi lỏng lẻo ở phần Lời kết.

Vào mùa hè 1991, anh trai tôi Alan Leighton và tôi đã lặp lại hành trình của Otto Mänenchen-Helfen trong chuyến đi theo lời mời của TS. Yuri Aranchyn, ông cũng đã giúp chúng tôi được phép đặt một tấm granit màu đen hình tam giác ở đài kỷ niệm “Trung tâm của châu Á”, trên bờ sông Yenisei ở Kyzyl. Dưới ảnh của Feynman là dòng chữ: RICHARD FEYNMAN 1918 – 1988. NHỮNG NỖ LỰC CỦA ÔNG ĐỂ ĐẾN ĐƯỢC ĐIỂM NÀY TRÊN VÙNG ĐẤT MƠ UỚC CỦA ÔNG ĐÃ TRUYỀN CẢM HỨNG CHO NHỮNG NGƯỜI KHÁC ĐẶT CHÂN TỐI ĐÂY.<sup>1</sup>

Một chính biến bất ngờ dẫn đến sự sụp đổ của Liên bang Xô Viết đã xảy ra ở cuối chuyến đi của chúng tôi vào tháng Tám năm 1991. (Trong những tuần tiếp theo, tấm bia đá tưởng niệm đã bị những kẻ phá hoại đập vỡ.) Sau khi chính biến lặng đi, Tuva đã tái khẳng định dạng thể văn hóa của mình một cách nhanh chưa từng thấy. Những ngày hội cổ truyền, bao gồm Shagaa (Năm mới theo Lịch Mặt trăng) và Naadym (Lễ hội giữa hè) giờ đã được cử hành một cách chính thức.

---

1. Ghi chép của tôi về chuyến đi đó, một bài có tên “Lieu, Bò và máy Fax” có thể tìm thấy trên trang chủ của Những người bạn của Tuva ([www.FoTuva.org](http://www.FoTuva.org)) và được đưa vào như một phụ lục trong cuốn *Chuyến đi tới Tuva* của Otto Munchen-Helfen do Alan Leighton dịch. Cuốn sách có thể tìm thấy trên [www.tuvatrader.com](http://www.tuvatrader.com)

Vào tháng Chín năm 1992, Dalai Lama thăm Tuva. Là nhà lãnh đạo nước ngoài đầu tiên đến thăm Tuva kể từ Genghis Khan, ông đã cầu nguyện cho lá cờ mới của Tuva. Nhà lãnh đạo tinh thần của Phật giáo Tây Tạng đã nói với những người Tuva đang khát khao độc lập chính trị rằng, nếu Tây Tạng có được quyền tự trị trong lòng Trung Quốc như Tuva đang có trong lòng Liên bang Nga, thì người dân của ông cũng đã bằng lòng lắm rồi. Và vào tháng Sáu năm 1994, Tổng thống Nga Yeltsin thăm Tuva – nhà lãnh đạo Nga đầu tiên làm việc này – mang theo sự hỗ trợ về kinh tế. (Cuộc tranh cử tổng thống đang diễn ra sôi nổi nhất.) Kết quả của hai chuyến thăm đó, mọi tình cảm dành cho sự độc lập hoàn toàn của Tuva dường như đã bị nguội đi. Tuy vậy, Hiến pháp Tuva (được đa số phiếu thông qua ở Tuva) vẫn có một điều khoản cho phép Tuva đơn phương rút ra khỏi Liên bang Nga – một điều khoản mà Nga thừa nhận một cách không chính thức với điều kiện phải hiểu rằng điều khoản này sẽ không được thực thi, bởi vì Hiến pháp của Liên bang Nga, được đa số thông qua ở Nga (nhưng không phải ở Tuva), nghiêm cấm sự ly khai đơn phương của bất kỳ vùng lãnh thổ nào.

Mùa hè vừa qua, tôi đưa gia đình mình tới Hungary để xem Nhật thực Toàn phần châu Âu năm 1999 – thật tuyệt vời. Trong tuần tiếp theo chúng tôi đi lên hướng bắc đến Slovakia, rồi theo hướng đông dọc dãy núi Carpathian hướng về biên giới giữa Ba Lan và Ukraine – tới vùng đất bị lãng quên của Ruthenia, ngay tây bắc của Bukovia và Bessarabia huyền thoại.

Một buổi tối, chúng tôi bắt gặp tiếng vọng từ quá khứ xa xôi khi chúng tôi nghe dân làng địa phương từ Hervartov xướng những lời cầu nguyện tối của nhà thờ Uniat (nhà thờ này có những nghi thức giống như Chính Thống giáo, nhưng thừa nhận quyền tối cao

của Rome) trong ngôi nhà thờ bằng gỗ giản dị và tao nhã của họ. Hôm sau chúng tôi đi sâu hơn vào Ruthenia, vùng Tuva này của châu Âu cách đều các biển Baltich, Đen, và Adriatic. Làng nổi tiếng làng quay trở lại kỷ nguyên đã qua, khi mà bỗng nhiên – ở thị trấn Medzilaborce – chúng tôi được chào đón bằng một cặp hộp đựng súp của Campbell cực lớn ở bên ngoài một dinh thự to màu trắng, Bảo tàng Nghệ thuật Đương đại của gia đình Warhol. Bảo tàng được xây dựng với sự tài trợ của những người thân của biểu tượng Mỹ (người có thể nói cả tiếng Ruthenia) Andrej Varhola – phần đông chúng ta gọi ông là Andy Warhol!

Cảnh tượng ấy làm sống lại một ảo tưởng mà tôi đã ôm ấp vài năm nay: lái chiếc xe Dodge Tradesman 1975 của Feynman – cái xe mà trên nó khắp nơi đều có các giàn đồ Feynman – tới Tuva, nhờ thế những người hành hương có thể tìm thấy một phần sự hiện diện của Feynman ở nơi ấy. Nghe được điều này, anh trai tôi, Alan, đã đề xuất một ý tưởng hay hơn về một đài tưởng niệm Feynman ở Tuva, một đài tưởng niệm sẽ tồn tại ít nhất là một thiên niên kỷ. Hiện thời tôi muốn giữ bí mật việc này, nhưng nó sẽ hoàn thành trước kỷ niệm một trăm năm ngày sinh của Feynman vào 2018.

Trong khi chờ đợi, tôi cần phải lái chiếc xe của Feynman từ gần Bolinas, nơi nó đã ngủ đông suốt mấy năm qua, xuống San Andreas Fault tới Los Angeles và đỗ bên ngoài một căn lều tròn lớn màu trắng được gọi là Mark Taper Forum, nơi đây một vở kịch dựa trên câu chuyện sống của Richard Feynman (và cuốn sách này) sẽ được mở màn vào tháng Ba năm 2001, với Alan Alda đóng vai chính. Rồi tiếp theo là tới Washington D.C., ở đây vào cuối năm Smithsonian sẽ tổ chức một buổi triển lãm về những người đoạt giải Nobel.

Thời điểm cuối năm 1999 đã cận kề, và tôi sẽ sớm gặp nhóm kỹ sĩ “Ondar và Những con Đại bàng của Tuva”, đã được chọn để cưỡi ngựa xuôi Đại lộ Colorado vào Ngày 1 tháng Giêng 2000. Được dẫn dắt bởi bậc thầy hát giọng họng Kongar-ol Ondar, một cựu binh của cuộc thi Diễu hành Hoa Hồng ở Pasadena, những hậu duệ này của đạo quân Genghis Khan bao gồm hai võ sĩ đấu vật – một người tự xưng là “Kẻ Hủy diệt” theo một biểu tượng “thuần Mỹ” khác, Arnold Schwarzenegger, trong bộ phim mới nhất của anh ấy, *End of Days*, phần biểu diễn hát giọng họng của Ondar đóng vai trò chính.

Và cuộc phiêu lưu vẫn đang tiếp diễn ....



Đây là bức tranh Richard Feynman (1918 – 1988) trong trang phục của một nhà sư Ladakhi do Sylvia Posner, một họa sĩ Pasadena, thể hiện. (Bộ trang phục, lấy mẫu từ những bức ảnh trong National Geographic, đã được Gweneth, vợ của Feynman, may để dùng cho một dạ hội y phục. Nếu những hạn chế về địa lý cho phép, ông đã có thể ăn mặc như một Lama đến từ Tannu Tuva.)

Nền bức tranh là phong cảnh của Los Alamos, ở đó Feynman làm việc cho dự án Manhattan trong thời gian Thế chiến thứ hai. Cái khóa để mở mang cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Ở tay phải của ông là một “Giản đồ Feynman”, cái mà Feynman đã sáng tạo ra như một kiểu ký hiệu để giúp ông nhớ được ông đang ở đâu trong một phép tính phức tạp. Những giản đồ như vậy đã giúp các nhà vật lý trên khắp thế giới mở khóa những bí mật của tự nhiên. (Giản đồ ở đây mô tả một cách mà hai electron có thể di chuyển qua không gian và thời gian: một electron bức xạ một photon – biểu thị bằng đường gợn sóng – còn electron kia hấp thụ nó.)

Bức tranh này cùng với những tư liệu có liên quan đến Feynman và Tuva có thể tìm thấy trên [www.Feynman.com/Trader](http://www.Feynman.com/Trader).

## Mục lục

Mở đầu	5
1      Làm gì có nước nào như vậy	9
2      Bốn mươi lăm tuyết rơi Tôi	15
3      Những giai điệu bí ẩn	39
4      Chào Tù Trưởng!	67
5      Chúng tôi xuất hiện ở Trung tâm Châu Á	81
6      Ba người Mỹ tới được Tuva	101
7      Gặp gỡ ở Moscow	119
8      Các Đại sứ nghiệp dư	151
9      Bọn hề hay những kẻ lừa đảo	173
10     Hiệp ước Keller	197
11     Chuyến đi được sắp xếp	217
12     Những chàng cao bồi Catalina	239
13     Thư mời đến rồi	251
14     Lời kết	259
Suy ngẫm 2000	269

# CUỘC PHIÊU LUU CUỐI CÙNG CỦA FEYNMAN

Ralph Leighton

Nguyễn Văn Liễn - Nguyễn Trần Hương Ly *dịch*

---

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập & sửa bản in: TRẦN NGỌC NGÂN HÀ

Bìa: BÙI NAM

Trình bày: ĐỖ VẠN HẠNH

---

## NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 39316289 - 39316211 - 38465595 - 38465596 - 39350973

Fax: 84.8.8437450 - E-mail: hothubandoc@nxbre.com.vn

Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

## CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, p. Bạch Đằng,

q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04)37734544 - Fax: (04)35123395

E-mail: chinhanh@nxbre.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 - Fax: 08 38437450

Email: [info@ybook.vn](mailto:info@ybook.vn)

Website: [www.ybook.vn](http://www.ybook.vn)

# Cuộc phiêu lưu cuối cùng của Feynman

**"Sóng động bởi những cảm xúc không thể kìm nén được, cuốn sách lý thú bất ngờ này là câu chuyện về một chuyến phiêu lưu, nỗi đau xé lòng, và tình bạn hiếm có". – Publishers Weekly**

Vào những năm 1930, một người sưu tập tem trẻ tuổi tên là Richard Feynman thèm có những con tem kỳ lạ khác thường gửi từ một vùng đất gọi là Tannu Tuva, bao bọc bởi núi non lọt sâu giữa Siberia, ngay sát vùng Ngoại Mông. Bốn mươi năm sau, nhà vật lý lừng tử đoạt giải Nobel đã thách đố Ralph Leighton, một người bạn, một tay trống và rất yêu địa lý: "Điều gì đã xảy ra với Tannu Tuva?" Và thế là bắt đầu một chuyến phiêu lưu hàng thập kỷ vui nhộn và đau lòng.

Khi cặp đôi tìm thấy thủ đô của Tuva trên bản đồ, ngay lập tức họ đã bị thu hút bởi "Cái nơi mà có tên đánh vẫn là K-Y-Z-Y-L hẳn phải rất thú vị!" Feynman thốt lên. Trong những nỗ lực của họ để đến được Tuva, Leighton và Feynman đã biết được về những người chăn cừu shaman bản địa của vùng đất này, những người sùng kính Dalai Lama, đã phát hiện ra những điều kỳ diệu của "hát họng", và mang đến nước Mỹ cuộc triển lãm khảo cổ học lớn nhất từ trước đến nay từ Liên bang Xô Viết.

Từ lần xuất bản đầu tiên của *Cuộc phiêu lưu cuối cùng của Feynman* – và chủ yếu nhờ vào Leighton và những cố gắng của Feynman quá cố – các kỹ sĩ Tuva đã cưỡi ngựa trong cuộc Diễu hành Hoa Hồng, hát họng đã trở thành một ấn tượng quốc tế, và bản thân Tuva đã được thể hiện trong vô số đĩa CD, phim và sách. Đây là cuộc phiêu lưu cuối cùng, tuyệt vời nhất của Feynman, và là một trong các di sản trường tồn nhất của ông.

**"Một bằng chứng buồn vui lẫn lộn về sự kiên định đầy hiểu biết và những cảm xúc mãnh liệt rất riêng của một con người đã hiến dâng hết thảy để tìm ra đáp án trung thực cho những câu hỏi giản đơn". – Boston Globe**

*Cuộc phiêu lưu cuối cùng của Feynman* là nguồn cảm hứng cho vở kịch của Peter Parnell, với sự tham diễn của Alan Alda, được mở màn ở Los Angeles. Cuộc phiêu lưu này vẫn đang tiếp diễn...

